

HECTOR MALOT

Dịch giả: HÀ MAI ANH

Vô Gia Đình



2

Hector Malot
sans famille
vô gia đình

dịch giả
hà mai anh

vô gia đình

dịch giả:
hà mai anh

bìa: *Internet*

trình bày: *Muon Phuong*

nguồn: *Internet*

vô gia đình
(phần thứ hai)

TIỂU THUYẾT GIÁO DỤC

dịch giả:

HÀ MAI ANH

Nhà xuất bản **Sống Mới**
30B, Phạm Ngũ Lão - Saigon
1958

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG XXII

TIẾN LÊN

Tiến lên! Thế giới mở rộng trước mắt tôi. Tôi có thể đi về phương bắc hay phương nam, sang phương đông hay phương tây, tùy sở thích của tôi.

Tôi vừa là một đứa trẻ con, vừa lại là ông thầy của tôi.

Than ôi! Chính vì tình cảnh đó mà tôi lại buồn cho tôi.

Biết bao nhiêu đứa trẻ thầm ước rằng: « A! Giá mà ta có thể muốn làm gì thì làm, giá mà ta được tự do, giá mà ta là thầy của ta » và chúng mong được có cái ngày sung sướng đó để tự do... nghịch ngợm.

8 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Tôi lại khác. Tôi nghĩ thầm: « A! Giá mà ta có được một người nào ở bên cạnh để khuyên bảo ta, để điều khiển ta! ».

Giữa những đứa trẻ đó và tôi, lòng ao ước cách nhau một vực một trời!

Nếu những đứa trẻ đó nghịch ngợm, sau lưng chúng đã sẵn có người giơ tay ra đỡ khi chúng sẩy chân hay dắt chúng dậy khi chúng ngã. Còn tôi, tôi chả có ai cả. Nếu tôi sẩy chân, tôi cứ ngã đau. Và nếu không què gãy, tôi cứ việc tự mình lóp ngóp dậy. Khá nhiều kinh nghiệm cho tôi biết rằng tôi rất có thể què gãy. Mặc dầu tôi ít tuổi, tôi bị biến cố thử thách đã nhiều nên biết thận trọng và suy nghĩ hơn những đứa trẻ bằng tuổi tôi. Đó là một lợi thế mà tôi đã phải trả bằng giá rất đắt.

Trước khi bước chân vào con đường vô định, tôi muốn đến thăm người mà trong mấy năm nay đã coi tôi như con. Nếu bà Cát Tường đã không cho tôi vào để từ giã ân nhân của tôi, một mình tôi, tôi cũng có thể đến hôn ông được.

Tôi vẫn thấy người ta nói nhà tù nợ ở phố

Mã Liên. Phố này tôi biết lắm, đến nơi tôi sẽ hỏi thăm. Bà Cát Tường cùng các con ông có thể vào chào ông được, tất tôi cũng xin phép vào được. Tôi cũng là người nhà, là con ông chứ có kém đâu?

Tôi không dám đi qua các phố ở Ba Lê với con chó thả rong. Nếu cảnh binh hỏi thì tôi sẽ trả lời làm sao? Trong mọi thứ sợ, theo kinh nghiệm bản thân của tôi thì cái sợ cảnh binh là ghê gớm hơn cả, vì tôi chưa quên tấn kịch ở Tu Lu. Tôi lấy dây buộc vào cổ con Lãnh Nhi việc này làm chạnh lòng tự ái của nó nhiều lắm vì nó vốn là một con vật thông minh và có giáo dục rồi một tay cầm đầu dây, tôi tìm đến nhà khám Kích Chi.

Ở trên đời này có những điều sâu thẳm khiến ta trông thấy phải đau lòng. Không còn cái gì xấu hơn và buồn hơn là cái cửa nhà giam!

Đến nơi, tôi đứng dừng lại, không dám bước vào, tôi sợ người ta sẽ giam tôi, sợ cái cửa oan nghiệt kia hé cho tôi vào để không bao giờ mở ra nữa.

10 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Tôi chỉ tưởng tượng là vào nhà lao thì khó ra, chứ có biết đâu là rất khó vào.

Nhưng tôi không đến nỗi bị ngăn bị đuổi, cuối cùng tôi cũng được phép vào. Người ta cho tôi vào phòng nói chuyện. Phòng này không có rào sắt như tôi tưởng. Một lát sau thì ông An Thanh ra, không phải đeo xiềng xích gì.

Ông nói:

– Minh ơi! Ta đợi con mãi. Ta có trách bà Cát Tường sao không cho con cùng đến với các con ta.

Từ sáng đến giờ tôi buồn quá. Câu nói đó làm tôi phấn khởi.

Tôi nói:

– Bà Cát Tường không muốn cho con về với bà.

– Không được, con ạ! Ở đời lắm khi người ta không thể làm những điều người ta muốn. Ta chắc con có thể tự túc được. Ông Suy Ô, làm ở đập sông Niên thực đấy, nhưng người ta không

tuyển thợ làm vườn. Các con ta bảo con muốn trở lại nghề cũ. Vậy con đã quên cái đêm suýt chết rét ở cửa nhà ta rồi sao?

– Không. Con nhớ lắm!

– Thuở ấy, con không sống một mình, con có thầy con bên cạnh. Bây giờ trơ trọi, tuổi lại còn non con muốn phiêu lưu trên đường cái thực nguy hiểm lắm!

– Con còn có Lãnh Nhi!

Nghe thấy nhắc đến tên nó, Lãnh Nhi ửng ửng mấy tiếng hình như để trả lời: « Có tôi đây. Nếu cần đến, tôi sẵn sàng! ».

– Vẫn biết Lãnh Nhi là một con chó có nghĩa, nhưng nó chỉ là một con chó. Vậy con làm thế nào mà kiếm ăn được?

– Con sẽ đi hát và còn Lãnh Nhi sẽ diễn trò.

– Một mình Lãnh Nhi thì diễn trò sao nổi?

– Con sẽ dạy nó nhảy múa làm xiếc. Nó sẽ vui lòng luyện tập. Phải không Lãnh Nhi?

12 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Lãnh Nhi đứng dậy, để một chân vào ngực.

– Nếu con biết nghĩ xa, con nên đi làm thuê, vì con đã biết nghề rồi, còn hơn là đi giang hồ, đó là một nghề của những kẻ lười biếng.

– Con không phải là một kẻ lười, chắc cha đã rõ. Không bao giờ con phàn nàn là lắm việc, là vất vả. Với cha, con có thể ở mãi được, làm mãi được. Nhưng ở với người khác, con không muốn.

Tôi nói mấy câu sau với một giọng cương quyết, nên ông nhìn tôi một lúc không nói gì.

Sau ông bảo tôi:

– Con có kể lại cho ta hay rằng thầy con, ông Vỹ Tiên, ngày trước có tính khảng khái lắm. Nay ta nhận thấy con cũng có tính đó. Con không muốn làm tôi tớ người khác. Thôi, cái đó tùy con. Những lời ta khuyên con đây cũng như những việc ta đã làm cho con; là cốt mong cho con hay. Nhưng bây giờ con tự chủ rồi, vì con không có cha mẹ, không có thầy và ta đây cũng không đỡ

đầu cho con được nữa. Một kẻ khốn nạn như ta bây giờ không có quyền ra lệnh nữa.

Những điều ông An Thanh vừa nói làm cho lòng tôi thêm bối rối.

Phải, một mình lang thang trên đường cái, long đong biết bao! Tôi đã cảm thấy thế và nhìn thấy thế. Khi người ta đã sống một đời du mục như tôi, khi người ta đã trải qua những đêm như đêm tuyết giá bị chó sói đến bắt những vật nuôi của mình, như đêm lặn lội vào lò đá, khi người ta đã bị đói cào ruột rét cắt da như tôi từng chịu đau khổ, khi người ta đã bị xua đuổi hết làng này đến làng khác không kiếm được một đồng xu nhỏ như hồi ông Vỹ Tiên nằm ở nhà lao, người ta mới thấm thía hết cái nguy hiểm và cái khổ cực của đời sống không nhà, một đời sống mà ngày mai không vững chắc, và chính ngày hiện tại cũng bấp bênh.

Nếu tôi từ bỏ cái đời sống gieo neo này, tôi chỉ còn có một cách là làm theo lời ông An Thanh vừa khuyên bảo: đi ở cho người ta. Nhưng tôi không thể nào bỏ cái đời tự do, cái đời lữ hành

14 | Dịch giả: Hà Mai Anh

đó mà không lỗi hẹn với Yến Chi, An Sinh và Bằng Mai, nghĩa là bỏ rơi các người thân yêu đó. Thực ra Yến Chi, An Sinh và Bằng Mai có thể không cần đến sự giúp đỡ của tôi vì họ có thể viết thư cho nhau được. Nhưng Lệ Hoa không biết viết, cả bà Cát Tường cũng không. Lệ Hoa sẽ bắt tin mọi người, nếu tôi bỏ cô. Cô sẽ nghĩ gì về tôi? Chắc cô chỉ nghĩ có một điều: tôi không yêu mến cô nữa. Chính cô đối với tôi có một tình hữu ái rất chân thành. Tôi không thể làm thế được.

Tôi liền nói:

– Con sẽ thông tin tức các anh chị cho cha.

– Các con ta đã nói đến. Không muốn con phải vất vả vì gia đình ta, nên ta khuyên con bỏ nghề diễn trò. Người ta không nên nghĩ đến mình, trước khi nghĩ đến những người khác.

– Thừa cha, chính thế. Cha đã thương mà chỉ cho con điều hơn lẽ thiệt. Nếu con sợ những nỗi nguy hiểm dọc đường mà cha vừa vạch ra, con bỏ lời đã ước hẹn, như thế là con chỉ nghĩ đến phần con, con không nghĩ đến gia đình cha, không nghĩ đến Lệ Hoa.

Ông lại nhìn tôi một lúc thật lâu hơn rồi thành
lĩnh, ông cầm lấy hai tay tôi:

– Con ơi! Ta phải hôn con về câu nói đó. Con
thực là đứa trẻ hào khí. Người ta không phải cứ
lớn mới có tính khí đó,

Tôi liền ôm lấy ông.

Ông nói:

– Con ơi! Ta chỉ nói thêm một câu nữa: Cầu
trời phù hộ con!

Rồi cả hai ngồi im lặng trên ghế dài. Thì giờ
đi vùn vụt. Đã đến lúc phải rời nhau.

Chợt, ông thò tay vào túi và móc ra một cái
đồng hồ quít bằng bạc có dây da để đeo vào khuy.

– Trong khi ly biệt, ta không thể không cho
con một chút gì làm kỷ niệm. Đây, ta có chiếc
đồng hồ cho con. Nó không đáng mấy — nếu nó
đắt thì ta phải đã bán từ lâu rồi — mà chạy cũng
không đúng. Đôi khi phải vặn lại kim. Nhưng đó
là tất cả cái mà ta còn lại hiện giờ. Vì thế ta mới

16 | Dịch giả: Hà Mai Anh

cho con. Ông vừa nói vừa đặt cái đồng hồ vào tay tôi. Thấy tôi ngần ngại không dám lấy món quà quý đó, ông nói thêm giọng buồn rầu:

– Con nhớ rằng ở đây không cần xem giờ. Sao mà thì giờ đi chậm thế, ta phải đếm từng giờ thì đến buồn mà chết. Thôi! Vĩnh biệt con! Con hôn ta lần nữa đi! Con thực là đứa trẻ can đảm. Con cố giữ lấy nét đó.

Xong tôi thấy ông cầm tay tôi đưa ra cửa. Rồi chúng tôi làm gì, nói gì tôi cũng không biết nữa vì lúc đó tôi quá xúc động.

Khi ra đến phố rồi, tôi như ngây như dại, đứng mãi ở trước cửa nhà lao không biết nên đi sang bên phải hay bên trái. Có lẽ tôi sẽ đứng đó đến tối nếu tay tôi không mân mê trong túi thấy một vật tròn và rắn. Tôi sờ mãi và chợt nhớ ra: cái đồng hồ!

Lập tức, buồn, le, sợ tiêu tán hết. Một đứa trẻ bao giờ chả thích đồng hồ? Ôi Sung sướng quá! Tôi đã có đồng hồ, một cái đồng hồ của riêng tôi, trong túi tôi. Tôi sẽ biết giờ giấc. Rồi tôi kéo ra

xem mấy giờ? Đúng 12 giờ. 12 giờ hay 14 giờ, hay 10 giờ, cái đó cũng chẳng ích gì cho tôi. Nhưng tôi thấy thích quá vì đúng 12 giờ. Tại sao thế? Tôi cũng không biết lý do, nhưng sự thực là như thế. A! 12 giờ? Đã 12 giờ? Tôi biết rằng lúc đó là 12 giờ, đồng hồ của tôi đã bảo tôi biết. Tôi tưởng tượng cái đồng hồ là một người bạn tâm sự.

– Bạn đồng hồ ơi! Mấy giờ rồi?

– 12 giờ rồi, bạn Minh ạ. Đến trưa rồi à? Vậy tôi phải làm việc này hay việc nọ phải không?

– Đúng lắm.

– Nếu không có anh, tôi quên mất.

– Tôi sẽ ở luôn bên cạnh để nhắc anh.

Thế là bây giờ tôi có hai người bạn đường để trò chuyện: bạn Lãnh Nhi và bạn đồng hồ.

Đồng hồ! Hai tiếng đó nghe êm ái biết bao? Đã lâu tôi mơ ước có một cái đồng hồ. Nhưng tôi nghĩ rằng không đời nào tôi có cái may mắn đó. Thế mà bây giờ trong túi tôi lại có đồng hồ đang

18 | Dịch giả: Hà Mai Anh

kêu tích tắc. Ông An Thanh bảo nó chạy không được tốt, cần phải vặn kim luôn. Nếu vặn không xong, tôi sẽ mở hẳn ra. Có lẽ thú lắm. Tôi trông thấy máy móc bên trong và xem nó chạy thế nào? Tôi có thể sờ sờ và làm cho nó chạy đều.

Tôi mãi nói chuyện với đồng hồ, quên bằng con Lãnh Nhi. Chợt nó kéo ống quần tôi và kêu ăng ăng, làm cho tôi hết mơ màng trong giấc mộng,

Lãnh Nhi? Muốn gì?

Nó nhìn tôi. Tôi không hiểu ý nó muốn gì, thì nó đứng lên bằng hai chân sau, lấy một chân trước vỗ vào túi tôi đang đựng chiếc đồng hồ.

A! Nó muốn xem đồng hồ để báo cho các khán quan biết rằng mấy giờ như ngày còn ông Võ Tiên.

Tôi liền giơ đồng hồ ra cho nó coi, nó nhìn một lúc lâu như để nhớ lại. Xong nó ve vẩy đuôi và cắn 12 tiếng. Nó vẫn xem được giờ, chưa quên. Hay lắm, chúng tôi có thể kiểm ăn với cái đồng hồ này. Thêm một trò hay nữa mà tôi không

ngờ đến. Chúng tôi lúc đó ở cửa nhà lao. Những khách qua đường quay nhìn chúng tôi. Cũng có người đứng hẳn lại để xem.

Nếu tôi dám, tôi đã diễn trò ngay ở đó. Nhưng không bao giờ cảnh sát lại để yên, vả lại lúc đó là 12 giờ, chính là lúc phải lên đường.

Tiến lên!

Tôi nhìn lần cuối cùng, tôi vĩnh biệt cái nhà lao kia mà vị ân nhân của tôi đã bị cầm giữ ở đó. Rồi chúng tôi đi.

Cái vật liệu cần thiết nhất cho đời giang hồ của tôi là bản đồ nước Pháp. Tôi biết ở bến tàu có bán, nên tôi ra nơi đó để mua.

Khi qua công trường Các Xuyên, nhìn thấy chiếc đồng hồ lớn của một tòa lâu đài, tôi nghĩ thử đem đồng hồ của tôi ra so xem sao. Đồng hồ của tôi lúc đó 12 giờ rưỡi. Đồng hồ của tòa lâu đài kia chỉ 1 giờ. Trong hai chiếc đồng hồ, chiếc nào chạy đúng hơn? Tôi định vặn kim đồng hồ lên, nhưng một ý nghĩ làm tôi dừng lại: không có cái gì chứng minh là đồng hồ tôi có lỗi và biết

đâu cái đồng hồ lớn kia lại không sai? Thế rồi tôi lại bỏ đồng hồ của tôi vào túi và tự nhủ: giờ của ta còn sớm.

Việc mua bản đồ hơi lâu. Tôi muốn có một cái có vải bồi ở phía sau gấp lại được và giá không quá 2 phật lạng — món tiền lớn đối với tôi — Sau cùng tôi chọn được một cái đã cũ nhưng còn lành và chỉ phải trả có 13 xu thôi.

Bây giờ tôi có thể rời khỏi Ba Lê được và tôi muốn ra cho nhanh.

Tôi có hai đường đi: một đường về Fontainebleau, một đường đi Orléans. Cả hai nơi, chẳng nơi nào quan trọng cho tôi cả. Cái ngẫu nhiên đưa tôi về phía Fontainebleau.

Tôi vào phố Lục Sinh, phố này gợi cho tôi bao nhiêu chuyện cũ. Phú Lợi, Mã Tư, Cát Độ, nổi khóa vung, roi da và sau cùng là ông Vỹ Tiên, thầy tôi, thà chịu chết đói còn hơn gán tôi vào tay kẻ hung ác ở phố Lục Sinh. Khi đến nhà thờ Thánh Mê Đa, tôi trông thấy một đứa trẻ tựa lưng vào tường trông giống Mã Tư: cũng cái đầu

to, cũng đôi mắt ướt, cũng cái miệng tươi, cũng cái vẻ hiền lành và chịu đựng, nhưng có điều lạ là không lớn được chút nào. Tôi lại gần để nhìn kỹ xem. Không còn nghi ngờ gì nữa. Chính là Mã Tư. Mã Tư cũng nhận ra tôi, nét mặt xanh xao, sáng hẳn lên với một nụ cười. Mã Tư hỏi:

– Anh đây à? Có phải có lần anh đã đến nhà Phú Lợi với một ông cụ già râu bạc. Ngày đó tôi đau đầu quá rồi phải đi nhà thương.

– Phú Lợi vẫn là chủ anh?

Anh nhìn chung quanh rồi nói nhỏ:

– Phú Lợi đã ngồi tù. Hắn bị bắt vì đánh chết một đứa trẻ tên là Lan.

Nghe nói Phú Lợi phải vào nhà lao, tôi sung sướng quá. Trước kia, tối yên trí nhà lao chỉ là một nơi đáng ghê sợ, bây giờ tôi mới biết nhà lao là có ích.

Tôi hỏi:

– Còn những đứa trẻ khác đâu?

22 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Tôi không biết vì khi Phú Lợi bị bắt, tôi không có đấy. Khi tôi ở nhà thương ra, Phú Lợi nhận thấy tôi là một đứa trẻ yếu chịu đòn và ốm luôn nên tìm cách đẩy tôi đi. Hắn đem tôi đến gánh xiếc Gia Sơn cho thuê một hạn 2 năm, và lấy tiền trước. Anh có biết gánh xiếc ấy không? Không à? Đó là gánh xiếc không to lắm, nhưng cũng là một gánh xiếc. Họ cần một đứa trẻ làm trò dẻo xương nên Phú Lợi cho tôi làm ở đó. Đến hôm thứ hai vừa rồi, hết hạn, họ đuổi tôi ra vì đầu tôi bây giờ to quá không lọt vào cái hòm. Tôi vừa ở Dị Nho là nơi gánh xiếc ở đó, đến đây tìm Phú Lợi. Nhưng tôi chẳng thấy ai cả, mà nhà thì khóa kín. Một người hàng xóm bảo tôi những lời như tôi vừa kể lại với anh, Phú Lợi bị tù rồi! Thành ra bây giờ tôi bơ vơ, không biết đi đâu và cũng không biết làm gì.

– Sao anh không trở lại Dị Nho?

– Khi tôi đi bộ về đây thì gánh xiếc ở Dị Nho cũng dọn đi Ru Ắng. Tôi theo đến Ru Ắng sao được? Vì đường thì xa mà tôi chẳng có đồng nào. Từ trưa hôm qua đến giờ, tôi chưa được miếng bánh nào vào bụng.

Tôi không giàu có gì. Nhưng lúc đó trong túi tôi cũng có chút ít không đến nỗi để Mã Tư phải chết đói. Ngày tôi còn lang thang ở Tu Lu, cũng đói như Mã Tư bây giờ, giá mà ai cho tôi được một mẩu bánh thì ơn ấy phải nghĩ đến đời đời.

Tôi bảo anh:

– Anh hãy đứng đây.

Rồi tôi chạy đến hàng bánh ở đầu phố. Lúc tôi trở về, tôi đưa cho anh một ổ bánh, anh vô lấy ăn ngấu nghiến.

Anh ăn xong, tôi hỏi:

– Bây giờ anh định làm gì?

– Tôi không biết.

– Phải làm một việc chớ?

– Tôi đang định bán cái đàn vi-ô-lông này thì gặp anh. Nếu vạn nhất phải bán nó thì tôi buồn lắm anh ạ, vì nó là nguồn vui và nguồn an ủi của tôi. Những khi tôi phiền muộn, tôi tìm chỗ vắng

24 | Dịch giả: Hà Mai Anh

người, tôi dạo một vài bài để nghe chơi. Lúc đó tôi thấy trời đất đẹp quá, đẹp hơn trong giấc mộng.

– Thế sao anh không đi đánh đàn trong các phố?

– Tôi đã thử đánh, nhưng chẳng ai cho tiền cả.

Tôi đã biết lắm, biết rõ cái cảnh gảy đàn sai tay mà chẳng ai thềm móc túi.

Mã Tư hỏi tôi:

– Thế anh? Anh làm gì bây giờ?

Cái tính cao ngạo của tôi phát luôn ra câu trả lời:

– Ông bầu đoàn diễn trò.

Sự thực, tôi cũng có đoàn, đoàn của tôi có con Lãnh Nhi. Nhưng sự thực đó gần như sai.

Mã Tư nói:

– Ô! Nếu anh vui lòng?

– Gì?

– Cho tôi nhập đoàn của anh.

Lúc đó, tôi chỉ vào con Lãnh Nhi và nói thực:

– Anh trông, đoàn của tôi đó.

– Không hề chi, anh ạ. Hai chúng ta cũng đủ. Tôi xin anh. Anh bỏ tôi một mình, tôi sẽ làm ăn gì được? Tôi sẽ chết đói.

Chết đói! Hai tiếng đó đối với người khác, có lẽ họ không hiểu là gì. Nhưng hai tiếng đó đã vang dội trong lòng tôi vì chính tôi đã hiểu nghĩa hai tiếng đó. Mã Tư nói:

– Tôi biết làm việc. Trước hết tôi biết hát, biết kéo vĩ cầm rồi tôi biết uốn mình, biết nhảy dây; biết lộn vòng. Nếu anh muốn thử tài, tôi sẽ diễn anh xem. Tôi sẽ theo lệnh anh. Tôi không cần lương, được ăn là đủ rồi. Nếu tôi làm hỏng, anh cứ việc đánh tôi. Tôi cam kết với anh như thế. Nhưng có điều tôi xin anh là đừng đánh vào đầu tôi vì đầu tôi trước kia bị Phú Lợi làm hại, bây giờ hơi động đến là đau.

26 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Nghe Mã Tư nói thế, tôi không cầm được hai hàng nước mắt. Tôi nỡ nào từ chối anh được.

Tôi nói:

– Nhưng đi với tôi, chắc gì anh đã khỏi chết đói hơn đi một mình?

Anh đáp:

– Không. Chúng ta hai người, không bao giờ chết đói được. Chúng ta giúp đỡ nhau. Chúng ta đùm bọc nhau. Kẻ có cho người không có, như anh vừa làm ban nãy.

Câu đó làm tôi quyết định, bởi vì tôi có, tôi phải giúp anh.

Tôi nói:

– Tôi xin vui lòng.

Lập tức anh cầm lấy tay tôi mà hôn. Tôi cảm động quá, nước mắt ở đâu ràn rụa ra.

Tôi nói:

– Đi với tôi, anh không phải là người đẩy tớ mà là bạn tôi.

Tôi đeo đàn lên vai và nói:

– Tiến lên! Chúng ta tiến lên!

Mười lăm phút sau, chúng tôi ra khỏi Ba Lê. Gió đông bắc của tháng ba đã thổi khô đường, đất rắn dễ đi.

Khí trời dịu dàng. Mặt trời chói lọi trên nền trời xanh, không một vẩn mây. Khí hậu êm ái này so với ngày mưa tuyết tôi vào Ba Lê thật khác nhau một vực một trời.

Hai bên bờ đường, cỏ mọc xanh rờn, thỉnh thoảng lại điểm những bông cúc, bông dâu chớm nở và hướng về phía mặt trời. Góc vườn, bên đường, những nụ đinh hương đỏ chói trong đám lá xanh non. Một làn gió nhẹ thổi qua, những cánh hoa vàng trên nóc tường lác đác rơi xuống đầu chúng tôi.

28 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Trong các vườn, trong bụi, trên cây, đâu đâu cũng nghe thấy tiếng chim hót vui tai. Những con chim én bay là là mặt đất bắt sâu.

Cuộc hành trình của chúng tôi khởi đầu thấy vui, nên chúng tôi bước dài không mệt. Con Lãnh Nhi được tháo dây, chạy loăng quăng, thấy xe qua cũng sữa, gặp đồng đá cũng sữa, sữa lung tung và chẳng có nghĩa gì, nếu không phải là vì thích mà sữa cũng như người ta cao hứng mà hát.

Mã Tư đi bên cạnh tôi không nói gì, có lẽ anh đang tư lự. Tôi không muốn nói để làm phiền anh, vả lại chính tôi cũng đang nghĩ. Ta định đi đâu bây giờ?

Thực ra tôi cũng chẳng biết chúng tôi đi đâu. Tôi chẳng biết gì cả. Tôi nhớ ra rằng tôi đã hứa với Lệ Hoa là đi thăm anh chị trước, nhưng tôi không hứa với các anh chị là đến thăm ai trước. Vậy tôi có thể đi thăm một người nào trước cũng được. Tôi có thể đến Xê Viên, Sa Lăng hoặc Lan Thành trước, tùy ý tôi.

Vì tôi ra phía nam thành Ba Lê, nên không thể lộn lại để thăm Bằng Mai được. Vậy tôi chỉ còn chọn xem đến thăm An Sinh hay Yến Chi trước mà thôi. Cái linh tính nó đưa tôi về phía Nam hơn phía Bắc là lòng nhớ mẹ tôi, bà Bảo Liên.

Đã lâu tôi không nhắc đến bà, xin quý độc giả đừng cho tôi là một kẻ bạc nghĩa đã quên bà.

Cũng xin đừng cho tôi là kẻ bạc nghĩa đã quên bà vì không hề viết một lá thư thăm bà trong bao nhiêu năm xa cách. Đã bao nhiêu lần tôi viết thư: « Con nhớ mẹ con yêu mẹ suốt đời con! » Nhưng một là bà không biết chữ, hai là tôi sợ ông Bảo Liên, chồng bà, nên tôi không dám viết. Nếu Bảo Liên xem thư, biết địa chỉ của tôi, ông ta sẽ tìm bắt tôi và đem bán cho một Võ Tiên không phải là Võ Tiên thì nguy hại biết bao! Chắc chắn ông ta có quyền và có thể làm thế được. Chính vì lẽ đó mà tôi thà chịu mẹ tôi trách là đứa con tệ bạc còn hơn là để rơi vào tay Bảo Liên, ông ta có thể bán tôi hoặc bắt tôi làm nô lệ cho ông ta. Tôi thà chết còn hơn là khinh thị mà làm điều mạo hiểm đó.

30 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Nhưng nếu tôi không dám viết thư cho bà, một khi tôi được rộng rãi, tôi có thể tìm cách về thăm bà được. Vì thế từ khi tôi nhận Mã Tư vào đoàn của tôi, tôi đã nghĩ, việc thăm bà có thể thực hiện được. Tôi cho Mã Tư đi trước. Tôi lánh mặt một chỗ, Mã Tư sẽ vào nhà bà dò la tin tức. Nếu Bảo Liên đi vắng, tôi sẽ về ngôi nhà cũ để gặp mẹ tôi. Nếu Bảo Liên vẫn ở làng, Mã Tư sẽ mời bà đến một chỗ nào đó để tôi được gặp mặt cho bố những ngày thương nhớ.

Đó là cái chương trình tôi vừa đi vừa dự định. Tôi dăm dăm suy nghĩ vì thực hiện được không dễ.

Thực vậy, tôi không phải chỉ có việc thăm bà Bảo Liên mà thôi. Tôi còn phải xem trên đường đi của chúng tôi có những làng nào, tỉnh nào khả dĩ kiếm được tiền.

Muốn thế, tốt hơn hết là hỏi ở bản đồ.

Lúc đó, chúng tôi đang đi trong cánh đồng. Chúng tôi liền bảo nhau ngồi nghỉ trên một đồng đá để trò chuyện không sợ ai phiền nhiễu.

Tôi mở túi lấy bản đồ trải trên bãi cỏ. Tôi loay hoay ngắm nghía và tìm phương hướng mãi. Sau cùng tôi theo cách ông Võ Tiên, ấn định một hành trình. Hành trình này phải qua bảy thành thị nhỏ.

Như vậy chúng tôi có thể đến làng Tả Văn Ông và có nhiều hy vọng không đến nỗi chết đói ở dọc đường.

Mã Tư trở vào bản đồ bảo tôi:

– Anh xem cái gì thế?

Tôi bảo cho anh biết đó là một bức bản đồ và dùng để làm gì. Tôi cắt nghĩa cho anh nghe gần giống như những lời mà ông Võ Tiên đã dạy tôi bài địa lý đầu tiên.

Anh giương mắt nhìn tôi, chăm chú nghe. Anh hỏi:

– Thế thì phải biết đọc.

– Chính thế. Anh không biết đọc à?

– Không.

32 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Anh có muốn học không?

– Tôi muốn lắm!

– Tôi sẽ dạy anh.

– Trong bản đồ, người ta có thể tìm thấy con đường Dị Nho về Ba Lê không?

– Có chứ, dễ tìm lắm.

Tôi liền chỉ cho anh: tôi lấy tay đưa từ điểm Dị Nho đến Ba Lê. Anh không tin và hỏi:

– Sao tôi đi bộ thấy đường dài lắm kia mà?

Tôi liền cắt nghĩa hết sức – hết sức có nghĩa là lúng túng – cho anh biết người ta rút vắn những con đường để vẽ trên bản đồ thế nào. Tại anh để ý nghe, nhưng óc anh không tin lắm về khoa học của tôi.

Lúc đó túi hành lý bỏ ngỏ, tôi chợt nghĩ nên kiểm điểm lại đồ đạc và cũng để khoe với Mã Tư. Tôi lấy ra và trải cả trên cỏ.

Tôi có ba sơ-mi bằng vải gai, ba đôi bí-tất,

năm mùi soa còn mới và một đôi giày cũ. Mã Tư choáng mắt.

Tôi hỏi Mã Tư:

– Của anh có những gì?

– Tôi có chiếc vĩ cầm này và những quần áo tôi đang mặc.

– Vậy thì phải chia cho đều vì chúng ta là anh em bạn. Phần anh hai sơ-mi, hai đôi bí-tất và ba mùi soa. Cũng phải chia cho đều việc vác túi, mỗi người đeo một giờ, thay đổi nhau cho được công bằng.

Mã Tư không muốn nhận phần chia thứ nhất. Nhưng tôi theo lối ông Vỹ Tiên ra lệnh và không anh chống lại, nên anh đành chịu nhận. Cả cái hộp khâu của Yến Chi, cái hộp con của tôi đựng bông hồng của Lệ Hoa cũng bày ra trên chiếc sơ mi. Mã Tư muốn xem hộp con, tôi không cho và bỏ luôn vào túi.

Tôi bảo anh:

34 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Nếu anh muốn làm cho tôi vui lòng, anh không được mở hộp đó vì là một vật kỷ niệm.

– Anh yên tâm, không bao giờ tôi đụng đến.

Từ khi tôi khoác áo da cừu và đeo đàn, có một điều làm cho tôi câu thúc: đó là cái quần của tôi. Tôi thấy một người nghệ sĩ không bao giờ mặc quần dài. Trình diễn trước công chúng, phải là quần ngắn, phải là những đôi bí tất dài đến đầu gối, chung quanh chéo vải màu. Quần dài là quần của người làm vườn. Bây giờ tôi là một nghệ sĩ kia mà!

Khi người ta có một ý kiến mà người ta lại làm chủ thì ý kiến đó được thi hành ngay, không chậm trễ. Tôi mở hộp khâu YẾN CHI và lấy kéo.

Tôi bảo MÃ TƯ:

– Trong khi tôi chữa quần, anh thử dạo một bản vĩ cầm cho vui.

– Tôi cũng nghĩ thế.

Rồi MÃ TƯ lấy đàn ra kéo.

Tôi ướm quần đến đầu gối rồi bắt đầu cắt. Cái quần của tôi hãy còn tốt, may bằng dạ xám như cái gi-lê và áo vét của tôi. Ngày trước ông An Thanh mua về cho tôi, tôi đã mừng quá. Bây giờ cắt cụt hai ống đi, tôi nghĩ không phải là tôi hủy hoại, mà trái lại làm cho nó đẹp hơn, tiện lợi hơn! Đầu tiên, tôi vừa cắt vừa nghe đàn, sau tôi ngừng kéo và lắng tai nghe: Mã Tư đàn vĩ cầm không kém Vỹ Tiên!

Tôi vỗ tay và nói:

– Ai dạy anh chơi vĩ cầm thế? Không ai dạy cả. Hay tất cả mọi người, mỗi người bảo tôi một tí, rồi tôi tự luyện lấy.

– Ai dạy anh nhạc?

– Tôi không biết. Tôi nghe người ta đánh thế nào thì đánh thế,

– Tôi, tôi sẽ dạy anh.

– Anh biết tất cả?

– Phải, vì tôi là đoàn trưởng. Người ta không

36 | Dịch giả: Hà Mai Anh

phải là nghệ sĩ nếu không có một chút tự ái. Tôi muốn trở tài cho Mã Tư biết tôi cũng là tay âm nhạc khá. Tôi lấy cây thụ cầm ra gảy và hát bài Tình ca « tử » của tôi. Và theo lệ thường của con nhà nhạc sĩ. Mã Tư lại trả tôi lại những lời khen ngợi mà tôi vừa tặng anh bằng những tiếng vỗ tay hoan hỉ. Mã Tư có tài. Tôi cũng có tài. Chúng tôi xứng đáng là đôi bạn nghệ sĩ giang hồ.

Nhưng chúng tôi không thể cứ ngồi đó mà khen tặng lẫn nhau. Sau khi đàn hát cho tai chúng tôi rồi, chúng tôi phải nghĩ đàn hát cho dạ dày, cho lưng chúng tôi nữa chứ! Tôi buộc túi lại, đến lượt Mã Tư vác.

Chúng tôi tiến trên đường cát bụi. Tôi nghĩ lát nữa gặp làng nào ở cạnh đường là phải dừng lại diễn trò, « bước đầu của đoàn Lê Minh ».

Mã Tư bảo tôi:

– Anh dạy tôi câu hát của anh để tôi cùng hát và đánh vĩ cầm theo thế sẽ hay hơn.

Như thế, nhất định hay và chỉ có những khán

quan trái tim sắt đá mới không ném tiền. Chúng tôi đã tránh được những trái tim sắt đá. Chúng tôi vào một làng kia, đang tìm chỗ để diễn thì đi qua một cửa trại. Trong sân có đông người ăn mặc như ngày đại hội, đàn ông thì gài hoa ở khuy áo, đàn bà thì giắt hoa ở dây lưng. Cánh hoa lẫn với nơ lụa trông rất rực rỡ. Không cần phải là người thông minh, ai cũng biết ngay đó là một đám cưới. Tôi đoán họ đang cần âm nhạc để khiêu vũ. Tôi tiến vào trong sân, Mã Tư và Lãnh Nhi theo sau.

Gặp một thanh niên trước nhất, tôi ngả mũ và cúi chào – cái chào lịch sự của ông Vỹ Tiên – tôi xin vào giúp vui.

Người thanh niên đó mặt đỏ như quả bồ quân, cổ áo cứng cọ vào tai, vẻ bình tĩnh.

Chàng không trả lời, quay cả người vào phía trong vì cái áo mới bằng dạ đen bóng loáng bó vào thân làm khó cử động, cho hai ngón tay vào mồm làm còi, huýt một tiếng dài làm cho Lãnh Nhi phải khiếp sợ. Chàng nói theo:

38 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Này! Các vị đang ước ao âm nhạc. Đây, các nhạc sĩ đã đến!

Tiếng đàn ông, đàn bà, thanh niên, thiếu nữ rộn lên:

– Tốt lắm! Tốt lắm! Âm nhạc tốt lắm.

– Sửa soạn khiêu vũ bộ tư!

Trong vài phút, những bọn kỵ binh đã ra tua tua cả sân. Gà, vịt sợ chạy tán loạn.

Tôi lo quá, hỏi nhỏ Mã Tư bằng tiếng Ý:

– Anh đánh được vũ khúc bộ tư?

– Được.

Tôi cũng biết bản đó. Chúng tôi thoát nguy. Người ta kéo ở nhà kho ra một chiếc xe chở hàng, lấy giá gác tay xe cho vững rồi bảo chúng tôi lên ngồi. Tuy chúng tôi chưa hòa tấu với nhau bao giờ, nhưng buổi đó đàn cũng khá. Thực ra, chúng tôi được cái may là gảy đàn cạnh những tai dễ dãi và không tinh tế lắm.

Chợt một ông mặt đỏ gay, hỏi chúng tôi:

– Có anh nào biết thổi « kèn » không?

Mã Tư đáp:

– Có, nhưng chúng tôi không có kèn.

– Tôi bảo kiếm cho anh một cái, vĩ cầm hay thực, nhưng không được mạnh mẽ.

Tôi hỏi lại Mã Tư bằng tiếng Ý:

– Anh biết thổi « kèn » thật chứ?

– Cả kèn lớn, kèn con, cả sáo và tất cả các thứ.

Mã Tư thật là một tài tử hiếm có. Lát sau, kèn đưa đến, chúng tôi hòa tấu đủ các điệu khiêu vũ nhất là điệu nhảy bộ tư. Chúng tôi cử nhạc như thế cho đến khuya không được nghỉ tay lúc nào. Tôi còn gượng được, nhưng Mã Tư phần giữ vai chính, phần vì sức yếu nên thấy mệt nhoài. Thỉnh thoảng tôi thấy anh lợt đi như bị quặn đau. Tuy nhiên anh vẫn gò cổ ra thổi. May sao, ngoài tôi ra

40 | Dịch giả: Hà Mai Anh

còn có một người khác nhận thấy tình trạng ấy: đó là cô dâu. Cô kêu lên:

– Thôi! Thằng bé hết hơi rồi! Bây giờ thù lao cho nhạc sĩ đi chứ!

Tôi liền nhảy xuống xe và nói:

– Nếu quý vị muốn, tôi xin phép cho thủ quỹ chúng tôi đi lãnh.

Tôi ném cái mũ tôi cho Lãnh Nhi. Nó lấy mõm bắt lấy, rồi đứng bằng hai chân sau, đặt tay vào ngực chào khán quan. Tiếng vỗ tay vang dậy cả sân. Điều thích thú hơn tiếng vỗ tay là những đồng tiền trắng rơi vào trong mũ. Cô dâu xinh đẹp cho cuối cùng, cô ném vào một đồng 5 phật lạng. Món tiền lớn thay! Thế cũng chưa hết. Người ta mời chúng tôi vào bếp, dọn cỗ cho chúng tôi ăn và cho chúng tôi ngủ trong vựa lúa.

Sáng hôm sau chúng tôi từ giã ngôi nhà phúc hậu ấy. Chúng tôi có một cái vốn 28 phật lạng. Tôi bảo Mã Tư:

– Tôi phải chịu ơn anh. Một mình tôi không thành phường nhạc.

Với số tiền 28 phật lạng trong túi, chúng tôi sung sướng như ông hoàng. Khi đến tỉnh Cốt Bay, tôi có thể mua sắm một vài thứ cần thiết.

Trước hết tôi mua một cái kèn ở hàng bán đồ sắt cũ hết 3 phật lạng. Với giá đó, cái kèn không mới, không đẹp, nhưng đem về đánh chuốt cũng tạm dùng được. Rồi tôi mua những giải lụa đỏ để chằng bí tất và một cái túi dết cũ của quân nhân cho Mã Tư dùng, vì vác luôn một vật nhẹ trên vai còn hơn thỉnh thoảng lại phải đeo một túi nặng. Chia đều đồ đạc sang hai túi, chúng tôi sẽ được nhẹ nhàng.

Ở tỉnh Cốt Bay ra, chúng tôi ai nấy đều trang bị đầy đủ. Trừ tiền mua sắm rồi, chúng tôi còn trong quỹ 30 phật lạng vì những buổi trình diễn của chúng tôi đều đạt được kết quả mong muốn. Cũng là nhờ có chương trình đổi mới luôn để có thể trình diễn lâu một chỗ, khách xem không chán. Hơn nữa, chúng tôi rất hợp ý nhau, thân

42 | Dịch giả: Hà Mai Anh

yêu nhau như tình anh em. Có lúc Mã Tư đắc ý cười và bảo tôi:

– Một đoàn trưởng không hay cấp đầu đoàn viên như anh thực tử tế quá!

– Anh thích chứ?

– Còn phải nói. Từ ngày tôi bỏ làng ra đi, đến bây giờ được ở với anh, tôi mới không mơ ước nhà thương nữa.

Ở trong một hoàn cảnh thịnh vượng, lòng tôi sinh ra tham vọng. Chúng tôi đang đi về tỉnh Mộng Tác để tìm đường về nhà bà Bảo Liên. Về làng để thăm bà, cũng là một cử chỉ để tỏ lòng biết ơn bà. Nhưng sự biết ơn đó nhỏ mọn và rẻ tiền quá. Nếu tôi có vật gì đem về nữa thì hơn. Bây giờ tôi làm ăn khá rồi, bắt buộc tôi phải có quà. Quà gì bây giờ?

Tôi không phải nghĩ lâu. Tôi biết có một thứ quà làm cho bà sung sướng nhất không những trong hiện thời mà còn trong lúc tuổi già nữa; đó là một con bò cái, để thay cho con Hồng Ti khôn nạn.

Bà Bảo Liên sẽ vui sướng nếu có thể biếu bà một con bò! Và tôi cũng vui sướng biết nhường nào!

Trước khi về làng Văn Ông, tôi sẽ mua một con bò, Mã Tư sẽ dắt bò vào sân nhà bà. Tất nhiên ông Bảo Liên không có mặt ở đó, Mã Tư nói:

« Thừa bà, có một con bò đem đến để biếu bà. Bà đáp: một con bò à? Có lẽ anh nhầm nhà chẳng? (và bà thở dài) — Không thừa bà, có phải chính bà là Bảo Liên ở Văn Ông không; Chính ông Hoàng bảo tôi dắt con bò này đến kính biếu bà. Ông Hoàng nào? » Lúc đó tôi ở chỗ nấp chạy ra ôm lấy bà, chắc bà phải mừng mà khóc. Sau đó bà sẽ làm bánh trắng, bánh sữa cho ba người cùng ăn, không có ông Bảo Liên ở đó như ngày lễ « tuần thánh » năm xưa, ông ăn mất cả bơ của tôi. Giấc mộng đó đẹp làm sao! Nhưng muốn thực hiện giấc mộng đó, tôi phải mua một con bò. Không biết giá bao nhiêu một con? Chắc là đắt, đắt lắm?

Con bò tôi mơ ước đó không cần to lắm, lớn lắm. Trước hết vì bò to giá đắt, sau vì bò to sẽ ăn

44 | Dịch giả: Hà Mai Anh

mất nhiều, tôi không muốn cái quà của tôi lại thành cái nạn cho bà. Điều cốt yếu là bây giờ tôi phải biết giá bò, một con bỏ như ý tôi định mua.

Việc này không khó. Ngày nào, trên đường cái hay ở quán trọ, tôi chả gặp những người chăn bò hay những người lái ngựa, tôi hỏi họ thì biết. Chiều hôm đó, tôi gặp một anh chăn bò trông có vẻ khá, tôi liền hỏi giá, anh ta cười chế nhạo tôi. Rồi anh ta ngả lưng ra ghế, lấy nắm tay đập xuống bàn, gọi người chủ quán hỏi rằng:

– Ông có biết anh bé con đi hát này hỏi gì tôi không? Giá bao nhiêu một con bò? Con bò không to, không lớn và là một con bò. Có cần nó phải thông thái nữa không?

Nói xong, anh ta cười ngật nghẹo. Nhưng tôi không lấy làm tức và nói:

– Phải là con bò sữa tốt mà ăn ít.

– Có cần nó chịu để dắt dây đi trên đường trường như con chó của anh không?

Sau khi trêu tôi chán và mở hết trí hài hước,

anh ta nói chuyện đứng đắn và bàn tính giúp cả tôi nữa.

Chính anh, anh có một con bò cái hiền lành, rất nhiều sữa, thứ sữa thơm như kem và nó ăn rất ít hoặc không cho ăn cũng được. Nếu tôi xỉa trả trên bàn 15 bích-tôn hay 50 đồng ê-qui, tôi sẽ dắt bò luôn.

Lúc đầu tôi khó làm cho anh ta rỉ rằng bao nhiêu thì bây giờ tôi khó làm cho anh im miệng đi bấy nhiêu vì anh cứ thao thao bất tuyệt.

Sau cùng chúng tôi được đi ngủ. Lên giường tôi cứ tơ tưởng về câu chuyện vừa được nghe. 15 bích- tôn hay 50 ê qui nghĩa là 150 phật-lăng mỗi con bò. Tôi bao giờ có được món tiền đó?

Không biết tôi có thể kiếm được không. Chắc là không. Nhưng nếu vận may trong buổi đầu còn theo mãi chúng tôi, thì góp nhặt từng xu may ra tôi cũng có thể để ra 150 đồng phật lăng đó. Muốn thế phải mất nhiều thì giờ. Một ý nghĩ nảy ra trong óc tôi. Đáng lẽ về thẳng Văn Ông, chúng tôi hãy trở đi Văn Xá đã, như thế chúng

46 | Hector Malot

tôi sẽ có đủ thì giờ để nhặt tiền. Vậy thì đi Văn Xá trước rồi sẽ trở về Văn Ông sau. Lúc đó, trong túi tôi có đủ 150 đồng phật lạng rồi, chúng tôi sẽ có thể diễn trò thần thoại « Con bò cái của ông Hoàng » và kết quả chắc là hay lắm.

Sáng hôm sau, tôi ngỏ ý kiến cùng Mã Tư, anh rất tán thành và bảo tôi:

– Chúng ta đi Văn Xá. Đấy có nhiều mỏ lạ lắm. Tôi vẫn muốn đến xem.

CHƯƠNG XXIII

THÀNH PHỐ ĐEN

Con đường từ Mộng Trang đến Văn Xá ở về phía nam dãy núi Xê Viên, thoai thoải về biển Địa Trung Hải. Nếu đi thẳng đường thì chỉ mất 5, 6 trăm cây số. Nhưng chúng tôi phải đi quanh co để vào các làng lớn hay các thị trấn diễn trò nên tính ra có tới trên ngàn cây số. Chúng tôi phải đi rông rã ngót ba tháng trời mới tới nơi. Khi gần đến Văn Xá đếm tiền lại chúng tôi rất sung sướng vì đã không uổng phí thì giờ: trong túi đã dành được 128 phật lạng. Như vậy chỉ còn thiếu 22 phật lạng nữa là mua được bò biếu bà Bảo Liên.

Mã Tư cũng vui như tôi. Anh không kém hứng thú vì đã chung sức gây nên món tiền đó. Thực vậy, phần công anh rất lớn, nếu không có

48 | Dịch giả: Hà Mai Anh

anh, không có cái kèn của anh, riêng tôi và Lãnh Nhi không khi nào kiếm được 128 phật lạng như thế.

Còn từ Văn Xá đến Tả Văn Ông, kiếm thêm 22 phật lạng nữa cũng không khó.

Một trăm năm về trước, Văn Xá là sào huyệt của bọn Tần giáo khởi loạn sau khi sắc lệnh Nantes bị bãi, địa thế hiểm trở, dân cư nghèo nàn. Đến năm 1750, một thân sĩ có tuổi, say mê nghiên cứu về khoáng vật học, đã tìm ra mỏ than đá Văn Xá. Từ đó Văn Xá nổi tiếng là một miền lắm than, đủ sức cung cấp cho Nam phần nước Pháp và có cơ cạnh tranh với than nước Anh trên thị trường Địa Trung Hải.

Khi thân sĩ khởi công đào bới, công chúng đều chê cười, nhạo báng. Đào sâu tới 150 mét, chẳng thấy gì, người ta cho ông là điên và vận động để giam nhốt ông lại. Gia sản ông phải chẳng sẽ bị vùi sâu trong những hố đào vô nghĩa. Văn Xá có mỏ sắt mà người ta còn chưa tìm thấy, huống chi là than thì có đến đời chết cũng chẳng bới đầu ra. Thân sĩ giả điếc, chui xuống hầm, ăn

ngủ ở đó không thò lên nữa để tránh nghe những la ó của nhân dân. Có chăng ông chỉ chịu sự ngờ vực của bọn thợ ở cạnh ông thôi. Mỗi một nhát cuốc, bọn thợ lại so vai lên. Nhưng kích thích bởi lòng tin tưởng sắt đá của chủ nhân, bọn thợ cố bổ thêm nhát nữa, nhát mới nữa rồi cứ thế giẽng một ngày một sâu, cho tới 200 mét, bọn thợ reo mừng, họ đã bập vào một lớp than! Vị thân sĩ già kia không phải là người điên nữa. Ông là một người có đặc tài. Chỉ hôm trước hôm sau, ông đã biến thành một vĩ nhân!

Ngày mà chúng tôi đến, Văn Xá là một thành phố có 12 ngàn dân, một thành phố có một tương lai xán lạn về kỹ nghệ và cũng như mỏ A Lai, mỏ Bách Xá là nguồn hy vọng của Nam phần nước Pháp. Cái đã gây và sẽ gây nên thịnh vượng cho miền Văn Xá này đều ở dưới đất chứ không ở trên mặt.

Thực vậy, ở trên mặt đất cảnh tượng trông buồn làm sao! Toàn thị là những bãi hoang lương. Trừ một vài cây dẻ, cây đậu, cây ô liu còm cõi, ngoài ra không có cây to. Đất không trông trọt

50 | Dịch giả: Hà Mai Anh

được, đâu đâu cũng thấy đá xám hay đá trắng. Một vài chỗ lớp đất hơi sâu và thấm nước nẩy lên cây cỏ um tùm làm cho cảnh hoang vu bớt phần khô khốc.

Vì núi non trơ trụi không cây cỏ, nên mùa mưa đến, nước chảy trên sườn núi xuống như chảy trên vỉa hè. Những dòng suối ngày thường cạn khô, lúc mưa nước chảy cuộn cuộn và đầy sát bờ các sông con trong thung lũng, nhiều khi nước tràn cả ra ngoài sinh ra ngập lụt: chỉ trong vài phút người ta thấy mực nước ở lòng sông lên tới ba, bốn, năm mét, có khi cao hơn nữa.

Thành phố Văn Xá nằm ngang trên một con sông con tên gọi Đình giang, có hai dòng suối đổ vào là Thụy Khê và An Khê. Thành phố gồ ghề và không được đẹp dễ lắm; suốt ngày những goòng chở quặng sắt và than đá lăn rầm rập trên đường rầy giữa thành phố không lúc nào ngớt, tung lên những bụi đỏ, bụi đen tối mù. Trời mưa, những bụi đỏ đọng thành bùn nhão và sâu như ở bãi lầy. Trái lại, những ngày nắng ráo, gió cuốn những bụi đỏ bay lăm trên thành phố. Nhà cửa, cái nào

cũng đen thui từ đầu xuống đến chân, đen vì bùn, bụi trát từ chân lên đến mái, đen vì khói từ các lỗ tỏa từ ống khói xuống tới mặt đường. Trước mặt một màu tối đen: đất đen, trời đen, cả đến nước sông cũng đen. Những người đi đường còn đen hơn cảnh vật chung quanh; ngựa đen, xe đen, lá cây cũng đen. Người ta có thể nói được rằng, một đám mây mờ hóng đã đổ xuống thành phố hôm nào hay một trận lụt hắc ín đã có lần dâng lên tới nóc mọi nhà. Phố xá không làm ra để cho xe ngựa hay khách bộ hành đi, mà cốt để cho xe hỏa và các toa của mỏ. Trên mặt đất chỗ nào cũng thấy đường sắt với những bánh xe trên đầu, nào cầu treo, nào dây kéo, nào trục chạy âm âm điếc tai. Những nhà máy lớn mà tôi đi ở ngoài tường thấy rung chuyển tới chân móng. Nếu người ta nhìn qua cửa sổ hay cửa lớn, sẽ thấy gang nấu trong lò chảy ra như những dòng bạc; những búa, chày nện xuống, tàn lửa tóe ra như mưa; chỗ nào cũng thấy những cần pít tông lên xuống đều đặn như cán bễ thợ rèn. Không có lâu đài, không có vườn hoa, không có tượng đồng ở công trường. Chỗ nào cũng giống chỗ nào: những công thợ đều

làm theo một kiểu là hình khối vuông: Tòa án, nhà thương, trường học, nhà thờ, những khối vuông có trở hoặc ít nhiều cửa tùy theo nhu cầu.

Khi chúng tôi tới gần Văn Xá thì đồng hồ đã chỉ ba giờ chiều. Mặt trời sáng chói trên nền trời xanh. Nhưng chúng tôi càng gần tới tỉnh thì trời càng tối dần. Ở khoảng giữa trời và đất có một lớp mây khói nặng nề đùn lên từ những ngọn ống khói cao. Đã hơn một giờ, chúng tôi nghe thấy những tiếng âm ẩm như sóng biển đang lên, đó là tiếng máy quạt, tiếng búa, tiếng chày.

Tôi biết chú anh An Sinh là thợ mỏ tỉnh Văn Xá, ở lò Thụy Khê và chỉ biết có thế thôi. Ông ta ở ngay trong tỉnh hay ở ngoại ô, tôi không biết. Khi vào tỉnh tôi hỏi đường đến lò Thụy Khê thì người ta trở tôi sang tả ngạn sông Đinh-giang, rồi đến một thung lũng, đấy là mỏ Thụy Khê: lấy tên con suối chảy qua đó.

Cảnh tượng thành phố đã buồn, cảnh tượng thung lũng lại tẻ ngắt. Một vòng đồi trọc không cây, không có bao quanh như một hàng rào bằng đá xám liên tu thỉnh thoảng chen vào một

lườn đất đỏ. Ở lối vào thung lũng có dựng những nhà xây, những kho chứa, những chuồng ngựa, những văn phòng, những ống khói của nhà máy chạy bằng hơi nước, và chung quanh những đồng than, đồng đá.

Khi chúng tôi đi gần đến sở mở, có một người đàn bà vẻ lơ lảo, tóc xõa ngang lưng, tay kéo một đứa trẻ, đến trước mặt chúng tôi và đứng dừng lại.

Bà ta hỏi:

– Con đường mát ở đâu? Em làm ơn chỉ giúp.

Tôi đứng sững người, kinh ngạc.

Bà ta nói tiếp:

– Con đường có cây, có bóng râm, bên cạnh có suối reo, có chim hót ấy mà!

Rồi bà ta huýt một điệu sáo vui vui.

Bà ta thấy tôi không trả lời và có lẽ không biết tôi kinh ngạc, lại nói:

54 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Em không biết con đường ấy à? Đáng tiếc. Vậy nó hãy còn xa? Ở tay phải hay tay trái? Em hãy bảo ta. Ta kiểm mãi và không thấy,

Bà ta nói liến láu, một tay khoa lên, một tay xoa đầu đứa con trai.

– Ta hỏi em con đường ấy vì ta chắc gặp Mạc Lữ ở đó. Em có biết Mạc Lữ không? Không à? Mạc Lữ là cha đứa con ta. Khi anh bị khí nổ trong lò than đốt bỏng, anh chạy ra con đường đó cho dịu vết thương. Anh biết con đường đó, ta không biết. Vì thế đã sáu tháng nay ta tìm anh không thấy. Sáu tháng rồi, dài quá, dài quá, cho những người yêu nhau. Sáu tháng, sáu tháng rồi, trời ơi!

Bà ta quay vào sờ mỗ, vẽ mặt căm thù, xĩa tay vào những ông đang nhả từng cuộn khói lên trời và hét lên:

– Việc làm dưới đất! Việc làm dưới âm phủ! Người hãy trả Mạc Lữ cho ta! Trả chồng ta đây!

Rồi bà ta quay ra bảo tôi:

– Em không phải là người ở đây phải không?

Trông áo da cừu kia ta biết em ở xa mới đến. Em thử vào nghĩa địa kia xem. Em đếm một, hai, ba, một, hai, ba đếm đi! Tất cả những người nằm đó đều chết vì mỏ cá.

Rồi bà ta kéo con lại, ôm chặt vào cánh tay, nhìn lũ ống khói và nói:

– Còn thằng Thạch, con ta đây, ta quyết không khi nào để người bắt được đâu... Nước ngọt, nước mắt! Con đường đó ở đâu?... À thế mày không biết à? Mày cũng như những đứa khác cứ nhe răng cười à? Sao mày lại bắt ta đứng đây? Mạc Lư đang chờ ta!

Xong bà ta ngoắt mình lại, vừa đi vừa huýt sáo một cách tự nhiên.

Tôi hiểu ngay đó là một người đàn bà hóa điên vì chồng mới chết bởi một tai nạn ở mỏ.

Dưới bầu trời u ám, trong khung cảnh buồn thiu, việc gặp người đàn bà điên vì đau khổ này, ở ngay cửa mỏ làm cho chúng tôi chán ngán vô cùng. Người ta chỉ lối cho chúng tôi đến nhà ông An Thiện, chú cậu An Sinh. Ông ở gần mỏ, trong

56 | Dịch giả: Hà Mai Anh

một phố ngoằn ngoèo và dốc đi từ sườn đồi ra phía bờ sông. Đến nơi, tôi hỏi một bà đứng tựa lưng vào cửa đang nói chuyện với một bà hàng xóm cũng đứng tựa lưng vào cửa bên cạnh, bà ta cho tôi biết là tan tầm sáu giờ ông mới về.

Bà hỏi:

– Em muốn hỏi ông ấy việc gì?

– Tôi đến thăm anh An Sinh.

Bà liền nhìn tôi từ đầu xuống chân rồi lại nhìn Lãnh Nhi, bà hỏi:

– Em là Lê Minh phải không? An Sinh thường nhắc đến em và có ý đợi em.

Và bà ta trở Mã Tư:

– Còn em này là ai?

– Thưa bà, bạn tôi.

Đó là thím cậu An Sinh, tôi tưởng thế nào bà cũng mời chúng tôi vào nghỉ vì chân chúng tôi lấm láp và mặt chúng tôi cháy nắng đã quá biểu

lộ vẻ nhọc mệt của chúng tôi. Nhưng bà ta không mời gọi gì cả. Bà chỉ nhắc lại rằng 6 giờ An Sinh mới về, khác nào như đuổi chúng tôi. Người ta đã không mời thì chúng tôi cũng chẳng xin. Tôi cảm ơn bà ta rồi kéo nhau ra phố tìm hàng bánh mì, vì chúng tôi đã đói bụng, ăn từ sáng đến giờ rồi còn gì. Nghĩ sự tiếp đãi của bà thím kia mà tôi xấu hổ vì tôi thấy Mã Tư như có ý nghĩ ngại. Vượt hơn ngàn cây số đến đây chả hóa ra vô ích lắm sao?

Hình như Mã Tư có một ý tưởng không được tốt đẹp về các bạn của tôi. Mã Tư sẽ không tin tôi nữa. Tôi cố giữ sao cho anh khỏi vì thế mà bỏ lòng thiện cảm đối với Lệ Hoa.

Thái độ nhạt nhẽo của thím cậu An Sinh làm cho tôi không muốn trở lại nữa. Chúng tôi định trước sáu giờ sẽ đến đợi An Sinh ở cửa mở.

Sở mở Thụy Khê gồm ba lò: lò Thánh Duy Liên, lò Thánh An Phong, lò Thánh Phan Cát. Theo tục của dân mở, khởi đào ngày nào thì xem lịch lấy tên thánh ngày đó đặt tên lò, một là đã làm lễ động thổ, hai là để nhớ ngày hưng công.

58 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Những lò đó là lò kéo than, lò thông khí và lò rút nước chứ không phải là chỗ để thợ lên xuống. Muốn lên, xuống, người ta đã có một đường hầm riêng, đi từ nhà chứa đèn xuống đến tầng khai than thứ nhất rồi ở đó lại chia ra làm nhiều lối thông với các phần khác. Đi đường riêng như thế lợi được hai điều. Trước hết người ta không sợ dây đứt hoặc thùng vắt vào thành lò mà quảng người xuống một cái hố sâu hơn hai ba trăm mét. Người ta còn tránh cho thợ những sự di chuyển bằng máy quá nhanh đang ở đáy hầm nóng thành lỉnh lên chỗ lạnh dễ mắc chứng sưng màng phổi hoặc bệnh phế viêm.

Tôi đứng đợi ở cửa hầm với Mã Tư và Lãnh Nhi. Sáu giờ điểm xong độ vài phút, nhìn xuống hầm sâu thăm và tối mò, tôi thấy những điểm sáng lấp lư và lớn dần ra. Đó là những thợ mỏ làm việc xong, xách đèn lên mặt đất. Họ đi thông thả, bước nặng nề hình như bị nhức gối. Tại sao họ đều như thế? Về sau tôi mới biết vì chính tôi có dịp xuống tầng hầm cuối cùng bằng thang. Mặt họ lợ lem như trát mỡ hóng, quần áo và mũ dính đầy than hay những vấy bùn còn ướt. Khi

qua nhà đèn, người nào cũng treo đèn của mình vào một cái đình.

Tôi nhìn ngang, nhìn ngửa, chẳng thấy An Sinh đâu. Chợt có người chạy đến ôm lấy cổ tôi, tôi mới biết là anh. Anh đen từ chân lên đến đầu khác hẳn với anh bạn ngày nào chạy tung tăng trong vườn, áo sơ-mi cụt tay và cổ bẻ trông rõ làn da trắng mịn, nên khó mà nhận ra.

Cậu quay lại nói với một người đàn ông trạc độ 40 tuổi đi bên cạnh cậu, khuôn mặt tươi tỉnh và hiền lành giống hệt cha cậu, điều này không khiến tôi lấy làm lạ vì hai ông chính là anh em ruột:

– Thưa chú, đây là anh Minh.

Tôi hiểu đó là ông An Thiện.

Ông nói:

– Chúng ta đợi em đã lâu.

– Đường từ Ba Lê về đây xa lắm.

Ông cười và nói:

60 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Mà chân em thì ngắn, phải không?

– Vâng, chính thế.

Lãnh Nhi được gặp An Sinh cũng mừng lắm, căn tay áo anh mà lồi.

Tôi giới thiệu Mã Tư với ông An Thiện: anh là một người bạn tốt, một đoàn viên của tôi, tôi quen biết đã lâu, vừa mới lại gặp anh, thối kèn rất giỏi.

Ông nói:

– Còn Lãnh Nhi kia, phải không? Mai là chủ nhật, lúc nào rồi, hai anh sẽ diễn trò cho chúng tôi coi. An Sinh khoe rằng con chó này khôn như người, có khi hơn người.

Tôi chán bà thím bao nhiêu thì tôi lại ưa ông chú bấy nhiêu. Ông thực xứng đáng là em ông An Thanh.

– Hai cậu cứ nói chuyện với nhau đi, chắc là lắm chuyện lắm, để tôi tiếp chuyện bạn nghệ sĩ có tài về môn thối kèn này.

Chuyện chúng tôi kể đến một tuần không hết. An Sinh hỏi tôi về cuộc hành trình, tôi hỏi anh về đời sống mới. Hai người chỉ kịp hỏi nhau và kịp trả lời nhau. Chúng tôi đi chậm lại. Những đám thợ đi sau vượt qua chúng tôi đi thành hàng dài chật cả phố. Người nào trông cũng đầy bụi đen như bụi ở mặt đường. Khi gần về đến nhà, ông An Thiện bảo chúng tôi:

– Mời các anh về ăn súp với tôi.

Lời mời đó làm tôi rất vui, vì trong khi đi đường, tôi cứ băn khoăn, lúc tới cửa có nên vào không, vẻ lãnh đạm của bà thím đã làm tôi mất cả nhuệ khí. Đến nhà, ông giới thiệu với bà vợ:

– Đây là em Minh và người bạn nhỏ.

– Tôi đã biết vì các em đã đến ban này.

– Thế thì hay lắm. Tối nay cho các em ăn súp.

Tôi rất sung sướng được ngồi ăn và nói chuyện với anh An Sinh tối nay và thật ra tôi cũng rất sung sướng sẽ được ăn súp. Từ ngày rời Ba Lê, chúng tôi ăn đường, ăn chợ, khi ăn bánh

62 | Dịch giả: Hà Mai Anh

nóng, khi bánh khô, không bao giờ ăn ra bữa, và được ngồi ghế với đĩa súp trên bàn. Với số tiền kiếm được, chúng tôi rất có thể vào tiệm ăn uống đàng hoàng nhưng chúng tôi phải tiết kiệm mua bò cho ông Hoàng. Mã Tư cũng là người tốt, rất sung sướng khi nghĩ đến việc tậu bò.

Tiểu thay, tối hôm đó, cái món ăn ao ước ấy chỉ là vật vô hình. Tôi ngồi vào bàn, đợi mãi không thấy súp dọn ra. Ở đây, công ty Mỏ đã mở những hăng lớn bán đủ thứ thực phẩm, với giá vốn cho thợ thuyền. Cái lợi thực hiển nhiên. Người thợ mua được thức ngon, mà giá hạ, tiền không phải trả ngay, sẽ tính trừ vào kỳ lương. Do đó, họ không phải mua sỉ ở các hiệu buôn nhỏ, chém rất nặng và tránh được công nợ.

Tuy nhiên, tất cả những việc hay, có cái lợi thì cũng có cái hại. Ở Văn Xá, các bà vợ công nhân có cái tập quán ăn không ngồi rồi trong khi chồng làm lụng vất vả ở dưới hầm than. Họ sang nhà này nhà nọ lấy cà phê và bánh ngọt ở hăng về ăn uống với nhau, họ ngồi lê đôi mách, đến khi chồng đi làm về, họ không kịp nấu súp. Lúc

đó, họ chạy ra hăng lấy dôi, lấy thịt về ăn. Không phải nhà nào cũng thế, nhưng kiểu này rất nhiều.

Cũng vì bà thím áp dụng kiểu này nên bữa đó, chúng tôi không có súp. Bà có tật lười biếng, bép xép, lảm mồm. Mãi sau tôi mới biết trong sổ mua chịu hàng của bà chỉ độc có hai khoản: khoản cà phê, sô cô la và khoản ba tê và xúc xích. Ông chú là người dễ tính, thích yên tĩnh. Ông chịu ăn mãi xúc xích và không kêu ca gì. Đôi khi ông nói rất nhẹ nhàng. Ông cầm cốc rượu bảo:

– Tôi không thành người nghiện rượu vì tôi có đức tính. Chiều mai cố làm súp ăn.

– Thì giờ đâu?

– Thì giờ ở trên mặt đất ngắn hơn thì giờ ở dưới hầm hay sao?

– Ai vá cho? Ông vận hại quần áo quá!

Lúc đó, ông nhìn vào quần áo ông, lem luốc những than và sờn rách nhiều chỗ. Ông nói:

– Chỉ vì ta ăn mặc sang quá ông Hoàng.

64 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Bữa ăn chấm dứt rất chóng.

Ông chú bảo tôi:

– Con! Con ngủ với An Sinh.

Rồi quay bảo Mã Tư:

– Còn con, con cùng ta xuống bếp, dọn ổ cỏ nằm rất tốt.

An Sinh và tôi, chúng tôi cùng nhau qua một đêm trắng để chuyện trò.

Ông An Thiện làm thợ cuốc nghĩa là ông có công việc dùng cuốc để vạc những khối than mỏ. An Sinh giữ chân đẩy goòng, trên đường sắt ở dưới hầm. Khi than đã chất đầy. An Sinh phải đẩy ra đến cửa lò, đến đó, người ta móc dây cáp vào và cho máy trục kéo lên mặt đất.

Tuy mới làm thợ mỏ, An Sinh đã yêu nghề và thích mỏ. Anh cho mỏ Thụy Khê là một mỏ đẹp nhất và lạ nhất. Anh khéo kể lại, ai nghe cũng lấy làm thú.

Muốn xuống mỏ, trước hết phải qua một

đường hầm khoét trong đá. Đi độ 10 phút đến một cái bệ có nhiều bậc dốc, chân bệ nối với một cái thang dài bằng gỗ, chân thang này lại có một cái bệ nhiều bậc, cũng nối với một cái thang gỗ nữa, thì đến tầng hầm thứ nhất, cách mặt đất 50 mét. Muốn xuống tầng hai, sâu 90 mét và tới tầng ba sâu 200 mét, người ta cũng phải qua một hệ thống bệ thang như trên. Tầng ba này là chỗ làm việc của An Sinh. Như vậy, muốn tới công trường của anh, anh phải đi gấp ba lần đường hơn người lên tháp chuông nhà thờ Đức Bà ở Ba Lê.

Không những thế, cầu thang tháp chuông nhà Thờ sáng sủa và có những bậc đều đặn, lên xuống dễ. Cái thang xuống hầm không thế. Những bậc phải đẽo theo lườn đá nên có bậc cao, có bậc thấp, có chỗ rộng, có chỗ hẹp rất khó đi. Ngoài ánh sáng ngọn đèn xách ở tay không còn ánh sáng nào khác. Lối đi lúc nào cũng trơn vì nước trên trần thấm xuống, rỏ từng giọt, đôi khi rơi vào mặt lạnh toát.

Xuống sâu 200 mét cũng khá dài, nhưng chưa hết. Người thợ còn phải theo những đường khác

66 | Dịch giả: Hà Mai Anh

để đến chỗ làm việc. Tất cả đường hầm và các chi nhánh ở mỏ Thụy Khê tổng cộng lại có tới từ 35 đến 40 cây số. Dĩ nhiên là một người không phải đi khắp 40 cây số đó. Chỉ đi một đoạn cũng đủ mệt rồi, nhất là những chỗ phải lội. Nước ở hai bên khe đá rỉ ra, chảy vào giữa đường thành suối, đến cửa lò đã có máy bơm lên mặt đất.

Đường nào được đào trong đá thì vững vàng như những tụy đạo (hầm) xe lửa. Những đường phải xuyên qua những chỗ đất dễ lở phải có gỗ đỡ trần và chặn vách. Mặc dầu người ta đã dùng rất nhiều khúc gỗ thông để chống đỡ cho đất khỏi sụp, nhưng nhiều chỗ sức ép của đất nặng quá làm oằn cả gỗ khiến cho những lối đi thu hẹp lại hoặc sụt xuống chỉ còn khe để lách hoặc bò.

Những trần và vách gỗ đâm ra những nấm, những rêu xộp và trắng như bông. Gỗ lên men, xông ra một mùi hăng hắc. Trên những nấm, những rêu, những cây không tên, người ta thấy những thứ ruồi, nhện và bướm, hình thù khác hẳn với các con cùng giống ở trên mặt đất. Có rất nhiều chuột chạy nhanh như biến và những con

dôi hai chân bám chặt lấy trần, đầu lộn xuống đất.

Những đường hầm giao nhau, nhiều chỗ như những ngã tư ở thành phố Ba Lê. Cũng có những khoảng rộng đẹp như ở các đại lộ, cũng có những khoảng thấp và hẹp như trong các ngõ hẻm. Tuy nhiên cái thành phố ở dưới đất này không được soi sáng bằng những thành phố trên đất về ban đêm, vì không có những cột đèn lồng hoặc ánh đèn gaz, chỉ có những đèn tay lí tí của thợ mỏ.

Trong hầm, dù thiếu ánh sáng nhưng những tiếng động đã nói lên rằng đây không phải là xứ của người chết. Ở công trường sở than người ta nghe thấy tiếng thuốc nổ ù ù và ngửi thấy mùi khét, mùi khói do luồng hơi đưa đến. Trong đường hầm, tiếng goòng chạy âm âm. Trong lò sâu, những tiếng thùng than kéo lên, cọ vào đường dây kên kên kết. Cuối cùng là những tiếng ình ình của các máy bơm nước ở tầng thứ hai.

Chỗ đáng chú ý nhất là ở các ngách, nghĩa là những đường đục theo sườn mạch than. Ở đó

68 | Dịch giả: Hà Mai Anh

thợ mỏ phải cời trần, nằm nghiêng mình hay quỳ gối để cuốc than.

Những than này được đưa xuống nền để xếp lên goòng đẩy ra cửa lò kéo than. Đó là cảnh tượng những ngày làm việc trong mỏ. Tuy nhiên một đôi khi cũng xảy ra tai nạn. Hai tuần lễ sau khi An Sinh đến Văn Xá, anh đã được mục kích một tai nạn mà suýt nữa anh cũng bị hại: khí ghi du nổ! Ghi du là một thứ khí cháy được, có rất nhiều ở dưới hầm than, hễ gặp lửa là nổ bùng ra. Không gì ghê gớm bằng nạn hơi nổ đó, nó đốt hết làm tan vỡ hết bất cứ thứ gì ở trên luồng nó đi. Người ta có thể ví nó như kho thuốc súng phát nổ. Chỉ một đèn bỏ ngỏ hay một que diêm cháy đưa đến chỗ có khí ghi-du, lập tức tất cả khu hầm đó, khí cháy bùng và nổ như tiếng bom. Nó phá mọi thứ trong mỏ và làm tung cả những mái lò nữa. Một đôi khi, nhiệt độ cao quá, đốt cháy than thành xỉ. Sáu tuần lễ trước đây, nạn nổ đó đã giết chết 10 người. Vợ một nạn nhân thương chồng quá hóa điên. Đó là người đàn bà mà tôi đã gặp, bà ta dắt con đi tìm con đường mát.

Người ta đã dùng mọi cách để đề phòng tai nạn đó. Việc cấm thợ thuyền hút thuốc là quan trọng. Các viên kỹ sư đi tuần thường bắt họ hà hơi vào mặt mình để kiểm xem ai đã trái lệnh. Rồi đến việc dùng đèn Đa Vy, một thứ đèn do nhà bác học nước Anh tên là Đa Vy, phát minh ra. Đèn này có cái chóp kín đan bằng sợi kim loại rất sát, ngọn lửa không bốc ra được. Như vậy dù có đem đến chỗ có khí ghi du, khí cháy lọt vào chỉ nổ bên trong đèn thôi, không lan ra ngoài được vì lưới kim loại đã làm nguội phần nào sức nóng của lửa nổ phát ra. Đèn tắt, người ta biết ngay chỗ đó có ghi-du, phải quạt mạnh cho thông khí đi. Những điều An Sinh kể lại kích thích hiếu kỳ của tôi đã có sẵn từ khi mới đến Văn Xá, tôi chỉ ước ao được xuống mỏ xem. Hôm sau tôi ngỏ ý đó cho ông An Thiện biết, ông bảo không được vì chỉ có ai làm ở mỏ mới được phép xuống thôi. Rồi ông lại cười và bảo tôi:

– Nếu con muốn làm thợ mỏ, rất dễ. Lúc đó tha hồ mà xem. Vả chẳng nghề làm mỏ không phải là một mạt nghệ. Nếu con sợ mưa nắng, việc này rất thích hợp với con. Dù sao, cũng còn hơn

là đi hát rong, Con sẽ ở với An Sinh, ý con thế nào? Mã Tư cũng sẽ có việc làm, mà không phải là việc thổi kèn đâu!

Không phải là vì mỏ mà tôi tìm đến đây. Tôi còn có một phận sự khác, một mục đích khác, cần cho tôi hơn là suốt ngày chỉ có việc đẩy goòng than ở tầng nhì hay tầng ba của mỏ Thụy Khê.

Tôi đành bỏ sự ao ước của tôi. Mai mốt tôi đi. Tôi đành biết mỏ Thụy Khê qua câu chuyện của An Sinh kể lại và những điều ông An Thiện đã bảo tôi. Nhưng do một trường hợp xảy ra rất ngẫu nhiên, tôi lại được đóng vai một người thợ mỏ và do đó mắc một tai nạn ghê gớm ở dưới hầm.

CHƯƠNG XXIV

PHU ĐẦY GOÒNG

Nghề làm mỏ không phải là một nghề làm hại sức khỏe. Trừ một vài bệnh sinh bởi thiếu khí trời và thiếu ánh sáng lâu ngày làm cho người xanh xao, người thợ mỏ vẫn được lành mạnh như người nông phu ở trên đồng ruộng. Người thợ mỏ còn hơn người làm ruộng ở chỗ không phải dầm mưa dãi gió hay bị nắng cháy da, rét cắt ruột. Tuy nhiên, người thợ mỏ thường gặp nhiều nguy hiểm như đất sụt, khí nổ, hầm lụt cùng những tai nạn do việc làm vụng về, bất cẩn gây nên.

Trước hôm tôi định từ già Văn Xá, chiều hôm đó, An Sinh đi làm về, bàn tay phải bị sưng và và một ngón tay bị giập. Anh đã vô ý để một khối than đè phải.

72 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Thầy thuốc của Công Ty đã đến ngay chỗ làm và băng bó cho anh. Bệnh tình không nặng lắm tay anh sẽ lành, ngón tay cũng thế, nhưng anh cần phải nghỉ ngơi.

Ông An Thiện có tính gặp sao chịu vậy, không buồn rầu mà cũng không bức tức. Duy có điều làm cho ông nóng ruột là thiếu An Sinh việc làm của ông bị ngăn trở. Khi ông thấy nói An Sinh phải nghỉ vài hôm, ông kêu trời! Ai làm thay cho An Sinh bây giờ? Không có ai cả. Nếu phải có người, thay vĩnh viễn thì tìm được, chứ cần người làm giúp một vài ngày thì không kiếm đâu ra.

Ông chạy khắp nơi để mượn người nhưng lại về không. Ông đứng ngồi không yên. Nếu không tìm được ai thay An Sinh thì bắt buộc ông cũng phải nghỉ. Ông mà nghỉ nữa thiệt cho quỹ gia đình đã chẳng dồi dào.

Đứng trước cảnh đó, tôi nghĩ âu cũng là một dịp để đền ơn biệt đãi mà ông đã dành cho tôi, tôi liền hỏi ông:

– Việc đẩy goòng có khó lắm không?

– Không gì dễ hơn. Chỉ có việc đẩy cái xe cho nó chạy trên đường sắt.

– Xe có nặng lắm không?

– Không nặng lắm vì An Sinh có thể đẩy được.

– Con làm được không?

Ông cười lớn rồi nghiêm trang bảo tôi:

– Nếu con vui lòng, con có thể làm được.

– Con rất vui lòng vì có thể giúp ích cho ông.

– Con là đứa trẻ có tâm địa tốt. Được rồi. Sáng mai con sẽ cùng ta vào mỏ. Con giúp việc cho ta thực đấy, nhưng may ra cũng có ích cho con. Con sẽ làm quen với nghề và thích nghề, còn hơn là nay đây, mai đó, thất thủ trên đường; ở mỏ lại không phải sợ chó sói.

Khi tôi tạm thay An Sinh xuống mỏ thì anh Mã Tư sẽ làm gì? Không lẽ để anh ngồi nhà ăn

hại ông An Thiện, tôi hỏi anh có thể hàng ngày cùng Lãnh Nhi đi quanh phố diễn trò không, anh ưng thuận ngay. Anh vui vẻ nói:

– Tôi rất sung sướng được đi kiếm tiền một mình, thêm vào để mua bò.

Đã ba tháng nay chúng tôi chung sống với nhau, anh được ở nơi thoáng khí. Mã Tư trông không giống nữa, đứa trẻ còm cõi, buồn rầu mà tôi gặp ở cửa nhà Thờ Thánh Mê Đa hôm nào, và càng không giống nữa, cái quái thai ốm yếu mà tôi trông thấy lần thứ nhất ở bếp nhà Phú Lợi, vừa ngồi canh nồi súp, vừa ôm cái đầu bị thương. Mã Tư bây giờ hết đau đầu, hết buồn bã, hết còm gầy. Nếu cái vựa cỏ ở phố Lục Sinh đã làm cho anh hao mòn; thì ánh sáng và trời ở nơi khoáng đãng đã đem lại lành mạnh và vui tươi cho anh.

Trên đường trường, khí sắc anh lúc nào cũng vui vẻ, nhìn mọi vật bằng con mắt lạc quan, gặp cái gì cũng đùa, điều nhỏ mọn cũng đặc ý, khôi hài, cười cợt luôn. Đã bao lần tôi mệt mỏi, tôi lo buồn, nếu không có anh ở bên cạnh thì tôi đã trở nên thế nào?

Tính nết của chúng tôi không giống nhau, có lẽ vì khí chất, vì bản lĩnh của mỗi người mà có lẽ cũng vì dòng giống, vì chủng tộc nữa.

Anh là người Ý. Anh lúc nào cũng hòa nhã, vô tâm, cần cù làm những việc khó không nóng nảy và phát khùng, khác xa với người nước tôi hay có tính phản kháng và chống đối lại.

Chắc quý độc giả muốn hỏi tôi:

– Thế em người nước nào? Em cũng có quê hương, xứ sở à?

Tôi sẽ xin trả lời sau vì hiện giờ tôi chưa biết. Và tôi chỉ muốn nói rằng Mã Tư và tôi, hai người không giống nhau. Tuy nhiên chúng tôi rất bằng lòng nhau, cả những khi tôi dạy anh học “nốt” nhạc hay học chữ. Về âm nhạc, anh học rất dễ dàng, nhưng về tập đọc, thì khó khăn quá, lắm lúc tôi không giữ được bình tĩnh và khoan dung như các nhà giáo huấn. Nhưng chẳng bao giờ xảy ra sự xích mích cả. Mặc dầu nhiều lần tôi tỏ ra bất công, Mã Tư không hề oán giận tôi.

Chúng tôi đã ấn định rằng ngày mai tôi đi làm mỏ, Mã Tư sẽ đi diễn trò để kiếm tiền thêm. Tôi cũng cắt nghĩa cho Lãnh Nhi nghe, nó hiểu ý và ve vẩy đuôi.

Sáng hôm sau, người ta cho tôi mặc quần áo An Sinh. Sau khi dặn dò Mã Tư và Lãnh Nhi lần nữa, tôi theo ông An Thiện vào mỏ.

Ông trao cho tôi cái đèn và bảo:

– Phải cẩn thận! Con theo bước chân ta, khi xuống thang, phải nắm chắc bậc sau thì mới buông bậc trước ra.

Chúng tôi xuống hầm, ông đi trước, tôi theo sau. Ông dặn tiếp:

– Nếu trượt chân ở trên bậc đá, phải cố níu lại đừng để lăn đi vì đáy hầm sâu và rần lăm đấy!

Tôi không cần phải nghe câu nói đó mới hồi hộp, vì từ lúc bước chân vào hang tối, tôi đã rờn rợn rồi. Tự nhiên, tôi chùn bước ngay và quay lại phía sau, nhưng chúng tôi đã vào quá sâu rồi. Ánh sáng cửa hầm xa trông tròn tròn và trắng

trắng khác như mặt trăng hiện trên nền trời đen tối và không sao. Tôi hơi xấu hổ về cái cử chỉ nhút nhát đó và tôi mạnh dạn theo ông An Thiện.

Chợt ông bảo:

– Đến bậc đá rồi.

Chúng tôi đứng trước một cái lỗ đen ngòm, sâu thăm thẳm, tôi trông thấy những đốm sáng lung lay, trước còn to, sau tiếng xa và nhỏ dần đi, đó là ánh đèn của những người thợ đã xuống trước chúng tôi. Tiếng họ nói chuyện nghe rì rầm không rõ. Một luồng khí nóng đưa lên, tạt vào mặt chúng tôi, tôi ngửi thấy một mùi hăng hắc như là mùi ê te và ét săng trộn với nhau.

Đi hết bậc đá đến thang gỗ, hết thang gỗ lại đến bậc đá. Ông An Thiện bảo tôi:

– Chúng ta đến tầng thứ nhất rồi.

Tôi nhìn thấy một đường hầm, khung tò vò, hai bên tường thẳng và xây gạch. Khung vòm cao hơn đầu người, nhưng cũng có chỗ phải cúi mình

mới đi qua được hoặc vì vom tụt xuống, hoặc vì đất dồn lên.

Ông An Thiện nói:

– Đó là sức đẩy ép của đất. Vì thân núi chỗ nào cũng đục rỗng, đất tìm những chỗ trống tràn vào. Khi nào đất nặng quá, nó đè bẹp đường hầm.

Trên mặt đất có những đường sắt xe hỏa và suốt dọc đường hầm có một dòng suối con.

Ông bảo tôi:

– Suối này do nước thấm vào sinh ra, hợp với những suối khác thành một dòng lớn chảy ra giếng cửa lò. Tính ra có tới một ngàn hay ngàn hai mét nước mà máy bơm mỗi ngày phải đưa lên mặt đất và trả về sông Đĩnh giang. Nếu máy đó ngừng hoạt động thì mỏ sẽ đầy nước ngay. Nói tóm lại, hiện giờ chúng ta đang đứng ở gần sông Đĩnh giang.

Tự nhiên tôi chực quay lại, ông cười to và bảo:

– Đáy sông còn cách đây hơn 50 mét. Sợ gì nó dội vào đầu!

– Nếu có lỗ rò thì sao?

– Phải, có thể lắm. Cũng có những mỏ phải đề phòng nạn lụt, nhưng ở đây thì không. Ở đây chỉ có khí nổ và đất sụt, nhưng ít khi xảy ra.

Lát sau đến công trường, ông An Thiện chỉ dẫn việc làm cho tôi. Khi toa than của chúng tôi đầy, ông đẩy cùng tôi và dạy cách đẩy ra cửa lò, cùng cách rẽ sang đường tránh khi gặp những toa khác tiến đến.

Tôi có thể nói được đó không phải là một nghề khó khăn. Chỉ trong một, hai giờ, nếu tôi không thạo lắm thì tôi cũng tạm được. Phàm làm nghề gì cũng phải khéo tay và có tập quán thì mới đạt được. Tôi thiếu hai yếu tố đó, phải dùng sức cố gắng để thay vào, nên việc làm được ít mà mệt thì nhiều. May sao cái đời sống cần lao trong mấy năm nay và nhất là cuộc lũ hành trong ba tháng vừa qua đã luyện cho tôi tính nhẫn nại nên tôi đã khắc phục được mệt nhọc và không phàn

nàn gì. Ông chú khen tôi là một đứa trẻ đủ điều kiện thành một người thợ mỏ tốt.

Nhưng, tôi muốn xuống hầm mà tôi không muốn ở đó vì tôi có tính hiếu kỳ chứ tôi không có chí hướng.

Muốn sống ở hầm phải có nhiều đặc tính mà tôi không có. Phải có tính ưa yên lặng, thích vắng vẻ và tĩnh tâm. Phải quen sống những giờ, những ngày dài đằng đằng với khối óc thu hẹp lại, không trao đổi một lời nào, không giải trí một phút nào. Mà tôi thì quen sống cái đời khoảng vắng, suốt ngày chỉ có đi với hát, không sở trường về các phương diện nói trên, nên cảm thấy buồn lắm. Buồn thực! Suốt ngày đẩy xe trong hang tối, ngoài ánh sáng le lói của chiếc đèn tay, không còn ánh sáng nào khác, ngoài những tiếng bánh xe lăn, tiếng lội nước bì bõm, thỉnh thoảng lại nghe mình nổ trong vắng lặng làm cho âm khí nặng nề thêm.

Riêng việc xuống hầm, lên hầm cũng đã vất vả, không kể phải làm ở đó suốt 12 tiếng đồng hồ. Bữa trưa ăn ở mỏ, buổi tối mới được về nhà.

Cạnh công trường của ông An Thiện, tôi có một người bạn đẩy xe, đáng lẽ là một đứa trẻ như tôi, lại là một ông già râu bạc; khi tôi nói râu bạc, xin quý độc giả hiểu cho rằng: bộ râu chỉ trắng trong ngày chủ nhật vì được tẩy rửa, còn từ thứ hai đến thứ bảy nó cứ xám dần thành sắc đen. Ông già năm nay hơn 60 tuổi. Ngày còn trẻ, ông làm nghề thợ mộc cho một sở mỏ, chuyên việc đóng gỗ chống hầm. Một hôm đất sụp, ba ngón tay ông bị kẹp nát, vì thế phải bỏ nghề. Công ty mỏ đó cho ông một khoản lương dưỡng cấp vì ông đã can đảm cứu ba người bạn mà bị què. Ông lĩnh tiền cấp dưỡng được ba năm thì Công ty đó bị vỡ nợ. Ông thành ra túng thiếu, phải xin vào làm chân đẩy goòng ở sở Thụy Khê. Người ta quen gọi ông là « Giáo sư », tức là thầy học trường làng vì ông biết nhiều hơn các thợ mỏ, có khi hơn cả những thầy mỏ và nhất là vì ông thích nói và rất tự hào về kiến thức của ông.

Tôi được quen ông trong bữa ăn trưa. Ông cũng tỏ ý mến tôi. Tôi là một đứa hay hỏi, ông là một người hay nói. Chúng tôi rất tương đắc.

Trong hầm người ta có tính ít nói, thấy chúng tôi nói nhiều người ta gọi chúng tôi là kẻ đa ngôn.

Những chuyện An Sinh đã nói cho tôi nghe chưa thỏa mãn tính hiếu kỳ của tôi. Và những câu ông An Thiện trả lời tôi cũng vẫn còn mờ nghĩa. Đại khái tôi hỏi ông:

– Than đá là gì?

Ông trả lời:

– Là một thứ than rắn như đá.

Ông Võ Tiên ngày trước đã dạy tôi: phàm biết cái gì thì phải biết cho đến nơi đến chốn. Vì thế tôi lại đem câu hỏi trên hỏi giáo sư, thì giáo sư lại trả lời khác hẳn.

Giáo sư nói:

– Than đá chỉ là một thứ than củi. Than củi là do những cây người ta đốn về, đập lò và hầm âm ỉ cho thành than. Than đá cũng là cây, nhưng những cây ở rừng thuở xưa sập xuống và do sức tạo hóa biến ra than, ta muốn nói những rừng cháy, những núi lửa, những động đất thiên nhiên.

Thấy tôi nhìn ông bằng đôi mắt ngạc nhiên, ông nói:

– Bây giờ ta không có thì giờ nói dài vì còn phải đẩy xe. Đến mai, chủ nhật, con đến nhà ta, ta sẽ cắt nghĩa kỹ cho con nghe. Ta có đủ những mảnh than và mảnh đá, nó giúp con hiểu kỹ bằng mắt những điều con nghe thấy bằng tai. Họ trêu và gọi ta là « Giáo sư » nhưng con sẽ biết Giáo sư cũng có ích phần nào. Cuộc sống của con người ta không hoàn toàn chỉ ở trong tay người ta mà còn ở trong đầu óc nữa. Khi ta còn nhỏ, ta cũng có tính tò mò như con. Ta sống trong mờ, ta muốn hiểu tất cả những sự vật ta trông thấy hàng ngày. Ta hỏi các kỹ sư và ta đọc sách. Sau ngày bị nạn ta phải nghỉ việc, ta dùng thì giờ để học. Khi người ta có mắt để nhìn, khi người ta có kính đeo trên mắt để xem sách mãi mãi rồi người ta cũng phải biết. Bây giờ ta không có thì giờ đọc sách, không có tiền mua sách, nhưng ta vẫn còn có mắt, vẫn chú ý học hỏi.

Ngày mai, con sẽ đến chơi, ta rất sung sướng dạy con biết quan sát chung quanh con. Người ta

không biết rằng một lời nói rơi vào cái tai lương hảo có thể bắt rễ nảy mầm. Chính vì ta được dẫn đường cho nhà Đại bác học Bông Nha (Brongniart) trong mỏ than Bét Xe (Bessèges) và được nghe ông giảng giải trong việc tìm xét của ông mà ta học được nhiều điều hay, cho nên bây giờ ta biết hơn các bạn đồng nghiệp của ta đôi chút. Thôi! Để đến mai, con ạ.

Hôm sau, tôi xin phép ông An Thiện để tôi thăm Giáo sư. Ông An Thiện cười và bảo tôi:

– A! Con đã tìm được người nói chuyện. Con cứ đi vì lòng con muốn. Con có thể biết được nhiều cái hay lắm đấy. Nhưng có điều con nên nhớ là nếu nhờ Giáo sư, con biết thêm chút gì, con đừng vì thế mà kiêu hãnh. Chính Giáo sư, nếu Giáo sư không mắc tật đó, thì đã là một người hoàn toàn.

Giáo sư không ở trong thành phố như phần đông những thợ khác. Ông ở một xóm nghèo ngoài thành phố. Nơi này, sườn núi có nhiều hang hốc. Người ta cho ông thuê lại một căn lều,

trong đó ông kê một chiếc giường vào chỗ cao ráo hơn hết. Nói là cao ráo, nhưng cao ráo tương đối trong căn lều thôi, vì dưới bốn chân giường đều có năm cọc. Tuy nhiên, đối với một người thợ mỏ quen dầm chân dưới bùn, dưới nước, quen chịu những giọt nước lạnh rỏ trên lưng, điều đó không lấy gì làm quái ngại. Sở dĩ ông thích ở khu này là vì gần hang núi, tiện việc sưu tầm của ông và tha hồ trữ những mảnh than, mảnh đá còn mang những dấu tích và những vật hóa thạch.

Rồi tôi đến nhà Giáo sư. Ông vui vẻ chạy ra đón và nói:

– Ta đã bảo dầm ít hạt dẻ để thết con, vì nếu thanh niên, có tai, có mắt, thanh niên cũng còn có dạ dày nữa chứ! Cái phương tiện hay nhất để tỏ tình thân ái không gì hơn là làm thỏa mãn được ba điều đó một lúc.

Hạt dẻ dầm nghĩa là hạt dẻ rang lên rồi ngâm vào rượu vang trắng để ăn, đó là một món ăn rất thú vị của người dân miền Xê Viên.

Giáo sư nói tiếp:

– Sau tiệc hạt dẻ, chúng ta sẽ nói chuyện và ta cho con xem những bộ sưu tập của ta. Ông nhấn mạnh hai tiếng « sưu tập » bằng một giọng tự mãn, giọng đó đã chứng minh lời diều cọt của bạn bè. Bộ sưu tập của ông thật súc tích, bày la liệt khắp nhà: những vật nhỏ thì xếp trên giá, trên bàn những vật lớn thì xếp dưới đất. Đã hai mươi năm hay ông góp nhặt tất cả những thứ lạ ông tìm thấy trong khi làm việc. Những mỏ miễn này có rất nhiều thảo vật hóa đá cho nên những mẫu Giáo sư kiếm được rất quý đối với các nhà địa chất học và thiên nhiên học.

Vì tôi muốn chóng được hỏi và được nghe, nên tiệc ăn hạt dẻ chấm dứt rất nhanh.

Ông nói:

– Vì con muốn biết thế nào là than đá, ta cắt nghĩa qua cho con nghe. Ta nói một vài điều sơ lược để con có đủ ý thức xem những vật liệu sưu tập của ta, nó sẽ giúp cho con hiểu hơn ta. Vì tuy người ta có gọi ta là Giáo sư thực, nhưng ta nào phải là nhà bác vật, cái gì cũng biết.

Trái đất mà chúng ta đang ở bây giờ không phải là từ xưa đến nay vẫn thế. Nó đã chịu bao sự biến thiên mà người ta gọi là sự chu chuyển của địa cầu. Đã có thời, nước ta mọc đầy những thứ thảo mộc mà bây giờ chỉ xứ nóng mới có. Thế rồi một trận biến thiên xảy đến, lớp thảo mộc đó bị thay thế bằng một lớp khác, rồi lớp khác lại phải nhường chỗ cho một lớp khác nữa. Hết lớp này đến lớp khác, cứ luân lưu như thế trong khoảng hàng nghìn, hàng vạn, triệu năm không biết chừng. Những lớp cây đó chồng chất lại, đè ép lên nhau, biến đổi dần mà thành những lớp than. Nếu con không tin, lát nữa ta cho con xem những mảnh than và rất nhiều mảnh đá ngầm ở dưới hầm Những miếng than, hoặc đá đó còn giữ nguyên những di tích cành lá như người ta ép những bông hoa trong tập bách thảo vậy.

Như trên đã nói, than đá phát sinh ra bởi sự chồng chất của cây cỏ ở dưới đất: nó chỉ là gỗ biến nát và bị lèn nén lại. Chắc con muốn hỏi: sự chồng chất cây cối đó xảy ra như thế nào? Điều này thực khó trả lời. Thiết tưởng cả đến những nhà bác học cũng không sao cắt nghĩa dứt khoát

được vì các vị đó cũng bất đồng ý kiến về sự phát sinh của than đá. Có những vị cho rằng: tất cả những cây cối đổ bị nước cuốn đi thành những bè lớn chảy ra biển rồi bị hải lưu làm cho lắng xuống đáy sâu. Những vị khác lại nói rằng: những lớp than đá sinh ra bởi sự sụt đọng âm thầm của cây cối, hết lớp này đến lớp khác lần lượt bị chôn vùi ngay chỗ chúng mọc. Về điểm này các nhà bác học đó đã làm những con tính khiến ta phải chóng mặt. Các vị đó tính rằng mỗi mẫu tây rừng rú nếu chặt hết và đặt nằm trên đất, chất gỗ tảo ra cho đều thì chiều dày chỉ đo được 8 ly. Lớp mỏng đó nếu biến ra than thì chỉ còn có 2 ly. Nay có những lớp than đá nằm ở dưới đất dày 20 đến 30 mét. Vậy phải mất bao nhiêu thì giờ để cho những lớp đó biến thành than? Con phải biết một cánh rừng không thể mọc lên trong một ngày được. Ít nhất phải một trăm năm mới thành. Như vậy muốn có một lớp than dày 10 mét, phải có 5.000 cánh rừng mọc một chỗ, kế tiếp nhau sụt xuống đất và phải đợi trong thời gian là 500.000 năm. Đó là một con số làm cho ta kinh ngạc, phải không? Tuy vậy, con số đó cũng

chưa hẳn là đúng, vì những cây cối đó không thể lớp này chết đi, lớp khác mọc ngay lên một cách đều đặn như thế được. Muốn cho một lớp cây mới mọc lên chỗ lớp cây cũ, cần phải có một thời kỳ biến thái để cho lớp cây này thối nát hoặc đổi thể mới đủ nuôi lớp cây mới. Tất nhiên, con nhận thấy 500.000 năm cũng chưa đủ, còn phải nhiều năm nữa. Độ bao nhiêu? Ta cũng không ước đoán được, vì ta không phải là nhà chuyên môn để nghiên cứu vấn đề đó.

Điều cốt yếu là ta muốn con có một ý thức về than đá, để có thể xem và để hiểu những tài liệu của ta. Bây giờ ta chỉ dẫn để con xem.

Cuộc triển lãm kéo dài đến tối, vì mỗi miếng đá, mỗi dấu cây, Giáo sư lại giảng thuyết một hồi dài. Nhờ đó mà tôi hiểu được tất cả những điều trước kia làm cho tôi thắc mắc.

CHƯƠNG XXV

LỤT MỎ

Sáng hôm sau, chúng tôi lại gặp nhau trong mỏ. Ông An Thiện hỏi Giáo sư:

– Thế nào? Giáo sư đã gặp học trò, vừa ý chứ?

– Vừa ý lắm. Nó có tai. Tôi mong nó sẽ có mắt.

An Thiện nói thêm:

– Trong khi chờ đợi, tôi mong nó có cánh tay.

Rồi ông An Thiện đưa tôi vào một góc giúp ông bầy tảng than ra, vì những người đẩy xe vẫn có bốn phận giúp người cuốc than.

Xong tôi đẩy than ra lò Thánh An Phong. Đến chuyển thứ ba, tôi chợt nghe thấy về phía cửa lò có tiếng âm âm dữ dội, mà tôi chưa từng

nghe thấy ở hầm bao giờ. Có phải là đất sụt hay hầm đổ chằng? Tôi lắng nghe. Tiếng động đó lan ra mọi phía. Thế là nghĩa gì? Tôi khiếp quá định leo lên thang, nhưng người ta thường cười tôi nhát, sợ xấu hổ, tôi không chạy. Có lẽ là tiếng mìn nổ, tiếng goòng rơi xuống lò hay chỉ là tiếng đất người ta đổ xuống để lấp những chỗ trống chứ gì.

Chợt một đoàn chuột chạy qua chân tôi như một đạo quân kỵ thất trận rút lui. Rồi tôi nghe như có tiếng nước vỗ vào vách hầm. Chỗ tôi đứng vẫn khô ráo nên không hiểu tiếng đó là tiếng gì. Sau tôi cho đèn sát xuống đất để nhìn. Quả nhiên có nước. Nước chảy từ phía cửa lò ngược lại đường hầm. Những tiếng âm âm liên tiếp là tiếng thác nước trên cao đổ xuống mỏ. Bỏ xe trên đường sắt, tôi chạy về công trường.

– Chú Thiện ơi! Nước vào mỏ.

– Nói bậy.

– Sông Đĩnh giang có lở rò. Chúng ta chạy đi thôi!

– Để ta làm việc.

– Chú hãy nghe con.

Giọng tôi nói run run làm cho ông An Thiện phải dừng tay cốc để nghe. Tiếng ào ào mỗi lúc một to, một dữ. Không còn nghi ngờ gì nữa. Nước chảy vào hầm thật.

Ông kêu lên:

– Ta rút đi cho nhanh! « Nước vào mỏ rồi »!

– « Nước vào mỏ rồi »! Mọi người kêu inh ỏi.

Ông An Thiện vội vớ lấy đèn. Đó là củ chỉ thử nhất của người thợ mỏ mỗi khi gặp biến. Ông hoảng hốt bước trượt luôn.

Chúng tôi đi được 10 bước thì gặp Giáo sư ở đầu đến hỏi chúng tôi:

– Tiếng gì âm âm thế?

An Thiện đáp:

– Nước vào mỏ rồi!

Tôi nói theo:

– Đỉnh giang có lỗ rò.

– Chỉ nói bậy,

Giáo sư bảo tôi:

– Con chạy đi!

Mực nước lên rất nhanh, lúc đó nước chầm đầu gối chúng tôi, vì thế chúng tôi bước rất chậm.

Giáo sư cùng chạy với chúng tôi. Cả ba khi đi qua các công trường đều kêu to:

– Chạy đi! Nước vào mỏ rồi!

Nước dâng lên cuộn cuộn. May sao chúng tôi đã gần đến chân thang. Nếu còn ở xa thì không bao giờ bước tới kịp.

Giáo sư đến chân thang trước và đứng lại. Giáo sư bảo chúng tôi:

– Lên trước đi! Tôi nhiều tuổi hơn và thư tâm hơn.

94 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Không phải là lúc trình bày lễ phép; An Thiện lên luôn, tôi theo sau rồi đến Giáo sư. Một lát sau có mấy người thợ nữa cũng theo lên. Chưa bao giờ chúng tôi vượt 40 mét đường từ tầng hai lên tầng nhất một cách mau lẹ như thế. Nhưng khi lên đến bậc chót, một luồng nước dội vào đầu chúng tôi và làm ngộp cả đèn. Đó là một cái thác!

An Thiện bảo tôi:

– Bám cho chặt!

Ba chúng tôi đều bám riết vào bậc thang để đứng ghì lại. Mấy người lên sau chúng tôi đều bị nước lôi đi cả. Nếu chúng tôi còn cách 10 bậc nữa thì cũng bị cuốn đi như họ vì lúc đó nước đổ xuống như vỡ đê.

Chúng tôi lên được tầng nhất rồi, nhưng chưa phải là thoát thân vì còn 50 mét nữa mới ra đến cửa hang, mà tầng này cũng có nước, lối đi tối mò và đèn tắt cả.

Giáo sư nói giọng bình tĩnh:

– Chúng ta chết đến nơi rồi! Minh ơi, con cầu nguyện đi!

Ngay lúc đó có bảy, tám ngọn đèn tiến đến phía chúng tôi. Lúc đó, nước lên quá đầu gối, không phải cúi mình bàn tay chúng tôi sờ thấy nước. Không phải là một đám nước yên lặng. Đó là một luồng nước cuộn cuộn chảy, gập bất cứ cái gì cũng lôi đi và làm quay những khúc gỗ trên mặt nước như những chiếc lông.

Những người xách đèn đến chỗ tôi định tìm cầu thang gần đó để lên, nhưng nước chảy mạnh như thế lại có nhiều củi gỗ lao theo thì tiến làm sao được.

Những người thợ đó nhắc lại đúng câu Giáo sư vừa bảo chúng tôi:

– Chúng ta chết đến nơi rồi!

Rồi họ lại chỗ chúng tôi.

Giáo sư kêu to:

– Lại cả chỗ này, phải đấy. Ta tìm hầm cũ để lánh nạn.

96 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Hầm cũ là một phần của mỏ đã bỏ hoang từ lâu mà chẳng ai để chân đến bao giờ. Duy có Giáo sư thường kỳ cựa tìm đến để thu lượm tài liệu, mới biết mà thôi.

Giáo sư nói:

– Đi lộn cả lại. Cho tôi cái đèn để tôi dẫn đường.

Thời thường, khi Giáo sư nói gì thì người ta bưng miệng cười hay so vai và quay mặt đi. Những người khỏe nhất vẫn tự phụ về sức lực của mình, năm phút trước đây họ còn nhạo báng Giáo sư, bây giờ cũng cúi đầu nghe theo cả. Tự nhiên, mọi chiếc đèn đều giơ ra cho Giáo sư cả. Ông cầm một chiếc, còn một tay dắt tôi. Ông dẫn đầu. Chúng tôi quay lại, theo chiều nước chảy, nên đi được nhanh.

Tôi không biết phải đi đến chỗ nào, nhưng long tôi có chút hy vọng. Đi được một lúc, không biết là mất mấy phút hay mấy giây vì lúc đó cũng chẳng ai để ý đến thời gian. Giáo sư đứng lại.

Giáo sư nói lớn:

– Chúng ta không đủ thì giờ đến hầm cũ. Nước lên nhanh quá!

Thực vậy, nước đuổi chúng tôi dữ quá, từ đầu gối lên đến thắt lưng đã lên đến ngực rồi.

Giáo sư nói tiếp:

– Chúng ta đành lên hốc đá kia vậy.

– Rồi đi đâu?

– Hốc đá không có lối đi đâu nữa.

Lên hốc đá chẳng khác chi chui vào đáy túi. Nhưng chúng tôi không còn thì giờ để chờ đợi, lựa chọn: lập tức phải lên hốc đá để được sống thêm vài phút với cái hy vọng may ra thoát nạn, nếu cứ đi thì chỉ trong vài giây nữa nhất định bị nước chôn vùi. Do Giáo sư dẫn đầu, chúng tôi leo lên hốc. Hai người trong bọn chúng tôi không nghe, cứ đi thẳng. Những người đó không bao giờ chúng tôi trông thấy lần thứ hai nữa.

Được dừng bước, chúng tôi nghe thấy những tiếng lục ục bên tai mà từ trước mãi đi không để

ý đến: tiếng đất sụt, tiếng sóng cuộn, tiếng nước đổ, tiếng vách gãy, những tiếng nổ do không khí bị đè ép mà tung ra. Đó là những tiếng động hãi hùng phá ra trong toàn mỗ làm cho chúng tôi táng đả kinh hồn.

– Đại hồng thủy!

– Ngày tận thế!

– Hồi Thượng Đế! Cứu vớt chúng con!

Từ lúc lên học đá rồi, Giáo sư không nói gì nữa, vì linh hồn Giáo sư còn cao hơn những lời phàn nàn vô ích.

Giáo sư bảo:

– Các bạn ơi! Không nên để cho thân thể quá mệt nhọc. Nếu chúng ta cứ ghì chân, bám tay mãi thế này, chúng ta không khỏi kiệt lực. Chúng ta phải khoét sâu chỗ đứng cho vững. Những điệp thạch này cũng dễ đào.

Lời khuyên rất hay nhưng khó thực hành, vì không ai mang cuốc. Ai cũng có đèn, ngoài ra

trong tay không còn khí cụ nào khả dĩ đào bới được.

Giáo sư nói tiếp:

– Chúng ta lấy móc treo đèn mà đào!

Thế rồi mọi người đều dùng móc đèn của mình khoét sâu chỗ đất để chân. Chân hốc nghiêng và trơn, việc đào rất khó. Nhưng ai nấy đều hiểu rằng nếu chỗ đứng không vững, lỡ sẩy chân thì mất mạng nên hăng hái làm việc. Chỉ trong mười phút, chúng tôi đã có chỗ đứng vững vàng.

Làm xong, mọi người đều thấy nhẹ mình. Lúc đó mới nhận mặt nhau. Chúng tôi có tất cả 7 người: Giáo sư, ông An Thiện và tôi, ba người thợ cuốc là Ba Điền, Tư Côn, Bảy Nhu và người đẩy xe là Cao Di. Còn những người thợ khác đều mất tích cả.

Trong mỏ vẫn nghe thấy tiếng động âm âm. Không có danh từ gì để gọi đúng những tiếng động hẫ hũng đó, tiếng đại bác hợp với tiếng sấm cũng không to bằng.

Thất đảm, chúng tôi đứng nhìn nhau, như để tìm trong mắt người bạn những lời giải thích mà mình không biết.

Một người nói:

- Đó là một trận đại hồng thủy.
- Là ngày tận thế.
- Nạn động đất.
- Thần Mỏ ra oai.
- Nước tích ở các hầm cũ đổ xuống.
- Một lỗ rò ở đáy sông.

Giả thuyết cuối cùng này là của tôi. Tôi bảo thủ ý kiến của tôi. Giáo sư không nói gì. Ông nhìn từng người một, so vai lên như người đang ở ngoài trời, dưới bóng cây dâu vừa bần cãi vừa ăn một củ hành. Khi đã nghe ý kiến của từng người. Giáo sư phát biểu sau cùng:

- Chắc chắn là một nạn lụt. Sinh ra bởi động đất.

– Do Thần Mỏ báo thù.

– Từ các hầm cũ đổ xuống.

– Bởi lỗ rò của sông Đinh giang,

Mọi người nhái lại ý kiến trước của mình.

Giáo sư nhắc lại:

– Đó là thủy tai.

Nhiều tiếng cất lên để hỏi:

– Rồi sau thế nào? Nước ở đâu đến?

– Tôi không biết, nhưng bảo là do Thần Mỏ thì xuẩn quá, cho là từ các hầm cũ thì chỉ tầng thứ ba bị lụt thôi, nhưng đây lụt cả tầng nhì, tầng nhất. Các bạn phải biết, nước chỉ chảy xuống, không bao giờ chảy ngược lên cao.

– Lỗ rò?

– Không bao giờ lại có một lỗ rò tự nhiên như thế.

– Động đất?

– Tôi không biết.

– Không biết thì nói làm gì!

– Tôi biết là nạn lụt, đó cũng là một điều đáng kể rồi. Nước lụt từ trên chảy xuống đây.

– Cái đó ai chả biết, nước đã chảy theo chân ta là gì!

Từ lúc mọi người được yên vị ở một chỗ khô ráo và nước không lên nữa, hình như họ không cần đến Giáo sư nữa.

– Ông đừng lên mặt thông thái nữa, ông chẳng biết gì hơn chúng tôi.

Trí quả cảm trước nguy hiểm đã cho ông một uy quyền, nhưng bây giờ uy quyền đã mất rồi. Ông im lặng không nói gì.

Chúng tôi lúc đó đều nói thật to để át tiếng động của mỏ, nhưng vô ích, chẳng nghe rõ câu gì ra câu gì.

Giáo sư bảo tôi:

– Con thử nói đi!

– Ông bảo nói gì bây giờ? Nói gì cũng được, cần nói lên thôi.

Tôi nói vài câu:

– Được. Nói nhỏ hơn một chút. Ừ, như thế vừa rồi.

Ba Điền nói:

– Giáo sư ơi! Điền rồi sao?

– Sợ quá hóa rồ rồi à?

– Ông tin rằng ông chết à?

– Tôi tin rằng nước sẽ không bao giờ lên tới đây, tôi tin rằng nếu ta có chết, ta cũng không đến nỗi chết đuối.

– Thế nghĩa là gì? Giáo sư?

– Nhìn ngọn đèn của anh xem.

– Nó đang cháy.

– Nó cháy như thường không?

- Không. Ngọn to hơn và ngắn hơn.
- Vậy có khí nổ không?

Giáo sư đáp:

– Không. Cứ yên tâm. Khí nổ không có, cũng như nước không tài nào dâng lên được nữa.

– Đừng giở trò phù thủy.

– Ta không giở trò phù thủy. Nhưng các anh nên biết rằng chúng ta hiện đang bị úp trong cái chuông đầy không khí. Chính bầu không khí bị ép đó ngăn nước không lên được. Cái hốc kín mít này khác nào như cái chuông của thợ lặn. Nước đã dồn tất không khí ở hãm vào cái hốc này, bây giờ nó ấn xuống không cho nước lên nữa.

Nghe Giáo sư cắt nghĩa, bảo chúng tôi đang ở một thứ chuông thợ lặn, đầy không khí, nước không vào được, mọi người đều lăm bắm không tin.

– Chỉ nói khoác! Nước chả mạnh bằng mấy không khí ấy?

– Mạnh khi nào ở ngoài thôi. Khi anh úp cái cốc không vào chậu nước đây: hỏi rằng nước có ngập lên tới đáy cốc không? Có một chỗ trống. Vậy thì chỗ trống đó là không khí đấy. Ở hốc này cũng thế. Chúng ta đang ở đáy cốc đấy. Nước không bao giờ lên chỗ chúng ta được.

Ông An Thiện nói:

– Tôi hiểu rồi. Giáo sư nói phải đấy.

Tôi nhận thấy các bạn thường chế diễu Giáo sư là nhầm. Giáo sư đã biết nhiều điều mà chúng ta mù tịt.

Cao Dĩ nói:

– Thế thì chúng ta được cứu sống.

– Cứu sống? Tôi không tin thế, Nhưng nhất định rằng chúng ta không bị chết đuối. Cái đã cứu ta là hốc kín, khí trời không ra được. Nhưng ngán thay! Cái đã cứu ta đồng thời nó cũng hại ta. Không khí không ra được vì bị hãm, chúng ta cũng thế, bị giam và không ra được.

– Ra được khi nước rút...

– Rút hay không? Tôi không biết. Muốn biết điều đó cần phải rõ nước từ đâu đến mới được. Ngồi ở đây thì nói đúng sao được?

– Ông vừa nói là nạn lụt?

– Phải, chính là nạn lụt. Nhưng nước đó từ đâu mà ra? Do nước sông Đĩnh giang tràn qua bờ chảy vào cửa lò? Hay bởi mưa bão? Hay nước nguồn vỡ xuống chằng? Hay là nạn động đất? Phải là người ở ngoài nhìn thấy mới nói được. Chúng ta ở đây thì rõ làm sao được?

– Có khi cả thành phố bị nước cuốn rồi!

– Rất có thể...

Một lúc im lặng và hãi hùng.

Tiếng nước chảy đã hết, thỉnh thoảng còn nghe thấy tiếng nổ ình ình làm rung cả đất. Giáo sư nói:

– Mỏ ngập đầy rồi, nước không chảy vào nữa.

Ba Điền thất vọng kêu:

– Không biết thằng Phi nhà tôi thế nào?

Phi là con trai Ba Điền cũng làm thợ cuốc như cha nhưng ở tầng thứ ba. Từ nãy đến giờ mãi chiến đấu với cái chết cho bản thân không có thì giờ nghĩ đến con, nay thấy Giáo sư nói « mở ngập đây rồi », Ba Điền mới nhớ ra, Ba Điền gào lên:

– Phi ơi! Phi! Phi ơi!

Không tiếng đáp lại. Tiếng gọi của người cha không ra khỏi hốc đá.

Giáo sư nói:

– Biết đâu nó chẳng tìm được mỏm đất như ta. Một trăm rưỡi người chết chìm dưới nước là điều quá ghê gớm! Thượng Đế không muốn thế đâu!

Giáo sư nói câu đó bằng một giọng không được vững chắc. Sáng nay ít nhất cũng có 150 người thợ xuống hầm. Có được bao nhiêu người

lên thoát hoặc tìm được chỗ lánh nạn như chúng tôi? Bạn bè, bà con chúng tôi chết hết rồi chẳng? Nghĩ đến điều đó, chẳng ai dám nói một câu nào.

Nhưng tình trạng chúng tôi lúc bấy giờ không để cho lòng chúng tôi thương xót người khác.

Sau một lúc im lặng, Bảy Nhu cất tiếng:

– Về phần chúng ta, chúng ta phải làm thế nào bây giờ?

– Anh muốn làm gì?

Giáo sư nói:

– Chỉ còn cách chờ đợi thôi.

– Chờ đợi cái gì?

– Phải chờ đợi. Mặt đất cách ta tới 4, 50 mét, anh có thể khoét bằng móc treo đèn không?

– Thế thì chết đói mất.

– Điều nguy hiểm nhất không ở chỗ đó.

– Thế Giáo sư bảo nguy hiểm nhất ở chỗ nào? Giáo sư làm chúng tôi lo quá!

– Cái đói, ta có thể chống lại được. Tôi đã được đọc chuyện những người thợ mỏ như chúng ta bị lụt, họ có thể nấp ở trong mỏ trong 24 ngày không ăn uống gì mà còn sống. Chuyện đó xảy ra đã lâu rồi. Nhưng cái gì đã có ngày trước thì ngày nay cũng có thể có được. Như vậy, ta không sợ chết đói.

– Ông đã bảo rằng nước không tài nào lên được nữa, thế thì còn sợ gì?

– Các bạn có thấy nặng đầu, ù tai không? Có dễ thở không. Tôi không.

– Tôi, nhức đầu.

– Tôi, chóng mặt.

– Tôi, thái dương nhoi nhói.

– Tôi như dại.

– Đó là điều nguy hiểm nhất đấy. Chúng ta có thể sống trong bầu không khí này bao lâu

110 | Dịch giả: Hà Mai Anh

nữa? Tôi không biết vì không phải là nhà khoa học. Chúng ta có 40 mét đất dày ở trên đầu, và ba mươi năm, 40 mét nước sâu ở dưới chân chúng ta: thế nghĩa là bầu không khí này bị một áp lực nặng gấp 4 hay 5 lần áp lực thường. Chúng ta sống thế nào được trong cái khối không khí nén ép này? Đó là điều mà chúng ta phải lo ngại và có lẽ đồng thời chúng ta cũng rút được một vài kinh nghiệm, một bài học quá đắt.

Tôi không có một quan niệm gì về không khí ép. Vì thế, nghe Giáo sư nói, tôi hết hồn. Những bạn tôi cũng tỏ ra kinh hãi vì họ cũng chẳng biết gì hơn tôi. Cái không biết đã sinh ra lo lắng.

Tuy biết chúng tôi ở trong một tình thế tuyệt vọng. Giáo sư vẫn cố gắng tổ chức mọi cách để bảo vệ lấy vận mệnh chúng tôi chỉ còn như treo đầu sợi tóc.

Giáo sư bảo chúng tôi:

– Bây giờ ta phải chọn chỗ ngồi cho khỏi lẫn xuống vực sâu.

– Đã có những lỗ để đứng rồi.

– Liệu anh có thể đứng mãi như thế này không.

– Ông tưởng rằng chúng ta phải ở đây lâu?

– Nào ai biết được.

– Người ta sẽ đến cứu ta.

– Chắc chắn có. Nhưng muốn cứu được chúng ta, người ta cũng phải đợi đến lúc có thể làm được mới làm. Từ lúc người ta tìm cách cứu đến lúc người ta bắt tay vào việc cũng phải mất bao nhiêu thì giờ. Chỉ có người ở trên đất mới biết khoảng thời gian đó. Còn chúng ta ở dưới này chỉ có cách xếp đặt làm sao cho bớt khổ trong khi chờ đợi. Vì, nếu không may, ai trượt chân thì có phải thiệt đời không.

– Chúng ta buộc vào nhau.

– Dây đâu?

– Năm lấy tay nhau cũng được.

– Năm được mãi à? Theo ý tôi, tốt hơn hết là phải đào những bậc như bậc thêm. Chúng ta có

bảy người, hai bậc cũng đủ: bốn người ngồi bậc trên, ba người ngồi bậc dưới.

– Đào bằng gì bây giờ?

– Cuốc đâu?

– Chỗ đất cát dùng móc đèn, chỗ rảnh dùng dao.

– Đào đến đời nào cho xong?

– Anh Ba Điền ơi! Đừng nói thế! Trong tình cảnh này người ta không tiếc gì, cốt sao cho sống. Nếu một người trong chúng ta lỡ ngủ quên đi, có phải người đó tự gieo mình xuống nước không?

Lòng can đảm và trí cương nghị đã cho Giáo sư một uy quyền mỗi lúc một mạnh khiến chúng tôi phải khuất phục. Tự nhiên, chúng tôi thấy cái sức mạnh tinh thần của Giáo sư đang chiến đấu với tai họa, tựa vào sức đó, chúng tôi mới vững lòng chờ đợi cứu cấp. Chúng tôi bảo nhau làm việc. Phải làm cho được hai bậc đó nếu không hoàn hảo thì cũng phải đủ ngồi để khỏi lăn xuống

vực sâu ở dưới chân chúng tôi. Bốn ngọn đèn vẫn cháy, đủ ánh sáng cho chúng tôi làm.

Giáo sư bảo:

– Nên tìm chỗ nào dễ đào thì hơn.

An Thiện bảo các bạn:

– Các anh em! Hãy nghe tôi. Tôi có một ý kiến. Chúng ta ở đây người nào cũng rỗi trí cả, duy có Giáo sư là người rất trấn tĩnh và sáng suốt, lại có lòng nhân nữa. Giáo sư trước kia cũng là thợ cuốc như chúng ta, nhưng lịch duyệt hơn chúng ta nhiều. Các bạn nghĩ sao?

Cao Dĩ, một kẻ dốt nát và cục súc chỉ quen việc đẩy goòng liễn cải:

– Giáo sư! Sao lại bầu Giáo sư mà không bầu tôi? Nếu cần một người đẩy xe chỉ huy thì tôi đây cũng là người đẩy xe như Giáo sư có kém gì đâu?

– Anh ngu lắm. Có phải người ta cần phu đẩy xe đâu? Chúng ta cần một « người » mà trong bọn chúng ta đây, chỉ có Giáo sư xứng đáng là « người » hơn cả.

– Hôm qua, ông không nói thế.

– Hôm qua tôi cũng ngu như anh. Tôi cũng nhạo báng Giáo sư như các bạn khác, không biết Giáo sư giỏi hơn chúng ta. Nay tôi mới rõ, tôi đề nghị bầu Giáo sư là vì thế. Vậy thưa Giáo sư, Giáo sư sai tôi làm gì bây giờ? Cánh tay tôi khỏe lắm, Giáo sư đã rõ. Còn các bạn, thế nào?

– Xin vâng lời Giáo sư. Sẽ vâng lời mãi mãi.

Giáo sư nói:

– Các bạn muốn cho tôi làm đoàn trưởng. Tôi xin vâng. Nhưng có một điều kiện là tôi bảo gì thì phải làm. Chúng ta còn phải ở đây lâu, nhiều ngày. Tôi không biết rồi sau ra sao. Chúng ta ở đây chẳng khác chi những người sống sót trên một cái bè giữa biển khơi. Có phần đau khổ hơn vì ngồi trên bè ít ra người ta cũng được thoáng khí và trông thấy trời. Người ta thở được và nhìn được. Dù xảy đến thế nào, đã bầu tôi làm trưởng đoàn, các bạn phải triệt để nghe tôi.

Mọi người đồng thanh đáp:

– Chúng tôi xin nghe lời.

– Những điều các bạn tin là phải thì nghe đã đành. Nhưng có những điều mà các bạn không tin là phải thì sao?

– Chúng tôi rất tin cậy ở Giáo sư.

– Giáo sư ơi! Mọi người đều biết Giáo sư là người bụng dạ tốt.

– Là người can đảm.

– Là người biết nhiều.

– Xin Giáo sư đừng nghĩ đến những lời điều cốt xưa.

Tôi còn nhỏ dại chưa hiểu việc đời mấy, nên rất lấy làm lạ rằng sao những kẻ trước đây vài giờ không ngớt lời nhạo báng Giáo sư, bây giờ lại ca tụng Giáo sư nhiều thế và sao những cơ hội đã làm cho người ta thay đổi ý kiến và cảm tình chóng thế?

Giáo sư nói:

– Các bạn đã « thể » như thế?

Chúng tôi đều đáp:

– Xin « thể »!

Thế rồi chúng tôi bắt đầu làm việc. Ai cũng có dao trong túi cả, toàn dao tốt, cán bền, lưỡi sắc.

Giáo sư nói:

– Ba người đục bậc, ba người khỏe. Còn những người yếu như Lê Minh, Cao Di, Ba Điền và tôi, chúng tôi san cho bằng mặt đất.

Bảy Nhu, một người to lớn, sức lực, ngắt lời:

– Không. Giáo sư không phải mó tay, vì Giáo sư không khỏe lắm và lại là « Kỹ sư » rồi. Những Kỹ sư không phải làm việc lao lực.

Mọi người đều đồng ý với Bảy Nhu và nói rằng Giáo sư bây giờ là « Kỹ sư » thì được miễn lao dịch. Ai nấy đều cảm thấy sự chỉ huy của Giáo sư rất cần thiết và nhiệt thành đến nỗi, nếu có thể được thì cũng đặt Giáo sư vào một cái ổ

bông để tránh mọi tai nạn cho Giáo sư không quản ngại gì, vì Giáo sư bây giờ là người Hoa tiêu trong chiếc thuyền ngộ nạn của chúng tôi.

Nếu chúng tôi có dụng cụ thì việc làm rất dễ. Nhưng làm bằng dao thì khó và lâu. Chúng tôi phải đào thành hai bậc trong sườn đá diệp thạch. Những bậc này phải rộng để có thể chứa được một hàng bốn người, một hàng ba người.

Chúng tôi phân công. Mỗi bậc do ba người phụ trách, hai người giúi đá, một người gạt những mảnh con vút đi, « Kỹ sư » tay xách đèn đi từ « công trường » nọ đến « công trường » kia. Trong khi đào, người ta tìm được mấy thanh gỗ bị vùi dưới cát. Những thanh gỗ đó rất có ích, dùng để đóng vỉa cho đá khỏi lở. Suốt ba tiếng đồng hồ làm việc không nghỉ, chúng tôi đào xong hai bậc và có thể tạm ngồi được.

« Kỹ sư » ra lệnh:

– Bây giờ các bạn hãy nghỉ tay. Rồi sau có thì giờ ta hãy làm rộng thêm để có thể nằm được. Ta không nên làm thái quá. Hãy dành sức cho lúc cần đến.

Rồi người ta chia nhau ngồi. Giáo sư, An Thiện, Cao Di và tôi ngồi bậc dưới. Ba người thợ cuốc ngồi bậc cao.

Mọi người yên vị xong; Giáo sư nói:

– Ta phải dành đèn. Tắt cả đi, chỉ để một ngọn thôi.

Mọi người sắp sửa thi hành thì Giáo sư vội ra hiệu ngừng lại và bảo:

– Xin các bạn một phút. Một luồng gió có thể làm tắt đèn của ta: điều này không chắc lắm. Nhưng ta vẫn cứ phải đề phòng cái « không thể có ». Có ai mang diêm không?

Mặc dầu có lệnh nghiêm cấm bật lửa trong hầm, nhưng hầu hết các thợ đều có diêm trong túi cả. Vì thế, lúc đó không có kỹ sư của công ty ở đây kiểm soát xem ai trái lệnh, nên Giáo sư vừa hỏi « Có ai mang diêm? » thì bốn tiếng trả lời: « Tôi có ».

Giáo sư nói:

– Tôi cũng có diêm nhưng bị ướt cả.

Đó cũng là trường hợp chung cho cả mọi người, vì ai cũng bỏ diêm ở túi quần và ai cũng lội nước đến ngực, đến vai.

Cao Dĩ là người hiểu chậm và cũng nói chậm, trả lời sau rốt.

– Tôi cũng có diêm.

– Ướt?

– Không rõ vì tôi để ở trên mũ.

– Vậy đưa mũ tôi xem.

Đáng lẽ phải trao cho Giáo sư cái mũ bằng da rái cá to như cái khăn của người Thổ Nhĩ Kỳ đội ngày phiên chợ, Cao Dĩ đưa ra một bao diêm. Nhờ cái vị trí đóng trên cao trong khi chúng tôi lội nước nên những que diêm không bị dìm.

Giáo sư ra lệnh:

– Bây giờ tắt đèn đi!

120 | Hector Malot

Thế rồi chỉ còn một ngọn lửa nhỏ le lói trong hang, khi tỏ khi mờ.

CHƯƠNG XXVI

TRONG HỐC ĐÁ

Trong mỏ im lặng, tuyệt nhiên không có một tiếng động nào tới chỗ chúng tôi. Dưới chân chúng tôi, nước đứng yên, không một gợn sóng, không một tiếng rì rào.

Mỏ đầy nước, đúng như lời Giáo sư đã nói. Nước sau khi chiếm hết các hầm từ nền lên đến mái, đã giam chúng tôi vào xó này, kín hơn là một nhà lao vây tường đá. Cái tĩnh mịch sâu xa, cái tĩnh mịch của cõi chết này làm chúng tôi ghê sợ, hãi hùng hơn là những tiếng động, tiếng nổ lúc ban đầu. Chúng tôi ở trong mỏ rồi, bị chôn sống rồi! Ba, bốn mươi mét đất dày đè nặng lên trái tim chúng tôi.

Công việc làm quên đi, ngồi rồi sinh lo nghĩ. Chúng tôi thần thờ như người mất vía, ai nấy đều lo cho số phận mình.

Chợt tôi thấy có giọt nước nóng rỏ trên tay tôi. Thì ra anh Cao Dĩ đã khóc thầm.

Ngay lúc đó, có những tiếng thở dài đưa ra ở bậc trên và tiếng lẩm bẩm:

– Phi, con ơi! Phi!

Ba Điền đang nhớ đến con.

Không khí nặng nề, khó thở. Tôi thấy tức ngực và ù tai.

Hoặc giả Giáo sư ít lo buồn, hoặc giả Giáo sư muốn xua đuổi cái lo buồn và làm cho chúng tôi quên đi, Giáo sư phá tan làn yên lặng.

Giáo sư nói:

– Bây giờ, nên xem ai có mang thức ăn.

An Thiện hỏi:

– Giáo sư tin rằng ta bị giam ở đây còn lâu?

– Không. Nhưng phải để phòng. Ai có mang theo bánh mì?

Không ai trả lời. Tôi nói:

– Tôi, tôi có mang một chiếc ở trong túi.

– Túi nào?

– Túi quần.

– Thế thì bánh của con thành cháo rồi. Nhưng cứ lấy ra xem.

Tôi móc tìm chiếc bánh lấy ra. Sáng ngày chiếc bánh vàng và giòn thế, mà bây giờ nhão như bánh đúc. Tôi thất vọng định vứt đi thì Giáo sư kéo vội tay tôi lại và bảo:

– Hãy giữ lấy để ăn bữa tối, dù nó nát rồi, con cũng sẽ thấy ngon.

Tôi không tin lắm nên cũng chẳng để ý. Mãi về sau này, tôi nhớ lại những lời đó mới biết lúc này Giáo sư vẫn sáng-suốt, nhìn rõ tình cảnh chúng tôi và nếu không phải là phòng xa, từ cái nhỏ nhất, những thống khổ có thể xảy ra cho

124 | Dịch giả: Hà Mai Anh

chúng tôi thì ít ra Giáo sư cũng tỏ ra không quá tin là cuộc cấp cứu sẽ dễ dàng.

Giáo sư hỏi thêm:

– Không còn ai có bánh mì nữa à?

Không một tiếng trả lời.

Giáo sư than:

– Thế thì buồn lắm!

Tư Cồn hỏi:

– Giáo sư đói à?

– Tôi không hỏi bánh cho tôi, mà hỏi cho Lê Minh và Cao Dĩ: bánh sẽ dành cho hai kẻ đó.

Bảy Nhu nói:

– Sao lại không chia đều cho mọi người? Chúng ta bình đẳng trước cái đói.

– Nếu vậy, giá có bánh, thì chúng ta lại bực thêm. Anh đã hứa theo lời tôi. Nhưng bây giờ tôi thấy anh chỉ theo lời sau khi bàn cãi và nhận ra rằng tôi nói là phải.

– Anh ấy sẽ vâng lời.

– Nghĩa là có lẽ sẽ có một trận khẩu chiến! Tôi không muốn có cuộc khẩu chiến đó. Muốn thế, tôi xin cắt nghĩa cho các bạn nghe tại sao phần bánh phải dành cho Lê Minh và Cao Dĩ. Không phải tôi đặt ra lệ đó. Chính là Pháp luật. Nếu tôi không nhầm thì Pháp luật đã định rằng: khi nhiều người cùng mắc nạn thì những người già nhất từ 60 tuổi phải coi như là sống đã lâu rồi, câu đó có nghĩa là Lê Minh và Cao Dĩ còn ít tuổi được cứu chết trước Ba Điền và Bảy Nhu.

– Thế thì Giáo sư quá 60 tuổi rồi!

– Phải, tôi, tôi không kể đến. Vả chăng tôi không phải là hạng người tham ăn.

Cao Dĩ nghĩ một lúc rồi hỏi:

– Như vậy, nếu tôi có bánh thì tôi sẽ được ăn cả?

– Không. Phải chia cho Lê Minh nữa?

– Nếu tôi không muốn cho?

– Người ta sẽ cứ lấy: em đã « thể » rồi mà!

Cao Dĩ yên lặng một lúc lâu rồi bỗng móc ở mũ ra một tấm bánh.

– Đây, bánh của tôi đây.

Mũ của Cao Dĩ là cái kho vô tận chẳng?

Giáo sư bảo:

– Đưa mũ đây ta xem.

Cao Dĩ cố giữ mũ lại, nhưng người ta giật lấy và đưa cho Giáo sư, Giáo sư gọi lấy đèn và nhìn những vật nhét ở lườn mũ. Lúc đó, mặc dầu chúng tôi đang ở trong cảnh buồn, nhưng cũng được một phút giải trí.

Giáo sư lần lượt lấy ra: một cái tẩu, một hộp thuốc lá, một cái chìa khóa, một miếng dôi, một hột đào khoét thành sáo, mấy cái que đánh truyền bằng xương cừu; ba trái bồ đào, một củ hành. Không phải là cái mũ, đó là tủ đồ ăn, cái kho thập vật.

– Bánh và dôi sẽ để cho em và Lê Minh ăn chiều nay.

Cao Dĩ nói, giọng buồn rầu.

– Nhưng tôi đói lắm. Tôi đói ngay bây giờ.

– Chiều nay, em sẽ đói hơn.

– Chán quá, trong cái kho thập vật của em bé này không có đồng hồ. Chúng ta không biết giờ! Đồng hồ tôi cũng chết rồi!

Chiếc đồng hồ của ông An Thanh cho tôi cũng bị ngấm nước rồi!

Ý tưởng về đồng hồ đã đưa chúng tôi về thực cảnh. Mấy giờ rồi? Chúng tôi ở trong hốc này đã bao lâu rồi? Người ta hỏi nhau, nhưng mỗi người một ý. Người này bảo đúng trưa. Người khác bảo sáu giờ tối. Theo giờ trên thì chúng tôi bị giam độ 5 giờ. Theo giờ dưới thì những 11 giờ, thành ra họ cãi nhau, không biết ai nói đúng.

Một lúc lâu, chuyện vãn, chúng tôi ngồi im, ai nấy đều trầm lự.

Các bạn tôi đang nghĩ gì, tôi không biết. Về phần tôi, tôi thấy buồn quá. Mặc dầu Giáo sư vẫn quả quyết, tôi không tin rằng mai mốt sẽ thoát nạn. Tôi sợ nước, sợ bóng tối, sợ chết. Sự im lặng làm tôi ghê người. Vòm hang mỗi ngày mỗi đè trĩu trên đầu tôi.

Thế là không bao giờ tôi lại được trông thấy Lệ Hoa, Yến Chi, An Sinh, và Bằng Mai. Ai sẽ thay tôi làm liên lạc? Tôi cũng không được nhìn thấy bà Mỹ Lưu, cậu An Tuyên, bạn Mã Tư và con Lãnh Nhi nữa! Không biết rồi đây Lệ Hoa có hiểu rằng tôi chết vì cô không? Còn bà Bảo Liên, mẹ nuôi tôi nữa! Bao giờ lại gặp để trả ơn bà? Lòng tôi ngổn ngang những nỗi lo lắng, đau thương.

Tôi nhìn các bạn tôi, người nào cũng ủ rũ như tôi. Tuy nhiên, họ quen đời sống ở mỏ, thiếu ánh sáng, thiếu khí trời, thiếu tự do, dẫu lúc nào cũng đè trĩu trên vai nên về thể xác họ có phần bớt đau khổ hơn tôi.

Chợt trong khoảng yên lặng, tiếng An Thiện đưa lên:

– Theo ý tôi, dễ thường người ta chưa bắt đầu vào việc cứu ta?

– Tại sao anh lại nghĩ thế?

– Tôi không nghe thấy tiếng động tĩnh gì cả.

– Cả thành phố bị sụt vì động đất rồi!

– Hoặc ở trên ấy người ta tưởng chúng ta chết hết cả rồi nên không nghĩ đến việc cứu cấp nữa.

– Thế nghĩa là người ta bỏ rơi chúng ta?

Giáo sư nói:

– Sao lại cả tin lời bạn anh thế? Không được buộc tội cho họ. Anh nên biết rằng: một khi xảy ra một tai nạn, thợ mỏ không bao giờ bỏ nhau. Mười người, một trăm người thà chịu chết còn hơn là bỏ một người mà không cứu. Anh có biết điều đó không.

– Chính thế.

– Nếu chính thế, sao anh lại bảo người ta bỏ anh?

– Vì chúng tôi không nghe thấy gì.

– Chúng ta không nghe thấy gì, thật đấy. Nhưng ở đây liệu ta có thể nghe được không? Ai thính tai? Chú tôi thì kém. Nếu khi chúng ta có thể nghe được và thấy rằng người ta không làm việc, thì ta có thể nói quyết rằng người ta bỏ chúng ta không? Chúng ta có biết nguyên do cái tai họa đó ở đâu ra không? Nếu là một cuộc động đất thì người ta còn phải cứu những người sống sót trong thành phố chứ. Nếu là một trận lụt như tôi đã đoán, thì người ta xem tình trạng các lò đã. Những lò có thể lở hầm. Hầm nhà đèn cũng có thể sụt được. Cần phải có thì giờ mới tổ chức cuộc cấp cứu được. Tôi không nói rằng chúng ta được cứu thoát. Nhưng tôi nói rằng người ta sẽ làm việc để cứu chúng ta.

Giọng nói cương quyết của Giáo sư khiến những người hoài nghi hay những người nhút nhát cũng phải phải yên trí.

Tuy nhiên, Bảy Nhu vẫn chưa chịu, hỏi:

– Nếu người ta tưởng chúng ta chết cả rồi thì sao?

– Người ta vẫn tiến hành. Nếu sợ người ta tưởng chúng ta chết rồi thì chúng ta tìm cách tỏ cho người ta biết là chúng ta còn sống. Chúng ta nên đập mạnh vào vách đá, vì tiếng động có thể truyền qua đất được. Nếu người ta nghe thấy, người ta sẽ làm gấp và tiếng động của ta sẽ chỉ lối cho họ tìm.

Bảy Nhu, chân đi đôi bốt to tướng, đá mạnh vào vách cồm cộp như kiểu những người thợ mỏ thường gọi nhau. Tiếng gõ đó và nhất là lòng mong đợi làm cho chúng tôi tỉnh táo đôi chút. Người ta có nghe thấy không? Người ta có trả lời chúng tôi không?

An Thiện nói:

– Giáo sư ôi! Nếu người ta nghe biết chúng ta, thì người ta sẽ làm thế nào để cứu chúng ta?

– Chỉ có hai cách. Tôi tin rằng các kỹ sư trên ấy thế nào cũng phải dùng đến: một mặt đào những hố sâu cho tới chỗ chúng ta, và một mặt múc hết nước trong hầm đi.

– Đào hố ư?

– Múc nước ư?

Giáo sư không để ý đến những câu hỏi đó và nói tiếp:

– Chúng ta ở cách mặt đất 40 mét, phải không? Mỗi ngày đào được 6 hay 8 mét thì phải 7 hay 8 ngày mới đến chỗ chúng ta.

– Người ta không thể đào mỗi ngày 6 mét được.

– Lúc thường thì không, nhưng cấp cứu người ta có thể gắng làm được.

– Giáo sư ơi! Sống làm sao được trong 8 ngày? Nhịn ăn 8 ngày?

– Thế còn nước thì tát thế nào?

– Còn nước, ta không biết. Phải biết hiện giờ trong mỏ có bao nhiêu mét khối nước, 200.000m³ hay 300.000m³ thì mới tính được. Tuy nhiên, muốn đến chỗ ta, người ta không cần múc hết nước trong hầm, vì chúng ta ở tầng thứ nhất. Người ta có thể múc nước ở ba lò trong một lúc. Mỗi là múc bằng hai cái thùng chở than. Như

thế, mỗi lần mức 6 thùng, mỗi thùng đựng được 25 héc-tô-lít hay 2.500 lít nước, vị chi là 150 héc-tô-lít hay 15.000 lít đổ ra ngoài. Như vậy lợi thì giờ hơn là đào hố. Các bạn nghĩ có phải không?

Mọi người bàn cãi về hai phương giải cứu nói trên. Tôi nghe ra thì nếu người ta dùng cả hai phương tiện đó, không gặp ngăn trở, ít nhất chúng tôi cũng phải nằm dưới mả 8 ngày.

Tám ngày! Giáo sư có kể chuyện một bọn thợ mỏ bị vùi dưới mỏ 24 ngày không chết. Nhưng đó là một câu chuyện cổ tích. Còn chúng tôi đây mới là câu chuyện thật. Không biết sau 8 ngày chúng tôi có được lên mặt đất không?

Óc tôi cứ bể bọn về ý nghĩ đó không biết mất bao nhiêu thì giờ.

Chợt Cao Dĩ kêu:

– A! Các ông thử nghe xem!

Cao Dĩ vốn đàn độn gần như một con vật, nhưng lại có cái năng khiếu của loài vật phát triển hơn chúng tôi: hần nghe rất tinh.

– Cái gì thế?

– Có tiếng gì ở dưới nước.

– Em làm rơi hòn đá chứ gì?

– Không. Có tiếng lò mờ.

Chúng tôi lắng nghe. Tôi rất thính tai nhưng chỉ quen nghe trên đời thôi. Ở dưới đất tôi chẳng nghe thấy gì. Các bạn tôi quen nghe tiếng động trong mỏ, tỏ vẻ sung sướng và mừng rỡ hơn tôi.

Giáo sư nói:

– Phải, có cái động xuống nước.

– Cái gì thế?

– Tôi không biết.

– Nước chảy xuống chẳng?

– Không, tiếng động đó không liên tục, nghe ình ịch, cách khoảng rất đều.

– Nghe ình ịch và rất đều à? Các bạn ơi! Chúng ta sống rồi! Đó là những thùng mức nước đấy!

– Thùng mức nước!

Như bị điện giật, chúng tôi cùng nói thế và cùng đứng dậy một loạt.

Chúng tôi không còn ở sâu 40 mét nữa. Không khí không đặc nữa. Tiếng ù ù trong tai cũng mất. Chúng tôi thở dễ dàng. Trái tim chúng tôi lại nhảy đều trong ngực!

Cao Dĩ nắm tay tôi và bóp mạnh.

Anh bảo tôi:

– Anh là người tốt.

– Không phải. Chính anh.

– Tôi nói rằng anh là người tốt.

– Nhưng chính anh đã nghe thấy tiếng thùng nước trước tiên.

Anh hết sức đổ cho tôi là người tốt. Anh chệnh choáng như người say rượu. Mà thực ra tất cả mọi người trong chúng tôi đều say sưa về hy vọng. Nhưng cái hy vọng đó làm gì đã được thành tựu sớm thế?

Trước khi lại được nhìn thấy tia nắng ấm của mặt trời, trước khi lại được nghe thấy tiếng gió rì rào trong đám lá xanh, chúng tôi còn phải ở trong ngục tối qua những ngày dằng dặc và sâu bi, chịu tất cả những thống khổ, lúc nào cũng nghĩ không biết có còn sống được để trông thấy ánh sáng trên đời và nghe thấy cái âm thanh êm ái kia không?

Bây giờ, để độc giả biết rõ cái tai họa ghê gớm xảy ra ở mỏ Thụy Khê, tôi xin kể lại nạn đó đã diễn ra thế nào và những phương tiện các kỹ sư đã dùng để cứu chúng tôi.

Sáng hôm ấy, thứ hai, khi chúng tôi xuống mỏ, bầu trời u ám và có dấu hiệu báo trước là sắp có cơn dông. Đến bảy giờ, dông tố nổi lên và mưa như trút nước. Những đám mây đen và thấp kéo vào thung lũng ngoắt ngoéo của sông Đình giang, rồi bị vướng hãm trong vùng đồi. Mây không lên cao được, có bao nhiêu nước trút hết xuống thung lũng, Không phải mưa rào nữa, là một cái thác, là một đại hồng thủy. Chỉ trong mấy phút, nước sông Đình giang và các phụ lưu

sông ấy đều lên to. Điều này rất dễ hiểu, vì đất toàn đá và dốc, nước không những không ngấm đi đâu được, lại chảy rất nhanh vào sông. Thành linh nước sông đầy lên đến bờ. Mà các suối An Khê và Thụy Khê cũng đầy tràn cả.

Bị nước lũ ở sông Đình giang dồn lại, dòng Thụy Khê không còn chỗ thoát, tràn lan ra khắp vùng mỏ rất nhanh chóng. Những thợ giữ việc rửa quặng nghỉ ngay nên không bị nguy hiểm gì cả.

Không phải là lần thứ nhất mà miền Thụy Khê bị lụt, người ta yên trí như mọi khi các cửa lò đã khơi cao, không sợ nước mưa chảy xuống, nên người ta chỉ để ý đến việc thu gọn những đồng gỗ đã xẻ sẵn dùng vào việc ghép đường hầm. Đang lúc kỹ sư đốc thúc việc này bỗng thấy nước xoáy xuống một cái vực sâu mà nó vừa đào. Vực sâu này ở ngay chỗ mạch than nổi gần mặt đất.

Không phải nghĩ ngợi gì, kỹ sư hiểu ngay: nước đã phá đất và chảy xuống hầm. Mực nước ở

ngoài rút dần đi, khắp mỏ sắp bị ngập, thợ thuyền sắp chết hết.

Kỹ sư chạy đến lò thánh Duy Liên ra lệnh cho người ta thả kỹ sư xuống lò. Khi sắp bước chân vào thùng, kỹ sư nghe thấy một tiếng động kinh khủng ở dưới hầm mỏ: đó là tiếng thác đổ. Những thợ xung quanh giữ kỹ sư lại và nói:

– Kỹ sư đừng xuống nữa!

Nhưng kỹ sư dứt ra, móc ở túi gi-lê ra một chiếc đồng hồ quả quít đưa cho một người đứng gần đó và bảo:

– Anh cầm lấy và đưa cho con gái tôi nếu tôi không trở lại nữa.

Rồi kỹ sư ra lệnh cho người kéo trục:

– Thả cho tôi xuống! Mau!

Thùng từ từ xuống, kỹ sư ngửa lên và bảo thêm người giữ đồng hồ rằng:

– Anh bảo giúp rằng tôi hôn nó.

Thùng xuống đáy lò, kỹ sư gọi to, năm người thợ mỏ chạy ra, kỹ sư bảo vào cả thùng. Trong khi thùng kéo những người này lên, kỹ sư ở lại cố sức gọi to hơn nhưng vô ích vì tiếng nước chảy và tiếng đất sụt át đi.

Lúc đó, nước đã vào hầm. Kỹ sư trông phía trước mặt thấp thoáng có mấy ngọn đèn, kỹ sư lội nước đến đầu gối, tới chỗ đó và dắt được ba người ra.

Thùng lại thả xuống, kỹ sư cho ba người ngồi vào rồi lại toan chạy đến chỗ xa xa có ánh sáng. Nhưng những người vừa được kỹ sư cứu, lôi tuột kỹ sư vào thùng và ra hiệu kéo lên. Vừa khéo! Thùng vừa nhấc lên thì nước chiếm đầy hầm.

Cách cứu bằng thùng không được nữa rồi. Phải tìm cách khác! Cách nào? Chung quanh kỹ sư, hầu như chẳng có ai nữa. Một trăm rưỡi người thợ đã xuống hầm vì sáng nay một trăm rưỡi cái đèn đã được phân phát. Thế mà chỉ có 30 cái đèn đem về trả nhà đèn thôi. Như vậy còn 120 người bị giữ ở dưới mỏ. Họ còn sống? Hay họ chết? Họ

có tìm được chỗ lánh không? Những câu hỏi đó làm loạn óc kỹ sư đang lo lắng hãi hùng.

Trong lúc kỹ sư đang lo cho số phận một trăm hai mươi mạng người mắc nạn thì đây, nó có những tiếng nổ long trời đất và đá bắn tung lên, nhà cửa rung chuyển như động đất. Hiện tượng đó, kỹ sư đã đoán ngay ra. Đó là khí ghi-du và không khí bị nước dồn ép vào những hốc kín và ở dưới một lớp đất mỏng nên tức hơi nổ tung vỏ đất ra, khác nào như cái thành nổi súp-de bị nổ. Mỏ đầy nước rồi! Cái thảm họa đã bày ra trước mắt.

Tin dữ này đã bay khắp vùng Văn Xá rất chóng. Từ phía người ta kéo đến mỏ Thụy Khê: thợ thuyền, những người tò mò, và nhất là những vợ, những con các nạn nhân. Họ đến tìm và hỏi. Những người có trách nhiệm không biết trả lời thế nào, họ càng bức tức và đau đớn. Người ta giấu sự thực. Đó là lỗi ở kỹ sư. Giết chết kỹ sư đi! Giết chết nó đi! Họ định tràn vào phá văn phòng kỹ sư. Lúc đó kỹ sư đang cúi xuống bản đồ, chẳng nghe thấy gì, đang tìm xem những chỗ nào thợ

mở may ra đã trú ẩn được và phải cứu họ bằng cách gì?

May sao, những kỹ sư và thợ thuyền các mỏ gần đấy cũng chạy đến, người ta đã ngăn giữ được đám người toan bạo động và giải thích cho họ nghe. Nhưng giải thích thế nào cho ổn? Một trăm hai mươi con người thiếu mặt! Bây giờ họ ở đâu?

– Cha tôi đâu?

– chồng tôi đâu?

– Trả con tôi đây!

Tiếng hỏi chen tiếng khóc. Người ta biết trả lời thế nào cho những người con, những người vợ và những người mẹ khốn nạn ấy?

Các kỹ sư họp bàn và đã trả lời vắn tắt:

– Để chúng tôi tìm. Chúng tôi liệu làm thử.

Thế rồi công cuộc cấp cứu bắt đầu. Liệu có thể tìm được một người sống sót trong đám 120 người mắc nạn đó chăng?

Phần không chắc thì nhiều mà phần hy vọng thì ít. Nhưng có cần chi? Cứ việc tiến!

Công cuộc cấp cứu tổ chức đúng như lời Giáo sư phỏng đoán. Những thùng mức nước được đặt ở ba lò và người ta làm ngày làm đêm cho đến giọt nước cuối cùng được trả vào sông Đinh giang. Đồng thời, người ta bắt đầu đào những hầm. Đào ngả nào? Từ chỗ nào? Người ta cũng không biết rõ. Đào phỏng chừng và cứ việc đào. Ý kiến bất đồng xảy ra giữa những kỹ sư về việc đào hầm thế nào cho đúng chỗ các nạn nhân sống sót. Nhưng kỹ sư mỏ Thụy Khê quả quyết rằng thợ của kỹ sư có thể trốn lên các hầm cũ, chỗ đó nước không tới được và nhất định đào một đường thẳng xuống chỗ đó dù không tìm thấy một người nào.

Con « đường hang chuột » này đào hết sức hẹp lòng để khỏi mất nhiều công và nhiều thì giờ. Vì thế chỉ dùng một người thợ cuốc xuống đào, than vụn cuốc ra lần lượt được kéo lên bằng một cái rổ có dây thông xuống. Người thợ này mệt, người thợ khác xuống thay ngay.

Cứ luôn tay như thế, ngày cũng như đêm, người ta làm không nghỉ, không ngừng, ở cả hai nơi: mức nước và đào hang.

Thì giờ đã dài cho những người làm việc bên trên thì lại càng dài cho chúng tôi ở dưới đất không biết bao nhiêu. Chúng tôi bị giam cầm và phải bó tay đành chịu chờ người đến cứu vớt mà thôi. Tiếng thùng mức nước xa vắng bên tai không làm cho chúng tôi mừng cuống như lúc ban đầu nữa. Biết rằng chúng tôi không bị bỏ rơi, người ta đang tìm chúng tôi, chúng tôi hy vọng thực, nhưng nghĩ không biết đến bao giờ nước mới được mức hết, nên chúng tôi buồn nản quá.

Cái thống khổ về tinh thần bây giờ lại liên kết cái thống khổ về vật chất. Ngồi gò bó mãi trên cái bậc hẹp, thân thể chúng tôi tê dại và đầu óc chúng tôi thấy nhức nhối, nặng nề.

Trong bọn chúng tôi duy có Cao Dĩ là người không chịu đựng được hơn cả. Thỉnh thoảng Cao Dĩ lại kêu:

– Giáo sư ơi! Tôi đói lắm! Xin Giáo sư miếng bánh!

144 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Sau cùng, Giáo sư phải lấy ở cái mũ da rái cá ra một mẩu bánh và phân phát cho Cao Dĩ với tôi.

Cao Dĩ ăn xong lại kêu:

- Còn đói lắm.
- Phải ăn dè sẻn cho được lâu.

Còn những bạn khác nếu được tí bánh thì sung sướng lắm đấy, nhưng họ đã thề và quyết giữ lời thề.

Tư Cồn nói:

- Nếu tôi không được ăn, thì tôi vẫn được phép uống nước chứ?
- Về khoản này, tha hồ. Nước có rất nhiều, muốn uống bao nhiêu thì uống.
- Múc ở hầm lên.

Ba Điền muốn lợi xuống, nhưng Giáo sư không cho phép:

- Anh sẽ làm lở vĩa bậc.

Lê Minh người nhẹ và khéo hơn, xuống lấy nước cho chúng ta.

- Bằng cái gì?
- Bằng chiếc giày ống của ta.

Người ta liền trao cho tôi một chiếc ủng, tôi sửa soạn tụt xuống nước.

Giáo sư nói:

- Khoan đã. Đưa tay cho ta giữ.
- Giáo sư đừng ngại. Con biết bơi.
- Cứ để ta giữ tay cho chắc.

Khi Giáo sư vừa bước ra, hoặc vì chân bị tê cóng hoặc vì bước hụt hay vì đất lở, Giáo sư lộn nhào xuống nước. Chiếc đèn Giáo sư xách ở tay cũng theo Giáo sư xuống vực sâu.

Tự nhiên tối mò. Mọi người đều kêu lên. May sao lúc đó tôi đã tụt được xuống nước. Ngày tôi theo ông Vỹ Tiên, tôi tập bơi, lặn rất khá, cử động dưới nước cũng dễ dàng như ở trên cạn.

Nhưng ở trong cái vũng tối như vực này thì biết xoay xở làm sao?

Tôi không nghĩ đến nỗi khó khăn này khi tôi tụt xuống, tôi chỉ nghĩ đến cái chết của Giáo sư mà tự nhiên tôi lội xuống như thiên tính của giống chó Tân Địa (hay cứu người chết đuối). Tìm Giáo sư ở chỗ nào? Quờ tay ra phía nào? Lặn thế nào? Tôi đang bối rối bỗng một bàn tay co dùm bám lấy vai tôi và kéo tôi chìm xuống. Tôi đập mạnh một cái ngoi lên mặt nước, bàn tay kia vẫn bấu cánh tay tôi.

– Giáo sư nắm chặt lấy tay tôi và ngửa đầu lên, không sợ!

Không sợ! Nhưng biết bơi vào phía nào? Tôi vụt có một ý nghĩ, tôi kêu:

– Các bạn ơi! Nói lên!

– Lê Minh ở đâu!

Tôi nhận ra tiếng An Thiện. Tôi bơi về phía tay trái.

– Thắp đèn lên!

Lập tức, một ngọn lửa bật lên. Tôi chỉ có việc bơi một sải là tới bờ. Một tay tôi bám vào một mẩu than, một tay tôi kéo ông vào. Ông đã uống nước nhiều, nhưng còn tỉnh.

An Thiện và Cao Dĩ cúi xuống giơ tay đón chúng tôi. Còn Ba Điền cầm đèn soi. An Thiện và Cao Dĩ mỗi người cầm một tay kéo Giáo sư mà tôi thì đẩy bên dưới. Khi Giáo sư đã lên được rồi, tôi mới bắt đầu leo lên. Lúc đó Giáo sư đã tỉnh hẳn. Giáo sư gọi tôi:

– Minh ơi! Lại đây cho ta hôn. Con đã cứu sống ta!

Chính Giáo sư đã cứu sống tất cả chúng tôi. Cao Dĩ vốn ít tình cảm và chỉ nghĩ đến mình, nói:

– Rút lại chỉ có mình tôi bị thiệt mất chiếc giày mà không được ngậm nước nào!

– Để tôi xuống tìm giày anh.

Nhưng mọi người đều nắm tôi lại. Giáo sư nói:

- Ta cấm con không được xuống tìm.
- Vậy, cho tôi xin chiếc khác để lấy nước.

Tư Cồn nói:

- Tôi không khát nữa.
- Nhưng để uống mừng sức khỏe Giáo sư?

Rồi tôi xuống lần thứ hai, rất thông thả và cẩn thận hơn lần trước.

Tuy thoát chết đuối, nhưng Giáo sư và tôi rất khó chịu vì ướt át từ chân đến đầu. Lúc mới chúng tôi không nghĩ đến điều đó, nhưng bây giờ quần áo ẩm làm chúng tôi thấy lạnh.

Giáo sư nói:

- Nên nhường cho Lê Minh một cái áo cánh. Không ai trả lời cả vì lời kêu gọi kia không chỉ định ai và bắt buộc ai.

Không ai trả lời.

Cao Dĩ nói:

– Tôi cũng rét.

– Thế chúng tôi bị ướt chúng tôi nóng hơn hay sao?

– Còn các bạn khác nữa cũng không bị ngã.

Giáo sư nói:

– Nếu vậy, phải rút thăm xem ai phải nhường áo. Về phần tôi, tôi không cần đến. Nhưng tôi kêu gọi sự đồng đều.

Vì tất cả bọn chúng tôi cũng đã lội đến thắt lưng, tôi đến cổ, nên việc đổi áo cũng không có lợi gì. Tuy nhiên Giáo sư bảo thủ ý kiến và sau khi rút thăm, tôi được mặc áo của Tư Cồn. May sao, Tư Cồn có đôi chân cao bằng đầu tôi, nên chiếc áo còn khô nguyên.

Được chiếc áo ấm, tôi bắt đầu dễ chịu.

Cái nạn bất kỳ vừa rồi đã làm cho chúng tôi xáo động trong một thời gian. Sau đó im lặng lại hoàn im lặng. Ai cũng lo cái chết. Có lẽ mọi

người lo hơn tôi nên cứ tỉnh thức trong cơn âu sầu, còn tôi, tôi ngủ lúc nào không biết.

Chỗ tôi nằm cheo leo, dễ lăn lồm. Thấy thế Giáo sư đưa cánh tay ôm lấy đầu tôi, không khít lắm, đủ giữ cho tôi khỏi ngã. Tôi ngả đầu trên đùi Giáo sư như đứa trẻ gối trong lòng mẹ. Thực là một người có trí sáng suốt và có lòng nhân từ. Khi tôi cựa mình, Giáo sư thay chiều cho cánh tay khỏi tê rồi lại ngồi im. Giáo sư nói nhỏ:

– Con ơi! Ngủ đi. Không sợ ngã. Đã có ta giữ. Ngủ đi, con!

Rồi tôi lại ngủ, yên trí đã có người bảo vệ cho tôi. Thì giờ đi chậm nhưng vẫn đi và tiếng thùng múc nước nghe vẫn đều đều.

CHƯƠNG XXVII

CUỘC CỨU VẬT

Mỗi ngày, chúng tôi thấy bức dọc quá với các bậc hẹp của chúng tôi. Chúng tôi đồng ý khơi rộng bậc ra và mỗi người lại phải bắt tay vào việc. Chúng tôi lại dùng dao moi than và vút xuống nước. Vì đã có chỗ đứng vững để xoay xở, nên việc làm không khó nhọc lắm. Không bao lâu chúng tôi khoét rộng được cái nhà giam của chúng tôi. Dễ chịu biết bao nhiêu khi chúng tôi được nằm dài và được duỗi thẳng chân không phải ngồi co, tê cả đùi như trước.

Chiếc bánh của Cao Dĩ dù chia dè sên thế nào rồi cũng phải hết. Mẩu bánh cuối cùng đã phân phát cho chúng tôi kịp thời, vì khi Giáo sư đem cho chúng tôi, con mắt mọi người thợ cuốc cứ nhìn trừng trừng, tôi nhận thấy nếu còn bánh

phát lần nữa, thế nào họ cũng không để yên, họ sẽ đòi ăn và cứ lấy phần.

Chúng tôi dần dần chẳng buồn nói chuyện nữa. Lúc mới bị nạn nói nhiều bao nhiêu thì bây giờ im bật bấy nhiêu. Có nhắc đến chẳng thì cũng chỉ hai vấn đề đã nói mãi; họ làm thế nào để xuống tới đây và chúng tôi đã bị giam trong bao nhiêu lâu rồi?

Nhưng, những câu chuyện này cũng không được bàn cãi hăng hái như trước. Có ai lên tiếng, tiếng đó không người hưởng ứng hay được trả lời bằng một câu vắn tắt. Người ta có thể bảo đêm là ngày, bảo đen là trắng, mà cũng chẳng ai bực tức và phản đối, chỉ nói cho xuôi:

– Được, sẽ xem.

Chúng tôi bị chôn vùi đã hai ngày hay sáu ngày? Khi nào có người đến cứu sẽ biết. Nhưng đến bao giờ mới có người đến cứu? Có chắc không? Tôi bắt đầu nghi ngờ.

Chẳng một tôi, thỉnh thoảng một bạn tôi cũng thốt ra những lời chán nản.

Bảy Nhu nói:

– Có điều an ủi tôi là: nếu tôi chết ở đây, công ty sẽ phải trợ cấp cho vợ con tôi, không đến nỗi phải vào nhà Tế Bản.

Giáo sư lãnh trách nhiệm đoàn trưởng, không những có bốn phận bảo vệ chúng tôi để chống với tai họa mà còn bảo vệ chúng tôi để chống với chúng tôi nữa. Vì thế, khi thấy ai tỏ ra chán nản, Giáo sư liền can thiệp bằng một câu khích lệ:

– Anh không phải ở đây lâu đâu! Thùng nước mức luôn luôn. Nước phải xuống.

– Nước xuống ở đâu?

– Ở những lò.

– Còn các hầm?

– Cũng sẽ đến lượt. Ta phải đợi.

Cao Dĩ nói:

– Ông Bảy Nhu ơi! Giáo sư nói cái gì cũng

154 | Dịch giả: Hà Mai Anh

hay cả. Nếu công ty này mà phá sản như công ty của Giáo sư ngày trước, có phải vợ ông bị người ta bóc lột hết không?

– Im mồm! Mày ngu lắm! Công ty rất giàu.

– Công ty chỉ giàu khi còn mở. Một khi mở chìm dưới nước thì còn gì nữa? Nếu tôi ở trên đất trông thấy thế này, tôi rất thích?

– Bởi vì...?

– Các Giám đốc và kỹ sư kiêu hãnh lắm! Bây giờ thực là một bài học cho họ. Nếu kỹ sư hôm đó cũng xuống mỏ nhỏ, thực là buồn cười! Thừa kỹ sư, ngài có mang địa bàn không?

– Đồ ngu! Nếu kỹ sư có xuống nữa, mày cũng phải ở đây. Chúng ta cũng thế.

– Thừa các vị, các vị có thể yên tâm được. Tôi thì khác. Ai phớt lờ dể cho tôi? Lúc đó, tôi mời kỹ sư lên cho. Kính chào ngài kỹ sư!

Giáo sư lúc nào cũng trấn tĩnh, không để lộ vẻ lo buồn. Còn Cao Dĩ thì chẳng biết gì. Riêng

chúng tôi, ai cũng lo lắng. Hễ nói đến chuyện đợi cứu là y như những tiếng « chết », tiếng « bỏ rơi » lại nổi lên tự đáy lòng đưa lên cửa miệng.

– Giáo sư ơi! Hảo lắm! Lấy thùng mà múc thì đến đời nào hết nước?

– Tôi đã tính cho anh nghe mãi rồi thôi. Hãy gắng đợi.

– Những bài tính không cứu ta ra khỏi hầm được.

Ý nghĩ này là của Ba Điền.

– Ai cứu được?

Giáo sư đáp:

– Có thể lắm. Nếu Thượng Đế thương. Người có thể cứu vớt chúng ta.

– Chúng ta bị nạn này, chắc vì trong bọn chúng ta có những người độc ác mà trời muốn phạt.

Bảy Nhu nói:

– Phải đấy. Thượng Đế muốn cho một người trong bọn ta có dịp để chuộc lỗi, để đền tội. Có phải Ba Điền không? Tôi không biết về phần tôi, tôi có thể nói được rằng những ngày gần đây tôi đã ăn ở không được ngoan đạo lắm, bây giờ lương tâm tôi cắn rứt, tôi dốc lòng cầu nguyện Thượng Đế tha thứ cho tôi. Nói xong Bảy Nhu quỳ xuống và tự đánh vào ngực.

Ba Điền kêu:

– Còn tôi, tôi không dám nói rằng tôi không có tội lỗi gì trong lương tâm, tôi xin xưng với các bạn như thế. Nhưng Thiên thần hộ mệnh, và Thánh Giăng, thần bốn mệnh của tôi, đều soi xét cho rằng không bao giờ tôi chủ tâm làm xằng và tôi không hề có lỗi với ai cả.

Tôi không hiểu đó có phải là cảm ứng của ngực tối, của cái chết sắp đến, của cái đói giày vò, của ánh sáng huyền bí đang chập chờn kia gây nên hay không, nhưng khi nghe thấy hai người vừa công khai xưng tội, lòng tôi rung động và cảm xúc, bất giác tôi cũng quỳ xuống cạnh Bảy Nhu, Ba Điền và cùng xưng tội với họ. Thành linh

sau lưng tôi có tiếng khóc, tôi quay lại, thấy Tư Cồn lù lù ngồi vật xuống đất. Tư Cồn nói:

– Người tội lỗi, không phải là Ba Điền, không phải là Bảy Nhu. Người tội lỗi đó chính là tôi. Chính là vì tôi mà trời phạt, nhưng tôi đã biết hối hận rồi, hối hận lắm. Đây là sự thực, xin các bạn hãy nghe cho, nếu tôi thoát khỏi chỗ này mà về được, tôi sẽ tìm cách chuộc tội. Nếu vạn nhất tôi không về được, xin các bạn chuộc tội cho tôi. Cách đây một năm, Duy Quế bị 5 năm tù về tội ăn trộm chiếc đồng hồ của một người tên Vi Đan, để ở trong buồng. Duy Quế bị tù oan. Chính tôi đã lấy trộm. Chiếc đồng hồ đó hiện giấu ở dưới giường của tôi, nhắc viên gạch vuông thứ ba về bên trái lên thì tìm thấy.

Ba Điền và Bảy Nhu đồng kêu lên:

– Quảng nó xuống nước đi! Quảng nó xuống nước đi!

Giáo sư vội can thiệp:

– Không được! Nếu các anh muốn quảng Tư Cồn xuống nước thì xin quảng tôi xuống trước.

Hai người kia nói:

– Nếu Giáo sư không cho chúng tôi đẩy nó xuống thì chúng tôi xin một điều kiện; cho nó ngồi riêng ra một chỗ, không ai được nói chuyện với nó và cũng không ai được sờ đến nó.

Giáo sư nói:

– Như vậy thì được, vì nó đáng tội đó.

Sau lời tuyên án của Giáo sư, chúng tôi, ba người An Thiện, Giáo sư và tôi, ngồi xít lại với nhau để cách một khoảng trống giữa chúng tôi và tội nhân, hẩn nằm gục trên đám than.

Trong bao nhiêu giờ, hẩn nằm phục như thế, đau khổ và không cửa cạy, thỉnh thoảng lại kêu:

– Tôi hối hận rồi!

Ba Điền và Bảy Nhu mắng:

– Đã muộn rồi! Bây giờ sợ chết mà mới hối hận, đồ hèn! Đáng lẽ mà phải hối hận từ sáu tháng, từ một năm nay rồi!

Hắn vừa hỗn hển vừa nhắc lại những câu trước như để trả lời:

– Tôi hối hận rồi! Tôi hối hận rồi!

Hắn phát sốt, vì thân thể hắn run run, và hai hàm răng hắn lập cập.

Hắn kêu:

– Tôi khát lắm. Cho tôi chiếc giày.

Nhưng chiếc giày hết nước rồi. Tôi liền đứng dậy để lấy nước cho hắn. Nhưng Ba Điền trông thấy bảo tôi ngồi im và An Thiện cũng giữ tay tôi lại.

Ba Điền nói:

– Người ta đã thế không sẵn sóc đến nó.

Tư Cồn cứ lải nhải kêu khát mãi.

Cuối cùng hắn bò dậy tự múc nước lấy.

Ba Điền kêu:

– Nó làm lở hết chỗ ngồi bây giờ!

Giáo sư nói:

– Nên cho nó được tự do một chút.

Tư Cồn đã nhìn thấy tôi tụt xuống nước đằng lưng, hắn cũng bắt chước làm như thế. Nhưng tôi nhẹ mà hắn nặng, tôi mềm mại mà hắn vụng về, nên khi hắn vừa để chân xuống thì mẩu than sứt, hai tay hắn quờ quạng trong không khí, hắn lăn tồm xuống vực sâu, nước bắn tóe lên chỗ chúng tôi ngồi. Mặt nước khép lại và không mở ra nữa.

Tôi vội cúi ra phía trước, nhưng An Thiện và Giáo sư mỗi người một bên nắm cánh tay tôi lôi lại.

Tôi rùn người và ngã vật về phía sau, khiếp sợ.

An Thiện nói:

– Nó không phải là người lương thiện.

Ba Điền lấy chân đá vào vách than mấy cái và nói:

– Bây giờ thì mọi việc đều tốt đẹp!

Nhưng mọi việc chưa được tốt đẹp như lòng Ba Điền tin tưởng. Đó không phải là lỗi các kỹ sư và bọn thợ đang tiến hành công cuộc giải cứu. Người ta đã đào suốt ngày đêm không nghỉ, nhưng việc làm rất khó.

Người ta đang đào đến lớp than rất rắn mà thợ mỏ thường gọi là « gân than », và hầm đào lại hẹp chỉ vừa chỗ cho một người cúi nên họ phải luân phiên nhau làm việc. Xuống càng sâu, không khí càng khó thở. Người ta phải đặt những ống bằng sắt tây để dẫn khí trời xuống. Một cái quạt tay gia sức thổi không khí xuống... thế mà ngọn đèn chỉ cháy được ở gần miệng ống thôi. Vì những lẽ đó, nên việc làm rất chậm. Đã 7 ngày đêm rồi mà người ta chỉ đào xuống được có 20 mét. Nếu là việc thường phải một tháng mới xong, nhưng trong trường hợp khẩn cấp, mọi người đều hăng hái, cho nên kết quả có thể đạt sớm hơn được.

Công việc sử dĩ cứ tiến hành được là nhờ ở chí cương quyết của kỹ sư, vì theo ý đại đa số việc làm đó rất vô ích. Tất cả những thợ bị chôn vùi

đều chết rồi. Chỉ nên múc hết nước bằng thùng rồi ngày một ngày hai, người ta sẽ tìm đủ xác nạn nhân. Thế thì xuống hầm được sớm hơn hay chậm hơn một vài giờ có quan hệ gì? Đó là ý kiến của những nhà có thẩm quyền cũng như toàn thể dân chúng, Những cha mẹ, vợ con các nạn nhân đã để tang cả rồi. Quyết rằng không một người nào lại sống sót được ở hầm mỏ Thụy Khê.

Để ngoài tai những dị nghị của công chúng và những lời phê bình của các bạn đồng nghiệp, kỹ sư không sờn lòng, khẳng khẳng cho đào đến nơi.

Người ta thấy có ở kỹ sư một tính khí cương nghị và một lòng tin mãnh liệt, đức tính quý báu đã giúp Kha-Luân-Bố tìm thấy Mỹ châu.

Kỹ sư hô hào đám thợ:

– Các bạn ơi! Còn một ngày hôm nay nữa thôi. Nếu đến mai ta không tìm thấy gì mới lạ, ta sẽ đình chỉ việc làm. Tôi chỉ yêu cầu anh em cho các nạn nhân những điều mà tôi cũng sẽ yêu cầu cho chính anh em nếu anh em lâm vào cảnh đó.

Lòng tin tưởng của kỹ sư đã thông cảm anh em thợ thuyền. Họ đồng tâm, hiệp lực hoạt động không ngừng, nên hầm khoét mỗi ngày một sâu. Về mặt khác, kỹ sư cho chống lại đường hầm ở nhà Đèn sụp đổ nhiều chỗ, cố tìm mọi cách để khám phá xem dưới hầm còn có ai sống sót.

Ngày thứ bảy, một người thợ cuốc vừa thay phiên xuống đào, nghe thấy tiếng lịch kịch nhẹ nhẹ như có người nện khê đầu đây. Đáng lẽ bỏ cuốc xuống, nhưng người thợ đó cứ giơ cuốc lên rồi áp tai vào sườn than. Song còn ngờ ngợ, người này gọi một người bạn nữa xuống để cùng nghe. Cả hai người đều im lặng lắng tai nghe: một lúc sau có những tiếng đập xa xa đều đều, đến tai họ.

Tin này lập tức bay lên bờ. Người ta nửa tin, nửa ngờ. Kỹ sư được tin liền xuống xem hư thực. Thì ra kỹ sư đã làm một việc hữu ý. Ở đó có những người sống sót mà lòng tin của kỹ sư sắp cứu ra được. Nhiều người theo kỹ sư xuống chỗ đào, kỹ sư rẽ đám thợ ra, dán tai vào sườn hầm. Nhưng vừa run run vừa cảm động, kỹ sư chẳng nghe thấy gì.

Kỹ sư thất vọng nói:

– Tôi không nghe thấy gì cả.

Một người thợ nói.

– Đó là tiếng Ma Mỏ làm ra. Nó muốn trêu ta, nó gõ để đánh lừa ta.

Nhưng hai người thợ đầu tiên nhất quyết rằng họ không nhầm và những tiếng gõ kia đã đáp lại tiếng gõ của họ. Đó là lời những người kinh nghiệm ở mỏ nói ra nên cũng có một phần uy tín.

Kỹ sư liền mời tất cả những người tùy tùng lên bờ, chỉ để hai người thợ cuốc ở lại.

Lúc đó hai người lấy cuốc gõ mấy tiếng rất mạnh và cách khoảng đều nhau, rồi ba người đều nín thở áp tai nghe. Đợi một lúc, cả ba người đều nhận một rung động sâu xa trong trái tim họ. Đó là những tiếng nhỏ yếu nhưng dồn dập và nhịp nhàng đã trả lời họ.

Kỹ sư bảo hai người thợ mỏ:

– Các bạn gõ lại rất thông thả xem có phải đó là âm hưởng những tiếng của ta không?

Hai người thợ cuộc lại gõ thì lại nghe thấy những tiếng nhỏ và nhịp nhàng như trước nghĩa là những tiếng kêu gọi của những người bị vùi lấp.

Không còn nghi ngờ gì nữa: có những người còn sống sót thực và người ta phải xúc tiến việc cấp cứu.

Lập tức tin này lan khắp thành phố như một cái ngòi dẫn thuốc nổ và lôi cuốn đến mỏ Thụy Khê, một đám dân chúng đông hơn và xúc động hơn ngày đầu xảy nạn lụt. Vợ con, cha mẹ và thân thích những nạn nhân kéo đến, hy vọng và hồi hộp trong bộ quần áo tang. Họ xôn xao:

– Sống sót được bao nhiêu người? Dễ thường nhiều lắm! Có cả chồng bác, có cả con tôi nữa, chẳng sai!

Người ta muốn chạy đến hôn kỹ sư. Nhưng thản nhiên trước tiếng hoan hô cũng như trước

lời la ó, kỹ sư chỉ nghĩ đến việc cấp cứu. Để ngăn những người đến xem cũng như những thân nhân các người bị nạn, kỹ sư phải nhờ lính ở đồn ra giữ trật tự cho thợ có chỗ làm việc.

Những tiếng kêu cứu nhỏ quá không biết đích từ phía nào đưa đến, người ta đoán chỉ ở trong ba cái hốc của hầm cũ là nơi thợ có thể lánh nạn được. Như vậy đào một lỗ xuống chưa đủ, phải đào thêm hai lối nữa để tới những cái hốc nói trên. Khi lối nào đào đến chỗ nghe rõ hơn thì người ta bỏ hai lối kia và tập trung lực lượng vào một lối cần thiết. Công việc tiến hành hăng hái hơn trước. Các công ty bên cạnh cũng cho những thợ tinh nhuệ đến giúp sức. Người ta hy vọng vào lối đang đào, đồng thời người ta cũng hy vọng vào lối xuống cũ ở cửa Nhà Đèn vì nước ở các lò đã rút nhiều.

Ở dưới hốc, khi chúng tôi nghe thấy tiếng gõ của kỹ sư chúng tôi cuống quýt như lúc mới nghe thấy tiếng thùng múc nước ở cửa lò:

– Sống rồi!

Tiếng reo vui vẻ đó đều vượt ra ở miệng mọi người. Chúng tôi tưởng người ta sắp đến dắt chúng tôi lên. Nhưng đợi mãi, cũng như việc múc nước, hy vọng biến dần thành thất vọng.

Những tiếng cuốc kình kịch nghe còn xa, có lẽ còn cách chúng tôi tới hai ba mươi mét. Phải mất bao nhiêu thì giờ để xuyên qua khối than đó? Chúng tôi ước lượng, mỗi người một cách: một tháng, một tuần lễ, sáu ngày. Đợi thế nào được những một tháng? Những một tuần lễ? Những sáu ngày? Bọn chúng tôi, ai còn đủ hơi sức trong sáu ngày nữa? Chúng tôi đã nhịn đói trong bao nhiêu ngày rồi?

Chỉ có Giáo sư là còn nhuệ khí, nhưng rồi cũng thấy kém dần. Chúng tôi tha hồ uống nước, nhưng chúng tôi đói lắm, không chịu được nữa, đã thử ăn những mẩu gỗ thối vắn vơ trên mặt nước.

Cao Dĩ đói hấu hơn chúng tôi đã xẻo cổ giày và nhai những miếng da dai nhách.

Nhìn thấy cái đói đốt ruột đã đưa người ta đến chỗ nào, tôi đâm ra lo sợ. Tôi nhớ lại những chuyện đắm tàu mà ông Vỹ Tiên đã kể lại cho tôi nghe vì ông đã từng đi bể nhiều cũng như đi trên đất. Trong các chuyện đó, có một chuyện làm cho tôi phải nghĩ đến ngay lúc cái đói bắt đầu. Đó là chuyện mấy người thủy thủ đắm tàu, lạc vào một hoang đảo toàn cát không có một thứ gì để ăn, sau đói quá phải giết một đứa thủy thủ nhỏ để ăn thịt. Khi nghe thấy những bạn tôi kêu đói, tôi tự hỏi không biết tôi có phải chịu như số phận đứa bé kia không? Đành rằng Giáo sư và An Thiện là những người bảo vệ cho tôi rồi, nhưng còn Ba Điền, Bảy Nhu và Cao Dĩ, nhất là Cao Dĩ có những răng dài và trắng đã mài sắc bằng những miếng da, vẫn làm cho tôi ngờ vực.

Có lẽ, sự sợ hãi đó hơi thừa, nhưng ở trong tình trạng chúng tôi, người ta khó mà không rối trí và sinh ra lẫn lộn.

Điều làm tăng nỗi khiếp sợ của chúng tôi là cái tối dày đặc. Những đèn của chúng tôi lần lượt hết dầu. Khi chỉ còn hai chiếc, Giáo sư bắt tắt đi

để khi nào cần thiết mới thả. Vì thế chúng tôi hoàn toàn ở trong ngục tối.

Thiếu ánh sáng, không những kinh hồn, lại còn nguy hiểm nữa vì nếu lỡ ai cử động vụng về là có thể lăn xuống nước dễ như chơi.

Mỗi bậc chứa ba người, không đến nỗi chật lắm: An Thiện, Giáo sư mỗi người một đầu còn tôi ở giữa.

Có lúc tôi đang thiu thiu ngủ, tôi chợt nghe thấy Giáo sư nói một mình như người ngủ mê.

Tôi thức dậy và lắng tai nghe.

Giáo sư nói:

– A! Có mây! Không còn gì đẹp hơn mây nữa! Có người không thích mây. Nhưng ta rất yêu mây. À mà lại có gió nữa, ta cũng thích gió.

Giáo sư mê chẳng? Tôi lay cánh tay Giáo sư, nhưng Giáo sư vẫn nói tiếp:

– Tráng cho tôi một đĩa sáu trứng, đừng làm tám. Làm hai đĩa khi trở về, tôi sẽ ăn.

170 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Chú An Thiện ơi! Chú có nghe thấy gì không?

– Có. Giáo sư nói mê.

– Nhưng không. Giáo sư vẫn thức.

– Ông ấy nói nhảm.

– Con cam đoan rằng Giáo sư vẫn thức.

– Giáo sư ơi!

– Ông An Thiện ơi! Mời ông đến ăn súp với tôi. Tôi báo trước là có gió to đấy.

An Thiện nói:

– Ông này mất trí khôn. Đói và sốt sinh ra thế.

Bảy Nhu nói:

– Không phải. Ông ấy chết rồi! Đó là hồn ông ấy về đấy. Các bạn đã thấy là ông ấy không ở đây nữa rồi chứ? Giáo sư ơi! Gió ở đâu? Có phải là gió Bắc không?

Ba Điền nói:

– Không có gió Bắc.

Mấy người này mất trí khôn cả rồi hay sao? Họ sắp điên à? Rất có thể họ sẽ đánh nhau, giết nhau. Làm thế nào bây giờ?

– Giáo sư ơi! Giáo sư uống rượu không?

– Cảm ơn. Khi ăn trứng, tôi sẽ uống.

Trong thời gian khá lâu, cả ba người cùng nói lảm nhảm với nhau và không trả lời nhau. Trong những câu rời rạc đó, tôi nghe lộn đi lộn lại những tiếng « ăn, đi chơi, gió, trời ».

Tôi chợt có ý nghĩ thắp đèn lên. Đèn và diêm để ở cạnh Giáo sư. Tôi sờ tay cầm lấy. Ánh sáng vừa chiếu ra, mọi người đều im, không nói nữa,

Một lúc sau, họ chợt thức dậy hỏi:

– Cái gì thế?

An Thiện đáp:

– Các bạn vừa nói mê.

– Ai thế?

– Cả ba người: Giáo sư, Ba Điền và Bảy Nhu. Các bạn nói các bạn đi chơi ở ngoài trời và có gió.

Thỉnh thoảng chúng tôi lại đập vào tường báo hiệu cho bên ngoài biết chúng tôi còn sống. Chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng cuộc vẫn bỏ vào than đều đều. Nhưng còn xa lắm.

Nhờ ánh sáng đèn, tôi cầm giày xuống lấy nước và nhận thấy mực nước đã hạ xuống một vài phân.

– Nước xuống.

– Lạy Chúa!

Lại một lần nữa chúng tôi phấn khởi vì hy vọng. Mọi người muốn để đèn để xem nước xuống, nhưng Giáo sư phản đối. Tôi tưởng có chuyện sắp cãi nhau, nhưng bất cứ một đề nghị gì, Giáo sư cũng có những lý do chính đáng nên ai cũng nghe ra.

Giáo sư nói:

– Chúng ta còn cần đèn. Nếu bây giờ ta dùng đèn vào việc vô ích, đến lúc cần kíp mà hết cả dầu thì làm thế nào? Vả lại ngồi mà nhìn nước xuống tí một thì có sốt ruột mà chết không? Vì nước không thể nào một lúc rút hết ngay được. Thế nào ta cũng sống. Các bạn yên lòng. Chúng ta còn 13 que diêm. Khi nào các bạn cần đến thì có lửa ngay.

Đèn được tắt đi ngay. Chúng tôi đã uống nước nhiều nên không mê sảng nữa. Rồi chúng tôi nằm yên lặng không biết bao nhiêu ngày nữa, đời sống chỉ thoi thóp nương tựa vào những tiếng cuốc đào than và những tiếng thùng múc nước.

Tiếng cuốc dần dần to. Mực nước mỗi ngày một thấp. Người ta đang đến gần chúng tôi. Nhưng không biết có kịp không? Nếu công cuộc giải cứu chúng tôi mỗi lúc một tăng lên thì trái lại, sức khỏe của chúng tôi mỗi lúc một suy tàn đi: thể xác yếu, tinh thần cũng yếu. Từ ngày mắc nạn đến giờ các bạn tôi không được ăn một mẩu

bánh nào vào ruột. Một điều ghê gớm hơn nữa là cái không khí tù hãm mà chúng tôi thở mỗi ngày một độc. May sao, nhờ nước rút dần, áp lực của không khí bớt đi. Nếu cứ bị bế tắc như những ngày đầu thì chúng tôi đã chết ngạt hết rồi. Do đó, chúng tôi còn sống dai dẳng đến ngày nay cũng là nhờ các cách cấp cứu mau lẹ từ lúc đầu.

Tiếng cuốc và tiếng thùng chuyển động rất đều như cái quả lắc đồng hồ. Mỗi khi tiếng đó ngừng lại là chúng tôi sốt người lên. Người ta định bỏ chúng tôi hay sao? Người ta đã gặp những khó khăn gì?

Chợt có tiếng cuốc ngừng rồi có một tiếng động lớn nổi lên ù ù dữ dội và liên tiếp.

Cao Dĩ kêu:

– Chết rồi! Nước lại xuống mỏ rồi!

Giáo sư cải chính:

– Không phải nước.

– Thế là cái gì?

– Ta không biết, nhưng nhất quyết không phải nước.

Mọi khi, gặp việc gì xảy ra, Giáo sư thường viện chứng và suy luận rất hữu lý, khiến chúng tôi được yên tâm. Lần này, Giáo sư lại thú nhận rằng không biết nguyên do tiếng động kia — mãi sau này chúng tôi mới biết đó là tiếng quạt máy lửa không khí xuống cho thợ đào làm việc nên chúng tôi rất hoảng và ngờ rằng sắp lại bị lụt.

– Thắp đèn lên!

– Thắp làm gì, vô ích.

– Thắp lên! Thắp lên!

Vì nhiều người gào quá nên Giáo sư phải cho thắp đèn. Ánh sáng cho họ biết rằng nước không lên mà đang xuống.

Giáo sư nói:

– Các bạn nhìn xem.

– Nước sắp lên! Lần này phải chết!

– Thế thì chết ngay còn hơn. Tôi không sao chịu được nữa!

– Giáo sư ơi! Cho tôi xin cái đèn, để tôi viết lại cho vợ con vài chữ.

– Viết giúp tôi với!

– Viết giúp tôi nữa!

Chính Bảy Nhu là người đã đòi đèn và viết thư để lại cho vợ con. Trong túi Bảy Nhu có một mảnh giấy và cái bút chì. Hắn sửa soạn để viết.

– Đây tôi muốn viết thế này: Chúng tôi An Thiện, Ba Điền, Giáo sư, Cao Dĩ và Lê Minh bị cầm tù trong hang, chúng tôi đang hấp hối:

« Tôi, Bảy Nhu, cầu nguyện Chúa phù hộ cho vợ góa và con cô của tôi. Giờ phút cuối cùng, tôi chúc cho vợ con tôi được phúc lành ».

– Còn ông An Thiện?

« An Thiện đem tất cả của cải đồ đạc cho cháu An Sinh ».

« Ba Điền cầu mong vợ con được nương tựa vào Chúa, vào Thánh Mẫu và Công ty ».

– Còn Giáo sư?

Giáo sư thở dài nói:

– Ta chẳng có ai cả. Chẳng có ai khóc sau khi ta chết.

– Còn Cao Dĩ?

Cao Dĩ nói:

– Tôi à? Tôi dặn người ta bán những hạt dẻ của tôi đi, không phải rang nữa.

– Giấy của ta không phải dùng để viết nhảm.

– Không phải nhảm!

– Thế mà không có ai để thương à? Không có mẹ à?

– « Mẹ tôi sẽ hưởng của cải của tôi ».

– Còn Lê Minh?

– « Tôi, Lê Minh, còn có cây đàn và con chó, xin cho cả Mã Tư. Tôi hôn An Sinh, nhờ An Sinh hôn Lệ Hoa và hoàn lại cô giúp bông hồng héo hiện để ở trong túi tôi ».

– Chúng ta ký cả vào giấy này.

Ba Điền nói:

– Cho tôi gạch chữ « thập chéo » vào thay chữ ký.

Bảy Nhu nói:

– Bây giờ, tờ di chúc của ta đã ký xong rồi, tôi yêu cầu các bạn cho tôi được chết yên ổn, đừng nói với tôi nữa. Vĩnh quyết các bạn!

Nói xong, Bảy Nhu đứng dậy lại chỗ chúng tôi hôn cả ba người xong về chỗ hôn Ba Điền và Cao Dĩ rồi vun đăm than vun làm gối, đặt đầu lên, nằm thẳng cẳng và không nhúc nhích nữa.

Thư tuyệt mệnh kia và ý chán đời của Bảy Nhu đã làm cho lòng can đảm của chúng tôi mềm đi. Tuy nhiên, tiếng cuộc đã nghe rõ nhiều, người ta sắp tới chỗ chúng tôi.

Giáo sư liền cắt nghĩa và làm chúng tôi phần khởi đôi chút.

– Nếu họ đến gần thì ta đã nghe thấy tiếng họ kêu. Đằng này, chúng ta không nghe thấy gì mà chắc họ cũng chẳng nghe thấy ta. Giáo sư nghĩ thế nào?

– Rất có thể họ chỉ còn cách xa ta vài mét mà vẫn không nghe được tiếng chúng ta, đó là tùy theo chất của tảng than.

– Hay cũng tùy theo quãng dài hay ngắn nữa.

Trong khi đó, nước vẫn xuống đều. Chẳng bao lâu chúng tôi có đủ chứng cứ là nước không chấm mái hầm nữa. Chúng tôi nghe thấy tiếng sột soạt ở chân vách và những tiếng than vụn rơi xuống nước.

Chúng tôi thắp đèn lên và trông thấy mấy con chuột đang chạy men vách. Lũ chuột đó có lẽ cũng như chúng tôi tìm được chỗ ẩn ở một hốc đá, bây giờ nước xuống bỏ đi để kiếm ăn. Chúng sợ dĩ sang chỗ chúng tôi được là vì nước không đầy đến mái hầm nữa.

Mấy con chuột hiện ra ở hang chúng tôi chẳng khác chi con bồ câu xuất hiện trên thuyền của Giáo Trưởng Nô-ê ngày xưa: đó là điềm hết nạn đại hồng thủy.

Giáo sư nhún vai lên và nói:

– Anh Bảy Nhu ơi! Hãy can đảm lên! Cố lên anh ạ!

Rồi Giáo sư cắt nghĩa: những con chuột đó báo trước rằng chúng ta sắp được giải phóng.

Nhưng Bảy Nhu không tin:

– Nếu lại gặp hy vọng để rồi thất vọng như mọi lần thì tôi xin thôi. Tôi vui lòng đợi chết. Tôi cầu vĩnh phúc cho linh hồn tôi.

Tôi muốn xuống thấp để xem mực nước đã rút đến đâu. Hiện đã thấy một khoảng trống lớn giữa mặt nước và mái hầm.

Cao Dĩ bảo tôi:

– Anh bắt chuột để chúng ta ăn đi!

– Bắt làm sao được, nó chạy nhanh như thế kia!

Nhìn mặt nước tôi nảy một ý tưởng.

Tôi hỏi Giáo sư:

– Giáo sư ơi! Nếu chuột chạy trong hầm được thì ta cũng có thể đi qua được. Con muốn bơi ra chỗ cầu thang. Con sẽ kêu cứu. Người ta sẽ xuống rước ta, như thế thì nhanh hơn là đợi lối đào.

– Ta cấm con không được làm thế.

– Con bơi lội dễ dàng như người ta đi trên đất và lặn dưới nước như lươn.

– Gặp khí độc thì sao?

– Chuột chạy qua được thì không khí cũng không đến nỗi xấu lắm.

Ba Điền nói:

– Anh cứ đi. Tôi cho anh cái đồng hồ của tôi.

Giáo sư hỏi An Thiện:

182 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Ý kiến ông thế nào?

– Nếu có thể tìm đến cầu thang được thì tùy ý nó. Tôi không có quyền ngăn cản.

– Lỡ nó chết đuối thì sao?

– May ra nó thoát nạn còn hơn là ngồi đợi chết ở đây!

Giáo sư suy nghĩ một lúc rồi cầm tay tôi, bảo:

– Con có lòng tốt, con ạ. Tùy ý con. Ta cho là một việc không thể làm được. Nhưng không phải là lần thứ nhất mà người ta thấy « cái không thể làm được đã làm được ». Con hôn chúng ta đi!

Tôi cảm động, đứng lên hôn Giáo sư và chú An Thiện. Xong tôi bỏ quần áo và xuống nước.

Trước khi bơi ra, tôi ngoảnh lại bảo mọi người:

– Các ông gọi luôn luôn nhá! Tiếng gọi đó sẽ chỉ đường cho tôi đi.

Khoảng trống ở dưới mái thế nào? Có đủ chỗ để cử động không. Đó là vấn đề cần thiết. Bơi thử một vài sải, tôi thấy tôi có thể tiến được, nhưng phải bơi thong thả để khỏi đụng đầu: con đường mạo hiểm này có thể đi được nhưng không biết là đến chỗ sống hay chỗ chết?

Tôi quay đầu lại nhìn thấy ánh đèn xuống mặt nước đen. Ở đó tôi yên trí có ngọn hải đăng rồi!

Giáo sư gọi to:

– Có đi được không?

– Có.

Rồi tôi bơi rất cẩn thận.

Từ chỗ chúng tôi ra đến cầu thang, điều khó nhất là phải biết lối đi, vì gần đó có một ngã tư có thể làm tôi lạc đường được; vì đen tối quá chẳng nhìn thấy gì. Mái và vách hầm không đủ chỉ lối cho tôi bơi, tôi phải nhờ đến đường sắt ở mặt đất, đó là cách chắc chắn nhất. Cứ theo đường sắt là ra đến cầu thang.

Thỉnh thoảng tôi lại đạp chân xuống đường sắt rồi lại ngoi lên. Đường sắt vẫn ở dưới chân tôi, tiếng các bạn vẫn ở phía sau tôi, tôi không lạc. Tiếng người nghe yếu dần, tiếng thùng thấy mạnh hơn. Tôi đã đi được nhiều. Tôi sắp nhìn thấy ánh sáng và nhờ tôi, các bạn tôi sẽ thoát nạn: lòng tôi khắp khởi mừng thầm.

Một lát sau, tôi sờ chân không thấy đường sắt đâu cả. Tôi lặn xuống lấy tay mò, nhưng vô ích: Chẳng thấy gì. Tôi lạc lối chẳng?

Tôi im lặng một lúc để suy nghĩ và nhận định. Tiếng các bạn tôi thoang thoang rất khó nghe.

Tôi hít một hơi dài để trữ khí trời, rồi hụp xuống lần nữa, nhưng kết quả cũng không hơn gì lần trước: không thấy đường sắt.

Tôi đã đi nhầm sang hầm khác mà không biết chẳng, tôi lộn lại.

Nhưng nguy quá! Bạn tôi không gọi nữa hay có gọi mà tôi không nghe thấy gì?

Tôi choáng người lo sợ quá, không biết bây

giờ đi về lối nào? Có lẽ tôi phải chết trong bóng hắc ám này, dưới cái vòm nặng nề này, giữa làn nước giá lạnh này chăng? Nhưng chợt tiếng gọi lại đưa ra, vì thế tôi mới biết đường về.

Lộn về được mười hai sải, tôi lặn xuống và lại thấy đường sắt. Thì ra chỗ này là ngã tư, đường sắt bị nước cuốn đi hết thành ra tôi mất tay dẫn đạo.

Trong tình trạng này, dự định của tôi không sao thực hiện được. Tôi đành lộn trở lại vậy.

Đã quen quãng đường này rồi, biết rằng không nguy hiểm, nên tôi bơi về rất nhanh, những tiếng gọi luôn luôn chỉ dẫn cho tôi.

Tôi càng tới gần, tiếng gọi nghe càng rõ mà có phần hăng hái hơn trước, hình như các bạn tôi đã hồi sức lại. Tôi về đến cửa hang và kêu lên.

Giáo sư bảo tôi:

– Lên đi! Lên đi!

Tôi đáp:

– Con không tìm thấy lối ra.

– Không cần nữa. Lối đào đã đến nơi rồi. Họ đã nghe thấy tiếng ta mà ta cũng nghe thấy tiếng họ. Hai bên sắp có thể nói chuyện với nhau.

Tôi vội leo lên bậc và để tai nghe. Thực vậy, tiếng cuốc nghe rất mạnh, tiếng người nghe còn nhỏ nhưng đã rõ. Hết cơn mừng, tôi cảm thấy rét run. Vì không có quần áo ấm cho tôi mặc thêm, người ta lấy than vụn vụn vào người tôi đến cổ để thay chần. Than giữ hơi nóng cho tôi, nên tôi chóng lại sức. Tôi kể lại cho mọi người nghe tôi bơi thế nào và tìm đường sắt ra làm sao.

– Em dám lặn à?

– Lặn lắm chứ! Tiếc rằng không tìm thấy đường sắt.

Nhưng đúng như lời Giáo sư đã nói, bây giờ việc đó không cần lắm, vì nếu chúng ta không ra được bằng đường hầm thì chúng ta cũng sẽ ra được bằng lối đào.

Tiếng thợ nói đã nghe rõ. Chúng tôi đang mong họ nghe thấy tiếng chúng tôi, bỗng có ba tiếng hỏi rất thông thả lọt vào chỗ chúng tôi:

– Bao nhiêu người?

Trong bọn chúng tôi có An Thiện là tiếng to và rõ hơn cả. An Thiện được cử để trả lời:

– Sáu!

Ở ngoài thấy im lặng. Có lẽ người ta đã định ninh một con số lớn.

An Thiện nói tiếp:

– Mau lên! Chúng tôi sắp chết rồi!

– Tên các anh là gì?

– Bảy Nhu, Ba Diên, Giáo sư, Cao Dĩ, Lê Minh và An Thiện.

Trong cuộc cấp cứu chúng tôi, giờ phút này là giờ phút hồi hộp nhất và cảm động nhất cho những người ở trên Mỏ. Khi họ biết kỹ sư sắp có thể thông tin với chúng tôi, thì những thân nhân

các người bị nạn đều chạy đến. Quân lính trong đồn phải khó nhọc mới giữ nổi họ khỏi tràn lấn đến cửa hầm.

Khi kỹ sư thông báo chỉ có 6 người sống sót thì một sự vô cùng đau đớn hiện lên trên nét mặt mọi người. Tuy nhiên, họ còn một chút hy vọng mong manh là may ra người họ mong đợi sẽ ở trong số đó. Nhưng đến khi kỹ sư đưa ra 6 tên của chúng tôi thì than ôi! Nỗi đau xót như muốn vạch trời kêu lên, những dòng lệ tuôn rơi như suối. Trong số một trăm hai mươi người mẹ, người vợ đứng đó, chỉ có bốn người là may mắn thấy chồng, thấy con còn bao nhiêu người phải ngậm ngùi đau đớn. Chỉ có bốn gia đình được may mắn vì Giáo sư và tôi không có thân nhân. Về phần chúng tôi, trong lúc gần đất xa trời này cũng nghĩ thương cho những người xấu số.

An Thiện hỏi:

– Cứu được nhiều không?

Không thấy trả lời.

Ba Điền nói:

– Hỏi hộ thằng Phi nhà tôi thế nào?

An Thiện lại hỏi nhưng cũng như câu trước, chẳng ai trả lời.

– Có lẽ họ không nghe thấy.

– Họ không muốn trả lời đấy thôi.

Có một điều tôi vẫn thắc mắc, tôi giục An Thiện:

– Hỏi xem ta ở đây đã bao nhiêu ngày.

Câu này được trả lời:

– Mười bốn ngày!

Mười bốn ngày!

Thế mà chúng tôi chỉ tưởng có năm hay sáu ngày là cùng.

– Các bạn không phải ở dưới ấy lâu nữa. Hãy can đảm lên.

Đừng nói nữa làm cho chậm việc. Độ vài giờ nữa thôi.

Mấy giờ này tôi tưởng là những giờ dài nhất từ khi giam cầm và cũng là giờ đau khổ nhất. Mỗi nhát cuộc hình như là đến nơi, nhưng hết nhát ấy lại đến phát khác. Hết nhát khác lại đến nhát khác nữa, và vô tận.

Có tiếng hỏi:

– Có đói lắm không?

– Lả rồi!

– Có thể đợi được nữa không? Nếu các bạn yếu quá thì chúng tôi tạm xăm một lỗ để dong cháo hoặc sữa xuống, như vậy lâu ra. Nếu các bạn cố đợi được, các bạn sẽ chóng được tự do.

– Chúng tôi đợi vậy. Xin làm mau lên!

Thùng mức nước vẫn không ngừng. Nước xuống đều.

Giáo sư nhắc:

– Bảo họ rằng nước xuống nhiều.

– Chúng tôi biết rồi. Hoặc bằng lối đào, hoặc

bằng đường hầm, người ta sẽ đến cứu các anh... không lâu.

Tiếng cuốc thấy yếu đi. Chắc hẳn người ta đang dò chỗ để chọc thủng xuống. Chúng tôi đã tả rõ vị trí của chúng tôi, người ta sợ than đất sụt xuống đầu chúng tôi, có thể đè chết, gây thương tích, hoặc hất chúng tôi xuống nước, nên phải dè dặt. Theo lời Giáo sư, chúng tôi còn phải sợ nạn khí trời nổ tung. Một khi lỗ đã chọc thủng, khi bị nén ép ở trong hốc phụt mạnh lên như phát súng đại bác và làm đổ vỡ tất cả. Vì thế ở trong, chúng tôi phải thận trọng cũng như những thợ ở ngoài.

Cuốc bổ chan chát làm cho nóc hang rung động, những mảnh than vụn rào rào rơi xuống nước. Có một điều rất lạ là càng gần đến lúc được cứu, thì khí lực chúng tôi càng suy. Tôi không ngồi vững được nữa, nằm chúi trong đồng than vụn, yếu quá không nhắc nổi cánh tay. Tôi run cầm cập mặc dầu lúc đó không rét.

Sau cùng, mấy miếng than to rơi xuống. Một lỗ nhỏ hé trên đầu hang. Chúng tôi lóa mắt bởi những ánh đèn. Nhưng ngay lập tức, chúng tôi

lại tối mò như cũ. Một luồng gió, một đợt gió rất mạnh, một vòi rồng ầm ầm nổi lên cuốn tất cả những thứ vụn vặt ra ngoài.

Giáo sư nói:

– Đừng sợ! Đó là những luồng gió mạnh. Người ta sẽ thả lại đèn và đưa xuống. Ta hãy đợi một chút.

Ôi! Đợi! Vẫn còn phải đợi!

Nhưng ngay lúc đó có tiếng xôn xao ở mặt nước dưới hầm. Tôi ngoảnh lại, nhìn thấy một đám ánh sáng đang tiến đến, trên mặt nước sóng vỗ bập bênh. Người ta kêu:

– Can đảm lên! Can đảm lên!

Và trong khi người ta do lối đào xuống đưa tay cho những người nằm ở bậc trên thì do đường hầm người ta cũng vừa tới chỗ ba chúng tôi.

Kỹ sư đi đầu, leo lên trước tiên, ẵm tôi xuống. Thực là kịp thời vì lúc đó sức tôi đã kiệt, không nói được nữa.

Tuy nhiên, tôi vẫn biết có người đang ẵm tôi. Rồi người ta quần chần cho tôi và đưa tôi lên cửa hầm. Tôi vẫn nhắm mắt, thấy chói quá, tôi phải mở ra. Ban ngày rồi! Tôi ra ngoài trời rồi!

Ngay lúc đó, một vật trắng trắng ném vào tôi. Đó là con Lãnh Nhi nhảy vọt lên cánh tay kỹ sư và liếm vào mặt tôi. Đồng thời, tôi thấy có người cầm tay phải tôi và hôn.

Một tiếng nhỏ phát ra:

– Lê Minh!

Đó là anh Mã Tư.

Tôi nhìn chung quanh tôi. Một đám người đông đặc đứng hai bên lối đi như hai hàng rào kín. Họ đứng nín thít vì đã có lệnh không được kêu gọi làm xúc động chúng tôi, nhưng những dáng điệu của họ, những con mắt của họ đã nói nhiều thay cho họ.

Ở hàng thứ nhất, tôi thoáng nhìn thấy những áo lễ trắng và những chỉ vàng lóng lánh dưới mặt trời. Đó là những vị linh Mục ở Văn Xá đến tận

cửa Mỏ cầu nguyện cho chúng tôi. Khi chúng tôi đi qua, các vị quỳ cả xuống, mặt đất không lấm lội nữa, vì trong mười bốn hôm đã khô ráo như thường.

Có đến hai mươi cánh tay đưa ra để đỡ lấy tôi, nhưng kỹ sư không muốn nhường lại: sung sướng và tự hào, kỹ sư cứ ẵm tôi về đến văn phòng, ở đó người ta đã sửa soạn tươm tất chỗ nghỉ cho chúng tôi.

Hai hôm sau, tôi cùng Mã Tư và Lãnh Nhi đi chơi phố. Mọi người thấy chúng tôi đều dừng lại nhìn.

Có nhiều người tiến lại bắt tay chúng tôi, với những đôi mắt rung rung lệ.

Có nhiều người quay mặt đi.

Những người này để tang và chua xót, họ tự hỏi rằng tại sao một đứa trẻ không cha không mẹ lại còn sống, mà những người cha, cột trụ gia đình, những người con yêu dấu lại bị vùi sâu trong Mỏ.

Có nhiều người làm phiền chúng tôi, định kéo chúng tôi về nhà ăn cơm hoặc mời chúng tôi vào hàng uống cà phê.

Họ bảo:

– Em kể lại chuyện bị chôn sống cho ta hay.

Tôi cảm ơn và từ chối tất cả, vì không tiện kể chuyện mình cho người ngoài nghe. Hơn nữa, lẽ nào lại để người ta mua chuyện của mình bằng một bữa ăn hay một ly cà phê. Vả lại, tôi thích nghe chuyện hơn là kể chuyện. Tôi nghe An Sinh, tôi nghe Mã Tư nói lại những chuyện đã xảy ra ở trên mặt đất trong thời gian tôi ở dưới Mỏ cho tôi nghe.

An Sinh nói:

– Khi tôi tưởng anh chết thì lòng tôi đau xót quá như bị gãy một cánh tay vì tôi tưởng thế nào anh cũng chết.

Mã Tư nói:

– Tôi không bao giờ tin rằng anh chết. Tôi

không biết anh sẽ còn sống mà ra khỏi Mỏ hay người ta sẽ cứu được anh kịp thời, nhưng tôi tin rằng anh không thể nào chết đuối được. Công việc cứu nạn làm đến nơi đến chốn thì thế nào cũng tìm thấy anh. Có lúc An Sinh thất vọng và khóc anh, tôi hằng hái bảo An Sinh: « Anh không chết nhưng có lẽ đang đợi chết ». Rồi tôi đi hỏi mọi người: « Người ta có thể sống bao lâu không ăn uống gì? Bao giờ thì mức hết nước? Bao giờ thì đào đến nóc hầm? ». Chẳng ai trả lời tôi vừa lòng cả. Khi người ta hỏi tên, kỹ sư đọc tên Cao Dĩ rồi đến Lê Minh, tôi nằm lăn ra đất và khóc nức nở. Lúc đó người ta xéo cả lên lưng tôi, nhưng tôi coi như không vì tôi sung sướng quá.

Tôi, tôi cũng sung sướng thấy anh Mã Tư tin tôi, đã không muốn tưởng rằng tôi có thể chết được.

CHƯƠNG XXVIII

BÀI HỌC NHẠC

Tôi thành ra có bạn làm mỏ. Cái tai họa chung đã đoàn kết trái tim chúng tôi. Cùng một đau thương, cùng một hy vọng đã tạo cho chúng tôi một tình thân.

Ông An Thiện và nhất là Giáo sư tỏ lòng quyến luyến tôi lắm. Còn kỹ sư tuy không chịu chung nỗi đau khổ ở hốc hầm than cùng tôi, nhưng cũng yêu thương tôi như một đứa con bị bệnh trọng được cứu thoát. Kỹ sư mời tôi về nhà chơi. Cô con gái kỹ sư cũng muốn nghe chuyện tôi. Tôi không thể tiếc công mà không kể lại cho cô nghe những nỗi hiểm nghèo mà tôi đã chịu đựng trong khi bị chôn vùi dưới mỏ.

Ai ai cũng muốn tôi ở lại Văn Xá.

Ông An Thiện nói:

– Ta sẽ tìm cho con một chân thợ cuốc. Như vậy chúng ta không phải xa nhau.

Kỹ sư cũng nói:

– Nếu con muốn làm Văn phòng, ta sẽ dành cho con một chỗ.

Ông An Thiện cho rằng nếu tôi trở lại làm mỏ cũng là một việc tự nhiên, không có gì lạ, cũng như ông, mai đây ông sẽ trở xuống hầm cũ, thân nhiên như các bạn ông hàng ngày đã quen mạo hiểm. Còn tôi, tôi không chủ tâm ở lại làm nghề đẩy goòng. Mỏ than hay thực, lạ thực đấy, tôi đã sung sướng được xem một lần rồi. Thế là đủ, tôi không muốn trở xuống lần thứ hai để tìm đến hốc than nữa.

Thực vậy, tôi không bẩm sinh để làm việc ở dưới đất. Đời sống khoáng đạt ngoài trời, dù nắng mưa, sương tuyết cũng thích hợp với tôi hơn. Đó là những lý lẽ mà tôi trình bày với ông An Thiện và Giáo sư.

Giáo-sư nghe tôi nói vậy rất lấy làm ngạc nhiên, còn An Thiện tỏ vẻ buồn vì tôi không có cảm tình với nghề làm mỏ. Thấy tôi không làm nghề đẩy xe với hắn, Cao Dĩ bảo tôi là một đứa nhát gan. Đối với kỹ sư, tôi không chối là tôi không thích làm dưới đất, vì ông hứa cho tôi một chân ở Văn phòng và sẽ dạy thêm nếu tôi muốn học. Không muốn để ông méch lòng, tôi đem tất cả sự thực nói lại cùng ông.

Ông nói:

– Nếu con thích đời sống ngoài trời, thích phiêu lưu và tự do ta không nài ép con. Cứ theo đường cũ của con.

Quả thực, tôi thích đời sống khoáng dãng, nhất là trong những ngày tôi bị giam hãm dưới hang sâu, tôi lại càng thấy đời sống ngoài trời thật sung sướng,

Trong khi người ta cố giữ tôi ở lại Văn Xá, Mã Tư có vẻ buồn rầu, tôi hỏi tại sao thì Mã Tư nói là vẫn như thường không có chuyện gì cả. Đến lúc tôi báo tin cho anh biết trong ba ngày nữa chúng

tôi sẽ lên đường, anh liền nhảy lên, ôm lấy tôi và thú thực nỗi buồn của anh.

Anh hỏi tôi:

– Anh không bỏ tôi chứ?

Tức mình, tôi thui cho anh một quả để dạy anh từ nay không nên ngờ tôi và cũng để giấu nỗi cảm xúc vì tiếng gọi của tình bạn đã rung động trái tim tôi. Tiếng gọi đó phát ra do tình hữu ái chứ không phải bởi lòng lợi kỷ. Mã Tư không cần đến tôi để sinh nhai, anh có thể kiếm ăn một mình được.

Về điểm này, anh có nhiều thiên tài mà tôi không có. Trước hết, anh sử dụng các thứ nhạc khi rất thạo, anh hát, nhảy lại giỏi và đóng được trò. Anh lại có tài làm cho các « khán giả khả kính » — theo danh từ của ông Vỹ Tiên — mở rộng túi tiền. Với nụ cười có duyên, với đôi mắt dịu hiền và hàm răng trắng nhỏ, với nét mặt dễ yêu anh đã làm rung động cả đến những trái tim tơ trần. Anh không phải xin, tự nhiên người ta thích cho anh. Có thể nói được rằng: người ta

thích cho để anh thích. Thực vậy, trong thời gian tôi vắng mặt, cuộc tuần du mới rồi của anh và con Lanh Nhi đã thu lượm được 18 phật lăng không phải là một món tiền nhỏ. Một trăm hai mươi tám phật lăng, hiện ở trong quỹ, với số 18 phật lăng của Mã Tư vừa kiếm được cộng thành một trăm bốn mươi sáu phật lăng, như thế chỉ thiếu 4 phật lăng nữa, thì mua được bò mong ước.

Mặc dầu tôi không muốn làm thợ mỏ, nhưng khi rời Văn Xá tôi không khỏi bùi ngùi vì tôi phải chia tay An Sinh, chú An Thiện và Giáo sư. Nhưng cũng là một việc thường vì số phận đã định cho tôi cứ phải xa rời những người yêu thương tôi và tôi quyến luyến.

Tiến lên!

Cây đàn khoác lên vai, túi đeo trên lưng, chúng tôi lại ra đi trên đường cái. Con Lanh Nhi sung sướng lăn mình trong đám bụi. Tôi xin thú thực rằng chính tôi cũng sung sướng được ra khỏi tỉnh Văn Xá, được bước rộn rã trên con đường không lội lầy như ở hầm mỏ. Mặt trời chói lọi. Cây cỏ xanh tươi!

Trước ngày khởi hành, Mã Tư và tôi, chúng tôi đã bàn cãi về lộ trình sắp phải theo. Tôi đã dạy anh biết xem bản đồ, anh không cãi rằng quãng đường đi chân trên đất dài hơn quãng đường trên bản đồ đi bằng ngón tay từ tỉnh này đến tỉnh khác. Sau khi đã cân nhắc lợi hại, đáng lẽ đi thẳng đến Ích Sơn rồi từ đó về Văn Ông, chúng tôi nhất định đi lối khác qua Kiến Sơn, không xa hơn mấy nhưng có thể tạt vào mấy thành thị có suối ấm để diễn trò đang độ nhiều người đến dưỡng bệnh. Ngày ở mỏ, Mã Tư được gặp một người làm xiếc rong có gấu, mách rằng diễn trò ở tỉnh này có thể kiếm ăn được. Mã Tư muốn kiếm thêm tiền, anh bảo trăm rưởi phật lằng không đủ mua bò.

Chúng tôi có nhiều tiền hơn, con bò sẽ đẹp hơn, bà Bảo Liên sẽ vui lòng hơn: và bà Bảo Liên vui lòng hơn thì chúng tôi sẽ sung sướng hơn.

Vì thế, chúng tôi nhất định đi lối Kiến Sơn.

Trước đây, trong khi đi từ Ba Lê về Văn Xá, tôi đã bắt đầu dạy Mã Tư học đọc và học những điều sơ yếu về âm nhạc. Bây giờ từ Văn Xá về

Kiến Sơn, tôi lại tiếp tục dạy anh. Một là tôi không phải là một giáo sư tốt — điều này có thể lắm — Hai là Mã Tư không phải là người học trò tốt — điều này cũng có thể lắm — cho nên về tập đọc, kết quả rất chậm và khó như lời tôi đã nói. Anh không nhớ được và đọc ra những cái quái quỷ gì mà anh chế ra. Đôi khi, mất bình tĩnh, tôi dấm tay vào sách kêu rằng óc anh tối quá. Không giận gì, anh nhìn tôi bằng đôi mắt hiền lành, mỉm cười và nói:

– Quả thực óc tôi tối lắm, có đánh vào đầu tôi như Phú Lợi đã làm thì may mới sáng ra.

Anh nói vậy thì tôi giận làm sao được? Tôi bật cười và chúng tôi lại tiếp tục làm việc.

Nhưng về âm nhạc, thì những nỗi khó khăn không còn nữa. Ngay buổi đầu, anh học tấn tới và mau chóng khiến tôi phải kinh ngạc. Rồi anh hỏi những câu làm tôi phải lúng túng, lắm khi dậm bí.

Tôi thú thật rằng điều đó làm tôi bực tức và mất thể diện. Tôi trịnh trọng tự coi tôi là một

giáo sư và lấy làm nhục không thể trả lời học trò được. Tôi nghĩ cách: phải ngụy biện.

Học trò tôi chẳng tha tôi, cứ hỏi tôi luôn những câu:

– Tại sao người ta lại không viết âm nhạc bằng một thứ « khóa »?

– Tại sao người ta lại dùng những dấu « thăng » khi lên giọng và những dấu « giáng » khi xuống?

– Tại sao tiết đầu và tiết cuối của một bài hát, số nhịp lại không đều nhau?

– Tại sao người ta lại hòa dây vĩ cầm bằng những « nốt » này mà không dùng « nốt » khác?

Về câu hỏi cuối cùng, tôi hãnh diện trả lời rằng:

– Vĩ cầm không phải là thứ nhạc khí của tôi, nên tôi không cần biết người ta phải lên dây thế nào.

Mã Tư không vắn được nữa.

Cách trả lời này không thể áp dụng với những câu hỏi trên được vì những dấu « thăng », dấu « giáng » thuộc về lý thuyết của âm nhạc, tôi là « nhạc sư », tôi phải biết, nếu không thì — tôi nghĩ thế — mất cả uy quyền và thể diện, mà uy quyền và thể diện là hai điều tôi rất chú trọng.

Vì thế, khi tôi không biết phải trả lời thế nào thì tôi dùng cách thoát kiểu ông An Thiện, như khi tôi hỏi than đá là gì, đã trả lời tôi một cách quả quyết:

« Than đá là một thứ than rắn như đá. »

Theo cách đó, khi tôi bí; tôi cũng không kém quả quyết, trả lời Mã Tư rằng:

– Nó như thế bởi vì nó phải như thế. Đó là một định lệ.

Mã Tư không có tính phản đối những định lệ, nhưng lúc đó, anh giương mắt và há mồm nhìn tôi làm cho tôi phát ngượng.

Chúng tôi rời Văn Xá đã được ba ngày. Khi Mã Tư hỏi tôi một câu « tại sao » thuộc loại nói

trên, đáng lẽ tôi phải trả lời: « Tôi không biết » thì tôi lại tự đắc đáp rằng: « Bởi vì nó phải như thế ».

Từ đó, lúc anh tỏ vẻ dăm chiêu. Suốt ngày không nói một câu gì, trái hẳn với tính mau mắn của anh, vì lúc nào anh cũng láu táu cũng cười đùa. Tôi hỏi anh mãi, sau cùng anh phải nói:

– Anh Minh a. Anh quả là một giáo sư ưu tú. Tôi nhận thấy không có người nào dạy tốt hơn anh về những điều mà tôi đã học được tuy nhiên...

Anh ngừng lại.

– Tuy nhiên, thế nào?

– Tuy nhiên, cũng có những điều mà anh không biết. Cả đến những nhà thông thái lắm khi cũng không biết, có phải không anh? Vì thế, khi anh trả lời tôi: « nó như thế vì nó phải như thế », tôi nghĩ tất còn những lý do khác mà anh không bảo tôi được vì người ta đã không bảo anh. Vì những lẽ ấy, tôi nghĩ nếu anh muốn giá mà chúng ta tìm mua được, không đắt đâu, một

quyển sách âm nhạc trong đó ta sẽ có đủ những điều ta muốn biết.

– Anh nói đúng lắm!

– Có phải không? Tôi cũng nghĩ rằng anh sẽ đồng ý. Anh thông minh thực, nhưng anh không thể thấu triệt vì anh không được học ở trong sách.

– Một ông thầy khá còn hơn là sách tốt nhất.

– Ý kiến đó hay lắm. Nếu anh bằng lòng thì tôi sẽ hỏi tất cả những điều mà tôi không biết. Sao anh không đi học ngay lúc anh ở một mình ở Văn Xá?

– Vì học những thầy « ra thầy » thì phải trả tiền.

Tôi không muốn lấy tiền của anh để tiêu về việc của tôi.

Tôi hơi chạnh lòng vì câu « thầy ra thầy » nhưng lòng tự ái rất kém đó tự nhiên mất ngay khi tôi nghe đến câu cuối cùng.

Tôi nói:

– Anh là người bạn chân tình. Tiền của tôi là tiền của anh, vì anh kiếm tiền bằng tôi, lắm khi hơn tôi. Anh muốn học bao nhiêu buổi thì học. Tôi cũng sẽ đi học với anh.

Rồi tôi can đảm thú nhận cái dốt của tôi:

– Như vậy, tôi cũng thế, tôi có thể học thêm những điều tôi không biết.

Ông thầy mà chúng tôi kén không phải là những ông thầy vườn ở nhà quê, chỉ biết đánh đàn cho người ta múa, mà phải là những nghệ sĩ, những nhạc sĩ hản hoi, chỉ có ở những thành phố lớn. Tôi coi bản đồ thì chúng tôi sắp qua thành phố Măng Đê, không biết Măng Đê có phải là một thành phố lớn không? Nhưng coi tên in bằng chữ lớn, tôi biết đó là thành phố quan trọng. Chúng tôi nhất định đến Măng Đê sẽ học một vài buổi âm nhạc dù phải tốn tiền. Những ngày gần đây, chúng tôi đi qua những làng nhỏ và nghèo ở vùng núi Lô Diên nên không kiếm

được mấy. Dù sao, tôi cũng không muốn nguyên vọng của Mã Tư phải chậm thực hiện.

Chúng tôi qua miền hoang dã Mê Dương, một vùng xơ xác, thê lương nhất, không rừng, không nước, không hoa màu, không làng mạc dân cư; một vùng vắng vẻ, bao la, họa may, những khách đi nhanh trên xe ngựa có thấy đẹp chẳng, chứ đối với chúng tôi thì chán lắm.

Sau cùng, chúng tôi tới thành phố Măng Đê. Chúng tôi tới nơi vào lúc xẩm tối, nên không thể đi học ngay được, và chúng tôi còn mệt nhọc lắm. Tuy nhiên, Mã Tư thấy thành phố này không to lắm, nóng lòng sợ không tìm được chỗ học, nên khi ăn súp, anh hỏi ngay bà chủ tiệm rằng.

– Ở đây có giáo sư nào dạy âm nhạc không?

Bà chủ tiệm trả lời:

– Bà rất ngạc nhiên về câu hỏi của chúng tôi, vậy chúng tôi không biết giáo sư Phi Nam à?

Tôi đáp:

– Chúng tôi ở xa đến.

210 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Ở xa lắm à? Nơi nào?

Mã Tư nói:

– Từ Ý đại Lợi đến đây.

Bà hết ngạc nhiên vì những người ở xa lắm có thể không biết ông Phi Nam, chứ những người ở gần như Mác Xây, Ly Ông mà không biết giáo sư Phi Nam thì bà cho là những người ít giáo dục bà không cần trả lời.

Tôi nói với Mã Tư bằng tiếng Ý:

– Mong rằng chúng ta sa vào đúng chỗ.

Mắt bạn tôi sáng ngời lên. Chắc chắn ông Phi Nam sẽ trả lời cho tất cả những câu hỏi của anh và chắc chắn giáo sư không lúng túng về câu hỏi « tại sao » người ta lại dùng những dấu « thăng » khi lên và những dấu « giáng » khi xuống giọng.

Có một điều làm cho tôi lo: một nhạc sư danh tiếng như thế không biết có bằng lòng nhận dạy những học trò khốn nạn, nghèo túng như chúng tôi?

Tôi hỏi:

– Ông Phi Nam có bận lắm không?

– Bận lắm chứ. Chắc thế. Sao lại không được.

– Không biết ngày mai ông ấy có tiếp chúng tôi không?

– Có chứ. Ông ta tiếp tất cả mọi người miễn là người ta có tiền trong túi.

Chúng tôi có tiền trong túi, nên rất yên tâm. Trước khi đi ngủ, mặc dầu nhọc mệt, chúng tôi bàn định rất lâu về những câu định sẵn để hôm sau đến hỏi giáo sư danh tiếng đó. Sáng hôm sau, sau khi đã ăn mặc chỉnh đốn — chỉnh đốn đây có nghĩa là sạch sẽ; vì ngoài bộ quần áo chúng tôi đang mặc không còn bộ nào mới đẹp nữa. Chúng tôi lấy nhạc khí, Mã Tư mang vĩ cầm, tôi đeo thụ cầm, cùng nhau ra phố tìm đến nhà giáo sư Phi Nam. Con Lãnh Nhi cũng muốn theo đi, sợ đem cả chó đến nhà một nhạc sư trứ danh không tiện nên chúng tôi phải buộc nó vào chuồng ngựa nhà trọ.

Khi chúng tôi đến trước cửa nhà nhạc sư mà người ta đã chỉ cho, chúng tôi ngờ ngợ vì trước nhà đó có treo hai cái đĩa cạo râu bằng đồng, những vật này không phải là biểu hiệu của một nhà nhạc sư.

Chúng tôi đứng ngẫm, nhà đó có vẻ là một hiệu thợ cạo. Chợt có một người đi qua, chúng tôi hỏi thăm nhà ông Phi Nam ở đâu? « Ở đây » họ vừa nói vừa chỉ vào hiệu cạo? Tôi nghĩ một nhạc sư sao lại không được ở cùng nhà với người thợ cạo?

Chúng tôi bước vào. Trong hiệu chia làm hai phần đều nhau: phần bên phải, ở trên những cái giá gỗ, có các thứ như lược, bàn chải, dao, kéo, nước hoa, xà phòng, phần bên trái, trên cái bàn con kê ở sát tường, có bày hoặc treo các thứ nhạc khí như đàn, sáo, kèn lớn, kèn con.

Mã Tư hỏi:

– Ông Phi Nam!

Một người đàn ông mau mắn và linh lợi như

con chim, đang cạo mặt cho một người nhà quê ngồi trong cái ghế bành, đáp bằng giọng trầm:

– Chính tôi.

Tôi đưa mắt nhìn Mã Tư có ý bảo ông thợ cạo nghệ sĩ này không phải là người chúng ta tìm để học và nếu học ông ta thì chẳng khác chi đem tiền vứt qua cửa sổ. Nhưng đáng lẽ hiểu ý tôi và nghe tôi, Mã Tư lại đến ngồi luôn vào một cái ghế tựa ở bên và nói bằng giọng cứng cáp:

– Khi cạo xong, ông có thể cắt tóc cho tôi được không?

– Được. Em đợi một chút.

Tôi bức quá, không hiểu Mã Tư định làm gì. Anh đưa mắt nhìn tôi có ý bảo hãy rán đợi một chút, đừng vội giận anh.

Lát sau, cạo mặt cho người khách xong, Phi Nam tay cầm cái khăn quàng to lại chỗ Mã Tư.

Trong khi người thợ cạo quấn khăn quàng vào cổ anh, anh hỏi:

– Thưa ông, tôi và bạn tôi vừa cãi nhau xong, nhân biết tiếng ông là một nhạc sư trứ danh, nên chúng tôi muốn phiền ông giải thích giúp những điều đã làm cho chúng tôi bối rối.

– Các em hãy cho tôi biết sơ những điều đã làm các em bối rối.

Tôi hiểu ngay dụng ý của Mã Tư thế nào. Trước hết anh muốn xem ông thợ cạo nghệ sĩ có thể trả lời được những câu hỏi của anh không, sau nếu ông ta trả lời được tức là anh chỉ phải trả bài học đó bằng cái giá cắt tóc cho một người. Anh thật tinh khôn

Mã Tư hỏi:

– Tại sao người ta lại hòa dây vĩ cầm bằng một « nốt » này mà không dùng đến những « nốt » khác?

Tôi tưởng ông thợ cạo – lúc đó đang đưa cái lược vào mái tóc Mã Tư cũng lúng túng và sắp trả lời như kiểu tôi cho xuôi. Tôi cười thầm thì ông thợ cạo cất tiếng nói:

– Cái dây thứ hai bên trái của vĩ cầm phải lấy nốt « la » ở âm giai thường. Rồi những dây khác phải lựa âm trình sao cho dây thứ tư là « sol », dây thứ ba là « rê », dây thứ hai là « la », dây thứ nhất là « mi », tông cao hơn hết.

Bây giờ không phải tôi cười. Mà Mã Tư cười. Anh cười vì cái bộ mặt ngơ ngác của tôi chẳng? Hay anh sung sướng được biết những điều anh muốn học mà cười? Anh sợ cười to và cười hoài. Thời giờ cắt tóc dài bao nhiêu thì câu hỏi của anh cũng nhiều bấy nhiêu. Bất cứ câu gì Mã Tư hỏi, ông Phi Nam cũng trả lời một cách dễ dàng và đích xác như về môn vĩ cầm. Nhưng sau khi đã trả lời nhiều rồi, ông ta lại tự hỏi mình thì ông ta hiểu ngay ý định của chúng tôi đến để làm gì. Ông liền cười ha hả và bảo chúng tôi rằng:

– A! Những đứa trẻ này ranh thực! Coi ngộ quá!

Rồi ông bảo Mã Tư trông thực ngộ hơn tôi đánh một bản cho ông nghe. Mã Tư mạnh dạn cầm cây vĩ cầm và đánh một bài khiêu vũ xoay tròn.

216 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Anh đánh xong, ông Phi Nam vỗ tay và hỏi anh một cách tự nhiên như quen biết đã lâu:

– Em chưa biết nốt nhạc à?

– Vâng.

Trên tường, ở bàn có treo và bày rất nhiều nhạc khí như tôi đã nói ở trên. Mã Tư đánh vĩ cầm xong lấy luôn cái kèn xuống và nói:

– Tôi cũng thổi được kèn nhỏ và cả kèn có « pít-tông » nữa.

Ông Phi Nam bảo:

– Thôi đi coi.

Anh lần lượt thổi tất cả các thứ kèn treo trên tường, mỗi cái một bài.

Ông Phi Nam kêu:

– Ô! Em bé này là thần đồng hẳn! Nếu em muốn ở đây với ta, ta sẽ luyện cho em thành đại nghệ sĩ, em nghe chưa, đại nghệ sĩ! Sáng sáng em cạo râu cho khách với ta, đến chiều, ta sẽ dạy em

âm nhạc. Em đừng yên trí rằng ta không phải là một ông thầy có thể dạy em được vì ta là thợ cạo. Người ta ai cũng phải sống, phải ăn, uống, ngủ, con dao cạo rất tốt cho ta về việc đó. Dù có làm nghề cạo râu cho người, ông Giát Mạnh ngày xưa vẫn là thi sĩ trứ danh của nước Pháp, không kém. Tỉnh A Giăng có Giát Mạnh, thì tỉnh Măng Đê cũng có Phi Nam.

Khi ông Phi Nam giảng thuyết xong, tôi nhìn Mã Tư. Anh sẽ trả lời ra sao? Tôi sắp mất chẳng, một người bạn đường, một người bạn thân, một người em, như tôi đã lần lượt mất những người mà tôi thương yêu? Lòng tôi se lại.

Tuy nhiên, tôi cố dẹp tình cảm của tôi về một bên.

Trường hợp này giống như trường hợp của tôi và ông Võ Tiên đứng trước bà Mỹ Lưu muốn giữ tôi. Tôi không muốn tôi phải oán trách tôi bằng những lời mà tôi đã oán tránh ông Võ Tiên ngày xưa.

Tôi ghen ngào nói:

– Anh Mã Tư ơi! Anh nên nghĩ về phần anh trước.

Nhưng Mã Tư chạy lại cầm tay tôi mà nói:

– Phải bỏ bạn tôi? Tôi không thể làm được. Tôi hết lòng cảm ơn ông.

Ông Phi Nam lại nhấn mạnh rằng khi Mã Tư học hết những điều yếu lược, ông sẽ tìm cách cho anh đi học ở Tu Lu rồi đi Ba Lê vào trường « Quốc gia Âm nhạc học viện », nhưng Mã Tư nhất định từ chối.

– Tôi không bao giờ bỏ Lê Minh, bạn tôi.

Ông Phi Nam nói:

– Em ơi! Vậy thì ta muốn có một vật gì để cho em, ta muốn tặng em một quyển sách, trong đó em sẽ học hỏi những điều em không biết.

Nói xong, ông ta tìm các ngăn kéo. Một lúc lâu, ông đem ra một quyển sách nhan đề là « Âm Nhạc lý thuyết » sách này đã cũ và nhàu

nát, nhưng có cần gì? Rồi lấy bút, ông đề vào trang thứ nhất như sau:

« Tặng em bé, sau này thành tài, đừng quên người thợ cạo thành Măng Đê ».

Tôi không biết ở thành Măng Đê, ngoài ông phó cạo Phi Nam còn có nhạc sư nào khác không, nhưng chỉ có ông Phi Nam là người mà chúng tôi biết và không bao giờ quên được.

CHƯƠNG XXIX

CON BÒ CỦA ÔNG HOÀNG

Tôi đã yêu Mã Tư khi đến Măng Đê, tôi lại càng yêu Mã Tư khi rời thành phố này. Trong tình bằng hữu không có cái gì cao đẹp hơn, êm ái hơn là khi ta cảm thấy những người bạn ta yêu đã yêu ta một cách chân thành.

Mã Tư đã từ chối lời đề nghị của ông Phi Nam nghĩa là đã vứt bỏ hết các sự an nhàn, sung sướng, sự ích lợi về việc học bây giờ và sự phú quý mai sau để đi với tôi, chung sống một cuộc đời trôi giạt thiếu thốn, không có tương lai và có lẽ không có cả ngày mai nữa, đó chẳng phải là chứng cứ hiển nhiên, đã tỏ lòng thân ái của anh đối với tôi hay sao?

« Bỏ bạn tôi! », câu nói của anh đã làm tôi vô cùng cảm động. Đứng trước ông Phi Nam, tôi không thể biểu lộ được chân tình cùng anh, nhưng khi vừa ra khỏi, tôi liền nắm tay anh thật chặt và nói:

– Anh em ta sống chết có nhau, có phải không?

Anh nhìn tôi cười và nói:

– Tôi nghĩ thế đã lâu.

Mã Tư vốn không thích đọc sách, nhưng từ khi có quyển « Âm nhạc lý thuyết » của tác giả Kuhn thì anh chăm xem và tấn tới lắm. Tiếc rằng tôi không thể giúp anh học nhiều như ý muốn của anh được vì chúng tôi phải đi suốt ngày, hết độ nọ đến độ kia để chóng qua miền Lô Diên và miền Ô Việt là những miền khô khốc cho những phường hát và diễn trò rong. Ở đây, người dân quê kiếm được ít, nên ăn tiêu rất dè dặt. Họ xem các trò với vẻ lãnh đạm. Đến khi sắp quyền tiền là họ lảng xa hoặc đóng chặt cửa túi lại.

Sau cùng chúng tôi đến miền suối ấm, là mục đích cuộc đi của chúng tôi. Quả như lời người làm xiếc có con gấu đã mách Mã Tư. Qua những tỉnh Buốc Bun và Mông Đô chúng tôi kiếm được nhiều tiền.

Cho được công bình, tôi phải nói kết quả đó được tốt đẹp là nhờ ở tài nghệ và sự khôn khéo của anh Mã Tư. Còn tôi khi nào khán giả đến đông tôi chỉ biết lấy đàn ra gảy, gảy sức gảy nhưng kém quan sát. Mã Tư không dùng lối quá cổ thể. Đối với anh, đợi cho khách đến đông cũng chưa đủ, còn phải để ý nghiên cứu các khán quan xem có nên diễn hay thôi hoặc phải diễn những trò gì.

Ở « Trường Phú Lợi », một trường chuyên khai thác bằng đại qui mô, lòng trắc ẩn của xã hội, Mã Tư đã học được những bí quyết của một kỹ thuật rất khó khăn là kỹ thuật nài ép lòng thương hại và tính rộng rãi của mọi người. Lần đầu tiên, tôi gặp anh ở căn gác phố Lục Sinh, tôi đã lấy làm lạ khi nghe anh nói những mánh khéo để người ta cho tiền, bây giờ tôi lại lạ hơn nữa khi trông thấy anh thực hiện phương pháp đó.

Chính ở trong những tỉnh có tuổi ẩm, mà anh Mã Tư đã trở hết tài nghệ trước một số đông khán giả là người Ba Lê về dưỡng bệnh — những khán giả cũ mà anh đã quen tính nết lại được tái ngộ ở đây — và anh đã thu được khá tiền.

Khi thấy một thiếu phụ có tang đang thơ thẩn trong vườn Cúc Thanh, anh bảo tôi:

– Chú ý! Chúng ta đánh những bản buồn, để bà ta âm thầm nghĩ đến người đã mất. Nếu bà ta khóc là chúng ta ăn tiền...

Rồi chúng tôi đánh những bản rất nỉ non, ai oán, đã làm thiếu phụ phải lau nước mắt.

Ở ngoại thành Mông Đô, trên những đường tản bộ, có những đám cây râm mát, gọi là « trường hội hữu », khách thừa lương thường tụ tập ở đó để hóng gió. Mã Tư đã dò biết và chúng tôi đến tận những nơi đó để đàn hát và diễn trò.

Khi chúng tôi thấy một người ốm xanh xao, mắt hốc, má lõm, ngời buồn rầu trên một cái ghế tựa, chúng tôi không dám đến gần sợ làm ngắt cái nguồn tư lự của bệnh nhân. Chúng tôi dừng lại

xa xa, đàn hát cho vui chơi với nhau, nhưng phải làm cho hết sức hay. Chúng tôi đưa mắt nhìn, nếu người đó nhìn chúng tôi bằng con mắt giận dữ thì chúng tôi cuốn gói, nếu họ chú ý nghe thì chúng tôi lại gần. Bây giờ, Lãnh Nhi có thể hăng hái chìa cái bát gỗ không sợ bị đá dít đuổi đi.

Tuy vậy, những cuộc diễn gần những trẻ em đem lại cho chúng tôi nhiều kết quả hơn.

Tiếng đàn của Mã Tư đã khéo mời cho chúng khiêu vũ và nhất là cái cười của anh đã làm cho chúng phải cười lây, đến cả những đứa trẻ nét mặt kém vui nữa. Anh đã làm cách gì? Làm thế nào? Tôi không biết. Nhưng sự thực là như thế: anh làm cho mọi người thích, người ta yêu anh.

Kết quả của cuộc chu du của chúng tôi đến đây thực rục rở. Trừ các khoản ăn tiêu rồi, chúng tôi còn 68 phật lạng.

Sáu mươi tám phật lạng này với một trăm bốn mươi sáu phật lạng trước, cộng lại là 214 phật lạng. Thế là đã đến lúc mà chúng tôi phải về làng Tả Văn Ông, không được trì hoãn nữa.

Người ta bảo ở Ích Sơn là nơi chúng tôi sắp phải đi qua có một chợ trâu bò.

Chợ trâu bò, may quá cho chúng tôi. Chúng tôi có thể mua được một con bò cái tốt với số tiền chúng tôi đã chịu khó ăn nhịn, để dành. Con bò mơ ước đó, một lần nữa, lại hiển hiện trong óc chúng tôi: Mã Tư muốn con lông trắng, tôi thích con lông đỏ để nhớ lại con Hồng Ti ngày xưa. Dù sao, cũng phải là con bò hiền lành, ít ăn, và có nhiều sữa. Chúng tôi bàn đi bàn lại mãi không chán.

Nhưng bao giờ biết sự mơ ước đó thành sự thực, đó là cả một việc khó khăn cho tôi.

Chọn thế nào được con bò có đủ tất cả những đức tính mà chúng tôi muốn? Thực là một việc rất quan trọng. Tôi không biết xem tướng bò tốt xấu, mà Mã Tư cũng mù tịt như tôi.

Lại còn điều này làm cho chúng tôi buồn thêm. Đó là những mẩu chuyện về việc bán bò mà chúng tôi nghe được ở các quán trọ khi chúng tôi có ý muốn mua bò. Nói đến lái ngựa, lái bò là

nói đến những mưu mô lừa bịp quỷ quyệt. Nào chuyện người nhà quê đi chợ mua được một con bò đuôi đẹp và dài chấm đất, với cái đuôi đó, ai cũng biết, con bò có thể đuổi ruồi đến tận mũi, rất lợi. Anh ta đặc chí đánh bò về nhà vì con bò hiếm có thế mà giá mua không đắt. Sáng hôm sau, anh ta vào chuồng xem thì con bò quý của anh đã cụt đuôi. Thì ra lái bò đã khéo chấp một túm lông dài vào khâu đuôi cụt. Nào chuyện người này mua phải con bò sừng giả, người khác lúc mua thì bò đầy vú sữa, về đến nhà thì vắt bảy ngày không được một chén con, vì người lái quỷ quyệt đã thổi cho bầu sữa phồng lên.

Chúng tôi không muốn bị bịp như thế. Về việc đuôi giả, Mã Tư không sợ, anh sẽ đánh đu vào đuôi các con bò muốn mua, nếu là đuôi chấp thì phải tuột ngay. Về vấn đề bầu vú thôi, cũng chẳng khó gì, chỉ dùng một cái kim to và dài đâm vào là biết ngay.

Hai cách thử này thực là hiệu nghiệm đối với những con bò đuôi giả, vú giả, nhưng nếu đem áp dụng cho những con bò lành lặn, sợ rằng nó bị

đau sẽ không nể gì mà không đá vào mặt những người đã kéo đuôi nó hoặc châm vào vú nó.

Ý nghĩa về cái đá đã làm cho Mã Tư im lặng. Tuy nhiên chúng tôi rất băn khoăn, chỉ lo nhờ biểu bà Bảo Liên phải con bò không có sữa hoặc không có sừng thì buồn quá.

Trong những chuyện kể trên, có chuyện một anh lái bò bị một viên thú y lột mặt nạ giữa phiên chợ và phải dắt bò mà chạy. Chúng tôi nghĩ nên nhờ một viên thú y giúp đỡ, tuy có tốn phí nhưng chắc chắn mua được bò vừa ý và không phải bị lừa bịp. Chúng tôi đồng ý về điểm này và không bàn định thêm gì nữa.

Chúng tôi tiếp tục đi, vui vẻ và nhẹ nhàng. Từ Mông Đô đến Ích Sơn đường không dài lắm. Chúng tôi đi không đến hai ngày, tới Ích Sơn còn sớm.

Có thể nói được rằng tôi đã về xứ tôi rồi, vì chính ở Ích Sơn, nơi mà tôi đã đóng trò và ra mắt công chúng lần thứ nhất trong bản « Người đầy tớ của Ngài Hảo Tâm » và chính ở Ích Sơn này,

ông Võ Tiên đã mua cho tôi đôi giày thứ nhất, đôi giày đế đinh đã làm cho tôi sung sướng vô cùng.

Ôi! Còn đâu nữa con Hảo Tâm với bộ mũ áo của Đại Tướng Anh? Còn đâu nữa con Hiệp Nhi hang hái và con Thùy Nhi dịu dàng? Còn đâu nữa ông Võ Tiên, thầy tôi, với cái dáng đi đặc biệt, đầu thẳng, ngực ưỡn, chân bước nhịp nhàng, miệng thổi sáo mở đường cho chúng tôi tiến bước.

Trong bọn sáu chúng tôi bây giờ, ngày nay chỉ còn có hai sót lại: tôi và Lãnh Nhi. Vì thế, tôi thấy đau lòng khi đặt chân vào thành phố Ích Sơn. Tự nhiên tôi tưởng tượng như nhìn thấy bóng cái mũ phớt của ông Võ Tiên ở mỗi đầu phố và một tiếng gọi quen thuộc như văng vẳng bên tai: « Tiến lên! »

Tôi chợt đi qua cửa hàng bán đồ cũ mà ông Võ Tiên đã đưa tôi vào mua quần áo năm xưa, tôi nhìn thấy vẫn có mấy cái áo cũ có lon vàng treo ở ngoài cửa, và ở trong tủ kính vẫn bày những súng cũ và những đèn gi.

Tôi cũng tìm đến chỗ tôi diễn trò lần đầu tiên chỉ cho Mã Tư coi: con Lãnh Nhi nhận ngay ra và chạy đến ve vấy đuôi.

Chúng tôi lại vào nhà trọ của ông Vỹ Tiên ngày trước. Sau khi đã gửi đồ đạc đâu đấy, chúng tôi đi tìm nhà một thú y. Đến nơi chúng tôi trình bày ý muốn thì ông Thú y cười lớn mà bảo rằng:

– Ở đây, không có giống bò để làm xiếc!

– Không phải chúng tôi mua bò để làm xiếc mà để lấy sữa.

– Và nó phải có một cái đuôi thật.

Mã Tư nói thêm vì lòng anh vẫn băn khoăn về cái đuôi chấp.

– Thưa ông Thú ý, chúng tôi đến xin ông làm ơn đem cái khoa học của ông giúp chúng tôi mua bò khỏi bị lừa bịp. Tôi nói câu đó, bắt chước bộ điệu đúng đắn và giọng nói quan trọng của ông Vỹ Tiên hay dùng đến mỗi khi muốn chinh phục người nghe.

Ông Thú y hỏi:

– Thế các con mua bò để làm gì?

Bằng mấy câu văn tắt, tôi cắt nghĩa cho ông nghe mục đích việc mua bò của chúng tôi.

Nghe xong, ông nói:

– Các con là những đứa trẻ tốt. Sáng mai ta sẽ theo các con ra chợ. Ta có thể nói trước với các con rằng con bò ta sẽ chọn không có đuôi giả đâu!

Mã Tư nói:

– Không có sừng giả?

– Không có sừng giả.

– Không có vú đựng hơi?

– Ta sẽ tìm cho các con con bò tốt và đẹp. Nhưng trước hết phải có tiền để mua chứ?

Không trả lời, tôi mở luôn gói mùi xoa đựng tất cả các tài sản của chúng tôi cho ông xem.

– Tốt lắm! Bảy giờ sáng mai, các con sẽ lại đây đi với ta.

– Thưa chúng tôi phải trả hâu ông bao nhiêu?

– Không phải trả gì cả. Ai lại lấy tiền của những đứa trẻ có lòng tốt như các con!

Tôi bối rối không biết lấy gì trả ơn ông Thú y đáng kính ấy thì Mã Tư có một ý kiến. Anh hỏi:

– Thưa ông, ông có thích nghe âm nhạc không?

– Có chứ!

– Ông vẫn thường ngủ sớm?

Thấy câu hỏi rời rạc không nghĩa lý gì, nhưng ông cũng vui vẻ trả lời:

– Độ chín giờ.

– Cảm ơn ông. Bảy giờ sáng mai, chúng tôi xin nhớ.

Tôi hiểu ý Mã Tư nên lúc ra tôi hỏi anh:

– Anh muốn hiến ông Thú y một cuộc hòa nhạc?

– Phải đấy. Một cuộc hợp tấu trước khi ông ta đi ngủ. Đó là một cách đối với những người mà ta yêu.

– Ý kiến hay đấy. Chúng ta về nhà trọ để soạn cuộc hòa nhạc đó. Người ta có thể làm đối trá đối với những người trả tiền, nhưng một khi mình là người chính trả tiền thì mình phải làm hết sức.

Hồi chín giờ kém ba phút, chúng tôi đã đến cửa nhà ông Thủy. Mã Tư xách vĩ cầm, tôi đeo thụ cầm. Đường phố tối đen. Vì lát nữa có trăng, nên người ta không cần phải thắp những cột đèn lồng. Các cửa hàng đều đóng cửa. Người đi lại đã thưa.

Tiếng chuông đồng hồ vừa điểm thì chúng tôi bắt đầu dạo đàn. Trong quảng phố hẹp và tĩnh mịch tiếng đàn chúng tôi ngân vang như ở trong một căn phòng kín. Các cửa sổ đều mở tung, những đầu đội mũ len, trùm mùi xoa hoặc khăn

quàng lỗ nhỏ thò ra và cửa sổ này sang cửa sổ khác, người ta sống sót hỏi nhau.

Ông bạn Thú y của chúng tôi, nhà ở đầu phố, một cửa sổ trên lầu mở ra, ông bạn cúi nhìn xem ai đàn thế.

Ông nhận ngay ra chúng tôi và biết mục đích của chúng tôi ông xua tay làm hiệu cho chúng tôi im.

Rồi ông nói:

– Ta cho mở cửa, các con vào trong vườn chơi.

Tức thì cửa vào mở rộng. Ông ra bắt tay chúng tôi và nói:

– Các con là những trẻ có nhiệt tình, nhưng vô ý quá. Các con không sợ cảnh binh bắt về tội làm huyền não phố xá ban đêm à?

Vườn nhà ông không rộng lắm, nhưng có một giàn dây leo trông rất u nhã. Chúng tôi lại bắt đầu gảy đàn.

Gia đình ông có hai vợ chồng và năm, sáu đứa con. Mọi người đều ra xem. Người ta treo đèn ở dưới giàn hoa. Chúng tôi hết sức trố tài. Hết mỗi bài, người ta lại vỗ tay và đòi bài khác. Quá mười giờ, nếu ông không bảo chúng tôi nghỉ thì có lẽ các con ông còn bắt chúng tôi đàn hát đến nửa đêm.

Ông bảo các con ông:

– Để cho các anh ấy về nghỉ, mai còn đến đây sớm.

Không để chúng tôi về không, ông thết chúng tôi một bữa ăn rất ngon lành. Để cảm ơn ông, tôi bảo Lãnh Nhi ra diễn một vài trò vui nhất. Các con ông thích quá, reo cười không ngớt. Mãi gần mười hai giờ, chúng tôi mới ra về.

Thành phố Ích Sơn ban đêm yên tĩnh bao nhiêu thì sáng ngày huyên náo bấy nhiêu. Mới rạng đông, chúng tôi đã nghe thấy tiếng xe chạy trên đường cái cùng tiếng ngựa, bò, cừu và tiếng cười nói của những người nhà quê ra phiên chợ.

Chúng tôi bước ra, thấy sân nhà trọ để đầy những xe bò, cái nọ liền cái kia. Lại có nhiều xe ngựa vừa đỗ. Những người nhà quê ăn mặc chững chạc đang giơ tay đỡ vợ ở trên xe xuống. Mọi người đều phủi quần áo, những người đàn bà vuốt lại mái tóc và sửa lại y phục cho gọn gàng. Trong phố, người đi như nước chảy về phía chợ. Lúc đó mới sáu giờ, chúng tôi rủ nhau đi chợ xem bò và chọn thử trước.

A! Có biết bao nhiêu là bò cái: Con nào cũng hay, cũng đẹp. Có đủ các sắc và đủ các cỡ. Có con béo, có con gầy, có con vú chấm đất, có con kèm cả bê non. Trong chợ cũng có những ngựa, lừa và ngựa con. Những con lợn béo chũi mõm đào đất. Những con lợn sữa kêu eng-éc như đang bị chọc tiết. Lại có rất nhiều gà mái, gà sống, vịt, ngỗng, chim câu. Nhưng có cần gì. Chúng tôi chỉ để ý đến chỗ bán bò. Những con bò cái, mặc chúng tôi dòm nom, mắt lơ đãng, đưa đi đưa lại, cứ điềm nhiên nhai lại bữa cỏ ban đêm, không biết rằng từ nay sẽ không được ăn những ngọn cỏ non ở cánh đồng cũ là nơi chúng đã sinh trưởng.

Sau khi xem xét độ nửa giờ, chúng tôi chọn được mười bảy con vừa ý: con này có nốt này, con kia có nốt nọ, ba con vì nó hồng, hai con vì nó trắng. Vì việc dự chọn này, Mã Tư và tôi đã bàn cãi nhau nhiều lắm.

Đúng bảy giờ, chúng tôi đến thì ông Thú y đã đợi ở cửa. Chúng tôi lại cùng ông ra chợ. Chúng tôi nhắc lại cho ông biết ý chúng tôi định mua một con bò thế nào và có những nét gì. Tóm lại, con bò phải có hai điều cần thiết: ăn ít và nhiều sữa.

Mã Tư vội chỉ con bò trắng và nói:

– Con bò này cũng tốt.

Tôi chỉ một con lông đỏ, nói:

– Con bò này tốt hơn.

Ông Thú y liền “ xử hòa » nghĩa là không hỏi đến con rằn của Mã Tư và cũng không hỏi đến con đỏ của tôi. Ông dừng lại chỗ con thứ ba: một con bò nhỏ, chân mảnh, lông đỏ, tai và má

màu nâu, chung quanh mắt đen và có vòng trắng chung quanh mõm.

Ông nói:

– Đây là giống bò Dung Yên, rất hợp với ý các con.

Một người nhà quê, bé nhỏ, cầm dây. Ông Thú y hỏi giá, anh ta nói:

– Ba trăm phật lăng.

Chúng tôi đang thích con bò nhỏ nhắn, lanh lợi, tướng mạo tinh khôn ấy thì câu trả lời đó làm cho chúng tôi thông cả tay xuống. Ba trăm phật lăng kia à? Quá sức của chúng tôi. Tôi liền ra hiệu cho ông Thú y tìm con khác. Ông bấm tôi có ý bảo phải từ từ.

Cuộc mà cả bắt đầu. Ông Thú y trả 150 phật lăng, người nhà quê hạ 10 phật-lăng. Ông trả thêm 170 phật lăng, người lái rút xuống 280 phật lăng.

Đến chỗ này chúng tôi đang phấp phỏng thì ông Thú y thôi không trả thêm nữa. Ông bắt đầu xem con bò từng bộ phận; chân yếu quá, cổ hơi ngắn, sừng hơi dài, phổi hơi nhỏ, bầu sữa không xứng.

Người nhà quê đáp:

– Là chỗ hiểu nhau cả, tôi bằng lòng bán với giá 250 phật lạng để con bò được về tay chủ tốt.

Nghe ông Thú y nói vậy, tôi sợ con bò đó xấu thực, liền giục ông:

– Ta đi xem con khác.

Thấy tôi nói thế, người lái bò bớt cho 10 phật lạng rồi lần lượt, rút xuống 210 phật lạng rồi giữ giá.

Ông Thú y lấy khuỷu tay thích vào tôi, ngụ ý bảo những lời ông chê đó không đúng đâu và con bò này tốt, mua được. Nhưng hai trăm mười phật lạng nhiều quá! Một món tiền lớn cho chúng tôi!

Trong khi đó Mã Tư lượn về phía sau con bò

rút một cái lông đuôi, con bò liền đá anh một cái. Thấy thế, tôi nhất định mua,

Tưởng thế là xong, tôi nói:

– Được, tôi bằng lòng 210 phật lảng.

Tôi giơ tay ra để cầm dây, nhưng người nhà quê không đưa.

Anh nói:

– Còn quà cho mẹ cháu nữa chứ?

Chúng tôi lại bắt đầu bàn cãi. Cuối cùng tôi thuận trả 20 xu tiền quà. Chúng tôi chỉ còn vền vền có 3 phật lảng. Tôi lại đưa tay ra lấy dây. Anh ta cầm tay tôi bắt rất thân thiết. Vì thân thiết, tôi phải nghĩ đến quà cho con gái anh ta, mất thêm 10 xu nữa.

Lần thứ ba, tôi đưa tay lấy thùng, thì người nhà quê, bạn thân của tôi, bảo tôi « hợm đã » và hỏi:

– Bạn có đem sẵn vòng cổ cho bò không? Tôi bán bò chứ không bán vòng cổ.

Vì là chỗ anh em cả, anh ta để rẻ cái vòng cổ đó cho tôi có 30 xu thôi.

Cần phải có vòng buộc cổ bò, vì thế tôi phải bỏ ra 30 xu, trong túi chỉ còn 20 xu nữa thôi. Thế là hết tất cả 213 phật lảng rồi. Tôi giờ tay lẫn thứ tư. Anh ta lại hỏi:

– Dây thừng của bạn đâu? Tôi bán cho bạn vòng cổ bò, chứ không bán dây thừng.

Chiếc dây thừng đó giá vốn là 20 xu, 20 xu cuối cùng của chúng tôi.

Sau cùng, người nhà quê trao bò và cả vòng cổ, dây thừng cho chúng tôi. Chúng tôi có bò, nhưng chúng tôi không có một xu dính túi, không có một đồng nào để nuôi bò và để nuôi thân chúng tôi nữa. Mã Tư nói:

– Chúng ta đi làm vậy. Các tiệm cà phê đều đông người. Chúng ta chia nhau có thể đi khắp các tiệm ấy được. Chiều nay tất có xu tiêu.

Sau khi đã đánh bò về nhà trọ và buộc kỹ bò vào chuồng, chúng tôi chia nhau, mỗi người một

ngả, đi đánh đàn ở các tiệm cà phê. Chiều về Mã Tư được 4 phật lăng rưởi, tôi được 3 phật lăng.

Với bảy phật lăng rưởi trong tay, chúng tôi giàu rồi! Nhưng cái vui đã kiếm được 7 phật lăng rưởi so với cái vui đã tiêu hết 214 phật lăng thì còn kém nhiều.

Chúng tôi nhờ người ở gái nhà trọ vắt sữa bò, chúng tôi ăn bữa tối bằng sữa: chúng tôi chưa từng được ăn thứ sữa nào ngon như thế. Mã Tư khen sữa ngọt và thơm như hoa cam, giống thứ sữa anh đã được uống ở Nhà Thương ngày nào, mà có phần ngon hơn nữa. Trong lúc vui sướng ấy, chúng tôi nhảy nhót và ôm lấy đầu con bò và hôn trán nó, hình như nó cũng thông cảm đưa lưỡi ra liếm vào mặt chúng tôi, chúng tôi rất cảm động.

Than ôi! Mã Tư và tôi là những đứa trẻ cô độc, có bao giờ được triu mến như những trẻ có mẹ có cha, nay lấy sự thân yêu với con bò này làm an ủi, thực đáng thương vậy!

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy cùng với mặt trời. Chúng tôi lên đường đi luôn Văn Ông. Tôi rất mang ơn anh Mã Tư, nhờ công anh khó nhọc, chúng tôi mới nhặt được món tiền lớn 214 phật lảng đó. Vì thế tôi nhường cái thú dắt bò cho anh. Anh đặc chỉ kéo con bò đi trước, tôi và con Lãnh Nhi theo sau. Khi ra ngoài thành phố, tôi mới đi ngang anh để nói chuyện và có thì giờ ngắm kỹ con bò của chúng tôi. Tôi chưa từng trông thấy con bò nào đẹp như thế. Vẻ dịu dàng, dáng đi thong thả, chững chạc như một con vật tự biết giá trị của mình.

Bây giờ tôi không cần xem bản đồ như khi mới ra khỏi Ba Lê. Tôi biết lối đi rồi. Mặc dầu cách đây đã mấy năm, kể từ ngày tôi đi với ông Võ Tiên tôi vẫn còn nhớ những khúc khuỷu của con đường, Không muốn để con bò của chúng tôi mỏi mệt và cũng không muốn đến Văn Ông vào một giờ muộn quá, tôi định sẽ nghỉ lại ở làng năm xưa, ông Võ Tiên đã đưa tôi vào một nhà trọ, ngủ đêm thứ nhất của tôi trên ổ cỏ khô; thấy tôi buồn khóc, con Lãnh Nhi đã đến đặt chân nó

vào tay tôi để an ủi tôi. Rồi sáng hôm sau, từ làng đó chúng tôi sẽ về nhà mẹ nuôi tôi sớm.

Nhưng số phận từ trước đến giờ vẫn may mắn cho chúng tôi, bây giờ lại tráo trở và đảo lộn cả cái chương trình của chúng tôi.

Chúng tôi chia ngày đường của chúng tôi làm hai phần, khoảng giữa dùng vào việc ăn trưa và nhất là để cho bò của chúng tôi ăn cỏ non ở hai bên rìa đường.

Lúc đầu, tôi phải giữ dây cho bò ăn, nhưng thấy nó hiền lành và chăm chú gặm cỏ nên tôi quấn dây chung quanh sừng nó và ngồi ăn bánh mì bên cạnh cho thoải mái.

Lẽ tất nhiên là chúng tôi ăn xong trước bò. Ngắm mãi con bò cũng chán, chúng tôi rủ nhau đánh bi. Xin đọc giả chớ tưởng tượng rằng chúng tôi là những người đạo mạo và nghiêm trang chỉ lo kiếm tiền. Mặc dầu chúng tôi sống một đời khác với những trẻ bằng tuổi chúng tôi, chúng tôi vẫn có những tính tình và sở thích của tuổi thơ, nghĩa là chúng tôi thích chơi như các trẻ khác và

không ngày nào là chúng tôi không đánh bi, đá cầu hay nhảy cừu. Thường thường, bất thành linh và vô lý, Mã Tư hỏi tôi:

– Chơi không?

Thế là bỏ túi, bỏ đàn xuống, chúng tôi chơi ngay ở dọc đường. Nhiều lần, nếu tôi không có đồng hồ, thì đã ham chơi đến tối. Nhưng cái đồng hồ nhắc cho tôi biết: tôi là đoàn trưởng, tôi phải làm việc, phải kiếm tiền để sống. Nên tôi lại khoác đàn lên vai đau nhức. Tiến lên!

Chúng tôi đã đánh bi xong mà con bò vẫn còn gặm cỏ. Thấy chúng tôi đến gần, nó đưa dài lưỡi ra vờ cỏ tỏ cho chúng tôi biết là nó hãy còn đói.

Mã Tư bảo:

– Chúng ta hãy đợi một chút.

Trong khi đợi, chúng tôi sửa soạn túi và nhạc khí của chúng tôi.

Mã Tư là người hiếu động, không mấy lúc để yên chân tay, hỏi tôi:

– Tôi thử thổi kèn cho bò chúng ta nghe. Ngày nọ ở gánh xiếc Gát Sô có con bò thích nghe âm nhạc lắm.

Và không hỏi hơn nữa, anh liền phùng má thổi một bài nhạc « điếm binh ».

Nghe thấy tiếng đầu, con bò chúng tôi ngừng đầu lên nhìn, rồi bất thành linh, tôi không kịp chạy lại tháo dây ở sừng nó để cầm, nó vùng chạy và nhảy quá như ngựa phi.

Chúng tôi lập tức cũng phi hết sức như nó để đuổi theo. Tôi gọi Lãnh Nhi chạy bắt nó lại, nhưng không ai có đủ mọi tài: nếu là con chó săn súc vật thì nó đã nhảy lên mũi con bò để hãm lại, nhưng con Lãnh Nhi là con chó diễn trò, nó chỉ biết nhảy lên chân con bò thôi, làm cho con này càng chạy già. Chúng tôi cứ chạy như thế, bò trước người sau, lại thêm con chó sữa âm ỉ. Vừa chạy, tôi vừa mắng Mã Tư:

– Đồ ngu!

Mã Tư vừa chạy, vừa thở, đáp:

– Anh sẽ đập vào đầu tôi. Tôi đáng tội lắm,

Chỗ chúng tôi nghỉ để ăn cách một làng to ở trước mặt đến hai cây số. Chính con bò của chúng tôi chạy về phía ấy. Cố nhiên, nó vào làng trước chúng tôi. Vì đường thẳng, nên tuy cách xa, chúng tôi đã nhìn thấy người ta chặn lại và bắt được nó.

Lúc đó chúng tôi chạy chậm lại, yên trí bò không mất. Chúng tôi sẽ hỏi những người tử tế đó xin lại họ sẽ giao trả chúng tôi. Chúng tôi càng đến gần, càng thấy đông người xúm vào chung quanh con bò. Có đến hai mươi người vừa đàn ông, đàn bà và trẻ con, ào ào bàn tán và đứng nhìn chúng tôi chạy đến.

Tôi đinh ninh rằng tôi chỉ có việc xin bò rồi đi. Nhưng đáng lẽ trả bò chúng tôi, người ta quay lấy chúng tôi hỏi dồn:

– Chúng mày ở đâu đến? Chúng mày có con bò này từ chỗ nào?

Câu trả lời của chúng tôi rất giản dị và dễ

dàng, nhưng người ta không tin. Có hai hay ba tiếng hét lên:

- Chúng nó đã ăn trộm bò lạ nên mới chạy!
- Bắt giam chúng nó lại để điều tra!

Tiếng « giam » làm cho tôi hết hồn. Tôi xám mặt lại và nói lúng túng. Lại vì chạy nhọc quá nên không sao chống cãi được.

Đương lúc ấy, có một người hiến binh đến. Bằng một vài câu vắn tắt người ta kể đầu đuôi câu chuyện cho người hiến binh nghe. Thấy việc khả nghi, người hiến binh tuyên bố rằng: bò bắt về sở còn người thì tổng giam để chờ xét xử.

Tôi toan cãi, Mã Tư muốn phân trần, nhưng người hiến binh không cho nói. Lúc đó, tôi nhớ đến tấn kịch ông Vỹ Tiên với người cảnh sát ở Tu Lu nên bảo Mã Tư im đi mà theo người hiến binh.

Tất cả làng theo chúng tôi đến trụ sở Xã, cạnh đấy có nhà giam. Người ta vây lấy chúng tôi, người ta ép, người ta xô, người ta đẩy, người

ta lẳng mạ chúng tôi. Tôi tưởng nếu không có người hiến binh ở đó, người ta đã ném đá vào chúng tôi, coi như những kẻ phạm tội giết người hay đốt nhà. Thực ra chúng tôi có tội gì đâu!

Nhưng quần chúng vẫn hay làm thế, họ có thói xét đoán ở bề ngoài, hay buộc chết những người nghèo, không cần người ta đã làm gì, có tội hay vô tội.

Đến cửa nhà giam, tôi thấy có chút hy vọng. Người gác trụ sở Xã kiêm việc cai ngục và xã tuần, lúc đầu không muốn nhận chúng tôi. Tôi nghĩ bụng đó là người có lòng tốt. Sau người hiến binh nói mãi, cai ngục mới nghe. Ông ta đi trước chúng tôi. Cửa nhà giam đóng kín bằng cái khóa to và hai then sắt. Ông ta mở cửa, tôi trông vào mới hiểu tại sao lúc đầu ông ta không thuận. Chỉ vì ông ta đã đem hành sang phơi nhờ khắp nền nhà.

Người ta lục soát trong người chúng tôi. Người ta lấy tiền, lấy dao, lấy diêm của chúng tôi. Trong khi đó người cai ngục vun gọn hành của y

vào một đồng. Rồi để chúng tôi trong đó, người ta đóng sầm cửa lại, nghe rất ghê tai.

Chúng tôi bị ngồi tù rồi! Không biết trong bao lâu?

Tôi đang nghĩ thế thì Mã Tư đến trước mặt tôi, giơ đầu ra và nói:

– Đánh đi! Cứ đánh vào đầu tôi! Đánh mạnh cho tôi nhớ mà chừa đi!

Tôi nói:

– Anh làm trái, tôi cứ để anh làm. Như thế tôi cũng có lỗi như anh.

– Tôi thích anh đập vào đầu cho tôi một cái. Tôi sẽ bớt đau lòng... con bò của chúng ta, con bò của ông Hoàng!

Rồi anh khóc òa lên. Lúc đó, tôi lại phải dỗ anh, cắt nghĩa cho anh biết tình thế không trầm trọng chúng tôi không làm gì, việc minh oan rất dễ: chỉ một ông thú y Ích Sơn làm chứng cho chúng tôi là đủ.

– Nếu người ta buộc cho chúng ta đã đi ăn cắp để lấy tiền mua bò thì làm thế nào?

Anh Mã Tư nói rất phải. Rồi anh lại vừa khóc vừa nói:

– Nếu chúng ta được tha và người ta trả lại bò cho chúng ta rồi, chúng ta có chắc tìm thấy bà Bảo Liên không?

– Sao lại không chắc!

– Anh xa bà Bảo Liên đã lâu, có lẽ bà đã mất rồi!

Nghe anh nói tôi giật mình. Phải. Bà Bảo Liên có thể chết được. Mặc dầu bà chưa già lắm, nhưng tôi đã kinh nghiệm rằng người ta hay mất những người thân yêu. Tôi chả mất ông Vỹ Tiên là gì? Tại sao trước kia tôi không nghĩ thế nhỉ?

Tôi hỏi Mã Tư:

– Tại sao anh lại không bảo tôi sớm?

– Vì khi tôi sung sướng, tôi chỉ có những ý tưởng vui trong óc xuân của tôi; đến lúc tôi khổ,

thì tôi lại có toàn những ý tưởng buồn. Vì thế khi tôi nghĩ đến việc biếu bà Bảo Liên con bò, tôi như trông thấy bà sung sướng, nên tôi cũng sung sướng, say đắm và không biết gì.

– Anh Mã Tư ơi! Ốc anh không xuẩn hơn ốc tôi, vì tôi cũng nghĩ như anh và cũng như anh tôi sung sướng, say đắm và không biết gì.

Mã Tư vẫn khóc và nói:

– Ôi! Con bò của ông Hoàng!

Thình lình anh đứng dậy, giơ tay nói:

– Nếu bà Bảo Liên mất rồi! Nếu lão Bảo Liên độc ác còn sống! Nếu lão chiếm lấy bò của ta! Nếu lão bắt cả anh nữa thì làm thế nào! Anh ơi!

Sở dĩ chúng tôi có những ý tưởng bi quan ấy là do ảnh hưởng của nhà giam sinh ra, ảnh hưởng của những tiếng gào thét của công chúng, ảnh hưởng của hiến binh, của những tiếng khóa sắt, then sắt nghiêng kèn kẹt khi người ta nhốt chúng tôi. Mã Tư không những nghĩ cho chúng tôi, anh nghĩ cả đến con bò nữa.

– Ai cho nó ăn? Ai vắt sữa cho nó?

Chúng tôi ngồi lo nghĩ như thế rất lâu. Thời giờ càng đi, chúng tôi càng chán nản. Tuy nhiên, tôi cố làm cho Mã Tư vững lòng, cắt nghĩa cho anh biết người ta sắp đến thăm vấn chúng tôi.

– Vậy chúng ta sẽ trả lời thế nào?

– Cứ thực mà khai.

– Nếu thế, người ta sẽ giao anh cho lão Bảo Liên. Hoặc bà Bảo Liên ở nhà một mình người ta cũng sẽ hỏi bà để biết thực hư, như vậy chúng ta sẽ mất cái thú làm cho ngạc nhiên.

Sau cùng, cửa ngục mở ra với những tiếng kèn kệt ghê người, một ông già tóc bạc vẻ nhân từ bước vào, phong độ hòa nhã của ông làm cho chúng tôi hy vọng.

Cai ngục nói:

– Này! Nhãi con! Ông Thẩm Phán trị an đã đến. Đứng dậy để khai đi!

Ông Thẩm Phán ra hiệu cho cai ngục để mặc ông và nói:

– Được lắm! Được lắm!

Rồi ông chỉ vào tôi mà hỏi:

– Ta hỏi em này trước. Thầy Cai hãy đưa em kia ra một chỗ, lát nữa sẽ hỏi đến.

Tôi nghĩ trường hợp thế này thì phải báo cho Mã Tư biết cách trả lời.

Tôi nói luôn:

– Thưa ông Thẩm Phán, cũng như tôi, anh bạn tôi sẽ xin trình bày sự thực, tất cả sự thực.

Ông Thẩm Phán nói ngay như để ngắt lời tôi:

– Được lắm! Được lắm!

Mã Tư ra nhưng đủ thì giờ đưa mắt cho tôi biết là anh đã hiểu.

Ông Thẩm Phán nhìn thẳng vào mặt tôi mà hỏi:

– Người ta đã thừa em về tội ăn trộm bò.

Tôi đáp:

– Thừa ông Thẩm Phán, chúng tôi mua con bò cái ấy ở chợ Ích Sơn, có ông thú y ở đấy chứng kiến.

– Việc này sẽ điều tra.

– Tôi rất mong ông điều tra cho, vì sự điều tra đó sẽ chứng minh chúng tôi vô tội.

– Em mua con bò đó để làm gì?

– Để đưa về làng Văn Ông biếu bà mẹ nuôi tôi để tỏ lòng biết ơn bà và cũng để nhớ lại những ngày thơ ấu của tôi ở bên cạnh bà.

– Tên bà ta là gì?

– Bà Bảo Liên.

– Có phải vợ một ông thợ nề, mấy năm trước đây làm ở Ba Lê bị ngã què chân?

– Thừa ông Thẩm Phán, vâng.

– Việc này cũng sẽ điều tra.

Về câu này tôi không trả lời như câu trước nói về ông thú y.

Thấy tôi lúng túng, ông Thẩm Phán giục già, tôi phải nói thật rằng:

– Nếu Tòa hỏi bà Bảo Liên, chúng tôi mất hẳn cái thú làm bà ngạc nhiên khi thấy chúng tôi về với bò.

Tuy nhiên, trong sự bối rối của tôi, tôi có một niềm vui thích vì ông Thẩm Phán biết bà Bảo Liên và muốn hỏi bà để rõ thực hư, tức là bà còn sống.

Tôi lại có một điều mừng hơn nữa, là trong cuộc thẩm vấn đó, ông Thẩm Phán có cho tôi biết mới rồi ông Bảo Liên đã trở về Ba Lê.

Hai điều này làm cho tôi phấn khởi, tôi trả lời rần rỏi khiến ông Thẩm Phán phải tin rằng lời cung khai của ông thú y Ích Sơn đủ tỏ là chúng tôi không phải là những kẻ ăn trộm bò.

– Thế tiền mua con bò ấy, em lấy đâu ra?

Đó là một điểm mà Mã Tư sợ nhất và đoán rằng thế nào cũng bị hỏi đến.

– Bằng cách gì? Ở đâu?

Tôi liền cắt nghĩa cho ông Thẩm Phán biết từ Ba Lê đến Văn Xá và từ Văn Xá đến Mông Đô, chúng tôi đã diễn trò kiếm được và ky cóp từng xu.

– Em làm gì ở Văn Xá?

Câu hỏi này làm cho tôi kể lại nạn lụt, khi ông Thẩm Phán nghe đến chỗ tôi bị chôn sống dưới hầm mỏ Thụy Khê, ông bảo tôi ngừng lại.

Rồi bằng giọng ôn tồn và gần như thân ái, ông hỏi:

– Trong hai người em nào là Lê Minh?

– Thưa ông Thẩm Phán, tôi.

– Có gì làm bằng chứng? Hiến binh nói em không có giấy tờ gì cả.

– Thừa ông Thẩm Phán, không.

– Vậy, em hãy kể cho ta hay nạn lụt ở Văn Xá xảy ra thế nào. Ta đã đọc tường thuật trên các báo. Nếu em không phải là Lê Minh thật thì em không đánh lừa ta được. Ta chú ý nghe đây. Phải cẩn thận.

Giọng nói vui vẻ của ông làm tôi thêm can đảm. Tôi nhận thấy ông không phải là người khắc nghiệt.

Khi tôi kể xong chuyện, ông nhìn tôi bằng đôi mắt cảm thương. Tôi tưởng ông sắp tha chúng tôi, nhưng không. Ông không nói gì cả. Ông để tôi ngồi đấy. Có lẽ ông đi hỏi Mã Tư xem hai lời khai của chúng tôi có phù hợp với nhau không,

Tôi ngồi nghĩ ngợi khá lâu. Chợt ông trở lại với Mã Tư.

Ông nói:

– Bây giờ ta cho người đi lấy tin tức ở Ích Sơn. Nếu đúng như chuyện các em vừa kể, ta mong thế. Sáng mai ta sẽ cho các em ra.

Mã Tư hỏi:

– Và con bò?

– Người ta sẽ trả bò cho các em.

Mã Tư nói tiếp:

– Thưa ông Thẩm Phán, không phải thế. Tôi muốn nói: Ai cho bò chúng tôi ăn? Ai vắt sữa cho nó?

– Ranh con, cứ yên tâm.

Mã Tư yên tâm, mỉm cười và bảo tôi:

– Nếu người ta vắt sữa bò chúng ta, không biết người ta có cho chúng ta hưởng không? Nếu được sữa dùng bữa tối thì tốt quá!

Khi ông Thẩm Phán đã đi xa rồi, tôi báo cho Mã Tư biết hai tin mừng đã làm tôi quên cái khô ở nhà giam: bà Bảo Liên còn sống và ông Bảo Liên hiện ở Ba Lê.

Anh nói:

– Con bò ông Hoàng sẽ ngang nhiên về làng.

Anh thích quá nhảy và hát, tôi cũng sung sướng cầm lấy tay anh, con Lãnh Nhi buồn nằm ở góc nhà cũng chạy ra, len vào giữa tôi và Mã Tư, đứng bằng hai chân sau, chúng tôi cùng nhau khiêu vũ rộn rịp. Người cai ngục hoảng hốt — có lẽ vì đồng hành — vào xem có phải chúng tôi « khởi loạn » không?

Ông ta bắt chúng tôi ngồi im. Lời nói của ông ta xem chừng đã bớt dữ tợn, không như lúc ông ta cùng vào với ông Thẩm Phán.

Do đó, chúng tôi hiểu hiện tình của chúng tôi không đáng lo ngại lắm. Quả nhiên, chúng tôi có một chứng cứ cụ thể là có người mang vào cho chúng tôi một liễn đầy sữa – sữa của bò chúng tôi. Nhưng chưa hết, lại còn đèo thêm một tấm bánh mì trắng và miếng thịt bê ướp. Người hầu nói đó là những thức ăn của ông Thẩm Phán gửi cho chúng tôi. Không bao giờ những phạm nhân lại được ưu đãi như thế.

Vì thế, khi ăn bánh và uống sữa, tôi lại có một quan niệm mới về nhà lao. Thực vậy, nhà lao không đến nỗi xấu như óc tôi tưởng tượng mấy

lần trước. Đó cũng là ý kiến của Mã Tư nữa vì anh cười và nói to:

– May quá! Có chỗ ăn, chỗ ngủ đàng hoàng mà lại không phải trả tiền!

Tôi muốn dọa anh một chút. Tôi nói:

– Này! Anh Mã Tư! Nếu ông thú y chết bất thành linh thì ai là người làm chứng cho chúng ta?

Anh không tức giận, trả lời:

– Người ta chỉ có những ý tưởng đen tối đó lúc người ta khổ. Nhưng bây giờ không phải là lúc đó.

CHƯƠNG XXX

MẸ NUÔI

Chúng tôi nằm trên cái bọc gỗ không đến nỗi khổ lắm. Ở ngoài trời, lắm đêm chúng tôi còn ngủ những chỗ khổ hơn.

Mã Tư nói:

– Đêm tôi nằm mơ thấy con bò ông Hoàng về làng.

– Tôi cũng thế.

Khoảng 8 giờ sáng, cửa mở, ông Thẩm Phán và ông bạn Thú y của chúng tôi bước vào. Ông Thú y muốn thân đến cho chúng tôi ra. Về phần ông Thẩm Phán, lòng tử tế của ông đối với những kẻ tù phạm. vô tội, không thu hẹp ở trong bữa ăn đãi chúng tôi tối hôm qua, mà còn biểu lộ bằng

một tờ giấy có dán tem, ông cầm đến trao cho chúng tôi. Ông nói một cách thân mật:

– Các em đại đột quá. Đi xa như thế mà không có giấy má gì. Ta đã nói với ông Xã Trưởng cấp cho các em các giấy thông hành này để hộ thân trong những cuộc lũ hành của các em. Thôi, chúc các em lên đường may mắn! Chào các em.

Rồi ông Thẩm Phán bắt tay chúng tôi và ông Thú y hôn chúng tôi trước khi trở về Ích Sơn. Chúng tôi hôm qua vào làng một cách khốn nạn, hôm nay ra một cách vẻ vang, mặt cao hãnh, tay dắt bò theo sau. Những người nhà quê đứng ở cửa nhà họ nhìn chúng tôi bằng con mắt tử tế.

Mã Tư nói:

– Tôi chỉ tiếc một điều là người hiến binh bắt chúng ta hôm qua, nay không có mặt ở đây, để nhìn chúng ta dắt dò đi.

– Người hiến binh đã nhầm nhưng chúng ta cũng có lỗi là không bao giờ nghĩ đến những giấy tờ cần thiết để đi đường. Ở Ba Lê xin những giấy đó rất dễ.

Chúng tôi đã lĩnh một bài học quá bổ ích nên từ nay không lúc nào dám rời dây con bò: con bò của chúng tôi nó lành thực đấy, nhưng nó có tính nhát.

Không bao lâu chúng tôi đến làng năm xưa, tôi đã ngủ ở đấy với ông Vỹ Tiên. Từ đấy, chỉ còn phải qua một bãi hoang và một ngọn đồi nữa là đến làng Tả Văn Ông.

Khi qua phố chính của làng ấy, đến đúng cái nhà mà con Hiệp Nhi vào cướp miếng bánh mì ngày xưa, tôi chợt có một ý kiến vội bàn với Mã Tư:

– Tôi có hứa với anh về nhà mẹ nuôi tôi, chúng ta sẽ ăn bánh tráng. Nhưng muốn có bánh tráng phải có bơ, bột và trứng.

– Chắc là ngon lắm.

– Ngon lắm. Nhưng có lẽ nhà bà Bảo Liên không có bơ và bột vì bà không lấy gì làm giàu có. Nếu ta mang được về thì hay.

– Đó là một ý kiến rất hay.

– Vậy anh giữ bò, nhớ đừng bỏ dây. Tôi vào hiệu tạp hóa này mua bơ và bột. Còn trứng, nếu nhà không sẵn, bà Bảo Liên sẽ vay hàng xóm. Ta đem về sợ vỡ mất.

Tôi vào hiệu mà Hiệp Nhi đã cướp bánh ngày trước mua một cân bơ và hai cân bột, rồi chúng tôi tiếp tục đi. Tôi không muốn thúc bò đi nhanh, nhưng tự nhiên tôi cứ rảo bước. Còn mười cây số nữa. Còn tám. Còn sáu cây số nữa thôi. Lạ quá. Con đường về nhà tôi sao bây giờ thấy dài thế mà ngày xưa tôi bỏ ra đi thì nó ngắn và chóng hết thế. Ngày đó trời lại mưa lạnh, tôi còn nhớ cả.

Chốc chốc, tôi lại lấy đồng hồ ra xem.

Tôi hỏi Mã Tư:

– Vùng này đẹp đấy chứ?

– Đẹp, nhưng tôi không trông thấy những cây to.

– Khi chúng ta sang sườn đồi bên kia để vào làng, anh sẽ nhìn thấy nhiều cây to, những cây đẹp, những cây sồi, cây dẻ.

– Và hạt dẻ?

– Mà ở sân nhà tôi, có một cây táo cong tôi vẫn giả làm ngựa để cỡi, quả nó sai và to bằng này này, ngọt và thơm lắm. Anh về mà xem.

Mỗi khi tôi tả cho anh nghe, tôi lại thêm điệp khúc bất hủ « về mà xem ». Tôi chân thành tưởng tượng đang đưa Mã Tư vào một thế giới kỳ quan sao, đó chẳng phải là một thế giới kỳ quan cho tôi hay sao? Ở đấy, mắt tôi đã được mở nhìn ánh sáng. Ở đấy tôi đã có ý thức về cuộc sống, ở đấy tôi đã được sung sướng. Ở đấy tôi đã được yêu thương. Tất cả những ấn tượng của thời thơ ấu, của ngày vui đã qua, từng nổi bật lên trong những ngày đau khổ gian truân bây giờ lại hiện ra ngồn ngàng, dồn dập trong tâm trí tôi, mỗi bước tôi gần về tới làng. Khí trời của quê hương hình như thơm ngát, làm tôi say sưa, nhìn thấy cái gì cũng đẹp, cũng vui.

Cái không khí quê hương đó làm Mã Tư say sưa lây. Bằng tưởng tượng, anh đã trở về nơi anh sinh trưởng.

Anh nói:

– Bao giờ anh về Lục Ca, làng tôi, tôi sẽ cho anh xem nhiều cái đẹp. Chúng ta sẽ cùng nhau về Lục Ca sau khi đi thăm Lệ Hoa, Yến Chi và Bằng Mai.

– Anh cũng thích về Lục Ca chứ?

– Anh cùng tôi về thăm mẹ nuôi tôi. Lẽ nào tôi lại không cùng anh về thăm mẹ anh và Tuyết Nga, em bé anh. Tôi sẽ ẵm Nga, vì Nga cũng là em tôi.

– Ô!

Anh không nói lên được nữa vì anh cảm động quá.

Chúng tôi vừa nói chuyện vừa vui chân, không mấy lúc đến đỉnh đồi, còn vài khúc đường nữa là đến nhà tôi. Kìa cái mỏm đá năm xưa, tôi xin phép ông Võ Tiên lên đó để nhìn lại lần cuối cùng ngôi nhà yêu dấu của tôi mà tôi tưởng không bao giờ trông thấy nữa.

Tôi bảo Mã Tư:

– Anh dắt bò cho tôi.

Rồi tôi nhảy phắt lên mỏm đá. Thung lũng không thay đổi, phong cảnh vẫn như xưa. Ở giữa hai chòm cây cao, tôi nhìn thấy nhà tôi.

Mã Tư hỏi:

– Anh làm gì thế?

– Kia kia!

Anh lại cạnh tôi, nhưng không leo lên vì con bò đang ăn cỏ ở dưới chân mỏm đá.

Tôi chỉ tay về phía nhà tôi và bảo anh:

– Kia là nhà tôi, kia là cây táo, còn chỗ kia là vườn của tôi.

Mã Tư không nhìn bằng trí nhớ như tôi, có lẽ chẳng trông thấy gì hay chỉ thấy lờ mờ nên anh đứng im.

Ngay lúc đó, có một cuộn khói vàng bốc lên trên mái bếp, vì lạnh gió nên cột khói cứ tuôn

thăng lên trời, song song với sườn đồi. Tôi đoán.
« Bà Bảo Liên có nhà ».

Một trận gió nhẹ thổi vào đám cây to, khua tan cột khói và thổi tạt vào mặt chúng tôi; khói đó sục mùi lá sồi khô.

Tự nhiên, nước mắt tôi tràn ra. Tôi nhẩy xuống đám cỏ, ôm lấy anh Mã Tư hôn. Lãnh Nhi nhẩy đến chỗ tôi, tôi bế nó lên lòng và xoa đầu nó. Anh Mã Tư cũng lại vuốt ve con bò.

Tôi nói:

– Ta xuống đồi, nhanh lên!

Mã Tư bảo:

– Nếu Bà Bảo Liên ở nhà, thì ta xếp đặt cuộc đưa bò về thế nào cho hay?

– Anh vào trước một mình. Anh bảo rằng Ông Hoàng sai tôi đến biểu bà con bò. Khi bà hỏi ông Hoàng nào thì tôi sẽ hiện ra.

– Tiếc quá, ta không thể rước bò về bằng âm nhạc được! Nếu được thì đẹp quá!

– Anh đừng nghĩ nhảm.

– Không, anh cứ yên tâm. Tôi không dám tái diễn việc thôi kèn nữa đâu! Tuy nhiên, giá mà con vật man rợ kia thích nhạc thì cuộc về của ta rầm rộ, vui vẻ biết chừng nào!

Đến chỗ ngoẹo, đứng ở trên nhà bà Bảo Liên, tôi trông thấy cái mũ vải trắng hiện trong sân; chính mẹ tôi đấy, bà đang mở cổng, ra đường và đi về phía trong làng.

Chúng tôi liền đứng lại, tôi chỉ bà cho anh Mã Tư coi. Anh nói:

– Bà không có nhà thì sắp đặt cuộc ngạc nhiên thế nào?

Chúng ta sẽ nghĩ cách khác.

– Cách nào bây giờ?

– Tôi chưa nghĩ ra.

– Hay là tôi gọi bà lại?

– Ừ, phải đấy, nhưng thôi, thôi!

Lòng tôi muốn gặp bà lắm, nhưng tôi phải nén lại. Đã bao nhiêu tháng trời tôi sắp đặt một cuộc về ngạc nhiên để cho mẹ tôi mừng. Trong một phút tôi không thể bỏ uổng công trình đó.

Lát sau, chúng tôi đến cổng nhà cũ. Biết bà hay khép cửa mỗi khi ra ngoài, chúng tôi đẩy cửa vào tự nhiên như ngày xưa tôi vẫn ra vào. Trước hết phải tìm chỗ để bò. Chuồng cũ vẫn còn, nhưng bây giờ để chứa củi. Chúng tôi vội xếp củi vào một góc, làm cũng không lâu lắm vì số củi bà trữ ở đây cũng không mấy. Xong, chúng tôi buộc bò và khép cửa chuồng lại...

Tôi bảo Mã Tư:

– Bây giờ ta lên nhà. Tôi ngồi vào một góc, bên lò sưởi để bà nhìn thấy tôi ngay. Khi bà đẩy cổng vào, nghe tiếng kẹt cửa, anh đủ thì giờ ngồi nấp ở sau giường với Lãnh Nhi. Bà sẽ chỉ nhìn thấy tôi, chắc bà sẽ ngạc nhiên không thể tả được!

Các việc đều xếp đặt như thế. Chúng tôi vào nhà. Tôi ngồi cạnh lò sưởi, chỗ mọi khi tôi vẫn ngồi trong những buổi tối mùa đông. Tóc tôi dài

quá, tôi giấu vào trong cổ áo, ngồi lom khom, hết sức thu hình bé lại cho giống như Lê Minh ngày xưa, Lê Minh bé nhỏ của bà. Từ chỗ ngồi, tôi có thể trông suốt ra hàng rào, không sợ bà bắt gặp chúng tôi đang lúng túng.

Tôi đưa mắt nhìn chung quanh tôi, tôi tưởng tượng như mới rời nhà từ hôm qua vì mọi thứ đều ở nguyên chỗ cũ không thay đổi, cả đến miếng giấy và tấm kính cửa sổ tôi đánh vỡ ngày xưa cũng vẫn thế mặc dầu ám khói vàng ra. Nếu tôi dám bỏ chỗ ngồi đi ra tôi sẽ sung sướng được nhìn gần mọi vật nhưng sợ bà có thể về bất cứ lúc nào, nên tôi đành phải ngồi xa mà ngắm.

Chợt tôi trông thấy cái mũ vải trắng ở ngoài hàng giậu rồi nghe có tiếng kẹt ở ngoài cổng.

Tôi vội bảo Mã Tư:

– Nấp nhanh lên!

Tôi ngồi thu hình lại cho rõ nhỏ. Cửa giữa mở ra, từ ngoài hiên, bà đã nhìn thấy tôi.

Bà hỏi:

– Ai thế kia?

Tôi nhìn bà không trả lời. Bà cũng nhìn tôi.

Thình lình hai tay bà run lên:

– Chúa tôi! Hình như Lê Minh, phải không!

Tôi choàng dậy chạy lại ôm lấy bà:

– Mẹ ơi!

– Con tôi! Chính con tôi!

Phải mất bao nhiêu phút chúng tôi mới ngớt cảm động và lau nước mắt.

Bà nói:

– Nếu ta không nhớ đến con luôn thì không sao nhận ra được con, con trông lớn hẳn và khỏe ra.

Một tiếng khịt mũi nho nhỏ nhắc tôi còn hai bạn đang nấp ở sau giường. Tôi gọi Mã Tư, anh lù lù đứng lên.

Tôi nói:

– Đó là Mã Tư, em trai con.

Bà kêu lên:

– A! Vậy con đã tìm thấy cha mẹ con rồi sao?

– Không. Con muốn nói là bạn con, bạn thân của con. Và kia nữa là Lãnh Nhi cũng là bạn con, bạn thân của con, Lãnh Nhi! Lại chào bà mẹ của ông chủ đi!

Lãnh Nhi liền đứng hai chân sau, một chân đặt vào ngực, cúi rạp xuống trước mặt bà Bảo Liên, bà bật cười lên và ngúi cơn khóc.

Mã Tư còn sáng suốt, không bị chìm đắm trong niềm mừng tủi như tôi, liền ra hiệu cho tôi để nhắc một việc khác.

Tôi bảo mẹ tôi:

– Mẹ đưa con ra sân xem cây táo cong queo của nhà ta mà con vẫn thường khoe với Mã Tư.

– Và cả cái vườn của con nữa. Từ ngày con đi, ta vẫn để nguyên như cũ, đình ninh thế nào

cũng có ngày con trở về. Mặc ai nói sao thì nói, ta vẫn tin rằng thế nào ta cũng gặp con.

– Những củ cúc vu con trồng, mẹ ăn có ngon không?

– Thế chính con đã trồng đấy à? Ta cũng ngờ thế, vì con hay bày trò ngạc nhiên.

Đã đến lúc

Tôi nói:

– Còn chuồng bò có thay đổi gì không, từ khi vắng con Hồng Ti đáng thương, ngày ấy nó cũng như con chẳng chịu ra đi?

– Không. Bây giờ dùng để củi.

Lúc đó, chúng tôi đang ở cửa chuồng bò, bà liền kéo cánh cửa, con bò ở trong đang đói tưởng có người cho ăn liền rống lên mấy tiếng giật mình.

Bà giật lùi lại kêu lên:

– Ô! Con bò cái! Con bò cái ở trong chuồng!

Không nhin được nữa, Mã Tư và tôi cười ầm lên. Bà sững người, nhìn chúng tôi.

Tự nhiên lại có một con bò ở chuồng nhà bà, thực là vô lý! Dù chúng tôi cười, bà cũng chẳng hiểu sao cả.

Tôi nói:

– Đó là một trò ngạc nhiên! Có lạ hơn cục vu không? Mẹ hả?

Bà nhắc đi nhắc lại:

– Một trò ngạc nhiên!... Một trò ngạc nhiên!

...

– Con không muốn về thăm mẹ tay không. Mẹ đã hết lòng thương con, thằng Minh, đứa con bỏ rơi. Con tìm xem thứ gì có ích cho mẹ. Con tưởng chỉ có một con bò cái để thay thế con Hồng Ti là làm cho mẹ vui lòng. Nên ngày phiên chợ Ích Sơn, Mã Tư và con đã mua con bò ấy với tiền chúng con kiếm được.

Bà hôn tôi và nói:

– Ô! Giỏi quá! Con quý của mẹ!

Xong mọi người đều vào chuồng bò để bà nhìn kỹ con bò của chúng tôi, bây giờ là con bò của bà. Mỗi một điểm hay bà nhận thấy, bà lại sung sướng và kêu khen:

– Con bò đẹp quá!

Xong, bà quay ra nhìn tôi và hỏi:

– À! Thế bây giờ con giàu rồi à?

Mã Tư cười và đáp thay tôi:

– Vâng có lẽ đúng. Chúng con chỉ còn có 58 xu trong túi.

Bà lại nhắc lại điệp khúc của bà nhưng bằng giọng khác trước:

– « Các con » giỏi quá!

Tôi cảm thấy một niềm vui êm ái vì lần này bà đã nghĩ đến Mã Tư và bà kết hợp chúng tôi lại trong trái tim bà.

Trong khi đó, con bò cứ rống hoài, Mã Tư nhắc:

– Nó giục vắt sữa đấy.

Không đợi ai bảo, tôi chạy vào nhà tìm cái thùng con bằng sắt tây, ngày xưa dùng để lấy sữa con Hồng Ti, vẫn thấy treo ở chỗ cũ mặc dầu đã lâu nhà bà không nuôi bò nữa. Tôi đem nạo rửa sạch sẽ rồi múc về một thùng nước để rửa những bầu sữa con bò vì đầy cát bụi.

Bà vui sướng biết bao khi thấy chúng tôi lấy được ba phần tư thùng sữa nổi lên những bọt trắng, trông rất ngon lành.

Bà nói:

– Ta xem con bò này nhiều sữa hơn con Hồng Ti.

Mã Tư nói :

– Thừa bà, sữa ngon và thơm như hoa cam.

Bà Bảo Liên nhìn Mã Tư như muốn hỏi thế nào là hoa cam.

– Đó là thứ sữa rất ngon người ta được uống ở Nhà Thương khi người ta ốm.

Mã Tư có tính mau mắn, anh biết điều gì hay, anh không muốn giữ lấy một mình.

Lấy sữa xong, chúng tôi thả bò ra sân cho nó ăn cỏ. Chúng tôi lại vào nhà, ở đó khi lấy thùng đựng sữa tôi đã để sẵn trên bàn gói bơ và gói bột của chúng tôi. Khi bà Bảo Liên bước vào lại thấy chuyện mới lạ và kêu lên:

– Kỳ quá! Bơ, bột ở đâu thế này?

Chúng tôi lại cười âm lên lần nữa. Tôi nói:

– Những thứ này chúng con cần đến hơn mẹ. Chúng con đói lắm và chỉ muốn ăn bánh tráng. Mẹ còn nhớ ngày lễ Tuần Thánh năm nào, việc làm bánh phải bỏ dở và chút bơ của mẹ đi vay hàng xóm đã dùng để xào hành không? Lần này mẹ con ta không bị ngăn trở.

Bà hỏi tôi:

– Con đã biết ông Bảo Liên đi Ba Lê à?

– Vâng.

– Và con cũng biết ông ta đi Ba Lê về việc gì rồi chứ?

– Không.

– Việc của con đấy.

Tôi sợ hãi hỏi:

– Việc con?

Bà im lặng nhìn Mã Tư như có ý không muốn nói trước người lạ.

Tôi nói:

– Mẹ cứ nói, không ngại gì. Con đã bảo anh Mã Tư như em con. Cái gì liên quan đến con thì cũng liên quan đến Mã Tư.

Bà nói:

– Câu chuyện đó nói ra thì dài lắm.

Thấy bà e ngại tôi không muốn hỏi gạn, sợ nếu bà từ chối thì mất lòng Mã Tư nên tôi định đợi lúc khác sẽ hỏi bà.

Tôi nói:

– Ông Bảo Liên sắp về chưa?

– Không. Chắc thế.

– Vậy chả có việc gì phải vội. Mẹ làm bánh cho chúng con đi. Rồi lúc nào rồi mẹ sẽ cho con biết ông Bảo Liên đi Ba Lê về việc gì. Bây giờ không sợ ông trở về bắt xào hành nữa, mẹ con ta thừa thì giờ làm.

– Nhà có trứng không mẹ?

– Không. Nhà không có gà đẻ.

– Chúng con không mang trứng về vì đi đường sợ trứng vỡ. Hay mẹ đi vay cho nhanh?

Bà hơi bối rối. Tôi hiểu có lẽ bà đã vay nhiều rồi, vay nữa không tiện.

Tôi nói:

– Thôi để con đi mua cũng được. Mẹ ở nhà nhào bột với sữa. Hàng ông Sáu Kê vẫn bán trứng đấy chứ? Con chạy ra mua. Mẹ bảo Mã Tư chẻ củi. Anh ấy chẻ củi khéo lắm đấy!

Đến hàng Sáu Kê tôi mua được 12 quả trứng và mua thêm cả một miếng mỡ lợn nữa.

Khi tôi về, bột đã nhào với sữa rồi. Bây giờ chỉ còn việc đập trứng cho vào. Lẽ dĩ nhiên chúng tôi không có thì giờ ủ cho bột nở, vì chúng tôi đói lắm, không đợi được. Bột sẽ khó tiêu, nhưng dạ dày chúng tôi tốt cả không sợ gì. Bà vừa đánh bột vừa nói với tôi:

– Con nhớ mẹ, sao con không cho biết tin tức gì. Con có biết không, nhiều khi mẹ tưởng con mất rồi, chứ con còn sống thì con đã viết thư, lúc đó mẹ lại buồn.

– Mẹ không phải chỉ có một mình, và mẹ không biết chữ để xem thư của con. Bên cạnh mẹ còn có ông Bảo Liên ghê gớm kia là chủ cái nhà này, ông ta đã dùng quyền đó bán con cho ông già Vỹ Tiên lấy 40 phật lạng.

– Thôi, con còn nhắc đến chuyện đó làm gì!

– Không phải để con phàn nàn mà để trình bày rằng sở dĩ con không dám viết thư là vì thế. Con sợ nếu người ta biết con ở đâu, người sẽ bán

con lần nữa. Mẹ ơi! Con không muốn bị bán lần thứ hai. Vì lẽ đó, khi ông già Vỹ Tiên đáng thương tiếc là thấy con mất đi, con không dám gửi thư về.

– A! Thế ra ông già diễn trò chết rồi à?

– Vâng. Con đã khóc ông nhiều lắm. Vì ngày nay nếu con biết được một vài điều, nếu con đủ sức mưu sinh, cũng là nhờ ơn ông, thầy con dạy bảo, gây dựng. Sau đó con gặp một gia đình tử tế có lòng nuôi con và con làm giúp họ. Nhưng lúc ấy nếu con viết về: « con là thợ làm vườn ở trại... », liệu người ta có khỏi đến tìm con không? Liệu người ta có khỏi sách nhiễu gia đình đó về tiền tài không? Con không muốn xảy ra việc trên cũng như việc dưới.

– Con nói phải. Mẹ hiểu lắm.

– Nhưng dù sao con cũng không quên mẹ. Lúc nào con cũng nghĩ đến mẹ. Những khi con gặp tai nạn, điều đó xảy ra luôn, thì con lại khóc và gọi mẹ để cứu con.

Đến ngày con được sống tự do nghĩa là được tự lập con nghĩ đến việc về tìm mẹ ngay. Nhưng không thể về ngay được, thực vậy, người ta thường không làm được những điều người ta muốn vì ý định của con phải khó khăn mới thực hiện được. Trước khi về thăm mẹ, con phải làm sao mua được con bò, nghĩa là phải kiếm tiền. Số tiền đó không thể một ngày rơi ngay vào túi con những đồng bạc đẹp. Chúng con phải diễn trò, phải đánh đàn, khúc vui cũng như khúc buồn, phải phiêu lưu, phải đổ mồ hôi nước mắt, phải vất vả, phải đói rách! Nhưng người ta càng khó nhọc bao nhiêu, người ta càng sung sướng bấy nhiêu có phải không anh Mã Tư?

– Cứ tối đến chúng con lại đếm lại số tiền thu được trong ngày hôm đó, chúng con đếm cả lại số tiền trước xem có hóa gấp đôi không.

– A! Các con giỏi quá! Các con thực giỏi quá!

Trong lúc nói chuyện, bà Bảo Liên quấy đều bột bánh, Mã Tư chẻ củi, còn tôi thì dọn đĩa, thìa, cốc lên bàn, rồi xách lọ ra bể lấy nước.

Lúc trở vào, tôi trông thấy chậu bột đã nổi vàng và bà đang cạo chảo bằng búi cỏ khô. Trong lò, một ngọn lửa sáng bùng đưa lên, Mã Tư đang bỏ những cành củi con vào, Lãnh Nhi ngồi chồm chồm bên cạnh bếp nhìn mọi người. Lửa nóng rát, thỉnh thoảng nó lại co chân này hoặc nhắc chân kia và kêu kít kít. Lửa bếp cháy to soi sáng khắp căn nhà. Tôi nhìn thấy những hình người vẽ trên bức màn gió ở giường cũ của tôi nhảy nhót như vui mừng. Ngày tôi còn nhỏ, trong những đêm trăng, khi sức tỉnh giấc những hình ảnh đó đã làm tôi kinh sợ.

Mẹ tôi đặt chảo trên bếp, lấy đầu dao khều một miếng bơ trút vào chảo, bơ chảy tan ra. Mã Tư cúi đầu trên chảo không biết nóng, kêu:

– Thơm quá!

Bơ bắt đầu sôi xèo xèo.

Mã Tư kêu:

– Nó hát! Tôi phải hòa đàn theo mới được.

Đối với Mã Tư, bất cứ cái gì cũng phải có nhạc cả. Anh lấy vĩ cầm, lựa dây rồi kéo những tiếng lâm râm theo khúc ca của chảo mỡ.

Mẹ tôi không thể nhịn cười được. Nhưng giờ phút long trọng đã đến làm lấn át cả tiếng đàn không hợp thời của Mã Tư: mẹ tôi lấy thìa múc bột lỏng ở chậu lên, nó vãi xuống như những dòng chỉ bạc, mẹ tôi đổ vào chảo, bơ giãn ra nhường chỗ cho khối nước lũ trắng đỏ, rồi vây nó bằng một vòng vàng sém.

Đến lượt tôi lại cạnh bếp xem. Mẹ tôi lấy giẻ lót, cầm cán nhắc chảo ra, hất một cái chiếc bánh tung lên cao. Mã Tư lác cả mắt. Nhưng không việc gì, chiếc bánh sau khi đã lên chơi trên không một tí rồi lại trở về chảo, mặt dưới lộn lên trên trông vàng ngậy. Tôi vội chạy lấy đĩa. Mẹ tôi trút bánh sang. Chiếc này phần Mã Tư. Anh bồng cả tay, cả môi, cả lưỡi và cả cổ, nhưng có hề chi vì anh quên nóng rát.

Mã Tư nhồm nhoàm nói:

– Ngon ghê!

Lại đến lượt tôi chia đĩa và đến lượt tôi bồng miêng. Nhưng cũng như Mã Tư tôi chẳng biết bồng là gì.

Chiếc bánh thứ ba đã vàng. Mã Tư chạy đến, nhưng có tiếng ăng ẳng nhộn lên, đó là con Lãnh Nhi nó đòi phần nó. Rất công bằng Mã Tư nhường nó. Thấy vậy, bà Bảo Liên rất không bằng lòng vì bà quen thói lãnh đạm của dân quê đối với gia súc và bực mình sao lại cho chó ăn bánh của ngày Lễ. Để bà nguôi lòng, tôi phải cắt nghĩa cho bà nghe, con Lãnh Nhi là một nghệ sĩ đại tài đã có công giúp chúng tôi kiếm tiền để tậu bò; và nó cũng là bạn tôi nó phải được ăn như chúng tôi, ăn cùng với chúng tôi.

Đợi cho chúng tôi hết đói, hết tham ăn thì lâu quá. Chúng tôi đồng lòng mời bà ăn, nếu bà không ăn thì chúng tôi cũng tuyệt thực, vì thế bà phải cầm một chiếc.

Xong đến lượt chúng tôi rán lấy mà ăn, tôi làm trước. Mã Tư làm sau, cho bơ vào chảo, đổ bột vào sau, việc này rất dễ. Nhưng đến lúc lật bánh thì cả là một sự khó khăn, cả là một nghệ

thuật. Tôi bị một chấm tro, Mã Tư bị một chiếc nóng bỏng rớt vào tay. Khi chậu bột hết rồi, Mã Tư tinh ý biết bà Bảo Liên không muốn nói chuyện riêng trước mặt anh, anh thoái thác là muốn ra sân xem bò làm gì từ nãy đến giờ, cốt để bà Bảo Liên và tôi được tự do trò chuyện. Tôi vẫn nóng lòng đợi lúc vắng vẻ này, nhưng vì mãi mê vẽ bánh thành ra tôi nhãng đi.

Nếu ông Bảo Liên ở Ba Lê, theo tôi nghĩ, chỉ là để tìm ông Vỹ Tiên đòi tiền mấy năm công của tôi mà ông Vỹ Tiên chưa thanh toán dứt. Về việc này tôi khỏi lo. Ông Vỹ Tiên mất rồi, ông ấy không trả được, lý nào ông Bảo Liên lại đòi tôi. Nhưng nếu ông Bảo Liên không đòi tôi được, ông rất có thể bắt tôi đem về cho người khác thuê miễn là ông lấy được tiền. Điều này làm cho tôi băn khoăn lo sợ. Tôi định nếu ông Bảo Liên ác nghiệt kia có ý bắt tôi, tôi quyết rời nước Pháp để sang nước Ý với anh Mã Tư nếu cần, sang Mỹ hay chỗ cùng cực thế giới cũng được.

Lý luận như vậy, tôi nghĩ cũng nên dè dặt với bà Bảo Liên không phải là tôi không tin bà,

một người mẹ đáng kính đã yêu dấu tôi, đã hết lòng thương tôi, mà vì bà nhu nhược trước mặt chồng, như tôi đã từng trông thấy. Nếu tôi nói nhiều quá, vô tình bà sẽ đem chuyện kể lại với chồng khác nào như vẽ đường cho ông Bảo Liên tìm tôi nghĩa là bắt tôi. Như thế là lỗi tự tôi. Tôi phải thận trọng. Khi Mã Tư ra sân, tôi hỏi bà Bảo Liên:

– Bây giờ không có ai, mẹ có thể bảo cho con biết ông Bảo Liên đi Ba Lê về việc con, thế nào?

– Ông ấy đi về việc con, mẹ rất mừng.

« Rất mừng »! Tôi sợ quá!

Trước khi kể chuyện, bà nhìn ra cửa. Chắc hẳn không có ai, bà quay về phía tôi, nét mặt tươi cười, bà nói nhỏ:

– Hình như gia đình con đang tìm con.

– Gia đình con?

– Phải gia đình con, con ơi!

– Con có một gia đình, con? Mẹ ơi! Con có một gia đình, con, một đứa trẻ bỏ rơi?

– Không phải người ta đã định tâm bỏ con, vì bây giờ người ta cần tìm con.

– Ai tìm con? Ô! Mẹ ơi! Nói đi, nói nhanh lên cho con nghe.

Chợt tôi thấy trong người tôi hóa điên, tôi kêu to lên:

– Nhưng không thể có thể được. Chính ông Bảo Liên đang đi tìm con?

– Phải, chính ông ấy đang đi tìm con, cho gia đình con.

– Không. Ông ấy tìm cho ông ấy. Ông ấy tìm để bắt con, để bán con lần nữa. Nhưng không đời nào con chịu để ông ấy bắt con.

– Ô hay! Minh, con ơi! Sao con lại ngờ cho mẹ đồng lòng làm những việc như thế?

– Ông ta đánh lừa mẹ đấy.

– Con ơi! Hãy tĩnh tâm lại, nghe mẹ kể; đừng sợ hãi huyền.

– Con còn nhớ...

– Con hãy nghe những điều chính tai mẹ đã nghe thấy; như thế thì con tin mẹ chứ?

Đến thứ hai này là vừa đúng một tháng, hôm đó mẹ đang lúi húi làm trong lò bánh, có một người đàn ông, hay gọi cho đúng hơn, là một thân sĩ vào nhà và gặp ngay ông Bảo Liên. Ông ta nói giọng người không phải ở nước ta, hỏi rằng:

– Chính ông là Bảo Liên?

– Vâng, chính tôi.

– Chính ông đã trông thấy đứa trẻ bỏ rơi ở đại lộ Bảo Tương, Ba Lê và ông đã rước về nuôi?

– Phải.

– Vậy bây giờ nó đâu? Xin ông cho biết.

– Ông cần hỏi để làm gì? Xin ông cho biết?

Tuy tôi ngờ lòng thành thực của bà Bảo Liên,

nhưng nghe câu trả lời lễ phép của Bảo Liên thì tôi biết những lời bà nhắc lại là đúng.

Bà nói tiếp:

– Con phải biết ở bên lò bánh nghe rõ như ở đây vậy, và lại là việc của con nên mẹ hết sức nghe. Vì thế, mẹ lại gần để nghe rõ hơn, mẹ đảm phải một canh củi khô, nó gãy đến cắc một cái.

Người lạ mặt hỏi:

– Nhà có người à?

– Đó là vợ tôi. Ở đây bức quá, nếu không bận gì, mời ông ra ngoài chơi và nói chuyện một lát.

Rồi hai người cùng nhau đi. Ba, bốn giờ sau, ông Bảo Liên mới về một mình. Mẹ có ý tò mò hỏi xem ông khách lạ kia là ai, đến hỏi gì và có phải là cha con không. Nhưng ông Bảo Liên không trả lời câu hỏi chính của mẹ, ông chỉ nói người đó không phải là cha con, người đó được gia đình con ủy thác việc tìm con.

– Thế gia đình con ở đâu? Gia đình con thế nào? Con có cha có mẹ à?

– Chính mẹ cũng hỏi ông Bảo Liên như con. Ông nói ông không biết gì cả. Rồi ông nói thêm rằng ông phải đi Ba Lê tìm ông già diễn trò đã thuê con ngày xưa và để địa chỉ ở phố Lục Sinh, nhà một người dạy đàn tên là Phú Lợi. Mẹ cố nhớ những tên ấy, con cũng nên ghi lấy kẻo quên.

– Các tên đó, con biết cả, xin mẹ yên tâm. Từ ngày ông Bảo Liên đi, không có tin tức gì về cho mẹ à?

– Không. Có lẽ ông đang tìm. Ông khách lại trao cho ông Bảo Liên 100 phật lạng bằng tiền vàng và sau đó, có lẽ người ta còn cho nữa. Tất cả những việc đó với những tã đẹp bọc con buổi đầu tỏ ra cha mẹ con là những người giàu có. Vì thế khi mẹ nhìn thấy con về ngôi bên lò sưởi, mẹ tưởng con tìm thấy cha mẹ con rồi và Mã Tư là em ruột con.

Lúc đó Mã Tư đi qua cửa, tôi gọi anh vào:

– Anh Mã Tư ơi! Cha mẹ tôi đang tìm tôi! Tôi có một gia đình, một gia đình thật rồi !

Nhưng lạ quá! Mã Tư điểm nhiên không tỏ
chỉ chia xẻ nỗi vui mừng của tôi. Tôi liền nhắc lại
câu chuyện bà Bảo Liên vừa kể, cho anh nghe.

CHƯƠNG XXXI

GIA ĐÌNH CŨ VÀ GIA ĐÌNH MỚI

Đêm đó tôi ngủ ít quá. Trên cái giường cũ yêu quý của tôi, ngày còn nhỏ, đã bao lần tôi thấy sung sướng được nằm êm ấm dưới cái chăn đắp đến cảm không buồn dậy! Đã bao lần khi tôi ngủ ngoài trời nằm dưới ánh sao! Than ôi: Những sao đó không phải bao giờ cũng sáng. Và cũng đã bao lần gió đêm rét đến tận xương, sương sớm buốt cắt thịt! Vì thế tôi vẫn nhớ đến cái chăn êm ấm kia!

Đêm đó, đặt mình xuống là tôi ngủ ngay vì cái nhọc phải đi ban ngày và nhất là cái đêm phải nằm ở nhà lao. Nhưng chẳng bao lâu tôi chợt thức giấc rồi không sao nhắm mắt được nữa: lòng tôi bồi hồi, xao xuyến quá. Tôi có một gia đình.

Khi tôi nghĩ đến gia đình đó, dần dần tôi thiếp đi. Trong khoảng thời gian ngắn tôi chớp mắt ấy, tôi chiêm bao thấy một gia đình, nào cha, nào mẹ, nào anh em, nào chị em. Trong mấy phút, tôi sống với những người mà tôi không quen biết bao giờ, với những người mà tôi trông thấy lúc đó là lần thứ nhất. Mà kỳ diệu thay! Mã Tư, Lê Hoa, bà Bảo Liên, bà Mỹ Lưu, cậu An Tuyên đều có mặt trong gia đình và ông Vỹ Tiên là cha tôi. Thấy tôi đã sống lại. Thấy tôi giàu lắm. Con Hiệp Nhi, con Thùy Nhi cũng ở đó, không phải chúng nó bị chó sói ăn thịt. Tôi tưởng ít có một giấc mơ trong một thời gian ngắn, người ta đã sống lại bao nhiêu năm qua và người ta đã đi bao nhiêu đường đất. Ai cũng nhận thấy lúc tỉnh dậy, cái ảo giác vẫn còn sức mạnh và in sâu vào óc người ta. Vì thế khi tôi thức dậy, tôi còn rõ mặt tất cả những người mà tôi vừa mê thấy hình như tôi mới cùng ngồi với họ buổi chiều hôm trước. Lẽ tất nhiên, tôi không sao ngủ được. Nhưng dần dần những ảo giác trong giấc mơ nhạt dần, sự thật lại hiện ra trong óc tôi làm cho tôi tỉnh táo hơn trước.

Gia đình tôi đang tìm tôi!

Tôi muốn gặp gia đình tất nhiên phải nhờ đến Bảo Liên. Ý nghĩ đó làm tôi kém vui. Nếu Bảo Liên không dính dáng vào việc này có phải sung sướng cho tôi biết bao không. Tôi quên sao được những lời Bảo Liên đã nói với ông Vỹ Tiên năm xưa trong lúc bán tôi: «Nếu tôi không nghĩ đến cái lợi đó thì hơi dẫu tôi rước nó về». Ngay từ hồi đó, tôi đã có cảm tưởng rất xấu đối với Bảo Liên.

Không phải vì thương tôi mà Bảo Liên «nhặt» tôi ở ngoài phố, cũng không phải thương tôi mà Bảo Liên rước tôi về nuôi, chính vì tôi được bọc trong những tấm khăn đẹp, chính vì một ngày kia cha mẹ tôi đến tìm thì có lợi. Cái ngày hy vọng đó đến chậm quá, nên Bảo Liên mới đem bán tôi cho ông Vỹ Tiên, bây giờ lại sắp sửa bán cho cha tôi. Tính nết ông chồng và bà vợ thực cách nhau một vực một trời. Bà Bảo Liên thương tôi không phải vì tiền. A! Giá mà tôi có thể tìm được phương kế gì khiến có lợi cho bà và truất được Bảo Liên thì hay quá!

Tôi trần trọc trên giường hàng giờ mà nghĩ mãi không ra. Chịu, không có kế gì cả. Buồn quá! Bảo Liên sẽ đưa tôi về cho cha mẹ tôi, Bảo Liên sẽ được ơn, sẽ được thưởng công.

Sau cùng, tôi không nghĩ nữa vì không thể làm thế nào khác được. Đành ghi góì trong lòng và đợi khi nào khá giả tôi sẽ cảm ơn và trả ơn bà Bảo Liên. Hiện giờ, tôi phải theo dõi Bảo Liên nghĩa là tôi phải đi tìm ông ta, vì ông ta không phải như những người chồng khác đi đâu xa phải cho vợ biết chỗ để thăm hoặc tìm, nếu cần đến. Bà Bảo Liên cho biết ông chồng đi Ba Lê, có thể thôi. Từ ngày ông ta đi không hề có viết thư về và cũng không nhắn ai cả, mặc dầu vẫn có người làng làm ở Ba Lê về quê luôn. Chú ý đến gia đình không phải là nét của ông ta. Ông ta ở đâu bây giờ? Trọ nhà ai? Bà không biết đích xác để gửi thư. Bà chỉ biết tên hai, ba chủ nhà ở phố Mục Tảo mà chồng bà thường lui tới. Vì vậy tôi phải thân hành đi Ba Lê để tìm người đang tìm tôi. Có một gia đình, thực là một tin vui mừng lớn mà tôi không ngờ đến, nhưng cái vui vẫn còn trắc trở do hoàn cảnh gây nên.

Tôi vẫn tưởng khi về Văn Ông, tôi sẽ ở lại vài hôm, sung sướng bên cạnh bà Bảo Liên và cùng anh Mã Tư chơi đùa như ngày tôi còn nhỏ, nào ngờ sáng hôm sau chúng tôi sẽ phải lên đường.

Trước tôi định thăm bà Bảo Liên xong, tôi đi ra bờ biển ở Yến Nam thăm cô Yến Chi. Bây giờ đành phải bỏ cuộc du hành đó, tôi rất tiếc không được gặp cô, một người chị đã săn sóc và yêu thương tôi.

Sau khi thăm cô Yến Chi, tôi sẽ đến Mộc Văn cho cô Lệ Hoa biết tin tức anh và chị cô. Bây giờ đành phải bỏ cả, không được gặp Lệ Hoa cũng như Yến Chi.

Suốt đêm hôm đó tôi trần trọc không ngủ được, lúc tôi nghĩ không nên bỏ Yến Chi và Lệ Hoa, lúc tôi nghĩ trái hẳn lại, nên về ngay Ba Lê để sớm gặp gia đình tôi. Tôi chưa quyết định bề nào thì tôi ngủ đi mất. Đêm đó, đáng lẽ là một đêm êm ái, sung sướng nhất đời tôi, lại thành ra một đêm bút rút và xao xuyến nhất mà tôi còn nhớ mãi.

Sáng dậy, cả ba người: bà Bảo Liên, Mã Tư và tôi hội họp bên cạnh lò sưởi, chung quanh những chén sữa nóng, bàn bạc về việc của tôi. Tôi phải làm thế nào bây giờ? Tôi liền đem những nỗi phiền não, sự phân vân của tôi ra hỏi ý kiến bà Bảo Liên và Mã Tư.

Bà Bảo Liên nói:

– Con phải đi ngay Ba Lê, cha mẹ con đang tìm. Không nên để cha mẹ con phải đợi lâu.

Rồi bà viện nhiều lý lẽ và giải thích cho tôi nghe. Tôi cho bà nói rất phải.

Tôi nói:

– Thế thì con phải đi Ba Lê.

Mã Tư ngồi im không nói gì, và trông có vẻ lạnh lẽo.

Tôi liền hỏi anh:

– Anh thấy rằng tôi không nên đi Ba Lê, sao anh không cho biết lý do như mẹ tôi vừa nói?

Anh lắc đầu.

Tôi nói:

– Trong lúc tôi bối rối thế này, anh cũng nên góp ý kiến giúp tôi.

Lúc đó, anh mới nói:

– Tôi nghĩ rằng những người mới không nên làm lu mờ những người cũ. Cho đến ngày nay, gia đình anh là Lệ Hoa, Yến Chi, là An Sinh và Bằng Mai, đó là anh em và chị em của anh. Những người ấy đã quyến luyến yêu thương anh. Bây giờ một gia đình mới hiện ra. Gia đình này anh không biết và đã chẳng làm gì cho anh hơn là việc vứt anh ra ngoài đường. Đùng một cái, anh bỏ rơi những người đã tử tế với anh để theo những người chưa biết tử tế hay không nhưng đã thấy vẻ không tốt. Tôi cho rằng như thế không là công bình.

Bà Bảo Liên ngắt lời Mã Tư:

– Không nên đổ cho cha mẹ Lê Minh vứt bỏ con mình như thế đâu! Có lẽ Lê Minh bị người

ta bắt trộm. Cha mẹ Lê Minh đã thương nhớ và ngay từ ngày ấy đã cho người ta đi tìm.

– Tôi không biết. Tôi chỉ biết ông An Thanh đã nhặt anh Minh hấp hối ở cổng ngoài, đem về cứu chữa và nuôi nấng như con đẻ và các con ông ấy An Sinh, Bằng Mai, Yến Chi và Lệ Hoa cũng thân yêu anh Minh như tình ruột thịt. Tôi có thể nói rằng những người đã nuôi anh Minh trừ bà ra cũng có quyền nhận lòng cảm mến của anh cũng như những người hoặc định tâm hoặc vô ý đã để mất anh. Ở gia đình ông An Thanh mà tôi biết, mối tình của mọi người yêu thương anh là một tình thành thực phát tự đáy lòng. Đối với anh Minh, họ không có bốn phận gì cả.

Trong khi nói những câu đó. Anh hăm hăm tức giận, không nhìn tôi và cũng không nhìn bà Bảo Liên. Tôi rất buồn, nhưng xét ra những điều anh nói không phải là không hợp lý. Vả lại tôi là người có tính do dự thường hay về phe với người nào nói cuối cùng.

Tôi nói:

– Anh Mã Tư nói phải. Nhưng không phải là vô tình mà định đi Ba Lê trước khi đến thăm Yến Chi và Lệ Hoa.

Bà Bảo Liên nhắc lại:

– Nhưng còn cha mẹ con!

Tôi quyết định bề nào, bề hòa giải như sau:

– Chúng ta không thể đi thăm Yến Chi được vì thế thì lâu quá. Vả lại Yến Chi đọc và biết viết, chúng ta biên thư cho cô vậy. Nhưng trước khi đi Ba Lê, chúng ta hãy rẽ vào Mộc Văn ở Đơ Di thăm cô Lệ. Hoa. Việc này làm cho ta chậm, nhưng không đến nỗi chậm lắm. Vì Lệ Hoa không biết viết nên tôi quyết vì Lệ Hoa mà định cuộc hành trình đó. Gặp cô tôi sẽ kể chuyện của An Sinh. Bây giờ tôi viết thư và bảo cô Yến Chi trả lời tôi về địa chỉ Mộc Văn, tôi sẽ đọc thư của cô Yến Chi cho cô Lệ Hoa nghe.

Mã Tư tươi cười nói:

– Hay lắm!

Chúng tôi nhất định sáng hôm sau khởi hành. Rồi cả buổi sáng, tôi ngồi viết thư cho Yến Chi, cắt nghĩa cho cô biết tại sao tôi không đến thăm cô được như lòng tôi hằng mong.

Đến sáng hôm sau, lại một lần nữa, tôi chịu cái sầu biệt ly ở ngôi nhà này. Nhưng không đến nỗi đau khổ như ngày tôi rời làng Văn Ông để theo ông Vỹ Tiên. Tôi có thể hôn từ biệt bà Bảo Liên và hứa một ngày kia sẽ cùng cha mẹ tôi tới thăm bà.

Suốt cả buổi chiều hôm trước chúng tôi chỉ có một việc bàn sẽ nên biếu bà một vật kỷ niệm gì cho phải: tôi chả sắp trở nên giàu có là gì?

– Lê Minh, con ơi! Không còn vật gì quý hơn con bò của con nữa.

– Tất cả những tiền của con cho ta khi con giàu có không làm cho ta sung sướng hơn và không thể nào bằng những vật cho ta lúc còn hàn vi.

Còn con bò nhỏ của chúng tôi nữa, chúng tôi cũng phải từ giã nó. Mã Tư vuốt ve đầu nó mãi,

con bò như cũng hiểu biết thè lưỡi liếm tay anh.

Đàn, túi lên vai, chúng tôi ra đi, Lãnh Nhi chạy trước chúng tôi. Chúng tôi vui chân bước đều trên đường cái. Không hiểu sao thỉnh thoảng tôi lại rảo bước. Mã Tư theo tôi một lúc rồi gọi tôi, anh bảo:

– Nếu cứ đi nhanh thế này thì không bao lâu chúng ta không còn sức mà đi nữa.

Tôi đi chậm lại được một lúc rồi lại quen chân bước dài. Mã Tư vẻ mặt rầu rầu, hỏi tôi:

– Anh đi vội thế?

– Phải. Tôi tưởng anh cũng thích đi vội vì gia đình tôi là gia đình anh.

Anh lắc đầu. Tôi rất buồn nhìn bộ điệu đó mà tôi đã nhận thấy nhiều lần từ khi anh biết tôi có gia đình.

– Hai chúng ta chẳng phải là anh em hay sao?

– Ô! giữa chúng ta thì như thế vì tôi không ngờ vực lòng anh, hôm nay tội là em anh, ngày

mai tôi vẫn sẽ là em anh. Điều đó tôi đã tin chắc và đã cảm thấy.

– Nhưng sao?

– Nhưng tại sao anh lại muốn tôi là anh em với các anh em anh, nếu anh có và là con của cha và mẹ anh?

– Vậy thì nếu tôi về Lục Ca, tôi không phải là anh của Tuyết Nga, em gái anh hay sao?

– Có lắm chứ!

– Vậy sao anh lại không muốn là anh em với anh, chị em tôi, nếu tôi có?

– Bởi vì không giống nhau, giống thế nào được, giống thế nào được.

– Về phương diện gì thế?

Mã Tư nói:

– Vì tôi không được bọc trong những cái tã đẹp.

– Cái đó có « làm gì »?

– « Làm gì » lắm chứ. « Làm gì » nhiều chứ! Anh thử nghĩ mà xem. Nếu anh về Lục Ca — nhưng bây giờ tôi trông thấy không bao giờ anh đi được — anh sẽ được những người nghèo tức là cha mẹ tôi mừng rỡ đón tiếp vì họ cũng nghèo như anh bây giờ. Nhưng nếu những cái tã đẹp đã nói thực, nếu lời đoán, bà Bảo Liên đoán đúng và điều đó tất nhiên đúng, thì cha mẹ anh là những người giàu có và có lẽ sang trọng nữa. Còn tin sao được những người đó đón tiếp niềm nở một đứa trẻ khốn nạn như tôi?

– Còn tôi là cái gì, nếu không phải là đứa trẻ khốn nạn như anh?

– Bây giờ thì thế. Nhưng mai kia anh sẽ là con nhà giàu sang, tôi sẽ vẫn là đứa trẻ khốn nạn như hôm nay. Người ta sẽ cho anh đi học, tìm thầy dạy anh. Còn tôi, tôi sẽ thui thủi một mình tiếp tục lang thang nay đây mai đó. Lúc đó, không biết anh còn nhớ đến tôi không? Lê Minh còn nhớ đến Mã Tư không?

– Ô! Anh Mã Tư thân mến, sao anh lại nghĩ vậy?

– Tôi nghĩ sao nói vậy. Vì thế, tôi không được hoàn toàn sung sướng trong sự vui thích của anh, nhất là vì chúng ta sắp phải xa cách nhau. Anh Minh ơi! Anh có biết đã bao lần tôi tưởng tượng, tôi mơ ước chúng ta sẽ chung sống với nhau suốt đời như bây giờ. Ô! nhưng không phải như bây giờ là những kẻ hát và diễn trò rong khốn nạn. Chúng ta cùng nhau học hỏi thêm, chúng ta sẽ trở nên những nhạc sĩ xứng đáng, có thể trở tài trên những vũ đài xứng đáng và không bao giờ lìa nhau.

– Anh Mã Tư ơi! Nguyên ước của anh vẫn không uống. Nếu cha mẹ tôi giàu là giàu để cho tôi và cho anh. Nếu người cho tôi đi học, anh cũng sẽ đi học với tôi. Chúng ta ở bên nhau và học tập với nhau. Chúng ta không rời nhau, chúng ta đều lớn lên, và chung sống với nhau như ý muốn và cũng như lòng tôi mong ước một cách nhiệt liệt như anh. Tôi xin nói chắc với anh như thế.

– Anh phải biết lòng anh cũng mong ước như thế nhưng anh sẽ không phải là chủ gia đình như bây giờ anh là đoàn trưởng.

– Đây, anh hãy nghe tôi: nếu cha mẹ tìm tôi, tức là người thương tôi, phải không anh? Người thương tôi, người sẽ yêu tôi. Nếu người yêu tôi, người sẽ không nỡ từ chối những điều tôi xin. Và tôi sẽ xin những gì? Không ngoài việc trả ơn những người đã cứu vớt tôi, thương yêu tôi khi tôi bơ vơ lạc lõng: đó là bà Bảo Liên, ông An Thanh cùng các con ông là Yến Chi, An Sinh, Bằng Mai, Lệ Hoa và anh nữa. Ông An Thanh sẽ được giúp đỡ để ra thoát chốn lao tù. Lệ Hoa sẽ được cha mẹ tôi đưa về nuôi, chữa bệnh và cho đi học. Còn anh, anh cũng sẽ cùng học một trường với tôi. Tôi tin rằng mọi việc sẽ được thực hành như thế. Nếu cha mẹ tôi giàu, tôi rất lấy làm thích vì cha mẹ tôi giàu là để gây dựng cho chúng ta.

– Về phần tôi, tôi thích cho cha mẹ anh nghèo.

– Anh ngu lắm.

– Có lẽ đúng.

Rồi anh không nói gì nữa, quay lại gọi Lãnh Nhi. Lúc đó đến giờ nghỉ để ăn bữa sáng. Anh bế con chó lên tay nói chuyện với nó như với người:

– Có phải không? Lãnh Nhi cũng thích cho cha mẹ Lê Minh nghèo, phải không?

Nghe nhắc đến tên nó, Lãnh Nhi nháy xuống kêu tiếng kít kít và để chân trước vào ngực.

– Với cha mẹ nghèo, chúng ta tiếp tục sống cuộc đời tự do, chúng ta tha hồ muốn đi đâu thì đi, và chúng ta chỉ lo có một việc làm sao cho các « quý khán giả » của chúng ta được vui thích.

– Ặng ặng!

– Trái lại, với cha mẹ giàu, Lãnh Nhi sẽ bị nhốt vào một cái chuồng ở trong sân và chắc chắn là phải mang xích, cái xích đẹp mạ kền, nhưng cũng là cái xích, bởi vì những con chó không được phép vào những căn phòng lịch sự.

Tôi lấy làm giận Mã Tư lắm, sao anh lại chúc cha mẹ tôi nghèo, đáng lẽ anh phải chia sẻ niềm vui của tôi, cầu nguyện cho giấc mộng của tôi thực hiện mới phải. Nhưng nghĩ lại, tôi lại rất lấy làm sung sướng nhận ra và hiểu thấu nguyên do nỗi buồn của anh — đó là một tình bạn chân thành, đó là cái đau đớn của cuộc phân ly sắp

310 | Dịch giả: Hà Mai Anh

tới. Nếu chỉ vì thế mà anh buồn thì tôi nữ nào lại trách anh vì anh đã biểu lộ lòng quyến luyến, dạ yêu thương tôi. Mã Tư đã quyến luyến tôi, anh chỉ nghĩ đến tình yêu thương, anh không muốn chúng tôi phải xa rời nhau.

Nếu chúng tôi không phải kiếm tiền độ nhật, thì mặc Mã Tư kêu ca, tôi cũng cứ đi nhanh. Nhưng chúng tôi phải ngừng lại ở các làng lớn mà chúng tôi đi qua để diễn trò. Và trong khi chờ đợi cha mẹ tôi chia sẻ tiền bạc cho chúng tôi, chúng tôi hãy cứ tạm nhật đó đây từng đồng xu nhỏ, kiếm một cách khó khăn và ưa may.

Thành ra từ Văn Ông đến Mộc Văn đi mất nhiều thì giờ hơn là chúng tôi đã tính trước. Và lại, ngoài việc ăn hàng ngày, còn một lý do nữa khiến chúng tôi phải có kiếm tiền thêm cho thực nhiều. Tôi không quên câu nói của bà Bảo Liên, khi nhận bò đã bảo tôi:

« Tất cả những của cải con cho khi con giàu có, không làm ta sung sướng bằng những vật con cho lúc con hàn vi ».

Và tôi muốn cô bé Lệ Hoa của tôi cũng được sung sướng như bà Bảo Liên. Tôi sẵn lòng chia sẻ phú quý cho Lệ Hoa. Nhưng trong khi chờ đợi, nhưng trước khi tôi trở nên giàu có, tôi muốn đem đến cho cô Lệ Hoa một tấm quà mua bằng tiền tôi kiếm được, theo lời bà Bảo Liên là thứ quà lúc hàn vi.

Vì thế khi qua tỉnh Đê Sĩ, tôi liền mua một con búp bê và một bộ đồ chơi, may sao không đến nỗi đắt bằng con bò.

Từ Đê Sĩ đến Mộc Văn, chúng tôi có thể đi gấp được vì những làng chúng tôi đi qua phần nhiều nghèo túng, người dân không dư tiền để xử rộng rãi với phường hát rong như chúng tôi.

Từ tỉnh Sa Long, chúng tôi đi ven bờ sông đào. Hai bên bờ, cây cỏ rậm rạp như rừng, nước chảy lững lờ, mấy chiếc xà lan do ngựa kéo nhẹ nhàng lướt trên mặt sông.

Cảnh tượng đó đã làm tôi nhớ lại thời sung sướng, ở với bà Mỹ Lưu và cậu An Tuyên trên thuyền Thiên Nga, tôi đã được chu du trên sông

đào. Bây giờ, con thuyền Thiên Nga ở đâu? Đã bao lần mỗi khi sang sông hay đi dọc bờ sông, tôi từng dò hỏi người ta xem có con thuyền du lịch nào có hiên, có buồng diêm lẹ và thanh lịch, như thuyền Thiên Nga qua đó không. Nhưng không ai biết cả. Có lẽ cậu An Tuyên đã khỏi bệnh, bà Mỹ Lưu cùng con đã trở về Anh quốc rồi. Việc này có thể đúng và tin được. Tuy nhiên, lúc đi trên bờ sông Niên, tôi cứ với trông những con thuyền xa xa và tự hỏi không biết đó có phải là thuyền Thiên Nga đang tiến về phía chúng tôi không?

Lúc đó là mùa thu. Những ngày đường của chúng tôi ngắn hơn về mùa hè. Chúng tôi phải tính toán đi sao cho tới những làng trước khi trời tối để tìm chỗ trú. Chúng tôi thường phải rảo bước, thế mà trong đoạn đường cuối cùng, đến tối chúng tôi mới tới Mộc Văn.

Muốn đến nhà bà Cát Tường, chúng tôi phải theo dọc bờ sông vì chồng bà giữ việc coi đập sông ấy, Nhà bà ở ngay bên cạnh đập, chúng tôi tìm thấy ngay. Ngôi nhà đó ở đầu làng giữa cánh

đồng cỏ, xa xa có nhiều cây cao lênh bênh trong đám sương mù. Tim tôi hồi hộp khi đến gần ngôi nhà đó, một ánh sáng đỏ đỏ ở lò sưởi chiếu qua cửa sổ xuống mặt đường.

Chúng tôi đến nơi nhà đã đóng cửa rồi. Nhưng nhìn qua cửa sổ không cánh chớp, không màn che, tôi thấy Lệ Hoa ngồi trước bàn ăn cùng bà Cát Tường, một người đàn ông có lẽ là chồng bà ngồi quay lưng về phía chúng tôi.

Mã Tư nói:

– Nhà đang ăn. Rất hay cho ta.

Tôi, một tay ra hiệu cho anh im, một tay vẫy Lãnh Nhi về phía sau tôi, không được sửa. Nhắc cây thụ cầm trên vai xuống, tôi sửa soạn để gãy.

Mã Tư thì thầm:

– Phải đấy! Anh có ý hay! Dạo một khúc đàn xem sao?

– Anh để một mình tôi gãy.

Rồi tôi bắt đầu gảy bài « Tình ca », tôi không hát vì sợ lộ tiếng của tôi.

Trong khi tôi đánh đàn, tôi nhìn Lệ Hoa. Cô chột ngừng đầu lên, tia mắt chiếu ra như một luồng chớp. Tôi cất tiếng hát.

Cô vội tụt xuống ghế, chạy ra cửa. Tôi vội đưa đàn cho Mã Tư xong, thì Lệ Hoa đã ở trong cánh tay tôi.

Người ta mời chúng tôi vào nhà. Bà Cát Tường hôn tôi, rồi dọn hai xuất ăn lên bàn.

Tôi xin bà bày thêm cho một xuất thứ ba.

Tôi nói:

– Thưa bà, chúng tôi còn một người bạn gái nhỏ nữa đi theo.

Rồi tôi lấy ở trong hành lý ra một con búp bê xinh đẹp, tôi đặt ngồi trên ghế cạnh Lệ Hoa. Lệ Hoa nhìn tôi, cái nhìn đã nói rất nhiều, tôi không bao giờ quên được, tôi còn trông thấy bây giờ.

CHƯƠNG XXXII

BAO LIÊN

Nếu tôi không vội đi Ba Lê, tôi sẽ ở lại lâu, rất lâu với Lệ Hoa. Chúng tôi có nhiều chuyện nói với nhau, và chúng tôi có thể nói rất ít lời bằng cách đàm thoại mà chúng tôi vẫn dùng.

Lệ Hoa kể lại cho tôi nghe từ ngày về Mộc Văn, cô, chú đã chiều mến thế nào, Ông bà Cát Tường đã sinh hạ năm đứa con, ngày nay chẳng còn đứa nào chỉ vì bà Cát Tường cũng như phần đông phụ nữ miền này hay bỏ con nhà để ra Ba Lê làm vú em. Vì thế Lệ Hoa được cô chú coi như con đẻ. Lệ Hoa lại kể những công việc hàng ngày cô phải làm và những cuộc giải trí của cô; câu cá, bơi thuyền và vào rừng chơi vì cô không đi học nên rất rỗi.

Còn tôi, tôi hỏi cô có nhận được tin tức của cha cô không, và kể cho cô nghe những việc xảy ra sau ngày chia tay cô: tôi suýt bị vùi trong mộ nơi An Sinh làm thế nào và khi về thăm mẹ nuôi tôi, cho tôi biết gia đình tôi đang tìm tôi vì thế tôi không thể đi thăm Yến Chi như tôi mong muốn.

Lẽ cố nhiên, tôi nói về gia đình tôi nhiều hơn cả, nhà tôi giàu và tôi nhắc lại cho cô nghe cả những điều tôi đã nói với Mã tư. Một khi tôi khá giả, tôi nguyện làm cho mọi người sung sướng: cha cô, anh chị cô và nhất là cô.

Lệ Hoa không được lịch duyệt sớm như Mã Tư và tốt nghiệp ở trường huấn luyện Phú Lợi ra, nên cô tin rằng những người giàu có là những người sung sướng nhất đời và tiền của là một đạo bùa màu nhiệm như trong các chuyện thần thoại — có thể thỏa mãn lập tức những người gì ta ao ước.

Phải chăng, chỉ vì nghèo mà cha cô phải vào ở nhà lao? Phải chăng chỉ vì nghèo, mà gia đình cô phải tan tác? Dù là tôi giàu dù là cô giàu cái đó không cần lắm vì kết quả vẫn là một: Chúng tôi

được sung sướng. Và cô chỉ để tâm có hai điều này: đoàn viên và hạnh phúc.

Chúng tôi không những ngồi nói chuyện bên đập sông, nước chảy rì rào qua những cánh ngăn, chúng tôi còn cùng nhau đi ngoạn cảnh trong vùng, ngoài ba chúng tôi còn có hai bạn nữa là Lãnh Nhi và cô búp bê lúc nào cũng ở cạnh chúng tôi.

Trong những cuộc chu du của ông Võ Tiên cùng tôi qua khắp nước Pháp và trong những cuộc đi vừa rồi của tôi và anh Mã Tư, tôi chưa từng được xem cảnh nào đẹp mắt hơn chỗ chúng tôi đang ở bây giờ. Rừng rậm bao la, có đồng bát ngát, nào núi đá, nào đồi cây, nào hang thạch nhũ, nào thác gieo bọt trắng, nào hồ phẳng lặng như gương. Trong thung lũng hẹp hơn bên sườn núi đứng thẳng như những bức tường, giữa chảy một dòng nước quanh co như rắn lượn.

Phong cảnh thực ngoạn mục. Người ta chỉ nghe thấy tiếng suối chảy, tiếng chim ca, tiếng gió thổi qua những cành lá rì rào.

Mấy năm trước đây, ở trại trồng hoa tôi đã được xem phong cảnh thung lũng Bích giang và đã lấy làm đẹp. Thì ra nơi nào tôi cùng dạo chơi với Lệ Hoa là nơi ấy có nhiều cảnh thơ mộng. Vùng Niên Khê điểm lệ này in sâu vào trí óc tôi không bao giờ phai lạt được.

Chiều đến, những khi trời xấu, chúng tôi ở nhà, những lúc sương sa chúng tôi họp chung quanh lò sưởi. Để đẹp lòng Lệ Hoa, tôi gảy thụ cầm, Mã Tư kéo vĩ cầm hoặc thổi kèn. Nhưng Lệ Hoa thích nghe thụ cầm hơn, khiến tôi rất hào hãnh. Trước khi chia tay để đi ngủ, Lệ Hoa thường yêu cầu tôi cho nghe khúc Tình ca. Tôi lại cất tiếng hát khiến cho buổi tối đã đầm ấm lại êm đềm hơn.

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang. Tôi sắp sửa phải từ biệt Lệ Hoa và từ biệt miền này để đi Ba Lê. Tôi vẫn ước ao có một ngày phong lưu. Ngày ấy sắp đến, có thể nói là đã đến. Bây giờ tôi chỉ ấp ủ một nguyện vọng mong sao chóng được thực hiện.

Câu cuối cùng của tôi, « ra hiệu » nói với Lê Hoa đã biểu lộ cái mộng tưởng chân thành của tôi:

– Tôi sẽ đem xe bốn ngựa về đón cô!

Cô hiểu lắm, cô lấy tay ra hiệu quất ngựa vì cô trông thấy xe ngựa đỏ cũng như chính tôi đã trông thấy. Tuy nhiên, trước khi đi xe bốn ngựa từ Ba Lê về Mộc Văn, tôi phải « cuốc bộ » trên đường từ Mộc Văn về Ba Lê, và nếu không có bạn Mã Tư thì tôi rất ít ở các làng cốt kiếm sao cho qua ngày để cho mau chóng tới Ba Lê. Vì tôi nghĩ bây giờ cần gì phải làm việc nhiều; chúng tôi không cần phải mua bò, mua búp bê nữa, miễn sao cho túc dụng hàng ngày. Không phải việc tôi phải đem tiền về cho cha mẹ, nhưng Mã Tư không đồng ý với tôi về điểm đó.

Mã Tư bắt tôi phải cầm lấy đàn và bảo:

– Chúng ta có thể kiếm được bao nhiêu, ta cứ kiếm. Chắc đâu về Ba Lê tìm thấy ngay Bảo Liên:

– Nếu ta không tìm thấy ông ta buổi trưa thì đến hai ba giờ cũng tìm thấy, vì phố Mực Tảo không dài lắm.

– Nếu ông ấy không ở phố Mực Tảo nữa thì sao?

– Chúng ta tìm chỗ mới của ông ta.

– Nếu ông ấy lại trở về Văn Ông thì sao?

Lúc đó lại phải viết thư và đợi trả lời. Trong thời gian đó, chúng ta sẽ sống bằng gì, nếu trong túi không có tiền? Anh cũng chưa quen đường ở Ba Lê lắm. Anh đã quên lò đá Gentilly rồi hay sao?

– Không.

– Tôi, tôi cũng không quên bức tường Nhà Thờ Thánh Mê Đa, tôi đã tựa lưng vào đó để khỏi ngã gục vì tôi lả. Tôi không muốn nhịn đói ở Ba Lê.

– Chúng ta sẽ ăn no khi đến nhà cha mẹ tôi.

– Đã chắc đâu tìm ngay được. Chúng ta nên làm việc như là chúng ta cần mua một con bò đem về cho cha mẹ anh.

Đó là một lời khuyên rất khôn ngoan. Nhưng xin thú thực, tôi hát kém đi, không cố gắng bằng lúc phải mua bò cho bà Bảo Liên hay mua búp bê cho Lệ Hoa.

Mã Tư bảo tôi:

– Nếu anh giàu có, anh sẽ thành lười biếng. Đến tỉnh Cốt Bậy, chúng tôi lại ra con đường mà trước đây sáu tháng chúng tôi đã theo con đường ấy để đi từ Ba Lê về Văn Ông. Và trước khi tới Villejuif, chúng tôi rẽ vào cái trại có đám cưới mà chúng tôi đã giúp vui trong bước đầu của chúng tôi. Chú rể và cô dâu nhận ra chúng tôi và yêu cầu chúng tôi hòa nhạc cho hai vợ chồng khiêu vũ. Người ta cho chúng tôi ăn ngủ trong đêm đó.

Sáng hôm sau, từ trại ấy chúng tôi vào Ba Lê tính ra đúng sáu tháng mười bốn ngày, chúng tôi lại được trở về Kinh Đô.

Nhưng ngày về khác hẳn ngày đi. Trời u ám và lạnh. Người ta không thấy mặt trời, ở hai bên bờ đường, hoa đã tàn và cỏ cũng kém màu xanh. Nắng hè đã hết phận sự, đến lượt những áng sương đầu thu. Không còn những cánh hoa đình hương ở nóc tường gieo xuống đầu chúng tôi nữa mà là những chiếc lá khô ở trên những cành vàng úa rơi xuống. Cảnh buồn nhưng lòng « chúng tôi » vẫn vui. Tôi nói « chúng tôi như thế không đúng vì chỉ có tôi cảm thấy vui một mình tôi thôi. Tôi nghĩ sắp đến lúc được người mẹ, người mẹ thực sự và người cha gọi tôi là con, hôn tôi, ấp ủ tôi thì lòng tôi cuộn cuộn dâng lên.

Còn Mã Tư, càng về gần tới Ba Lê trông anh càng ủ dột, lắm lúc hàng mấy tiếng đồng hồ, anh không hề nói một câu nào. Tuyệt nhiên anh không thổ lộ nỗi buồn về cuộc phân ly sắp tới. Tôi không muốn nhắc lại những lời tôi đã nói với anh bao nhiêu lần là mẹ tôi sẽ không bao giờ lại chia rẽ anh và tôi. Mãi đến lúc chúng tôi nghỉ để ăn bữa sáng, anh ngồi trên hòn đá vừa cầm miếng bánh ăn vừa thổ lộ cho tôi nghe những điều mà tôi đã thắc mắc:

– Anh có biết lúc bước chân vào Ba Lê này, tôi nghĩ đến ai không?

– Đến ai?

– Đến một người. Người đó là Phú Lợi. Không biết hắn đã mãn hạn tù chưa? Khi người ta cho tôi biết là hắn bị tù, tôi quên không hỏi thời hạn. Rất có thể hắn đã được tha và bây giờ đang ngồi lù lù ở nhà phố Lục Sinh. Chúng ta phải đến hẻm Mục Tảo tìm Bảo Liên thì hẻm này ở ngay trước cửa nhà Phú Lợi. Vô phúc chúng ta gặp hắn thì làm thế nào? Hắn là thầy tôi, là chủ tôi, hắn có quyền bắt tôi và tôi không sao trốn được nữa. Anh, trước kia anh sợ Bảo Liên thế nào thì bây giờ tôi cũng sợ Phú Lợi như thế. Trời ơi! Sẽ khổ cho cái đầu của tôi! Cái khổ đau đầu còn chịu được nhưng cái khổ không được nhìn thấy anh nữa thì ghê gớm biết nhường nào? Còn điều này nữa, cuộc chia rẽ tôi với gia đình tôi không nói làm gì, nhưng cuộc chia rẽ anh với gia đình anh thì khốn khổ đến mức nào! Vì rất có thể Phú Lợi bắt cả anh và giáo dục anh như những học trò của hắn bằng roi, bằng nhện dới.

Chắc anh không muốn vào trường đó và tôi cũng không muốn làm bạn học với anh. Vậy anh tính thế nào?

Cái hy vọng lớn lao qua tôi đã làm cho tôi quên hẳn Phú Lợi. Tất cả những điều Mã Tư vừa nói có thể xảy ra được. Phải tránh cái nguy hiểm đem nộp mình cho Phú Lợi.

Tôi hỏi anh:

– Ý anh thế nào? Anh không muốn vào Ba Lê?

– Tôi không muốn đến hẻm Mực Tảo sợ chạm trán Phú Lợi.

– Nếu anh không muốn đến phố ấy, tôi sẽ đến một mình. Anh đợi một chỗ nào đó. Độ bảy giờ tối thì tôi trở lại đón anh.

Chúng tôi hẹn đợi nhau ở đầu cầu Nhà Chung sau Nhà Thờ Đức Bà. Bàn định xong, chúng tôi tiến vào Ba Lê.

Đến công trường Ý Đại Lợi, chúng tôi chia

tay, cảm động như không bao giờ tái ngộ nữa. Anh cùng Lãnh Nhi xuống vườn Bách Thảo, còn tôi đi về phố Lục Sinh, cũng ở gần đấy.

Là lần thứ nhất trong sáu tháng nay, tôi đi một mình không có Mã Tư, không có Lãnh Nhi bên cạnh. Tôi cảm thấy thấy trống rỗng và buồn tênh. Nhưng tôi dẹp ngay được nỗi buồn đó, tôi chả sắp được gặp Bảo Liên và do Bảo Liên được thấy gia đình tôi hay sao?

Tôi đã ghi vào mẫu giấy tên họ và địa chỉ những chủ trọ của Bảo Liên. Nhưng không cần đến vì tôi đã thuộc lòng những tên và chỗ ở ấy: Hai Giô, Ba Bô và Tư Chớp.

Tôi vào hẻm Mực Tảo, qua nhà Hai Giô trước tiên. Đó là một hàng cơm nhom nhếch ở tầng dưới một ngôi nhà gác có đủ giường phản. Tôi mạnh bạo bước vào. Nhưng bằng giọng run run tôi hỏi:

– Ông Bảo Liên, có ở đây không?

– Bảo Liên là ai nhỉ?

– Bảo Liên ở làng Văn Ông.

Rồi tôi tả hình dáng Bảo Liên, cái hình dáng ngày xưa của ông ta khi mới ở Ba Lê về: mặt khắc nghiệt, đầu vẹo sang bên phải.

– Không có ai như thế, Tôi không biết.

Tôi đi xa hơn chút nữa tìm đến nhà Ba Bô là một lữ quán có phòng đủ đồ đạc cho thuê. Lại có bán thêm hoa quả nữa. Tôi nhắc lại câu hỏi ở quán trọ trước.

Mới đầu, tôi hỏi chẳng ai nghe thấy gì, Người chồng đang bán bánh đúc và cắt bằng cái dao như dao thợ nề, người mải cãi nhau với một khách hàng vì họ bớt một xu. Tôi hỏi đi hỏi lại đến lần thứ ba, người chồng mới trả lời:

– A, phải, Bảo Liên... Đã lâu có ở đây. Đến bốn năm rồi!

Người vợ cãi chính:

– Đã năm năm chứ lại. Hắn ta còn nợ nhà này một tuần lễ tiền trọ, chưa trả. Vậy bây giờ, hắn ở đâu, thẳng vô lại ấy?

Hắn ở đâu? Chính tôi cũng đang đi hỏi mà người ta lại hỏi tôi. Chán quá. Tôi chỉ còn biết hỏi Tư Chớp nữa thôi. Nếu người này cũng không biết nốt thì tìm đâu cho thấy Bảo Liên bây giờ?

Cũng như Hai Giô, Tư Chớp bán hàng cơm. Khi tôi vào nhà, ông ta đang làm bếp và dọn ăn cho một bọn người đang ngồi bàn.

Tôi lại hỏi Tư Chớp, lúc ông ta tay cầm vá đang múc súp cho khách ăn.

Ông ta trả lời:

– Bảo Liên à? Ông ta không ở đây nữa.

Tôi run lên và hỏi:

– Thế bây giờ Bảo Liên ở đâu?

– Ai biết được!

Tôi choáng váng, trước mắt tôi, những cái soong như nhẩy chập chờn trên bếp.

Tôi nói:

– Tôi biết tìm ông ta ở đâu bây giờ?

– Ông ta không để lại địa chỉ.

Mặt tôi lộ một vẻ thất vọng đáng thương, một người khách đang ăn ở bàn bên cạnh bếp, hỏi tôi:

– Em tìm Bảo Liên có việc gì?

Tôi không thể nói thực và kể chuyện riêng của tôi ra. Tôi nói:

– Tôi vừa ở Văn Ông quê ông ta, đến báo tin tức nhà cho ông ta biết, vợ ông ta đến tìm ở đây.

Tư Chớp bảo người khách vừa hỏi tôi:

– Nếu ông biết, ông chỉ giúp cho em bé này, nó không có chuyện gì hại cho Bảo Liên, phải không?

– Thưa ông, không.

Tôi tỉnh người, hy vọng.

– Bảo Liên bây giờ tắt ở khách sạn Khang An đường Hố Linh, vì cách đây ba tuần lễ, tôi có gặp ông ta ở đấy.

Tôi cảm ơn và đi ra. Chỗ ấy gần phố Lục Sinh, tôi nghĩ nên rẽ vào hỏi dò tin tức Phú Lợi cho Mã Tư. Tôi đi vài bước tìm ngay thấy lối vào nhà ngày xưa tôi đến với ông Vỹ Tiên. Cũng như lần trước tôi thấy một ông già, ông già năm xưa đang mắc những giẻ rách vào tường ngoài sân. Có lẽ ông ta chỉ làm một công việc này từ mấy năm nay,

Tôi hỏi:

– Ông Phú Lợi vẫn đã về chưa?

Ông già nhìn tôi rồi ho xù xụ một hồi không trả lời tôi. Tôi nghĩ nên làm như tôi biết rõ Phú Lợi ở đâu rồi, nếu không thì « ông già giẻ rách » kia không chịu rả rãng.

Tôi làm ra bộ đắc chí nói:

– Phú Lợi còn ở trong ấy, có lẽ ông ta buồn lắm nhỉ?

– Buồn, nhưng thì giờ cứ việc đi chứ!

– Nhưng thì giờ đi nhanh cho chúng tôi hơn là cho ông ta.

Ông già toan cười về câu khôi hài của tôi, nhưng lại bị một cơn ho dài hơn bật ra trước.

Đợi cho ông ta hết ho, tôi hỏi:

– Ông có biết chừng nào thì ông ta về không?

– Ba tháng.

Phú Lợi còn ngồi tù ba tháng nữa. Mã Tư sẽ dễ thở, vì trong ba tháng nữa, cha con tôi đủ thì giờ tìm cách ngăn cản kẻ hung ác không được hành hạ cháu.

Tôi vui vẻ đi tìm khách sạn Khang An, tôi vào ngõ Hốt Linh, chứa chan hy vọng và có một ý tưởng khoan hồng về Bảo Liên.

Dù sao, Bảo Liên cũng không đến nỗi độc ác như bộ mặt ông ta, không có ông ta, có lẽ tôi đã bị chết đói, chết rét ở lễ phố Bảo Tương. Ông ta có dứt tôi ra ở trong lòng bà Bảo Liên để bán tôi cho ông Vỹ Tiên thực ấy, nhưng lúc đó ông ta không có cảm tình với một đứa trẻ lớn lên mà

ông ta không nhìn thấy bao giờ, vả lại khi người ta bị nghèo khó thì người ta hay nghĩ quẩn và làm những việc không hay. Bây giờ ông ta đang tìm tôi, tôi phải biết ơn ông ta. Tôi phải quên cái oán thù đã dung dưỡng trong đầu óc tôi từ ngày ông Võ Tiên kéo cổ tay tôi lôi đi, mới phải. Đối với ông ta tôi phải tỏ lòng tri ân. Nếu không phải là một bốn phận phải yêu thương ông ta như đối với bà Bảo Liên thì cũng là một bốn phận phải tử tế với ông ta mới không trái với lương tâm.

Không mấy lúc tôi đã tìm đến khách sạn Khang An, gọi là khách sạn nhưng chỉ là một lữ điểm tồi tàn. Chủ nhà là một bà cụ già vừa có bệnh run gân vừa nặng tai. Khi tôi hỏi, bà ta đưa cái ống nghe lên tai và cao tôi nói lại. Bà nói nhỏ:

– Tôi hơi nghễnh ngãng.

– Tôi muốn gặp Bảo Liên, Bảo Liên ở Văn Ông. Ông ta trọ ở đây. Phải không?

Không trả lời, bà ta giơ cả hai tay lên trời một cách bất thần làm cho con mèo nằm ở đầu gối bà sợ nhảy bổ nhào xuống đất.

Bà kêu:

– Trời ơi!

Bà hỏi tôi:

– Mà y là đứa con phải không?

– Đứa con nào?

« Đứa con người ta tìm ». Nghe câu này, tôi cuống quýt. Tôi kêu:

– Ông Bảo Liên...

– Quá cố. Phải gọi là ông « Bảo Liên quá cố ».

Tôi đứng không vững phải tỳ lên cây thụ cầm. Tôi xúc động quá, giọng nghẹn ngào, cố kêu to lên cho bà ta nghe rõ:

– Ông ta chết thật à?

– Đã tám hôm nay, ở Nhà Thương Thánh Ấng Toàn.

Tôi mê mẩn như người mất hồn.

Bảo Liên chết rồi! Làm thế nào tìm được gia đình tôi? Làm thế nào gặp được cha mẹ tôi?

Bà già nói tiếp:

– Thế mày là đứa con nhà giàu mà Bảo Liên định tìm để đưa về cho cha mẹ mày à?

Tôi tỉnh ngay lại, bám riết vào câu nói đó, tôi nói:

– Bà biết rõ à?

– Ta biết những lời ông ta kể, ông Bảo Liên tội nghiệp ấy. Ông ta nói ông ta bắt được một đứa con bỏ đường đem về nuôi, bây giờ nhà mất con muốn chuộc lại. Ông ta về Ba Lê tìm đứa con ấy.

Tôi thở dồn như người hết hơi và hỏi:

– Thế còn gia đình? Gia đình tôi?

– A! Thế ra chính cậu là đứa con? A! Chính cậu? Chính là cậu?

Hỏi xong bà lung lay cái đầu, trở mắt nhìn vào mặt tôi. Nhưng tôi không để bà nhìn mãi, tôi hỏi:

– Thưa bà, xin bà kể hết cho cháu nghe. Nhưng tôi không biết gì hơn là những câu vừa kể lại cho cậu nghe, cậu ạ, cậu công tử ạ.

– Xin bà cho cháu biết tất cả những điều Bảo Liên đã nói, những điều dính dáng về gia đình cháu, thưa bà, bà hãy nhìn xem cháu rất cảm động, bối rối và lo buồn

Không trả lời tôi, bà lại vụt giơ tay lên trời, nói:

– Đây câu chuyện lạ quá!

Lúc đó có một người đàn bà ăn mặc như người ở vào chỗ tôi đang hỏi chuyện, bà già bỏ tôi, quay ra khoe với người đàn bà ấy rằng:

– Đây câu chuyện lạ quá! Cậu bé này, cậu công tử này, chị coi, chính là đứa con mà Bảo Liên nói chuyện hôm nọ. Đứa con tìm đến mà Bảo Liên đã đi đòi rồi! Có kỳ không?

Tôi nói:

– Bảo Liên có bao giờ nói đến gia đình tôi không? Thưa bà.

– Đến hơn hai mươi lần, hơn trăm lần rằng: gia đình ấy giàu nứt đổ đổ vách.

– Gia đình ấy ở đâu? Tên là gì?

– Ấy đó. Bảo Liên không bao giờ nói đến cả. Cậu có hiểu không? Ông ta giữ bí mật. Ông ta muốn hưởng một mình. Đó cũng là lẽ công bình. Nhưng ông ta cũng quý quái lắm.

Than ôi! Tôi có hiểu. Tôi hiểu lắm: Bảo Liên đã đem theo tất cả cái bí ẩn về nguyên ủy của tôi xuống suối vàng rồi!

Tôi đã đi gần tới đích rồi mà trật. Thôi rồi mộng đẹp! Thôi rồi hy vọng!

Tôi lại hỏi bà già:

– Bảo Liên còn kể chuyện với ai nhiều hơn bà nữa không?

336 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Bảo Liên không ngu mà nói với mọi người. Kể ông ta cũng hơi ác!

– Bà có thấy ai là người nhà tôi đến tìm Bảo Liên không?

– Không thấy ai cả.

– Chắc Bảo Liên cũng có bè bạn biết chuyện.

– Ông ta chẳng có bạn bè nào.

Tôi lấy hai bàn tay đỡ trán, nhưng nghĩ mãi không tìm thấy gì để tự hướng dẫn. Vả tôi xúc động quá, bối rối quá không sao nghĩ sâu rộng hơn được nữa.

Nghĩ ngợi một lúc lâu, bà già nói thêm:

– Có một lần ông ta nhận được một bức thư, bức thư bảo đảm.

– Ở đâu đến?

– Tôi không biết. Người phu trạm trao tay cho ông ta. Tôi không được nhìn con dấu. May ra người ta có thể tìm được lá thư đó.

– Khi được tin ông ta chết, tôi đã tìm khắp nhà xem ông ta có còn để lại gì không. Không phải là tờ mờ, nhưng là để báo tin cho vợ ông ta biết. Nhưng chẳng tìm thấy gì là di tích của ông ta cả. Ở Nhà Thương cũng không. Người ta tìm ở túi ông ta, cũng không thấy một giấy tờ gì. Nếu lúc vào ông ta không khai là ở Văn Ông, có lẽ người ta cũng không biết đâu mà báo tin cho vợ ông ta.

– Thế bà Bảo Liên tất nhiên được biết tin dữ đó?

– Ai biết được.

Tôi đứng ngẩn ra, chẳng nói được câu gì. Nói gì bây giờ? Hỏi gì bây giờ? Người ta đã nói hết cho tôi nghe những gì người ta biết. Người ta không biết hơn gì nữa. Vì Bảo Liên cốt giấu kia mà. Tôi cảm ơn bà chủ khách sạn rồi đi ra.

Bà già gọi giật tôi lại:

– Cậu định đi đâu bây giờ?

– Tìm người bạn tôi.

– A! cậu có một người bạn?

– Có chứ.

– Bạn cậu ở Ba Lê?

– Chúng tôi mới đến Ba Lê sáng nay.

– Nếu các cậu chưa có chỗ trọ, các cậu có thể ở đây được. Ở đây dễ chịu, tôi có thể khoe thế, đây là một nhà thật thà. Cậu nên nghỉ xa một chút. Nếu gia đình cậu đợi lâu không thấy tin tức Bảo Liên, tất nhiên phải lòng đến đây, chứ không đến chỗ khác. Lúc đó, cậu sẵn sàng ra tiếp đón gia đình cậu, thế có hay không? Nếu cậu đi, thì gia đình cậu biết đâu mà mò? Tôi nói thế là có lợi cho cậu, cậu nên nghĩ kỹ. Thế bạn cậu bao nhiêu tuổi?

– Bạn tôi kém tuổi tôi.

– Cậu hãy coi xem hai trẻ thơ đại ở đất Ba Lê này, có thể gặp nhiều người không tốt. Có những lũ quân chứa toàn những phường vô lại. Không được yên ổn như ở đây đâu, cậu nhìn ra phố thì biết.

Tôi cũng đồng ý là phố này yên tĩnh. Nhưng khách sạn Khang An là một quán bẩn thỉu và tồi tàn vào hạng nhất ở Ba Lê. Tuy nhiên, trong những ngày phiêu lưu của tôi, tôi còn trông thấy những quán trọ khổ hơn thế nhiều. Nhưng lời bà chủ khách sạn vừa nói nghe cũng xuôi tai. Bây giờ tôi chưa tìm thấy gia đình tôi, để được ở những khách sạn đẹp nhất ở trong các đại lộ hay ở những tòa lầu đài lộng lẫy nếu cha mẹ tôi cư trú ở Ba Lê, thì lúc này tôi cũng không nên tỏ ra con người khó tính. Nếu tôi định ở khách sạn Khang An này thì phải trả nhiều tiền, tôi phải nghĩ đến các khoản tiêu mới được. Anh Mã Tư thực là người lịch duyệt, anh đã khuyên tôi phải kiếm tiền từ Mộc Văn đến Ba Lê là phải. Nếu chúng tôi không có 17 phật lằng trong túi, thì chúng tôi bây giờ sẽ trở nên thế nào?

Tôi hỏi bà chủ:

- Bà cho thuê bao nhiêu tiền buồng một ngày?
- Mỗi ngày mười xu, không đắt chứ?

– Vậy chiều nay tôi và bạn tôi sẽ dọn đến.

– Nên đến sớm thì hơn. Đi khuya ở Ba Lê hay có chuyện bực mình.

Trước khi trở về đây, tôi phải đi đón Mã Tư ở chỗ đã hẹn. Vì còn sớm nhiều, tôi không biết làm gì, nên tôi thần thờ ra vườn Bách Thảo, đi tản bộ chán, tôi ngồi nghỉ trên chiếc ghế dài. Chân tôi đau nhừ, óc tôi như dại. Tôi vừa bị rớt xuống thành linh, bất ngờ và thật lực. Vậy ra tôi phải chịu tất cô những tai biến, hết nạn nọ đến nạn kia và mỗi lần tôi giơ tay ra để bám víu, cái cành mà tôi vớ được lại gãy cắc dưới tay tôi làm cho tôi ngã xuống, và cứ bám cứ ngã luôn luôn như thế. Trong lúc mà tôi cần đến Bảo Liên, Bảo Liên vì mục đích làm tiền, cố ý giấu tên người — có lẽ là cha tôi — đã ủy thác ông ta tìm tôi, cái chết đột nhiên của Bảo Liên phải chăng là một sự rủi ro tàn khốc cho tôi?

Mất cương lệ, ngồi một đầu ghế dưới bóng cây xanh, tôi đang nghĩ gần nghĩ xa, chợt có một ông và một bà lịch sự đến ngồi vào chiếc ghế đối diện với ghế của tôi. Một em bé kéo cái xe ngựa

con, lẻo đẻo đi sau. Người cha gọi con, em bé bỏ xe chạy lại, giơ hai cánh tay vào cha, người cha ôm lấy con hôn vào tóc rồi sẽ đẩy sang chỗ người mẹ. Người mẹ lại ôm lấy con và hôn đúng đám tóc người cha vừa hôn. Em bé cười như nắc nẻ, lấy bàn tay trắng mập vỗ vào má người cha và người mẹ một cách rất yêu đương.

Trước cảnh đó, trước cái sung sướng của hai cha mẹ và cái vui của đứa con, tôi thấy nguồn lệ trong lòng dâng lên và không cầm được nước mắt. Tôi chưa bao giờ được yêu dấu như thế. Chính bây giờ tôi đang hy vọng có ngày được yêu dấu như thế. Một ý nghĩ chợt nảy trong óc tôi. Tôi cầm đàn và đánh nhẹ nhàng một bài khiêu vũ cho em bé nhảy chơi. Người cha lại gần đưa cho tôi một đồng bạc trắng. Tôi từ chối một cách rất lễ phép. Tôi nói:

– Thưa ông, cháu không dám lấy. Xin ông cho cháu một dấu thương yêu cũng như ông vừa cho em bé xinh tươi kia, cháu rất sung sướng.

Ông lấy làm lạ, nhìn tôi và chưa kịp nói gì thì người coi vườn vừa đến. Mặc dầu ông khách

can thiệp, anh ta đuổi tôi ra khỏi vườn ngay nếu không tôi sẽ bị ngồi tù về tội đánh đàn kiếm tiền trong vườn Bách Thảo.

Tôi đeo đàn lên vai đi ra, thỉnh thoảng lại ngoảnh lại nhìn cha mẹ em bé, hai người cũng theo dõi tôi bằng con mắt thương hại. Lúc đó chưa đến giờ đón Mã Tư, tôi lượn quanh bên xem nước chảy.

Đêm đến. Đèn phố đã thấp sáng. Tôi về phía nhà thờ Đức-Bà hai ngọn tháp đen đen đâm lên trên nền trời đỏ tía của buổi hoàng hôn vừa tắt. Đằng sau Nhà Thờ có chiếc ghế dài, tôi liền chạy đến ngồi nghỉ vì hai chân đã mỏi rờ. Chưa bao giờ tôi thấy mệt và chán nản như thế. Lòng tôi buồn, cảnh vật chung quanh cũng tẻ ngắt. Ở giữa Kinh đô đầy ánh sáng, huyền ảo và tấp-nập thế mà tôi thấy chơ vơ, lạc lõng hơn là những nơi đồng rộng rừng sâu.

Những người qua lại trước mặt tôi thường ngoảnh lại nhìn tôi. Họ tò mò hay họ thương tôi, tôi cũng chẳng cần biết, vì chẳng ích lợi gì cho tôi.

Tôi chỉ có một thứ để giải buồn là ngồi đếm những tiếng đồng hồ đánh ở xung quanh tôi và tính còn bao nhiêu nữa sẽ được gặp Mã Tư. Nghĩ đến sắp được trông thấy đôi mắt trệu mền và nét mặt tươi cười của Mã Tư, thì lòng tôi phấn khởi hẳn lên, tình hữu ái của anh đã là nguồn an ủi của tôi vậy.

Gần bảy giờ, tôi vắng nghe có tiếng chó kêu, trông xa thấy một vật trắng trắng tiến lại chỗ tôi. Tôi chưa kịp phân biệt thì Lãnh Nhi ở đâu xỏ đến nhảy lên đầu gối tôi và liếm vào tay tôi. Tôi ôm chặt nó vào lòng và áp má lên đầu nó. Mã Tư chưa tới nơi đã gọi to:

– Thế nào?

– Bảo Liên chết rồi!

Anh liền chạy đến bên tôi. Bằng vài câu vắn tắt, tôi nhắc lại cho anh nghe những việc tôi đã làm và những điều tôi đã thu lượm được. Anh tái người, thất vọng. Tự nhiên tôi thấy êm ái trong lòng tôi cảm thấy dù anh có sợ gia đình tôi sẽ ngăn cách anh, nhưng lòng anh vẫn chân thành mong cho tôi tìm thấy cha mẹ tôi.

Bằng những lời êm ái và thân yêu, anh cố dỗ tôi và khuyên tôi chớ vội thất vọng. Anh nói:

– Nếu cha mẹ anh, nhờ Bảo Liên đợi lâu không thấy tin tức gì, tất phải tìm Bảo Liên. Đã tìm Bảo Liên thì thế nào cũng phải đến hỏi khách sạn Khang An. Chúng ta cứ đợi ở khách sạn đó, có chậm chỉ vài ngày thôi rồi cũng ra mối.

Ý kiến của anh cũng là ý kiến của bà lão tai điếc đầu lắc lư đã khuyên tôi. Nhưng những lời đó phát ra từ miệng, từ lòng Mã Tư làm cho tôi tin tưởng hơn. Phải đấy, chỉ chậm vài ngày thôi, có làm sao, mà tôi đã lo, đã nản như một đứa trẻ con. Tôi liền yên dạ. Tôi kể cho Mã Tư nghe về tin tức Phú Lợi. Anh reo lên:

– Còn ba tháng nữa à?

Rồi anh vừa hát vừa nhảy múa ngay giữa phố. Lát sau, anh bảo tôi:

– Gia đình người nọ khác hẳn gia đình người kia. Anh buồn vì mất liên lạc gia đình; tôi mừng vì không thấy gia đình.

– Một ông chủ không phải là gia đình, nhất là ông chú như Phú Lợi. Nếu anh mất tích Tuyết Nga, em anh, anh có nhảy hát không?

– Ô! Anh đừng nói thế.

– Tôi vẫn nghĩ đến gia đình anh.

– Tôi cũng thế.

Theo bờ sông, chúng tôi về phố Hốt Linh. Trong người tôi đã thư thái, nên tôi nhìn sông Xen đẹp thực: trăng tròn gieo xuống mặt nước những mây bạc, long lanh trên mặt nước như một tấm gương to lay động.

Khách sạn Khang An tuy là một nhà hàng thật thà nhưng không sạch sẽ và đủ tiện nghi. Người ta đã dành cho chúng tôi một căn phòng trên gác soi sáng bởi một đèn dầu lắm khói. Phòng hẹp thấp quá, đến nỗi cứ một người muốn đứng dậy thì người kia phải ngồi xuống giường. Không phải là thứ buồng này mà tôi mơ ước và những cái khăn trải giường bằng vải vàng nhem nhuốc kém xa những tấm khăn bọc mà mẹ nuôi tôi thường nói.

346 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Những miếng bánh mì và phở mát Ý người ta dọn cho chúng tôi ăn không phải là những món cao lương mà tôi tưởng tượng sẽ được thết Mã Tư.

Nhưng cũng được, tôi chưa mất hy vọng chỉ cần đợi một thời gian thôi. Nghĩ thế rồi tôi ngủ lúc nào không biết.

CHƯƠNG XXXIII

THĂM TÌM

Sáng hôm sau, tôi viết cho bà Bảo Liên một lá thư, báo những tin mà tôi đã biết. Công việc cũng không phải dễ cho tôi.

Nói thế nào cho bà biết cái chết của ông Bảo Liên? Bà vẫn yêu thương chồng lắm. Hai người đã ăn ở với nhau trong bao nhiêu năm trời. Nếu tôi không tỏ lòng thương tiếc, chia buồn cùng bà, bà sẽ khổ tâm.

Không biết dở hay, tôi cũng cố viết cho xong bức thư, tôi nhắc đi, nhắc lại nhiều lần là xin bà tin tưởng vào lòng quý mến thành thực của tôi. Tôi cũng báo tin cho bà biết nỗi lo buồn và lòng hy vọng hiện thời của tôi. Thực ra, chính về điểm này tôi nói nhiều và kỹ hơn hết. Cuối cùng tôi

dặn bà hãy có thư nào hỏi tin tức ông Bảo Liên thì bà báo ngay cho tôi biết và chuyển địa chỉ người viết thư ấy cho tôi ở khách sạn Khang An, Ba Lê.

Bốn phận này làm xong, tôi còn một bốn phận nữa là bốn phận đối với ông An Thanh. Khi từ biệt Lệ Hoa, tôi có hứa với cô khi về tới Ba Lê tôi sẽ vào thăm ngay cha cô, báo cho ông biết là gia đình tôi đang tìm tôi, nếu cha mẹ tôi giàu, tôi sẽ nói với cha mẹ tôi chuộc ông về và tôi sẽ vào đón ông ở khám ra. Đó là một mục đã ghi vào chương trình dự định trong lúc vui sướng, trước khi vào Ba Lê: Ông An Thanh trước tiên, rồi đến bà Bảo Liên, đến Lệ Hoa, đến Yến Chi, An Sinh và Bằng Mai, còn Mã Tư, người ta đái tôi thế nào thì cũng đái anh như thế, và anh sẽ sung sướng vì tôi được sung sướng. Nhưng bây giờ vào nhà lao với hai bàn tay không và thăm sông ông An Thanh cũng như ngày từ già ông không giúp ông được việc gì để trả ơn ông thì buồn biết là nhường nào?

May sao tôi có những tin tức các con ông đem đến cho ông và cả những cái hôn mà Lệ Hoa cùng An Sinh đã gửi, ông sẽ được vui sướng thì

tôi cũng bớt phàn nàn.

Mã Tư muốn xem nhà lao thế nào, cũng theo tôi đi. Tôi cũng muốn anh biết mặt người mà trong hơn hai năm trời đã coi tôi như con. Vì tôi đã biết thể thức để xin vào thăm ở nhà lao Kịch Chi, nên chúng tôi không phải đợi lâu ngoài cổng như lần đầu tôi đã xin vào.

Người ta cho chúng tôi vào phòng nói chuyện. Lát sau, ông An Thanh ra ngay và giơ hai tay đón tôi, Ông vừa hôn tôi, vừa nói:

– Con tốt quá! Lê Minh!

Tôi cho ông biết ngay tin tức của Lê Hoa và An Sinh. Sau tôi cắt nghĩa cho ông tại sao tôi không đi thăm Yến Chi ngay được, ông ngắt lời tôi và hỏi:

– Thế cha mẹ con?

– Ông cũng biết tin tức đó à?

Ông liền kể rằng cách đây mười lăm hôm, Bảo Liên có đến nhà giam này thăm ông.

Tôi nói:

– Ông ta chết rồi!

Theo lời ông An Thanh thì Bảo Liên sở dĩ tìm đến nhà lao là để hỏi tin tức tôi. Thoạt tiên, Bảo Liên tìm đến Phú Lợi ở Ba Lê, nhưng không thấy, phải về tại một nhà lao ở tỉnh xa mới được gặp ông ta, Phú Lợi cho Bảo Liên biết là ông Vỹ Tiên chết rồi và tôi được một người thợ trồng hoa tên là An Thanh nuôi. Bảo Liên lại trở về Ba Lê đến trại trồng hoa hỏi thì biết ông An Thanh đang ở nhà lao Kịch Chi.

Bảo Liên vào nhà lao tìm ông An Thanh. Ông An Thanh cho biết là tôi đang lang thang trong nước Pháp để diễn trò, vì thế không đích xác tôi ở tỉnh nào. Nhưng thế nào cũng có ngày tôi tạt vào thăm các con ông. Vì thế ông An Thanh đã viết thư cho tôi và gửi địa chỉ các con ông. Khi ở Mộc Văn tôi không nhận được, chắc là thư đến chậm.

Tôi hỏi:

– Bảo Liên có nói cho ông biết gia đình con thế nào không?

– Ông ta chỉ bảo rằng cha mẹ con dò hỏi sở cảnh sát ở Ba Lê biết con đã bị bỏ rơi ở Đại lộ Bảo Tương, và được một người thợ nề quê ở Văn Ông tên là Bảo Liên đem về nuôi. Cha mẹ con đến nhà ông ta tìm con nhưng không thấy. Cha mẹ con nhờ ông ta tìm giúp.

– Ông ta có nói tên cha mẹ con? Và có bảo cha mẹ con đâu không?

– Khi ta hỏi Bảo Liên câu ấy thì ông ta bảo sau này ông sẽ nói kỹ. Ta có ý căn vặn, ông không chịu nói, ta biết ông muốn giữ kín sợ cái lợi sẽ bị chia xẻ. Vì ta có chút công nuôi con, ông sợ ta nhận phần chẳng. Ta tức giận đuổi ông ta ra, từ đó không thấy ông ta trở lại nữa. Không ngờ ông ta lại chết thành linh như vậy. Thành ra, con tuy biết có cha có mẹ, chỉ vì lòng tham của Bảo Liên, mà không biết cha mẹ là ai và ở chỗ nào?

Tôi cắt nghĩa cho ông nghe: tôi còn đôi chút hy vọng. Ông cũng tin chắc như thế mà nói:

– Vì cha mẹ con đã biết Bảo Liên ở Văn Ông, vì Bảo Liên đã biết Phú Lợi và tìm được ta, rồi thế nào người ta cũng tìm thấy con ở khách sạn Khang An. Con cứ ở yên đó.

Những lời ông nói làm cho tôi yên trí và vui vẻ.

Xong tôi kể chuyện Lệ Hoa, An Sinh và chuyện tôi chết hụt trong mỏ cho ông nghe.

Ông nói:

– Thực là một nghề nguy hiểm! Thương hại cho An Sinh! Giá được trồng hoa tử la như xưa có phải sung sướng hơn không?

Tôi nói:

– Rồi cũng có ngày.

– Con ơi! Còn nhờ trời

Lưỡi tôi ngựa ngáy chỉ muốn nói luôn rằng cha mẹ tôi sẽ can thiệp để chuộc ông ra. Song tôi dẹp được ngay, biết rằng không nên khoe trước những việc hay mà mình định làm. Tôi đành nói

rằng ông cứ yên chí, mai kia ông sẽ được về sớm với các con ông.

Lúc tôi ra đường rồi, Mã Tư bảo tôi:

– Trong khi chờ đợi ngày tốt đẹp đó, bây giờ ta không nên bỏ phí thì giờ và phải làm để kiếm tiền.

– Nếu chúng ta dùng ít thì giờ để kiếm tiền từ Văn Ông đến Mộc Văn, từ Mộc Văn đến Ba Lê, thì chúng ta đã đến Ba Lê sớm hơn, may kịp gặp Bảo Liên.

– Phải đấy. Tôi cũng nghĩ thế anh không phải nói, tôi đã tự mắng tôi rất nhiều vì đã làm cho anh lỡ việc!

– Anh Mã Tư ơi! Tôi có trách anh đâu. Không có anh thì làm gì có con búp bê tặng Lệ Hoa, không có anh thì bây giờ chúng ta phải đói mà lê trên vỉa hè Ba Lê.

– Nếu anh cho ý kiến kiếm tiền của tôi hôm nọ là phải, thì bây giờ chúng ta thực hành, theo lời tôi vừa nói. Vả lại chúng ta không còn có nghề

gì hơn là đàn hát và diễn những bản trò có của chúng ta. Trong khi chờ đợi xe ngựa, chúng ta hãy cứ đi bằng chân đã, Ở Ba Lê như ở nhà tôi, tôi biết hết những chỗ tốt, dễ kiếm tiền,

Thực vậy, anh biết hết những công trường, những tư gia, những tiệm ăn, tiệm giải khát, là những nơi có nhiều quý khách giả. Tối đến trước khi đi ngủ, chúng tôi đếm tiền lại được mười bốn phật lạng. Lúc đó, tôi nằm và nghe lại câu nói của ông Vỹ Tiên: « Cửa cái cứ đến cho những người không cần tiền ».

Dễ kiếm tiền! chắc hẳn đó là một điểm hay báo cho ta biết mai một cha mẹ ta sẽ đến tìm, Tôi tin tưởng như thế nên sáng hôm sau tôi định ở nhà đợi tin, nhưng Mã Tư ép tôi phải ra phố hát và diễn trò, vì thế hôm đó lại được mười một phật lạng.

Mã Tư mừng rỡ nói:

– Nếu ta không được hưởng giàu có của cha mẹ, ta tự làm giàu lấy; như thế chẳng hay lắm sao!

Ba ngày trôi qua như thế và không xảy ra sự gì mới lạ. Bà chủ tiệm vẫn cứ một câu ấy để trả lời chúng tôi:

– Không có ai đến hỏi Bảo Liên cả, cũng không có thư cho các cậu hoặc cho Bảo Liên.

Đến hôm thứ tư, bà ta đưa cho tôi một phong thư. Đó là thư của bà Bảo Liên trả lời tôi hay nói cho đúng là thư bà đã nhờ người ta viết cho tôi vì bà biết đọc và biết viết.

Bà nói bà đã nhận được tin buồn trước như tôi. Trước ngày chồng bà mất, bà có nhận được một bức thư của ông Bảo Liên, nay bà gửi cả lên cho tôi xem may ra có ích gì không vì trong đó có nói đến gia đình tôi.

Mã Tư kêu to:

– Nhanh lên! Nhanh lên! Chúng ta hãy xem thư của ông Bảo Liên trước.

Tôi vừa bóc vừa cảm động, tay run run, tôi đọc:

Gửi cho vợ tôi, bà Bảo Liên,

« Tôi hiện nay ở Nhà Thương, ốm quá không thể dậy được. Nếu tôi còn sức thì tôi nói rõ tại sao tôi bị bệnh, nhưng việc đó không ích gì, tôi cần nói đến những việc cấp bách, nghĩa là nếu tôi không qua khỏi, bà viết thư ngay cho Sở Greth and Galley, Green square Lincolns Inn tại Luân Đôn. Đây là những luật gia phụ trách việc tìm Lê Minh. Bà nói cho họ hiểu, chỉ có một mình bà là có thể cho họ biết đúng tin tức của đứa con, và bà cần đòi một số tiền xứng đáng. Số tiền đó bà sẽ dùng để an dưỡng tuổi già.

Muốn biết tin tức Lê Minh, bà cứ biên thư hỏi người thợ trồng hoa tên là An Thanh hiện ngồi tù nợ ở nhà lao Kịch Chi Ba Lê. Các thư từ nên nhờ linh mục giúp cho vì việc này không nên tiết lộ cho người ngoài biết.

Nếu chưa nhận được tin tôi chết thì đừng làm gì cả.

Tôi hôn bà lần cuối cùng.

BẢO LIÊN

Tôi chưa đọc hết chữ cuối của lá thư thì Mã Tư đã nhảy lên kêu:

– Đi Luân Đôn! Chúng ta phải đi Luân Đôn!

Tôi đang bị xúc động vì những lời trong thư, nên cứ nhìn Mã Tư và không hiểu anh nói gì.

Anh nói tiếp:

– Thư của Bảo Liên nói rằng những luật gia Anh phụ trách việc tìm anh, như vậy cha mẹ anh đích là người nước Anh rồi, phải không?

– Nhưng...

– Anh không thích là dân Anh?

– Tôi muốn là người Pháp, cùng một tổ quốc với Lệ Hoa và các con ông An Thanh.

– Còn tôi, tôi muốn anh là người nước Ý.

– Nếu tôi là người Anh, tôi sẽ đồng hương với An Tuyên và bà Mỹ Lưu.

– Còn phải « nếu » gì nữa? Chắc chắn anh là người nước Anh. Nếu cha mẹ anh là người Pháp,

thì không khi nào lại nhờ những luật gia Anh tìm ở đất Pháp một đứa trẻ lạc? Vì anh là người nước Anh, cho nên chúng ta phải sang Anh quốc. Đó là kế hay hơn hết để được gặp gia đình anh.

– Tôi viết thư cho những luật gia đó có được không?

– Để làm gì? Đến tận nơi mà nói có phải dễ hiểu hơn là thư không? Khi chúng ta mới đến Ba Lê, chúng ta chỉ còn có 17 phật lạng. Rồi chúng ta kiếm dần được 14, 11 và 9 phật lạng. Tổng cộng 51 phật lạng. Trừ các khoảng chi là 8 phật lạng, chúng ta còn 43 phật lạng, thừa đủ để sang Luân Đôn. Chúng ta sẽ đi Boulogne để xuống tàu thủy sang Luân Đôn, phí tổn không mất mấy đâu.

– Anh đã đi Luân Đôn bao giờ chưa?

– Tôi chưa đi bao giờ. Nhưng tôi có quen hai người bạn làm hề ở gánh xiếc Gát sô là người Anh. Họ thường nói chuyện với tôi về kinh thành Luân Đôn và dạy tôi một ít tiếng Anh để nói chuyện riêng với nhau không cho người vợ chủ rạp, tò mò như mặt vọ, biết chúng tôi nói

gì. Lắm khi chúng tôi tiếng Anh chế nhạo trước mặt mặt ta, không sợ mặt ta thù. Tôi sẽ đưa anh đi Luân Đôn.

– Tôi cũng biết ít tiếng Anh do ông Võ Tiên dạy tôi ngày xưa.

– Phải, nhưng đã ba năm nay, anh có thể quên rồi. Còn tôi, tôi vẫn nhớ, đấy rồi anh xem. Không phải tôi có thể giúp đỡ anh mà tôi cố theo anh sang Anh Quốc, còn một lý do nữa khiến tôi muốn sang Luân Đôn với anh, tôi xin nói thực.

– Lý do gì?

– Nếu cha mẹ anh tìm thấy anh, ở Ba Lê, anh, cha mẹ anh rất có thể từ chối không cho tôi theo về Anh. Còn như, một khi tôi đã ở đất Anh rồi, lúc đó chắc cha mẹ anh không nỡ bỏ tôi.

Ý tưởng đó của anh làm cho tôi chạnh lòng thay cho cha mẹ tôi. Nhưng nghĩ cho kỹ thì anh lo xa như vậy cũng không phải là vô lý. Tôi nghĩ nên đi Luân Đôn với Mã Tư. Tôi nói:

– Chúng ta đi đi!

– Anh bằng lòng chứ?

Trong hai phút, hành lý của chúng tôi đã sửa soạn xong, chúng tôi cùng nhau xuống gác. Bà chủ tiệm thấy chúng tôi sắp đi, liền nhún vai và kêu:

– Kìa công tử — tức là tôi — không đợi tin gia đình à? Nên ở lại thì hơn — Khi tìm đến, gia đình cậu sẽ mừng thấy cậu được săn sóc tử tế ở đây. Nhưng lời khéo nói đó cũng không làm chuyển lòng tôi. Sao khi trả xong tiền trọ, tôi bước ra định đến chỗ Mã Tư và Lãnh Nhi đang đợi tôi.

Bà chủ tiệm hỏi tôi:

– Còn địa chỉ?

Xét ra để địa chỉ có lợi, nên tôi ghi địa chỉ tôi vào cuốn sổ của bà.

Bà kêu:

– Đi Luân Đôn à? Hai trẻ con cùng nhau đi Luân Đôn? Xa xôi quá và phải qua biển?

Trước khi lên đường đi Boulogne, chúng tôi phải vào chào ông An Thanh. Cuộc tạm biệt không buồn. Ông An Thanh rất sung sướng được tin tôi sắp gặp gia đình. Tôi cũng vui vẻ hẹn ông rằng thế nào cha mẹ tôi và tôi cũng sẽ đến cảm ơn ông.

– Con ơi! Chúc con gặp nhiều may mắn. Nếu con không trở lại đây sớm được thì con viết thư cho ta.

– Thế nào con cũng đến.

Ngày hôm đó, chúng tôi đi một mạch đến Moisselles không nghỉ. Đêm đến, chúng tôi ngủ nhờ trong một cái trại vì phải dành tiền để đi tàu biển. Vừa đi đường, Mã Tư vừa dạy tôi tập nói tiếng Anh. Tôi rất băn khoăn không biết cha mẹ tôi có hiểu tiếng Pháp hay tiếng Ý không? Nếu cha mẹ tôi chỉ nói tiếng Anh thôi thì chúng tôi hiểu nhau làm sao được? Nếu tôi có anh, chị em thì tôi nói chuyện làm sao? Nếu tôi không thể nói chuyện được với anh chị em tôi khác nào tôi là một người ngoài! Nghĩ đến đó tôi lại buồn.

Khi nghĩ đến ngày trở về ngôi nhà của cha mẹ, từ lúc rời Văn Ông, tôi đã tưởng tượng một khung cảnh vui vẻ sum vầy, nhưng tôi không hề tính tới chỗ ngôn ngữ bất đồng nếu cha mẹ tôi không phải là người Pháp. Ở đời thường xảy ra nhiều sự oái oăm.

Từ Ba Lê đến Boulogne, chúng tôi phải đi mất 8 ngày, vì phải nghỉ lại ở những thành thị mà chúng tôi đi qua để hát và diễn trò,

Khi chúng tôi đến Boulogne, trong túi còn 32 phật lảng, thừa tiền để đi tàu.

Vì Mã Tư chưa trông thấy biển bao giờ nên chúng tôi dạo ngay ra bến chơi. Mã Tư nhìn đám sương mù trên mặt biển thăm thẳm mãi đến tận chân trời, anh tặc lưỡi và kêu là cảnh biển xấu quá và buồn quá.

Một cuộc tranh luận nổi lên giữa hai chúng tôi. Tôi vẫn thường nói đến biển, cho biển là một cảnh ngoạn mục nhất, tôi bảo thủ ý kiến đó.

Mã Tư nói:

– Anh nói rằng biển đẹp có lẽ là khi nào nó xanh như là ở Cette, còn ở đây nước toàn một màu vàng và lục, trên trời sắc xám, lại thêm nhiều đám mây đen, như thế sao gọi là đẹp được. Không những không đáng thưởng thức mà còn không buồn vượt qua nữa.

Mã Tư và tôi, chúng tôi thường đồng ý nhau, hoặc anh hoan nghênh ý kiến tôi, hoặc tôi biểu đồng tình với anh. Nhưng lần này tôi cố cãi và cho rằng màu nước biển lục lẫn sương mù và mây đen trông rất ngoạn mục, ngoạn mục hơn một biển xanh dưới bầu trời xanh.

Mã Tư nói:

– Anh nói như thế là vì anh là người Anh quốc, anh yêu cái biển xấu này nó là biển của xứ anh.

Tàu đi Luân Đôn sẽ rời bến hôm sau hồi bốn giờ sáng. Khoảng ba giờ rưỡi, chúng tôi đã xuống tàu và tìm chỗ ngồi ở cạnh đồng két hàng để tránh những ngọn gió bắc ẩm và lạnh. Dưới ánh sáng mấy ngọn đèn dầu tỏa khói, người ta

chuyển hàng xuống tàu: tiếng ròng rọc kêu kin kít, tiếng kết hàng va vào nhau lục đục ở dưới hầm tàu, tiếng thủy thủ gọi nhau ới ới, đồng thời, hơi nước phùn phụt đưa lên những làn khói trắng theo chiều gió cuốn đi. Chợt tiếng chuông leng keng. Tức thì dây buộc tàu bỏ xuống. Con tàu từ từ rời bến.

Chúng tôi khởi hành, khởi hành về quê hương tôi. Tôi thường nói chuyện với Mã Tư không gì thú bằng du hành trên thuyền. Người ta lướt nhẹ nhàng trên mặt nước không biết rằng mình đang đi, người ta thấy khoan khoái như sống trong cảnh thần tiên.

Đó là cái thú tôi từng được hưởng khi ở trong thuyền Thiên Nga trên sông Nam. Nhưng biển không giống sông. Khi chúng tôi rời khỏi bến một lúc thì con tàu hình như chúi xuống biển rồi lại nhô lên, xong lại chúi sâu và nhô cao hơn nữa, cứ rập rờn như thế đến bốn năm lần. Lúc đó hơi nước phụt ở ống khói ra kêu như xé rồi lại tắt ngay. Người ta chỉ còn nghe thấy tiếng bánh xe đập nước, khi bánh bên phải khi bánh bên trái tùy theo con tàu nghiêng ngả.

Mã Tư nói:

– Cuộc trượt tuyết đẹp quá!

Tôi không thể trả lời Mã Tư được vì tôi không hiểu sự lái tàu biển thế nào. Nhưng tàu lắc lư không cứ là do tay lái phải gối sóng mà còn do biển động nữa. Tôi hỏi:

– Anh sao thế?

– Tàu tròn trành quá, tôi lộn cả ruột gan.

– Đó là anh say sóng.

– Tôi cũng nghĩ thế,

Lát sau anh chạy ra bám chặt vào cạnh tàu. Khốn nạn cho Mã Tư, anh ốm rồi! Tôi liền ôm anh vào lòng, ép đầu anh vào ngực tôi nhưng anh cũng không đỡ. Anh rên rĩ, thỉnh thoảng anh lại vùng dậy, bước choạng vạng đến tỳ vào bao lơn. Lát sau anh lại lảo đảo trở vào, miệng lẩm bẩm.

– Cái biển này ác quá!

Trời đã sáng. Không có mặt trời. Một thứ ánh sáng nhợt chiếu xuống qua làn sương mờ. Trước mặt tôi xa xa đã trông thấy một dãy bờ đá trắng trắng hiện ra. Lác đác có mấy chiếc tàu không buồm đứng im không động đậy.

Tàu chúng tôi đã bớt trông chừng, đi nhanh hơn và lướt trên làn nước gần phẳng lặng như ở sông con. Chúng tôi không ở biển nữa. Hai bên xa xa những dải bờ xanh um lờ mờ trong đám sương mai: chúng tôi đã vào sông Ta Mi.

Tôi bảo Mã Tư:

– Tới nước Anh rồi!

Lãnh đạm với tin mừng đó, anh nằm sõng sượt trên sàn và đáp:

– Để cho tôi ngủ.

Tôi chịu sổng, không mệt nên không ngủ. Tôi đỡ anh nằm lại cho hẳn hoi rồi tôi trèo lên ngai trên đồng kết hàng cao nhất. Lãnh Nhi cũng theo lên nằm dưới chân tôi. Có lẽ nó đã cùng ông Vỹ Tiên đi biển quen và biết nhiều hơn chúng tôi.

Ngồi chỗ đó, tôi nhìn được khắp sông: hai bên bờ, phía trước và phía sau. Bên phải là một bãi cát rộng, bọt nước đọng ở ven chân thành một đường viền trắng trắng. Bên trái mờ mờ như mặt biển, nhưng không phải, một lát sau bờ sông xanh xanh hiện ra và tôi nhìn rõ bãi bùn.

Giữa sông, một « đội thuyền » bỏ neo đậu, hơi nước tỏa lên như những đám mây. Những chiếc tàu dặt ở phía sau thi nhau nhả những cuộn khói đen. Biết cơ man nào là tàu! Cơ man nào là buồm! Tôi chưa bao giờ tưởng tượng có một con sông lắm tàu đến thế. Sông Ga Ron đã làm cho tôi lạ mắt, sông Ta Mi lại làm cho tôi kinh dị hơn!

Nhiều tàu sửa soạn để nhổ neo. Người ta thấy những thủy thủ leo trong đám cột buồm bằng những thang dây trông xa như là những tơ nhện.

Tàu chúng tôi vẫn tiến, để lại phía sau một luồng bọt trắng trên mặt nước vàng, trong đó nổi bập bênh đủ thứ rác vụn: củi, gỗ, cành cây, xác loài vật trương phềnh, nút chai, vỏ ủa. Thỉnh thoảng có những con chim cánh lớn sà xuống

những tàn vật đó rồi bay lên, tiếng kêu oang oác, mỗ ngậm mỗ ngon.

Sao Mã Tư lại thích ngủ thế? Chẳng dậy mà xem một cảnh lạ mắt vô cùng. Tàu càng tiến, cảnh càng kỳ hơn và đẹp hơn. Đây là những tàu buồm, tàu chạy bằng hơi nước, những tàu lớn ba buồm, những khí thuyền khổng lồ vừa ở ngoại quốc về, những thuyền chứa than đen sì, những thuyền chở củ khô lù lù như những đồng rạ trôi trên mặt nước, những thùng tròn đủ các màu trắng, đen, đỏ nổi lênh bênh và xoay tròn trên mặt nước. Còn ở hai bên bờ, nhà cửa hiện ra rõ ràng, nhà nào cũng quét sơn diêm dúa; những đồng cỏ xanh, những chòm cây cao, những đầu tàu nhô ra đến bãi bùn, những cột sơn, những dấu hiệu về nước thủy triều.

Tôi đứng rất lâu, yên lặng ngắm nhìn. Chỗ này, trên hai bờ sông Ta Mi, nhà cửa san sát thành dãy dài đồ ối. Trời tối lại. Khói và sương mù hòa trộn với nhau. Chợt ở giữa những cây đồng, ở giữa những loài vật đang ăn trong ruộng cỏ một rừng cột buồm đâm lên tua tủa: tàu đi

trong cánh đồng! Không chịu nổi cái lạ đó, tôi nhảy xuống đánh thức Mã Tư dậy. Anh đã khỏi đau và không cúi nữa.

Tôi bảo anh cùng leo lên đồng kết xem tàu. Anh lóa cả mắt và đợi mãi để nhìn cho rõ. Thì ra ở trong cánh đồng đó những sông con đổ ra sông Ta Mi, những con sông đó cũng âm ập những tàu thuyền.

Sương mù và khói mỗi lúc thấy dày thêm. Thỉnh thoảng có chỗ hở mới nhìn được xa. Càng đi sâu vào, chúng tôi càng nhìn không rõ.

Sau cùng, con tàu chạy từ từ rồi máy tắt hẳn. Dây tàu quăng lên bến: chúng tôi đã đến Luân Đôn. Chúng tôi lên bến giữa đám đông người chòng chọc nhìn chúng tôi và không nói gì.

Bây giờ là lúc Mã Tư phải dùng đến tiếng Anh đây. Anh không ngần ngại gì, mũ cầm tay đến gần một ông râu đỏ lễ phép hỏi đường đến Thanh Viên (Green square).

Thấy anh cắt nghĩa mãi cho ông kia nghe và ông kia bảo anh nói lại một vài tiếng, tôi giữ vẻ tự

nhien, không để ý đến sự lúng túng của anh. Lát sau anh trở lại.

Anh nói:

– Dễ lắm, ta cứ đi dọc bờ sông, theo bến tàu thì đến nơi. Nhưng ở Luân Đôn không có bến – nói hồi tôi qua đó – nhà cửa làm ra sát bờ sông. Chúng tôi đi theo những phố ven bờ sông,

Những phố đó tối tăm và lầy lội. Trên đường xe cộ đã đông lại thêm những kết, những bao, những kiện hàng để ngôn ngang làm cho chúng tôi khó tìm lối để lên, mà đi mãi không hết.

Tôi vừa đi vừa cầm dây dắt Lanh Nhi, nó lon ton chạy theo. Mới có một giờ chiều mà các cửa hàng đều thấp đèn « gaz » sáng chói.

Chúng tôi cứ đi. Thỉnh thoảng Mã Tư lại dừng lại hỏi khách qua đường xem « Lincoln's Inn » còn xa hay gần. Rồi anh quay lại bảo chúng tôi cứ đi thẳng và phải qua một cửa cuốn chắn ngang. Tôi lấy làm lạ và nghĩ thầm có lẽ anh nghe nhầm.

Nhưng anh không nhầm. Chúng tôi tới một cửa cuốn rất cao cắt ngang đường cái, hai bên có hai cửa con: đó là Temple Bar. Chúng tôi lại hỏi đường, người ta bảo rẽ sang bên phải. Chúng tôi không ở trong một phố huyền ảo và tấp nập nữa. Chúng tôi vào những phố hẹp và vắng, ngang dọc như bàn cờ. Chúng tôi đi quanh co tưởng chừng như xoay tròn trong một mạng nhện.

Một lúc sau, chúng tôi đang lúng túng, chợt trông thấy phía trước có một nghĩa trang trong có rất nhiều mồ nấm, những phiến đá nổi lên đen sì như ám khói hay quét hắc ín: đó là Thanh Viên.

Một bóng người đi qua, Mã Tư chạy theo hỏi. Tôi đứng dừng lại để giữ cho tim tôi khỏi đập mạnh.

Tôi không thở được nữa và phải run lên. Rồi Mã Tư giục tôi đi. Chúng tôi đứng trước một biển đồng và đọc: Phòng Cố vấn Pháp luật « Greth and Calley ». Mã Tư lại gần và kéo chuông. Tôi vội giữ tay anh lại.

Mã Tư hỏi tôi:

– Anh đau hay sao? Trông anh xám người như thế?

– Đợi tôi một chút để tôi trấn tĩnh lại.

Anh kéo chuông và chúng tôi được vào. Lúc đó tôi bối rối quá, không nhìn rõ xung quanh tôi. Hình như chúng tôi đang ở một văn phòng, có hai hay ba người cúi xuống bàn và đang viết dưới ánh sáng những ngọn đèn gaz vừa cháy vừa reo vo vo.

Mã Tư đến cạnh một người ngồi bàn đó và hỏi thay tôi. Trong câu anh hỏi, tôi nghe thấy lộn đi lộn lại mãi những tiếng family, boy, Barberin, tôi hiểu anh muốn nói tôi là đứa con mà gia đình tôi đã nhờ ông Bảo Liên đi tìm. Tên Bảo Liên nói lên như có hiệu quả ngay. Người ta nhìn tôi. Rồi người vừa tiếp Mã Tư đứng dậy mở cửa đưa chúng tôi sang phòng bên cạnh. Phòng này xếp toàn những sách và các tập giấy cao. Một ông chững chạc ngồi ở bàn giấy. Một ông nữa vận áo đen đội tóc giả, tay cầm nhiều cái túi xanh đang nói chuyện với ông kia.

Người dẫn chúng tôi vào giới thiệu bằng mấy câu vắn tắt. Lúc đó, cả hai ông nhìn chúng tôi suốt từ đầu xuống chân.

Ông ngồi giữa bàn giấy hỏi tôi bằng tiếng Pháp:

– Trong hai người, ai là đứa con được Bảo Liên nuôi?

Nghe câu hỏi tiếng Pháp, tôi vững dạ và tiến lại nói:

– Thưa ông tôi.

– Bảo Liên đâu?

– Ông ta chết rồi!

Hai ông đều đưa mắt nhìn nhau, không nói gì. Rồi ông mặc áo đen xách chùm túi ra.

Ông hỏi tôi lúc đầu, lại hỏi thêm:

– Các em đến đây bằng cách gì?

– Chúng tôi đi bộ đến bến Boulogne. Từ Boulogne sang Luân Đôn đi đường biển. Chúng tôi vừa ở dưới tàu lên.

– Bảo Liên đã cho các em tiền lộ phí đấy chứ?

– Chúng tôi không gặp mặt Bảo Liên.

– Thế tại sao các em biết đây mà đến?

Tôi liền kể lại chuyện về Ba Lê cho ông ta nghe. Rồi hết sức nói vắn tắt có mau cho xong để hỏi tin tức gia đình tôi. Nhưng tôi không có thì giờ.

Ông ta bắt tôi kể lại từ đầu. Tôi được Bảo Liên đem về nuôi thế nào, tôi bị bán cho ông Vỹ Tiên thế nào, rồi Vỹ Tiên mất, tôi được gia đình ông An Thanh nuôi làm sao, và sau khi ông An Thanh bị tù nợ tôi lại trở về nghề cũ như thế nào. Tôi kể đến đâu thì ông ta biên vào sổ đến đấy, và ông ta cứ cau mặt nhìn tôi làm tôi khó chịu quá. Mặt ông ta trông khắc nghiệt và cái cười có vẻ giả dối.

Nghe tôi nói xong ông ta cảm quản bút chĩa

chiếc ngòi nhọn về phía Mã Tư như muốn phóng một mũi tên và hỏi tôi.

– Em này là thế nào?

– Một người bạn bạn thân, một người em trai.

– Tốt lắm. Gặp nhau ở dọc đường phải không?

– Nhưng rất yêu thương nhau.

– Tôi không nghi ngờ điều đó.

Bây giờ đến lượt tôi hỏi ông ta, vì từ nãy đến giờ ông ta cứ áp chế tôi.

– Thưa ông, gia đình tôi ở nước Anh?

– Hửn thế, gia đình em hiện ở Luân Đôn.

– Tôi có thể thăm gia đình tôi?

– Trong giây lát, em sẽ gặp gia đình. Tôi sai người đưa em đến.

Ông ta bấm chuông gọi.

– Thưa ông, tôi xin hỏi ông một câu nữa, tôi còn cha chứ? Không những còn cha, có cả mẹ, có cả em trai, em gái.

A! Tôi cảm xúc quá, không nói lên được. Bỗng cánh cửa mở, tôi nhìn Mã Tư, hai hàng nước mắt tôi cứ chảy ra.

Ông ta bảo người vừa vào bằng tiếng Anh, tôi đoán là ông ta sai đưa chúng tôi đi, Tôi đứng dậy.

Ông nói thêm:

– A! Tôi quên: Họ em là Điệp Công, cha em tên là Điệp Công Tích.

Mặc dầu trông ông ta khắc nghiệt, tôi muốn chạy đến hôn ông ta nếu có đủ thì giờ, nhưng ông ta chỉ tay ra cửa giục chúng tôi đi.

Chúng tôi liền đi ra.

CHƯƠNG XXXIV

GIA ĐÌNH ĐIỆP CÔNG

Viên thư ký Phòng Cố vấn Pháp luật đưa chúng tôi về nhà cha mẹ tôi là một ông già da mặt nhăn nheo, mặc áo đen bạc màu, đeo cà vạt trắng. Khi chúng tôi ra đường, ông ta xoa hai bàn tay vào nhau, bẻ những đốt ngón tay và cổ tay kêu lắc rắc và vung chân cho dẫn gân, mạnh quá như người muốn quẳng đôi giày vệt gót đi. Ông ta nghech mũi lên trời hít mạnh hơi sương nhiều lần, lấy làm khoan khoái như người mới ở trong nhà giam ra.

Mã Tư nói với tôi bằng tiếng Ý:

– Ông này hít hơi sương thấy thơm chẳng?

Ông ta nhìn chúng tôi, không nói gì. Ông ta kêu « sù! sù! » như giục những con chó săn phải đi liền chủ, kéo lạc.

Không mấy lúc chúng tôi đã đến một phố lớn đầy xe cộ. Ông ta gọi một cái xe ngựa. Chiếc xe này hơi lạ, là người đánh xe không ngồi ở trước xe mà ngồi ngất ngưỡng ở ngoài trời trên chiếc ghế cao sau mui xe. Mãi về sau này, tôi mới biết thứ xe ngựa đó gọi là xe « cáp »

Ông ta bảo chúng tôi lên xe. phía trước không có cửa, Qua cái lỗ sổ ở sau mui, ông ta nói chuyện với người đánh xe. Tôi nghe ông ta nói nhiều lần tên « Bethnal Green » (Thanh Lâm), tôi đoán là tên phố cha mẹ tôi ở. Tôi biết tiếng Anh «Green» nghĩa màu xanh lá cây, tôi tưởng tượng phố đó chắc có nhiều cây cao bóng cả, râm mát và xinh đẹp lắm.

Phố đó có lẽ không giống như những phố khổ ở Luân Đôn vừa tối vừa buồn mà chúng tôi đã đi qua khi mới đến. Nhà cha mẹ tôi có lẽ một tòa lâu đài trắng lộng lẫy trong một thành phố to, chung quanh có cây to.

Cuộc cãi cọ của viên thư ký đưa chúng tôi đi với người đánh xe diễn ra khá lâu. Khi người này so vai ghé ra cửa sổ để cắt nghĩa, khi người kia

muốn nhảy xuống ghế chui vào cửa sổ con để trả lời là mình không hiểu gì về điều người nọ hỏi.

Mã Tư và tôi ngồi chụm vào một góc, con Lãnh Nhi rúc dưới chân chúng tôi. Nghe hai người cãi nhau, tôi rất lấy làm lạ: một người đánh xe ở Luân Đôn lại không biết đến một nơi danh tiếng như Bethnal Green; có lẽ ở Luân Đôn có nhiều « khu phố xanh »? Cũng là một sự lạ vì cái Thanh Viên chúng ta vừa đi qua lúc đầu chẳng khác chỉ đám mồ hóng,

Chúng tôi đi qua các phố lớn rồi đến các phố hẹp rồi lại ra các phố lớn, nhưng chẳng nhìn thấy gì ở hai bên vì sương xuống dày quá. Khí trời bắt đầu lạnh. Chúng tôi thấy khó thở. Nói « chúng tôi » là trỏ Mã Tư và tôi, chứ còn ông thư ký hướng đạo chúng tôi trái lại nghe chừng khoái lắm, vì ông ta ngửa mũi, há miệng hít vào từng hít dài cái không khí đầy hơi nước đó như là muốn trữ rất nhiều trong buồng phổi lâu nay khô khát. Rồi thỉnh thoảng ông lại bẻ ngón tay răng, rắc và vươn dài đôi chân mỏi. Phải chăng đã nhiều năm ông bị câu thúc không được cử động và hô hấp.

Chỉ trong lát nữa hay vài giây nữa, tôi sẽ được gặp cha mẹ và các em tôi. Lòng tôi hồi hộp vô cùng, nhưng tôi cũng cố nhìn thành phố mà tôi đang đi qua vì đó chính là thành phố của tôi, quê hương của tôi.

Nhưng ngoài những ngọn đèn gaz bên đường phố le lói trong sương mù hay những đèn xe chập chờn trước mặt, chúng tôi không trông thấy hay chẳng nhìn thấy gì. Thỉnh thoảng chúng tôi dừng phắt lại để tránh những người qua đường không nhìn thấy xe chúng tôi.

Chúng tôi đi mãi, từ Phòng Cố Vấn Pháp Luật đến đây nghe chừng đã lâu rồi mà chưa tới nơi. Tôi đoán có lẽ gia đình tôi ở ngoại thành hoặc ở nhà quê và có lẽ chúng tôi sắp rời thành phố để ra miền thôn dã.

Mã Tư và tôi cầm tay nhau; nghĩ đến lúc sắp về đến nhà tôi, tôi tự nhiên siết chặt tay Mã Tư, như truyền cái tình thân ái sang anh, một mối tình không những nồng nàn trong lúc này mà còn thấm thiết mãi mãi. Nhưng đáng lẽ ra cánh

đồng, thì xe lại rẽ vào một ngõ hẻm và chúng tôi nghe thấy tiếng còi xe lửa.

Tôi nhờ Mã Tư hỏi ông dẫn đạo sắp đến nơi chưa thì câu trả lời đã làm cho tôi thất vọng: Ông thư ký bảo ông không rõ lắm vì ông chưa từng bước tới khu « ăn cắp » này. Chắc là Mã Tư nhầm vì không hiểu câu ông thư ký trả lời. Nhưng Mã Tư quả quyết rằng « thieves », tiếng Anh mà ông thư ký đã nói có nghĩa là « ăn cắp, ăn trộm », đúng thế không sai. Tôi buồn quá. Nhưng tôi tự nghĩ ông thư ký vào hẻm này sợ trộm cướp cũng phải, chứ tiếng « Green » (là xanh) ở sau tiếng « Bethnal » phải là phố có cây cối hoặc là nơi có đồng cỏ. Tôi liền đem ý đó nói cho Mã Tư nghe. Hai anh em cười rữ cho là ông thư ký nhất quá, Những người không bước chân ra ngoài thành phố thường ngốc!

Nhưng không có dấu hiệu gì báo là sắp ra cánh đồng. Vậy Anh Quốc chỉ là một thành phố lấm đá và lấm bùn mà người ta gọi là Luân Đôn à? Lớp bùn đó ngập bánh xe chúng tôi, bắn cả vào người ngồi trong xe từng mảnh lớn, đen sì.

Từ nãy đến giờ một mùi ngai ngái bao bọc chúng tôi. Đúng là một hẻm bẩn thỉu nhất, tồi tàn nhất mà chúng tôi phải đi qua để ra cánh đồng Bethnal Green. Bỗng nhiên thấy xe như quay tròn rồi thỉnh thoảng người đánh xe đi chậm lại và ngần ngại hình như không biết đây là chỗ nào. Tự nhiên xe dừng lại, lỗ số sau xe vạch ra.

Một cuộc nói chuyện hay đúng hơn, một cuộc đấu khẩu bắt đầu. Mã Tư thông ngôn cho tôi biết rằng người đánh xe không muốn đi xa hơn nữa vì hắn không biết lối. Hắn hỏi viên thư ký là phải đi lối nào viên thư ký cứ một mực nói là mình không hề đặt chân đến « ngõ ăn cắp » này. Tôi lại nghe thấy tiếng « thieves ». Chắc không phải là Bethnal Green. Hai người cứ cãi nhau qua lỗ số. Người đánh xe phát khùng mà viên thư ký cũng không kém nóng tiết. Lời đi tiếng lại cứ trao qua lỗ số.

Cuối cùng, viên thư ký trả tiền rồi xuống xe mặc người đánh xe lăm bắm. Một lần nữa, viên thư ký lại « Sùỵ! Sùỵ! » Hiểu ý, chúng tôi nhảy cả xuống.

Chúng tôi ở giữa một ngõ lộ lăm đầy sương mù. Gần đó có một cửa hàng sáng choang. Ngọn đèn gaz do những gương, những đồ sơn kim nhũ, những chai thủy tinh phản chiếu ánh sáng ra đến ngoài đường tới rãnh nước. Đó là một tiệm giải khát, ở đây người ta bán đủ thứ rượu nhất là rượu mạnh.

Viên thư ký « Sù! sù! », chúng tôi theo ông vào tiệm. Trước chúng tôi tưởng ngõ này là một ngõ khốn nạn. Chúng tôi đã nhầm. Chưa bao giờ, tôi thấy một hiệu lộng lẫy như thế. Chỗ nào cũng gương lóng lánh, có kim nhũ vàng ối, bàn bán hàng mạ bạc sáng loáng. Tuy nhiên những khách đứng ở trước bàn, người thì tựa vào tường, người thì tựa vào thùng rượu, đều ăn mặc rách rưới. Một vài người không đi giày, bàn chân họ đã lộ bùn trông đen bóng như những đôi giày mới quét xi chưa khô. Viên thư ký của chúng tôi đến cạnh bàn mạ bạc hỏi mua một cốc rượu thơm. Ông ta hít một hơi dài như kiểu ông ta vừa hít khí trời ban nãy. Ông ta nói chuyện với người đàn ông bán hàng mặc sơ mi cụt tay. Tôi không cần hỏi Mã Tư. cũng biết ngay là ông ta hỏi đường đi.

Ông ta trở ra. Chúng tôi lại theo chân ông ta. Ngõ này càng hẹp dần. Vì thế mặc dầu sương xanh như khói, chúng tôi nhìn rõ những nhà cửa ở hai bên lối đi. Trên đầu chúng tôi, có những sợi dây mắc ngang từ nhà nọ sang nhà kia, thỉnh thoảng lại trông thấy những quần áo cũ rách vắt trên các dây đó. Chúng tôi đi đâu bây giờ? Tôi bắt đầu buồn... chốc chốc Mã Tư lại nhìn tôi. Nhưng anh không hỏi gì.

Từ ngõ này, chúng tôi lại rẽ sang một ngõ khác, đi qua một cái sân rồi lại vào một ngõ nữa. Nhà cửa trông tồi tàn hơn là những nhà cửa ở những làng tồi tàn nhất nước Pháp. Nhiều nhà lụp xụp, đóng bằng ván gỗ trông như cái lều chõa xe hay cái chuồng ngựa. Nhưng chính là những nhà để ở, đàn bà và trẻ con lúc nhúc trên ngưỡng cửa.

Một vài nhà thấp đèn. Tôi nhìn thấy những đàn bà người nào cũng xanh xao, tóc rối xõa xuống vai, trẻ con đứa thì cởi trần, đứa thì đeo những đồ rách. Thỉnh thoảng lại trông thấy những con lợn thả rông đang chúi mõm trong rãnh nước tù, mùi xông lên rất khó chịu.

Ông dẫn đạo tự nhiên đứng dừng lại. Đích là ông lạc lối. May sao lúc đó có một người vận áo dạ xanh, đội mũ dạ, trên cổ tay áo đính lon đen và trắng, ngang lưng đeo bao da, đi đến phía chúng tôi: đó là cảnh sát,

Hai người nói chuyện, xong người cảnh sát đi trước, chúng tôi theo sau. Chúng tôi qua những ngõ, những sân, những hẻm quanh co như rắn lượn và nhìn đây đó có những nhà xiêu nát như sắp đổ. Sau cùng, chúng tôi đến một bãi đất, giữa có các ao con.

Người cảnh sát nói:

– « Red lion court ».

Tiếng này tôi đã nghe nói đến nhiều lần. Mã Tư bảo tôi:

– Bãi Hồng Sư (sư tử đỏ).

Sao lại dừng lại ở đây? Lẽ nào đã đến Bethnal Green? Lẽ nào cha mẹ tôi ở đây? Thế thì... Tôi đang mãi nghĩ, thấy người cảnh sát đến gõ cửa một căn nhà nhỏ vách gỗ giống như những nhà

để chứa đồ. Xong ông ta quay ra, nhận lời cảm ơn của ông dẫn đạo chúng tôi rồi đi. Phải chăng chúng tôi đã tới nơi?

Mã Tư vẫn cầm tay tôi. Anh liền nắm chặt bàn tay tôi, tôi cũng nắm chặt lại tay anh. Chúng tôi đã hiểu nhau. Cái buồn của tôi là cái buồn của anh.

Tôi bối rối không biết cánh cửa nhà đó đã mở ra lúc nào — Khi tôi vào căn phòng có đèn sáng và than cháy trong lò, tôi mới định thần lại. Trong chiếc ghế bành bằng mây kê ở cạnh lò sưởi, có một cụ già râu bạc, đầu đội mũ len che cả tai. Ở hai bên cạnh bàn, một người đàn ông và một người đàn bà ngồi đối diện nhau. Người đàn ông độ bốn mươi tuổi, mặc áo nhung xám nét mặt thông minh nhưng hơi dữ; người đàn bà trẻ hơn độ năm, sáu tuổi, tóc buông xuống chiếc khăn san kẻ ô đen và trắng buộc chung quanh vai. Gương mặt bà còn in lại những nét đẹp đã tàn. Vẻ lãnh đạm hiện ra trên đôi mắt lơ đãng và trong những cử chỉ ơ hờ ẻo lả. Trong phòng, bốn đứa trẻ hai trai và hai gái, tóc đều đỏ như màu

tóc của mẹ, người con trai lớn nhất trạc mười một, mười hai tuổi, người con gái út độ lên ba đang chập chững đi.

Vừa bước chân vào, hình ảnh trên đã thoáng in vào mắt tôi. Khi đó ông thư ký xì xồ bảo tôi.

Ông ta nói gì? Tôi không nghe rõ mà cũng không hiểu gì. Chỉ có tiếng « Điệp Công » đập vào tai tôi thôi. Mọi con mắt đều chĩa về phía Mã Tư và tôi, cả con mắt ông già ngồi không cử động ở ghế, Duy có đứa con gái út chú ý nhìn Lãnh Nhi.

Người đàn ông mặc áo nhung xám hỏi bằng tiếng Pháp:

– Trong hai người, ai là Lê Minh?

Tôi chạy lên và thưa:

– Con.

– Thế con lại hôn cha đi.

Trước kia, tôi nghĩ lúc gặp gia đình tôi, có lẽ tôi mừng nhảy vào cánh tay cha mẹ tôi. Nhưng

lúc này, tôi không thấy cái mừng đó. Tuy nhiên tôi vẫn tiến lại hôn cha tôi.

Xong cha tôi giới thiệu.

– Đây ông con, mẹ con, và các em con.

– Bắt tay ông con đi, bắt nhẹ chứ, ông con bị bệnh tê liệt đấy.

Bắt tay ông tôi xong, tôi lại bắt tay các em tôi. Tôi muốn bế em bé nhưng em mãi chơi với Lãnh Nhi, đẩy tôi ra.

Trong khi tôi đi trình diện từ người này đến người khác, tôi cảm thấy bức mình. Thế ra tôi không cảm thấy cái vui sum họp hay sao? Tôi có cha có mẹ, có em trai, em gái, có ông, tôi được đoàn viên mà lòng tôi thấy nhạt nhẽo. Tôi đã âm ỉ chờ đợi giờ phút này, tôi đã sung sướng điên người khi nghĩ đến lúc gặp gia đình yêu dấu, thế mà bây giờ tôi thần thờ, nhìn hết người nọ đến người kia, lòng tôi trống rỗng, không có một câu yêu thương gì để thổ lộ. Tôi là một con quái vật hay sao? Tôi không xứng đáng có một gia đình hay sao?

Nếu tôi tìm thấy cha mẹ tôi ở một tòa lâu đài tráng lệ, tôi có tỏ hết tình yêu thương nung nấu trong lòng tôi bấy lâu không? Mà bây giờ gặp gia đình ở dưới mái tranh nghèo nàn này, sao tôi lại không đem lòng yêu thương đó đối với cha mẹ tôi?

Ý nghĩ đó làm tôi xấu hổ. Tôi liền lại trước mẹ tôi, tôi quấn quít và hôn mẹ tôi để tỏ lòng hiếu nghĩa của đứa con rơi. Nhưng có lẽ mẹ tôi không nghĩ đến nỗi lòng của tôi, nên đáng lẽ hôn trả tôi, mẹ tôi lạnh lùng nhìn tôi rồi hơi nhún vai quay về phía cha tôi nói những tiếng gì tôi không hiểu, nhưng cha tôi phì cười lên. Vẻ lãnh đạm kia và cái cười nọ làm tôi tan nát tim gan.

Tôi đang buồn bã, chợt cha tôi chỉ vào Mã Tư và hỏi:

– Em này là thế nào?

Tôi cắt nghĩa cho cha tôi hay. Mã Tư không những là người bạn đối với tôi không khác chi tình ruột thịt mà tôi còn chịu ơn anh rất nhiều.

Cha tôi bảo:

390 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Tốt lắm. Em muốn về chơi với con ?

Tôi chưa kịp trả lời thì Mã Tư đã đáp:

– Thưa ông, đúng thế.

Cha tôi hỏi:

– Thế còn Bảo Liên? Sao ông ta không đến?

– Ông ấy chết rồi,

Tôi liền kể lại khi chúng tôi về Văn Ông thăm bà Bảo Liên, bà có cho biết là cha mẹ đang tìm tôi. Chúng tôi vội trở về Ba Lê để gặp ông Bảo Liên thì không may ông vừa mới mất.

Cha tôi liền dịch ra tiếng Anh cho mẹ tôi nghe. Mẹ tôi trả lời là « tốt », « hay lắm » vì tôi nghe nhiều lần có tiếng well và tiếng good mà tôi hiểu. Tại sao cái chết của Bảo Liên lại tốt và hay lắm: Tôi nghĩ mãi mà không tìm ra lý do.

Cha tôi hỏi tôi:

– Con không biết tiếng Anh à?

– Không. Con chỉ nói tiếng Pháp và biết tiếng Ý do một ông thầy diễn trò dạy con.

– Tên ông ta là Vỹ Tiên?

– Cha có biết...

– Bảo Liên có nhắc đến tên ông ấy khi ta sang Pháp tìm con. Chắc con lấy làm lạ sao trong 13 năm trời cha không tìm con, bỗng tự nhiên cha lại đi kiếm Bảo Liên?

– Thừa cha vâng, con thực lấy làm lạ.

– Con hãy lại ngồi gần lò sưởi, ta sẽ kể cho con nghe.

Cái đàn của tôi lúc mới vào tôi dựa ở chân vách. Bây giờ tôi tháo cái túi đeo ở vai tôi ra và đến ngồi chỗ cha tôi vừa chỉ.

Nhưng khi tôi vừa duỗi chân tôi ra gần lửa, ông tôi liền nhổ bọt về phía tôi và không nói gì, coi bộ như con mèo đang nổi giận. Tôi hiểu ngay là tôi đã chắn chỗ ông tôi, nên tôi rút chân lại. Cha tôi nói:

– Kệ ông già, ông ấy không thích người ta ngồi ở cạnh lò sưởi của ông ấy. Nhưng nếu con có rét, cứ việc sưởi. Không cần chú trọng đến ông ấy.

Tôi ngạc nhiên nghe thấy cách đối xử với một ông già đầu bạc thế. Tôi nghĩ trong nhà này, nếu có người được chú trọng thì chính là ông già ấy, người ta phải chú trọng trước nhất. Tôi liền co chân tôi vào dưới ghế tựa. Cha tôi kể tiếp:

– Con là đứa con đầu lòng của ta. Ta kết duyên với mẹ con được một năm thì con ra đời. Khi cha cưới mẹ con, có một người thiếu nữ vẫn muốn lấy ta liền đem lòng thù oán và coi mẹ con là một tình địch không đội trời chung. Khi con được sáu tháng, thiếu nữ độc ác đó liền bắt trộm con đem sang Pháp và bỏ con ở một phố thành Ba Lê. Cha sai người tìm kiếm con khắp nơi nhưng không thấy gì. Ta không sang đến Pháp vì biết đâu họ lại đem con đi xa thế. Cha đành ninh rằng thế là con biệt tích hay con đã chết rồi. Bỗng cách đây ba tháng, người đàn bà nói trên, bị bệnh trầm trọng lúc hấp hối mới thú sự thực. Cha sang ngay Pháp,

tìm đến sở cảnh sát khu phố con bị bỏ rơi. Ở đó người ta cho biết một người thợ nề ở Văn Ông ngày ấy đã rước con về nuôi. Cha đi luôn Văn Ông. Bảo Liên nói rằng đã cho con đi ở với ông Vỹ Tiên, một nghệ sĩ hát rong. Vì cha không thể ở lâu bên Pháp được nên đã đưa tiền và nhờ Bảo Liên đi tìm con. Khi nào thấy thì cứ giao dịch với phòng Cố Vấn Pháp Luật Greth and Galley cho tiện. Cha không để địa chỉ ở đây vì ta chỉ có mặt ở Luân Đôn trong mùa đông thôi. Các mùa khác cha đi buôn hàng rong ở các nơi trong nước Anh và ở xứ Tô Cách Lan nữa. Khi đó cả gia đình đều cùng đi với xe hàng. Con ơi! Thế là cha đã tìm thấy con và sau 13 năm lưu lạc, con đã được trở về với gia đình. Cha biết rằng con hẳn còn ngỡ ngàng, e sợ vì con lạ cả mọi người, con lại không nghe được tiếng cha mẹ nói và con cũng không nói cho cha mẹ hiểu được. Nhưng rồi cũng quen đi. Ta rất mong cho con chóng quen đi.

Phải lắm. Tôi sẽ quen đi. Cố nhiên tôi phải quen vì tôi ở trong gia đình tôi, những người tôi chung sống là cha mẹ, là các em tôi. Những cái tã đẹp đã không nói thực. Đó là tai hại cho bà Bảo

394 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Liên, cho Lệ Hoa, cho ông An Thanh cho tất cả những người đã cứu mang tôi. Tôi không thể thực hiện được những điều tôi mơ tưởng, vì những người lái buôn rong, nhất là những người ấy ở trong một căn nhà lụp xụp, thì làm gì có nhiều tiền. Nhưng về phần tôi, cái đó có hề gì. Miễn là tôi có một gia đình và theo cái sở ước ngây thơ của tôi thì tiền cũng không bằng người mẹ, Tình thương hơn là châu báu. Tôi không thiết tiền, tôi khao khát một tình mẫu tử.

Trong khi tôi chăm chú nghe cha tôi kể chuyện, người ta đã đặt bát đĩa lên bàn, giữa bày một miếng thịt bò bỏ lò to với những khoai khoai tây đặt chung quanh.

Cha tôi hỏi Mã Tư và tôi:

– Các con có đói không?

Mã Tư nhe răng để trả lời.

Cha tôi bảo:

– Ta vào bàn ăn đi!

Trước khi ăn, cha tôi đẩy ghế ông già lại sát cạnh bàn. Rồi cha tôi ngồi quay lưng vào lò sưởi, cầm dao thái thịt bò và tiếp chúng tôi mỗi người một khoanh thịt lớn với khoai tây nữa. Mặc dầu tôi không được nuôi nấng trong khuôn phép, hay nói cho đúng là không được giáo dục bao giờ, tôi cũng nhận thấy lạ khi các em tôi đều ăn bốc hoặc chấm ngón tay vào nước mắm rồi mút mà cha mẹ tôi có lẽ coi là thường nên không nói gì. Còn ông tôi, hai mắt chỉ để vào đĩa ăn, và một tay cứ luôn luôn đi lại từ đĩa đến miệng. Tay ông tôi run run, lỡ khi đánh rơi miếng gì thì các em tôi lại cười khúc khích.

Ăn xong, tôi tưởng còn được ngồi chơi chung quanh lò sưởi. Nhưng cha tôi bảo chúng tôi đi ngủ vì cha tôi còn bận đợi mấy người bạn. Rồi cha tôi xách một cái đèn đưa chúng tôi sang một căn nhà khác cạnh gian chúng tôi vừa ngồi ăn. Ở đó có hai cái xe ngựa lớn vẫn dùng để chở hàng. Cha tôi mở cửa xe, chúng tôi nhìn thấy cái giường hai tầng.

Cha tôi nói:

396 | Hector Malot

– Giường các con đây. Ngủ cho ngon giấc!

Đó là tất cả cuộc đón tiếp tôi về với gia đình,
gia đình Điệp Công.

CHƯƠNG XXXV

CHA MẸ PHẢI « TÔN THỜ »

Cha tôi đóng cửa xe lại, treo đèn ngoài hiên rồi ra. Chúng tôi chỉ còn có việc ngủ. Chúng tôi sửa soạn để ngủ ngay không nói chuyện với nhau như mọi tối và cũng không phô bày cảm tưởng về cái ngày đáng ghi nhớ đó.

Mã Tư chúc tôi:

– Anh Minh, ngủ cho khỏe!

Tôi chúc anh:

– Anh Mã Tư, ngủ ngon!

Mã Tư không buồn nói. Tôi cũng chẳng nói và rất thích anh im lặng.

Nhưng không nói chuyện không phải là buồn ngủ. Đèn ngoài hiên đã tắt, tôi không sao nhắm mắt được. Tôi trần trọc, trong cái giường hẹp, óc cứ nghĩ đến những chuyện vừa diễn ra. Trong lúc đó, Mã Tư nằm ở giường trên, cũng thấy trở mình luôn, anh cũng không ngủ được như tôi.

Tôi nói sẽ:

– Anh chưa ngủ à?

– Chưa.

– Anh mệt lắm không?

– Không. Cảm ơn anh. Tôi vẫn khỏe. Nhưng không hiểu sao mọi vật cứ quay trước mặt tôi như là tôi đi trên biển và cái xe cứ như lên xuống, gập ghềnh.

Có phải vì anh chóng mặt mà không ngủ được hay vì óc anh cũng nghĩ cùng một điều như tôi mà không chợp mắt được? Anh yêu tôi cũng như tôi yêu anh, hai người đồng thanh đồng khí, cho nên anh đã cảm thấy những điều đang xúc động trái tim tôi.

Cái ngủ không đến. Thời khắc cứ trôi. Một mối lo sợ bang khuâng tràn ngập tâm hồn tôi. Lo sợ gì? Tôi không biết, nhưng tôi vẫn thấy lo sợ. Không phải vì nằm ngủ trong cái xe này giữa một xóm tồi tàn mà tôi sợ. Trong đời du mục của tôi, đã bao lần tôi phải ngả lưng ở đầu đường xó chợ, có được cái giường, cái mái như lúc này đâu? Tôi được trú ở một nơi kín đáo tránh được mọi nguy hiểm, thế mà lòng tôi vẫn không yên. Tôi cố trấn tĩnh bao nhiêu thì lòng tôi lại càng bứt rứt bấy nhiêu!

Trầm lặng, đêm cứ đi. Tôi không biết là mấy giờ rồi vì chung quanh nghe không thấy một tiếng chuông đồng hồ.

Chợt tôi nghe thấy có tiếng « lịch bạch » ở cửa sau nhà xe. Cửa này thông ra một hẻm khác, rồi có mấy tiếng gõ đều đều, sau cùng một ánh sáng lọt vào trong xe chúng tôi nằm.

Tôi kinh ngạc, nhìn xung quanh. Con Lãnh Nhi nằm ở chân giường tôi chợt thức sủa lên mấy tiếng. Tôi nhìn kỹ thì cạnh giường chúng tôi có một cái cửa sổ ở thành xe, lúc vào không nhìn

thấy vì có bức màn che đi. Sợ Lãnh Nhi đánh thức cả nhà dậy, tôi liền lấy tay bưng miệng nó lại. Xong tôi nhìn ra ngoài.

Cha tôi đã vào nhà xe, nhẹ nhàng mở cửa sau cho hai người đàn ông, rồi đóng cửa lại rất êm. Hai người đó, người nào cũng vác trên vai một bao hàng to tướng.

Lúc đó, cha tôi giơ một ngón tay lên môi, tay kia cầm chiếc đèn ló chỉ vào xe chúng tôi nằm, ngụ ý bảo hai người kia đừng làm rầm, để yên cho chúng tôi ngủ.

Sự giữ gìn đó làm tôi cảm động. Tôi định bảo cha tôi cứ việc làm không cần bận tâm đến tôi vì tôi vẫn thức. Nhưng sợ nói to làm anh Mã Tư dậy, và có anh đang ngủ say, nên tôi lại thôi. Cha tôi đỡ bao hàng cho hai người kia để xuống đất. Rồi cha tôi đi ra. Lúc trở lại, có mẹ tôi theo sau, Khi cha tôi ra ngoài, hai người kia mở gói hàng ra, một gói đầy vải tấm, một gói chứa toàn mũ len, áo đan, quần đùi, bí tất, găng tay,

Tôi đoán là người lái này đem đến bán cho cha mẹ tôi.

Cha tôi cầm từng tấm vải, từng chiếc đồ, đưa ra gần đèn nhìn một lượt rồi trao cho mẹ tôi. Mẹ tôi cầm cái kéo con cắt những nhãn hiệu đi và bỏ vào túi. Việc cắt nhãn hiệu và việc bán hàng trong giờ khuya khoắt này làm cho tôi suy nghĩ.

Cha tôi vừa nhận hàng vừa nói chuyện với hai người lái. Nếu tôi biết tiếng Anh, tôi đã được rõ chuyện. Khi người ta không hiểu thì người ta hay nghe sai. Tuy vậy những tiếng « bóp » và « cảnh binh » nói đi nói lại nhiều lần, đã đập vào tai tôi.

Khi hàng hóa đã kiểm hết, cha mẹ tôi và hai người khách đều sang bên nhà. Căn phòng chúng tôi lại tối mò. Chắc chắn là mọi người sang đó để thanh toán tiền hàng.

Việc tôi vừa được coi là một việc rất thường, Tôi không muốn nghĩ những hình như có cái gì cứ bắt tôi phải nghĩ. Tại sao những người lái đó không đi lối sân Hồng Sư lại vào bằng cửa sau? Tại sao người ta lại nói nhỏ và nhắc đến cảnh binh như là sợ người ngoài trông thấy. Tại sao mẹ tôi cắt hết những nhãn dính ở món hàng.

Tôi nghĩ mãi không tìm được câu trả lời. Tôi đành xếp chuyện đó lại để ngủ, nhưng tôi không sao nhắm mắt được. Một lúc lâu, tôi lại thấy ánh sáng lọt vào xe chúng tôi. Tôi lại ngồi dậy nhìn ra qua khe màn cửa sổ. Lần trước tôi nhìn ra là xuất ư tự nhiên. Lần này không hiểu sao tôi cố nhìn. Tôi đã định tâm không nhìn rồi tôi lại nhìn; tôi đã nghĩ không nên biết thì hơn, thế mà tôi cứ muốn biết.

Lúc này chỉ có cha mẹ tôi thôi. Trong khi mẹ tôi gói các đồ thành hai bọc, thì cha tôi quét sạch một góc trong nhà xe. Khi rơm và cát đã dọn hết rồi, lộ ra một cái nắp hầm. Cha tôi mở ra, mẹ tôi soi đèn cho cha tôi đem hai bọc hàng xuống hầm, không rõ nông sâu thế nào. Xong cha tôi trèo lên, đẩy nắp lại và lấy chổi vun cát lại như cũ. Hai người lấy rơm rắc lên trên như chỗ rơm khác trong nhà, người ngoài khó biết đâu là nắp hầm. Rồi cha mẹ tôi yên lặng đi ra.

Khi cha mẹ tôi khép cửa lại, tôi nghe có tiếng động ở giường trên hình như anh Mã Tư vừa đặt đầu xuống gối. Anh đã trông thấy việc vừa diễn

ra? Tôi không dám hỏi anh. Tôi không mơ hồ nữa, bây giờ tôi đã rõ vì đâu tôi sợ hãi: từ chân lên đến đầu tôi toát ra một lớp mồ hôi lạnh ướt đầm.

Tôi cứ nằm thế mãi. Tiếng gà gáy trong xóm báo cho tôi biết trời gần sáng. Lúc đó tôi chớp mắt, dần dần chìm đắm trong giấc ngủ nặng nề, lộn xộn, đầy ác mộng.

Tiếng khóa động làm tôi thức dậy. Cửa xe mở ra. Tôi ngỡ là cha tôi đến đánh thức chúng tôi nên tôi nhắm mắt lại không muốn nhìn.

Mã Tư nói:

– Em anh vừa đến giải tỏa cho chúng ta. Nó ra rồi.

Chúng tôi đều trở dậy. Mã Tư không hỏi tôi đêm có ngủ được không. Mà tôi cũng chẳng hỏi gì anh, thỉnh thoảng anh nhìn tôi, tôi lại nhìn đi chỗ khác. Tôi sang nhà, không thấy cha mẹ tôi đâu cả. Chỉ thấy ông tôi ngồi trong chiếc ghế bành mây, tôi tưởng tượng như ông tôi vẫn ngồi yên đó từ tối qua đến nay. Em gái tôi là Á Ninh

đang lau bàn, em trai tôi là Á Lang đang quét nhà.

Tôi lại bắt tay các em tôi, nhưng hai người cứ tiếp tục làm không trả lời tôi.

Tôi tiến đến chỗ ông tôi, nhưng ông tôi không để cho tôi lại gần, cũng như chiều hôm qua ông tôi nhổ về phía tôi làm cho tôi tung hứng.

Tôi bảo Mã Tư:

– Anh hỏi giúp tôi xem sáng nay khoảng mấy giờ thì tôi được gặp cha mẹ tôi?

Mã Tư làm theo lời tôi. Ông tôi nghe thấy nói được tiếng Anh, liền dịu dịu. Mặt ông bớt hầm hầm và muốn trả lời.

Tôi hỏi:

– Ông tôi nói gì thế?

– Rằng cha anh đi đến tối mới về, mẹ anh còn ngủ và chúng ta có thể đi chơi được.

Thấy ông tôi nói nhiều mà anh thông ngôn ngắn quá, tôi hỏi:

– Ông tôi chỉ nói có thể thôi à?

Anh có vẻ bối rối và nói:

– Đoạn dưới không biết tôi hiểu có đúng không.

– Anh nhắc lại những câu anh hiểu.

– Hình như ông bảo nếu chúng mày ra phố gặp dịp « bỏ » thì đừng bỏ qua và ông nói thêm câu này tôi nghe rõ ràng:

– Nhớ lấy bài học của ta: « cần phải ăn bám vào những kẻ khờ dại ».

Có lẽ ông già đã đoán được những lời Mã Tư thuật lại cho tôi vì đến câu cuối cùng, ông dùng cái tay không bị tê liệt làm hiệu như « nhặt vật gì bỏ vào túi » và nháy nháy chúng tôi.

Tôi bảo Mã Tư:

– Chúng ta ra phố đi.

Chúng tôi ra bãi Hồng Sứ chơi, trong hai, ba tiếng đồng hồ, không dám đi xa sợ lạc. Ban

ngày nhìn rõ mới biết Thanh Lâm là một nơi rất ghê tởm. Chỗ nào cũng thấy nhà cửa tồi tàn, dân cư đói rách. Mã Tư và tôi đều nhận thấy nhưng chẳng ai nói câu gì.

Chúng tôi đi loanh quanh mãi, sau nhìn thấy góc sân nhà tôi, chúng tôi liền lộn về.

Mẹ tôi đã dậy. Từ cửa ngoài tôi nhìn thấy mẹ tôi đang gục đầu xuống bàn. Tôi tưởng mẹ tôi ốm nên vội chạy lại hôn mẹ tôi để thay câu hỏi, vì tôi không nói được với mẹ tôi.

Tôi ôm lấy mẹ tôi. Mẹ tôi ngẩng lên, lung lay cái đầu, nhìn tôi nhưng mắt không trông thấy gì. Lúc đó tôi ngửi thấy mùi rượu sặc sụa. Tôi lùi lại. Mẹ tôi lại gục đầu xuống hai cánh tay duỗi ở trên bàn.

Ông tôi nói:

– Say rượu đó.

Xong ông tôi nhìn tôi, cười ngạo và nói những tiếng gì nữa tôi không hiểu. Thoạt tiên tôi đứng trơ như người mất hồn, song tôi định thần

lại ngay và nhìn Mã Tư, thấy nước mắt anh chảy quanh. Tôi liền ra hiệu cho anh. Chúng tôi cùng nhau lại ra ngoài.

Chúng tôi đi sát vai nhau, tay cầm tay, không nói gì, cứ tiến bước mà không biết đi đâu. Thấy tôi đi mãi, Mã Tư hỏi tôi, giọng buồn rầu:

– Anh định đi đâu thế? Tôi không biết, đến chỗ nào đó để chúng ta nói chuyện. Tôi có câu chuyện muốn nói cùng anh, nhưng ở đây đông người quá không tiện.

Thực vậy, trong đời sống nay đây mai đó, khi ở sơn lâm, khi qua đồng ruộng, được đào luyện trong trường học của ông Vỹ Tiên, tôi đã thành thói quen không bao giờ nói những việc riêng của mình, nhất là những việc quan trọng, giữa làng hay giữa phố đông người vì có ai đến gần là tôi mất hết ý tưởng. Nay tôi có câu chuyện rất quan trọng nên phải tìm chỗ vắng.

Lúc đó, chúng tôi đang đi trong một phố rộng hơn hẻm nhà tôi. Đầu phố đó, tôi nhìn thấy bóng cây cao. Có lẽ là vùng quê. Chúng tôi rảo bước về phía đó. Đến nơi, không phải là miền quê, mà là

một khu vườn rộng mênh mông có những bồn cỏ xanh tươi và những chòm cây non, cành lá rườm rà. Được chỗ tha hồ nói chuyện.

Nói những gì, tôi đã định trước. Khi chúng tôi ngồi dưới khóm cây, xa hẳn mọi người, tôi liền nói:

– Anh Mã Tư ơi, anh vẫn biết là tôi yêu anh, phải không anh? Chắc anh cũng hiểu là vì tình bạn tôi rủ anh về nhà cha mẹ tôi. Hẳn anh không ngỡ vực lòng tôi nếu tôi yêu cầu gì anh?

Anh gượng cười và bảo tôi:

– Sao anh nói dở thế?

– Anh cười cho tôi khỏi buồn. Nhưng tôi có buồn cũng nguôi được vì không khóc với anh thì còn khóc với ai được?

Rồi tôi gục vào lòng anh nức nở khóc. Tôi cảm thấy tôi bơ vơ ở giữa xã hội bao la này. Sau cơn xúc động đó, tôi cố bình tĩnh lại; rủ anh Mã Tư đến vườn này không phải là cho anh thương tôi, mà chính là vì tôi thương anh.

Tôi bảo anh:

– Anh Mã Tư ơi! Anh phải đi đi. Anh nên trở về Pháp.

– Bỏ anh? Không bao giờ tôi bỏ anh!

– Tôi biết trước là anh không chịu. Anh quyết không bao giờ bỏ tôi. Tôi rất sung sướng, sung sướng lắm, xin anh chắc như thế, nhưng bây giờ tôi khuyên anh nên bỏ tôi, trở ngay về Pháp, về Ý hay bất cứ nơi nào miễn là đừng ở nước Anh này nữa.

– Thế anh, anh định đi đâu? Anh định chúng ta cùng đi nơi nào?

– Tôi á? Tôi phải ở lại đây, ở Luân Đôn này với gia đình tôi. Đó là bốn phận của tôi, phải không anh? Còn bao nhiêu tiền anh cầm lấy cả mà đi.

– Anh Minh ơi, anh đừng nói thế. Nếu có một người cần phải đi thì người ấy chính là anh, chứ không phải tôi.

– Tại sao?

410 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Vì rằng...

Anh không nói hết, tránh mắt tôi mà nhìn ra chỗ khác.

– Anh Mã Tư ơi! cứ nói thực, đừng giữ ý, đừng sợ. Đêm qua, anh không ngủ và anh đã trông thấy cả, phải không?

Anh nhìn xuống, nói giọng nghẹn ngào:

– Tôi không ngủ.

– Anh đã trông thấy gì?

– Tất cả.

– Và anh đã hiểu...

– Rằng những người lái đò đã bán những hàng mà họ không phải mua. Cha anh đã mắng họ sao không gọi cửa đằng trước mà lại gọi cửa đằng sau. Họ nói họ bị lũ « bớp » rình, « bớp » nghĩa là cảnh binh.

Tôi bảo anh:

– Vậy anh đã thấy rõ rằng anh phải đi.

Nếu tôi phải đi thì anh cũng phải đi. Vì có ích cả cho anh cũng như cho tôi. Khi tôi rủ anh về đây, theo lời bà Bảo Liên và theo mộng tưởng của tôi, tôi chắc gia đình tôi sẽ có thể cho hai chúng ta đi học được, nhưng việc đời lại không như thế, giấc mộng chỉ là giấc mộng, vì thế chúng ta phải chia tay nhau.

Không bao giờ!

– Anh hãy nghe tôi và hiểu lòng tôi. Anh đừng làm cho tôi khổ thêm. Thí dụ: khi qua Ba Lê, chúng ta gặp Phú Lợi, Phú Lợi bắt anh, tất anh cũng không muốn tôi ở với anh và tất anh cũng nói với tôi những lời như tôi vừa nói với anh, có phải thế không?

Anh không trả lời.

– Có phải thế không? Nói đi cho tôi biết có phải thế không?

Nghĩ một lúc rồi anh nói:

– Bây giờ đến lượt anh nghe tôi nói. Khi ở Văn Ông, anh bảo tôi gia đình anh đang tìm anh,

412 | Dịch giả: Hà Mai Anh

tin đó làm tôi buồn lắm. Đáng lẽ tôi phải sung sướng thấy anh sắp gặp cha gặp mẹ, trái lại tôi bức tức. Đáng lẽ tôi phải nghĩ đến cái vui, cái hạnh phúc của anh, trái lại tôi chỉ nghĩ đến tôi. Tôi tự bảo tôi rằng rồi đây anh sẽ có anh em, chị em mà anh em mà anh yêu cũng như yêu tôi, hơn tôi, những anh chị em sang trọng, có học thức, có giáo dục, những cậu, những cô bảnh bao cả, và tôi ghen. Đó là điều anh cần biết, đó là sự thật mà tôi cần thú ra để anh tha thứ cho tôi về những ý nghĩ đốn hèn đó.

– Ô! Anh Mã Tư!

– Anh hãy nói lên, nói lên rằng anh bỏ lỗi đó cho tôi.

– Xin hết lòng. Tôi thấy anh buồn quá, tôi không nghĩ đến điều đó nữa.

– Thế là anh xuân, mà tôi thì độc ác. Nhưng nếu anh hết lòng tha thứ cho tôi vì anh tốt, tôi, tôi không tha thứ cho tôi vì tôi không tốt bằng anh. Câu chuyện cũng chưa hết. Tôi còn nghĩ rằng: ta theo Lê Minh về Anh Quốc để chơi. Bao giờ hẳn

sung sướng, sung sướng quá không có thì giờ nghĩ đến ta nữa, ta sẽ rút lui, rút lui rất nhanh về làng Lạc Ca để hôn em Tuyết Nga của ta, Nhưng đáng lẽ được giàu có, sung sướng như lòng chúng ta mơ ước cho anh, bây giờ anh không giàu và anh chỉ là... nghĩa là không được như điều chúng ta đã mong tưởng. Thế thì tôi không thể đi được. Và không phải là Tuyết Nga, không phải là em gái tôi mà tôi phải hôn, chính là bạn tôi, bạn thân tôi, chính là anh ruột tôi, chính là Lê Minh mà tôi phải yêu dấu vậy.

Nói xong, anh kéo tay tôi và đem hết cả tình hữu ái trong lòng hôn tôi. Nước mắt tôi ràn rụa ra, không phải là thứ nước mắt nóng rát và cay đắng như những giọt lệ tuôn rơi ban nãy.

Nỗi cảm xúc của tôi lớn lao thực, nhưng tôi không bỏ ý kiến cũ của tôi, tôi nói:

– Anh phải đi, Anh phải về Pháp thăm Lê Hoa thăm ông An Thanh, bà Bảo Liên và tất cả bạn bè tôi, nói cho những người đó biết tại sao tôi không thể thực hiện được ý muốn và lời hứa của tôi. Anh cắt nghĩa giúp cho rằng cha mẹ

414 | Dịch giả: Hà Mai Anh

tôi không giàu như tôi đã quá tưởng tượng, tất nhiên các ân nhân của tôi cũng sẽ sẵn lòng lượng thứ cho tôi. Anh hiểu ý tôi, đấy chứ? Cha mẹ tôi không giàu, nói thế là đủ. Không giàu, cái đó cũng không phải là một điều đáng hổ thẹn.

– Không phải vì cha mẹ anh không giàu mà anh muốn tôi trở về Pháp: nếu chỉ có thế thì tôi không đi đâu cả.

– Anh Mã Tư ơi! Tôi xin anh, anh đừng làm tăng mối sầu của tôi vì nó đã lớn lao quá rồi.

– Ô! Không phải tôi muốn ép anh kể ra những điều mà anh cho là đáng xấu hổ. Tôi không tinh quái, không ranh mãnh. Nhưng, nếu tôi không hiểu những cái nó lọt vào đây (anh đập tay vào trán) thì ít ra tôi cũng cảm thấy những cái nó đập vào đây (anh để bàn tay vào trái tim) không phải vì cha mẹ anh nghèo mà anh giục tôi đi, không phải vì cha mẹ anh không nuôi nổi tôi mà anh muốn tôi dừng ở nữa, vì tôi không để phải ăn hại, tôi sẽ làm việc cho cha mẹ anh, chính vì... những cảnh mắt thấy đêm qua mà anh sợ cho tôi.

– Anh Mã Tư ơi! Xin anh đừng nói nữa.

– Anh sợ rồi đến phải làm việc cắt nhãn những hàng không phải mất tiền mua, phải không?

– Ô! Im đi! Mã Tư: Người bạn nhỏ của tôi ơi! Im đi!

Rồi tôi lấy hai bàn tay che mặt, lúc đó thẹn đỏ lên. Mã Tư nói tiếp:

– Nếu anh sợ cho tôi, tôi, tôi cũng sợ cho anh. Chính vì lẽ đó mà tôi đã bảo anh: chúng ta đi cả thôi, chúng ta trở về Pháp tìm bà Bảo Liên, Lệ Hoa và các bạn của anh.

– Không được, anh ạ. Cha mẹ tôi đối với anh không là gì vì không có liên hệ với nhau. Nhưng cha mẹ tôi những người đã đẻ tôi ra, tôi phải ở với gia đình tôi.

– Gia đình anh! Ông già tê liệt kia: ông anh! Người bàn bà phục xuống bàn: mẹ anh.

Tôi đứng phắt dậy. Bằng giọng sai khiến chứ không phải giọng nài xin, tôi thét:

– Mã Tư! Im miệng! Tôi cấm anh không được nói thế! Những người đó là ông tôi, là mẹ tôi, là những người tôi phải tôn thờ, phải yêu thương.

– Phải lắm, nếu thực là người của gia đình anh. Nhưng nếu các người đó không phải là ông anh, không phải là cha anh, không phải là mẹ anh thì anh cũng cứ tôn thờ, cũng cứ thương yêu à?

– Anh không nghe rõ chuyện cha tôi kể lại à?

– Chuyện đó có gì chứng minh là xác thực? Họ lạc một đứa con bằng tuổi anh. Họ đi tìm kiếm và họ đã thấy một đứa trẻ cùng tuổi với đứa con của họ. Có thể thôi.

– Anh phải biết đứa trẻ mà người ta bắt cóc đã bỏ ở phố Bảo Tương và chính phố Bảo Tương mà tôi đã được người ta tìm thấy ngay sau khi cha mẹ tôi thấy mất con.

– Tại sao hai đứa trẻ lại không có thể bị bỏ ở phố đó cùng một ngày được? Tại sao ông Cảnh sát Trưởng khu phố Bảo Tương lại không trở

nhằm cho Diệp Công về Văn Ông được? Những điều đó rất có thể xảy ra được.

– Vô lý.

– Phải, những câu tôi nói, những lời tôi cắt nghĩa có thể là vô lý, chính vì tôi nói và giải nghĩa vụng về, vì đầu óc tôi kém, giá một người khác trình bày khéo léo và rõ rệt hơn tôi, thì những việc trên lại thành hữu lý. Chính tôi vô lý. Có thể thôi.

– Không. Còn nữa. Anh cứ nói đi!

– Lại còn điều này. Anh có nhận ra rằng anh không giống cha hay mẹ anh tí nào không? Anh có thấy tóc anh không đỏ như tóc của «tất cả» — anh nghe rõ — «tất cả» các em trai, em gái anh không? Tại sao tóc anh lại không giống các trẻ đó? Lạ hơn nữa là: một gia đình nghèo túng như thế này lại dám bỏ ra bao nhiêu tiền để tìm ra một đứa con? Vì những lý do trên, theo ý tôi, anh không phải là con họ Diệp Công. Tôi biết tôi là một thằng xuẩn như người ta vẫn gọi tôi, đó là lỗi tại cái đầu tôi. Nhưng nhất định anh không

418 | Dịch giả: Hà Mai Anh

phải là con họ Diệp Công và anh không nên ở với gia đình ấy. Vạn nhất nếu anh cố tình ở lại thì tôi cùng ở lại với anh. Nhưng anh nên viết thư hỏi bà Bảo Liên cho chúng ta biết rõ những tấm tã của anh hồi đó thế nào. Khi chúng ta nhận được thư trong tay rồi, anh thử dò hỏi người mà anh gọi bằng cha bây giờ xem sao. Lúc đó ta sẽ nhìn được rõ hơn. Cho tới ngày đó, ta không nên tiết lộ gì. Dù sao tôi cũng ở luôn bên cạnh anh. Nếu phải làm việc, chúng ta cùng làm với nhau.

– Nhưng có ngày người ta đánh vào đầu Mã Tư thì sao?

– Cái đó không quan trọng! Những đòn người ta nhận thay bạn, vì bạn có đau bao giờ?

CHƯƠNG XXXVI

CON LÃNH NHI MẤT NẾT

Đến chập tối chúng tôi mới trở về bãi Hồng Sơn. Suốt ngày chúng tôi quanh quẩn ở công viên nói chuyện với nhau. Chúng tôi đã dùng một tấm bánh mì để thay bữa ăn trưa. Lúc đó, cha tôi đã về rồi và mẹ tôi cũng đã khỏi mệt. Cha và mẹ tôi chẳng ai kêu chúng tôi bỏ nhà đi chơi cả ngày. Mãi sau bữa chiều, cha tôi mới ngỏ ý muốn nói chuyện với hai chúng tôi. Cha tôi đưa chúng tôi đến chỗ lò sưởi. Ông tôi lại càu nhàu, quá bảo thủ phần lửa của mình thành ra đã man.

Cha tôi hỏi:

– Các con ở Pháp làm gì để kiếm ăn?

Tôi kể lại cách mưu sinh của chúng tôi ở Pháp.

– Như vậy các con có bao giờ lo chết đói không?

Mã Tư quả quyết đáp:

– Không bao giờ, không những chúng tôi đủ ăn mà còn có tiền mua được một con bò nữa.

Rồi đến lượt anh Mã Tư, anh kể chuyện mua bò.

Cha tôi bảo:

– A! Thế các con là tài tử cả. Thử diễn qua tài nghệ cho ta xem.

Tôi cầm lấy thụ cầm ra gảy một bài, bài đó không phải là bài Tình ca Ý.

Cha tôi nói:

– Tốt. Tốt lắm, còn Mã Tư biết nghề gì?

Mã Tư liền kéo một bài vĩ cầm và thổi một bài kèn. Các em trai, em gái tôi đứng vây lấy

chúng tôi trố mắt nhìn, nghe bài kèn lấy làm thú vị, vỗ tay khen.

– Còn Lãnh Nhi làm được trò gì? Chắc không phải là các con nuôi để chơi. Tất nó cũng có ít nhiều tài để sinh sống được?

Tôi hết sức khoe khoang tài nghệ của nó để đề cao giá trị nó và cũng để làm vẻ vang cho thầy tôi, ông Võ Tiên. Tôi bảo nó diễn một vài trò vui. Các em trai, em gái tôi lại được dịp reo cười vui thích,

Cha tôi nói:

– Con chó này, thực là một kho tiền!

Đáp lời khen đó, tôi khoe thêm rằng con Lãnh Nhi này rất thông minh dạy gì nó làm được ngay, cả đến những điều con chó khác chịu không sao học được mà nó vẫn làm được một cách dễ dàng.

Cha tôi dịch câu nói của tôi ra tiếng Anh. Và hình như nói thêm gì nữa, tôi không hiểu, những câu đó làm cho mọi người cười ồ lên: Mẹ tôi, các em trai, em gái tôi và cả ông tôi. Ông tôi cứ nháy

nháy mắt và nhắc đi nhắc lại nhiều lần: « fine dog», nghĩa là con chó đẹp. Nhưng con Lãnh Nhi không thấy đặc chí hơn.

Cha tôi nói tiếp:

– Nếu vậy thì ta định thế này. Nhưng trước hết Mã Tư cần phải cho biết có muốn ở lại nước Anh và bằng lòng ở đây với chúng ta không?

Mã Tư có tính giao hoạt mà anh vẫn không tưởng đến. Anh đáp:

– Tôi muốn ở với anh Minh và anh Minh đi đâu tôi cũng xin đi

Cha tôi hiểu sao được hàm súc trong câu nói của Mã Tư, nên tỏ ra rất mãn ý. Cha tôi nói:

– Nếu như vậy, ta lại trở ý định của ta. Nhà ta không giàu, chúng ta phải làm việc để kiếm ăn. Về mùa hè, chúng ta phải đi khắp nước Anh để đem hàng đến tận nơi cho những khách không có thì giờ đi mua. Nhưng về mùa đông, chúng ta không có mấy việc để làm. Vậy trong thời gian ta còn ở Luân Đôn, Lê Minh và Mã Tư có thể

đi đánh đàn trong các phố. Ta chắc kiếm ăn khá được vì gần đến ngày lễ Giáng-Sinh rồi. Nhưng ở đời này, không nên lãng phí, Lãnh Nhi sẽ đi với Á Lang và Á Niên để diễn trò.

Tôi vội kêu:

– Lãnh Nhi cần phải đi với con thì làm việc được. Con phải rời nó thì không tiện.

– Con cứ yên tâm. Nó sẽ học làm việc với Á Lang và Á Niên. Chia ra như thế, các con sẽ kiếm được nhiều tiền hơn.

– Nhưng con chắc chắn là nó không thể thành công được, mà rồi Mã Tư và con cũng kiếm sút đi. Đi với Lãnh Nhi, chúng con có thể thu được nhiều tiền hơn.

Cha tôi bảo:

– Nói thế là đủ. Khi ta bảo điều gì, điều đó phải được thi hành và ngay tức khắc. Đó là luật lệ của nhà này. Ta muốn rằng con phải tuân lời như các người khác.

Cãi sao được nữa. Tôi đành im lặng. Cái mộng sung sướng, tôi từng mơ tưởng cho tôi và cho Lãnh Nhi nay đành tiêu tan cả? Chúng tôi sắp phải chia rẽ nhau. Buồn cho Lãnh Nhi và buồn cho tôi biết bao! Chúng tôi về xe để ngủ. Đêm đó cửa xe không bị khóa nữa. Tôi vừa nằm xuống giường. Mã Tư ghé vào tai tôi nói nhỏ:

– Anh đã thấy chưa? Cái người mà anh gọi là cha, không những cần có « nhiều trẻ con » để làm việc, lại còn cần cả những con chó nữa. Bây giờ anh đã mở mắt ra rồi đấy chứ? Sáng mai, chúng ta phải viết thư cho bà Bảo Liên ngay đi.

Nhưng sáng hôm sau, tôi phải cắt nghĩa cho Lãnh Nhi. Tôi ôm nó vào lòng, áp má vào đầu nó, vuốt ve nó, bảo cho nó biết công việc bây giờ phải như thế và tôi mong nó chịu khó. Con chó đáng thương kia, nó nhìn tôi, nghe tôi rất chăm chú! Khi tôi trao dây cho Á Lang, tôi lại dặn dò một lần nữa, nó thông minh dễ bảo quá, nó buồn rầu lảng lạng theo hai anh em Á Lang không kháng cự gì. Còn Mã Tư và tôi, cha tôi muốn đích thân đưa chúng tôi đi đến những phố có thể kiếm được nhiều tiền, chúng tôi đi qua

khắp thành phố Luân Đôn để đến một khu phố phong phú nhất, có những dinh thự tráng lệ, những lâu đài nguy nga, những hoa viên thanh thú. Trong những phố đẹp, hè rộng đủ, không có những người rách rưới xanh xao, toàn những thiếu phụ xinh tươi, áo quần, rục rỡ, những xe ngựa sơn bóng như gương, những con ngựa đẹp và những người đánh xe to béo. Mãi đến tối mịt; chúng tôi mới về đến nhà, vì từ phố Went End đến xóm Hồng Sư xa quá, tôi mừng rỡ trông thấy Lãnh Nhi, lấm láp nhưng vui vẻ.

Tôi lấy rơm lau chùi cho nó, lấy chiếc áo da cừu quần cho nó rồi đặt nó vào giường tôi. Trong hai kẻ, nó và tôi, ai sung sướng hơn cả? Điều đó khó mà trả lời được.

Hơn hai tuần, chúng tôi cứ làm việc như thế, Sáng, Mã Tư và tôi, chúng tôi đi đánh đàn rong hết phố này đến phố khác, đến chiều lại về. Còn Lãnh Nhi thì theo Á Lang và Á Niên diễn trò. Nhưng một buổi tối kia cha tôi bảo anh em Á Lang phải ở nhà có việc, chúng tôi có thì đem Lãnh Nhi cùng đi được.

Chúng tôi sung sướng quá. Mã Tư và tôi bảo nhau phải cố kiếm nhiều tiền hơn mọi ngày để từ sau được đưa Lãnh Nhi đi mãi. Là việc tranh thủ lại con Lãnh Nhi, chúng tôi không hề tiếc công tiếc sức.

Sáng hôm sau, chúng tôi chải chuốt sạch sẽ cho Lãnh Nhi. Ăn sáng xong, chúng tôi lên đường tìm đến những phố có nhiều quý khách quan ăn tiêu rộng mà chúng tôi đã biết. Muốn thế, chúng tôi phải đi khắp thành phố Luân Đôn từ đông sang tây và qua những phố Old; phố Holborn và phố Oxford. Không may cho dự định của chúng tôi đã hai hôm nay sương mù không ngớt, bầu trời Luân Đôn bao phủ một lớp hơi nước nhuộm màu da cam. Trên các đường phố lừng lờ những đám khói xám làm cho khách đi đường dù chỉ cách nhau mấy bước cũng không nhìn rõ được. Người ta ít ra ngoài. Đứng sau cửa sổ, người ta nghe được tiếng đàn, tiếng hát nhưng người ta không nhìn thấy Lãnh Nhi. Người ta không nhìn thấy Lãnh Nhi làm sao mà ra tiền được? Bực quá, Mã Tư chửi cả sương, thứ sa mù khốn nạn đã ngăn trở mình, không ngờ trong lát nữa chính

tấm màn sương khó chịu đó rất có ích cho cả ba chúng tôi.

Chúng tôi đi nhanh, Lãnh Nhi theo sau. Thỉnh thoảng tôi gọi một tiếng để nó khỏi lạc, cho nó đi tự do như thế còn chắc chắn hơn là cầm dây.

Chúng tôi tới phố Holborn, ai cũng biết là một phố buôn bán sầm uất nhất Luân Đôn. Chợt tôi không thấy Lãnh Nhi theo chân tôi nữa. Nó đi đâu rồi? Thực là một sự hãn hữu.

Tôi liền đứng ở đầu một ngõ con để đợi. Tôi huýt sáo để gọi nó vì sương dày quá không trông xa được. Đợi mãi, tôi đã sinh buồn, sợ ai trộm bắt nó rồi, chợt Lãnh Nhi ở đâu sầm sầm chạy lại, miệng ngậm một đôi bút tất len và ve vẩy đuôi. Nó chồm lại, hai chân trước bá lấy tôi giờ đôi bút tất cho tôi và đợi được khen thưởng. Nó có vẻ đặc chí như một người vừa làm được công chuyện gì rất khó khăn. Tôi đứng trơ ra không hiểu gì, thỉnh lình Mã Tư giật phắt lấy đôi bút tất và cầm tay tôi kéo vào trong ngõ.

Anh bảo tôi:

– Chúng ta đi nhanh lên nhưng đừng chạy.

Một lúc lâu, anh mới bảo tôi tại sao chúng tôi phải tiến vào lối ấy.

Anh nói:

– Lúc này tôi cũng kinh ngạc như anh đang nghĩ đôi bít tất đó ở đâu ra, chợt có tiếng người đàn ông kêu: « có kẻ cắp, nó đâu rồi? » Kẻ cắp chính là Lãnh Nhi, anh có hiểu không? Nếu không có sương mù thì chúng ta đã bị bắt giam như những kẻ cắp rồi còn gì?

Tôi hiểu lắm. Tôi tức nghẹn lại, không nói lên được. Người ta đã luyện con Lãnh Nhi, con Lãnh Nhi ngay thẳng thành một con chó đi ăn cắp.

Tôi bảo anh Mã Tư:

– Chúng ta trở về đi. Buộc dây vào cổ nó mà dắt.

Mã Tư không nói câu gì hơn nữa. Chúng tôi

bước nhanh về xóm Hồng Sư. Đến nhà, cha mẹ và con cái đang mải gấp vải chung quanh bàn. Tôi ném đôi bít tất mới vào bàn. Á Lang và Á Niên cười âm lên.

Tôi nói:

– Đây là đôi bít tất mà con Lãnh Nhi vừa ăn cắp được, vì người ta đã dạy nó ăn cắp. Con tưởng dạy thế để chơi thôi.

Tôi nói giọng run run nhưng không kém phần cương quyết.

Cha tôi hỏi:

– Nếu dạy thế không phải để chơi thì mày làm gì? Nói cho ta nghe.

– Con sẽ lấy dây buộc vào cổ nó. Mặc dầu con thương nó, con quyết dìm nó xuống sông Ta Mi nếu nó còn làm thế. Con không muốn con Lãnh Nhi thành kẻ cắp và con cũng không muốn cả con là đứa ăn cắp. Nếu mai một việc đó xảy đến cho con, con quyết sẽ gieo mình xuống sông theo Lãnh Nhi ngay lập tức. Cha tôi trông thẳng

430 | Hector Malot

mặt tôi, giận dữ, trợn mắt nhìn để áp bức tôi. Tôi cũng giương mắt nhìn lại. Nét mặt cha tôi bỗng dịu dần. Cha tôi bảo:

– Con nói phải đấy, dạy thế để chơi thôi. Muốn cho việc đó không xảy ra nữa, từ nay cho Lãnh Nhi đi kèm với con.

CHƯƠNG XXXVII

NHỮNG CÁI TÃ ĐẸP NÓI SAI

Trước sự niềm nở làm thân của tôi, các em tôi Á Lang cũng như Á Niên đều ghét bỏ hằn thù. Tất cả những gì tôi làm cho chúng, chúng đều hắt hủi, coi tôi không phải là anh em với chúng. Sau việc Lãnh Nhi xảy ra, tình thế lại càng gay go giữa tôi và các em tôi. Tôi phải ra hiệu bằng hai nắm tay cho chúng biết — Vì tôi không diễn đạt được ý của tôi bằng tiếng Anh — rằng nếu chúng động vào con Lãnh Nhi, tôi quyết chống lại để trả thù.

Em trai bỏ tôi, tôi đành thân với các em gái vậy. Nhưng thái độ Á Ninh em gái lớn tôi, cũng chẳng khác gì thái độ của hai em trai tôi. Ngày nào Á Ninh cũng kiếm chuyện với tôi và khoa kiếm chuyện đó rất tài.

Các em trai ghét, em gái lại hất hủi, tôi chỉ còn em gái út tôi, em Cát, mới lên ba, còn nhỏ quá không biết về bè với các anh chị. Em Cát để cho tôi vuốt ve em. Trước hết vì tôi bảo Lãnh Nhi làm trò cho em xem, sau vì tôi thường đem kẹo và cam về cho em ăn. Những quà này, tôi không phải mua. Trong những buổi diễn trò của chúng tôi, nhiều em bé thích Lãnh Nhi mà trao cho. Buồn cười, khi các em đưa cam và bảo để « cho con chó » thực là vô nghĩa, nhưng tôi rất vui lòng và cảm ơn vì nhờ những thứ đó mà tôi được lòng em Cát.

Xem thế, nội gia đình tôi, cái gia đình mà tôi đã đặt bao nhiêu tình yêu thương vào đó khi bước chân xuống tàu sang Anh Quốc, chỉ có em bé tôi là cho tôi yêu mà thôi. Ông tôi không thôi hằm hằm và nhổ bọt về phía tôi mỗi khi tôi lại gần. Cha tôi chỉ săn sóc đến tôi vào những buổi chiều để thu số tiền mà chúng tôi kiếm được. Mẹ tôi thì đi vắng luôn. Á Lang, Á Niên và Á Ninh ghét tôi. Chỉ có em Cát là ưa tôi, nói cho đúng là ưa cái túi kẹo của tôi. Thực là chán ngán.

Mặc dầu trước kia, tôi gác bỏ những nghi vấn của Mã Tư, nhưng trong những lúc buồn, tôi lại tự nghĩ nếu tôi thật là con của gia đình này, người ta đã đối đãi với tôi một cách khác có đâu lại lãnh đạm như thế? Nào tôi đã làm để đến nỗi phải ghét bỏ, phải bạc đãi?

Mã Tư thấy tôi có bộ âu sầu, anh cũng thừa rõ nguyên nhân, liền vừa nói một mình vừa để bảo tôi:

– Nóng ruột quá, mãi không thấy bà Bảo Liên trả lời.

Muốn kiểm thư đó chúng tôi phải đến hỏi sở Bưu Điện vì thư gửi lối « lưu trí », chúng tôi phải đến mà nhận. Vì thế, ngày nào chúng tôi cũng phải về qua sở Bưu Điện hỏi chúng tôi đi lại mất bao nhiêu ngày vô ích. Sau cùng bức thư mong đợi đó đã đến tay. Sở Bưu Điện không phải là chỗ đọc thư, chúng tôi tìm đến một ngõ vắng, thời giờ đó làm nguôi bớt xúc động của tôi. Đến nơi, tôi mở thư của bà Bảo Liên, nghĩa là bức thư mà bà đã nhờ linh mục Văn Ông viết giúp:

– Lê Minh yêu quý của ta ơi!

Tiếp được thư con, ta rất lấy làm kinh ngạc và bức tức. Theo lời ông Bảo Liên ngày trước nói chuyện với ta sau khi thấy con ở phố Bảo Tường cũng như sau khi tiếp chuyện ông khách đến tìm con, thì ta tin rằng cha mẹ con phải là một gia đình khá giả, một gia đình phú quý.

Điều đó rất có thể tin được, căn cứ vào cách ăn mặc của con khi ông Bảo Liên ẵm con về làng Văn Ông. Những đồ mặc của con tỏ ra là những đồ mặc của một đứa con nhà giàu. Con có hỏi ta những đồ mặc và những tã bọc đó thế nào. Việc này rất dễ, vì ta còn giữ những vật đó hòng làm bằng chứng khi nào cần đến, mà theo ý ta, chắc cũng có ngày người ta đòi hỏi.

Nhưng trước hết, ta nói cho con biết ngay rằng con không có tã. Đôi khi ta có nói đến tã là do thói quen vì những trẻ sơ sinh vùng này đều quấn vải cả. Còn con, con không quấn bằng vải tã. Trái lại, con có quần áo tử tế. Đây là những thứ đã tìm thấy trên mình con ngày đó: một cái mũ bằng đăng ten rất đẹp ít khi ta được trông thấy, một cái

áo cụt tay bằng vải phim có đính ten ở cổ và ở hai tay, một cái áo lót bằng nỉ mỏng, một đôi bít tất dài bằng len trắng, một đôi giày trắng bằng sợi đan có những bông kết bằng lụa, một cái áo dài bằng nỉ mỏng và sau hết một cái áo khoác rộng có mũ trùm đầu, bằng cát-sơ-mia trắng, trong lót lụa, gấu có những đường thêu đẹp. Con không có khăn bọc đồ thuộc bộ đồ đó vì khi ở sở Cảnh Sát người ta đã thay khăn bọc đồ bằng một cái khăn vải thường.

Sau cùng, ta nói thêm rằng tất cả những vật đó không có dấu hiệu, những cái lót bằng nỉ và cái áo cụt tay của con chắc có dấu hiệu vì những chỗ vẫn thường để ghi dấu hiệu đều bị cắt đi. Như thế chứng tỏ rằng người ta đã chủ tâm làm mất di tích cho hết tìm tòi.

Lê Minh, con yêu quý của ta ơi! Đó là tất cả những điều mà ta biết. Khi nào con cần đến. Cứ viết thư cho ta, ta sẽ gửi tất cả cho con.

Con ơi! Con đừng buồn vì không thể cho ta những tặng phẩm mà con đã hứa! Con bò của con đã mua bằng tiền là môi hôi nước mắt của con,

quý giá hơn tất cả các thứ quà khác trên đời này.

Ta rất hoan hỉ báo tin con biết con bò quý đó vẫn khỏe mạnh, sữa vẫn nhiều, nhờ nó bây giờ ta dễ chịu. Mỗi khi nhìn đến nó, ta không khỏi nghĩ đến con, đến Mã Tư người bạn tốt của con.

Khi nào có dịp, con viết thư về cho ta, ta rất sung sướng nhận được tin tức con. Ta mong rằng những tin tức đó sẽ tốt lành. Một đứa trẻ thành thực, trung hậu đáng yêu như con lẽ nào lại không được sung sướng trong gia đình với cha, với mẹ, với các anh chị em; gia đình con lẽ nào lại không yêu thương con vì con đáng được thương yêu?

Thôi! Chào con, ta yêu dấu hôn con.

Người mẹ nuôi của con

Sương phụ BẢO LIÊN

Đoạn cuối thư làm cho tôi đau lòng. Bà Bảo Liên khốn nạn, bà đã thương tôi biết nhường nào! Vì bà yêu tôi nên bà tưởng tượng rằng tất cả mọi người ai cũng phải yêu tôi như bà.

Mã Tư nói:

– Bà Bảo Liên đáng kính, bà đã nhớ đến tôi. Nhưng rồi đây bà có quên tôi, tôi cũng không thể cảm ơn bà vì lá thư kia. Với sự mô tả đầy đủ đó, ông Điệp Công không thể mơ hồ về số quần áo ở mình anh khi người ta bắt trộm anh được nữa nhá!

– Cha tôi có khi quên chẳng?

– Anh đừng nói thế. Quên làm sao được những quần áo người ta đã mặc cho con hôm nó mất tích, vì phải nhớ cách ăn mặc thế nào thì mới hòng tìm được chứ?

– Hãy đợi từ nay cho đến hôm cha tôi trả lời Anh đừng đặt những giả thuyết nữa. Tôi van anh.

– Không phải tôi đặt giả thuyết. Đó là ý kiến của anh vì anh bảo cha anh có khi quên chẳng.

– Thôi, chúng ta đợi xem.

Hỏi lại cha tôi cách ăn mặc của tôi thế nào khi tôi bị bắt trộm thực là một việc khó khăn. Nếu tự nhiên, không có ẩn ý gì mà tôi hỏi một cách ngây thơ thế thì dễ lắm. Nhưng đằng này, tôi định tâm dò hỏi thì lại thấy chút chát và ngại ngại. May sao, một hôm trời mưa lạnh, chúng tôi về nhà sớm hơn ngày thường. Tôi hết sức lấy can đảm đưa câu chuyện về vấn đề thắt mắc trên đã từng làm cho tôi đau đớn.

Tôi mới thò ra mấy tiếng đầu, cha tôi đã nhìn mặt tôi, soi mói ở mắt tôi như những lần tôi nói câu gì phật ý cha tôi. Tôi cứ bình tĩnh nhìn cha tôi, tự nhiên như thường.

Tôi tưởng cha tôi sắp cáu tiết, tôi liếc mắt nhìn Mã Tư — lúc đó anh ngồi giả vờ như không để ý gì cả — có ý bảo cho anh biết là anh đã xúi dại tôi. Nhưng cha tôi không làm gì cả. Khí tức đã bốc hết rồi, cha tôi mỉm cười có vẻ thâm độc nhưng cũng là một nụ cười.

Cha tôi nói:

– Cái đã làm cho ta để tìm thấy con chính là

cách ăn mặc của con trong ngày con bị bắt trộm, một cái mũ vải viền đăng ten, một cái áo cụt tay cũng có đăng ten, một tấm lót và một cái áo dài bằng nỉ mỏng, một đôi bít tất len, một đôi giày đan, một cái áo choàng có mũ chùm đầu bằng cát-sơ-mia trắng gấu thêu. Ta hy vọng nhiều nhất vào những dấu hiệu Đ.P. ghi ở các vật đó, Đ.P. nghĩa là Điệp Công Phan, tên của con. Nhưng thiếu nữ bắt trộm con đã khôn khéo cắt mất hai chữ đó để mất lối tìm kiếm. Ta đã phải xuất trình giấy chứng thư « rửa tội » xin ở nhà thờ, người ta đã trả lại và hiện giờ ta còn giữ đây. Nói xong, cha tôi vui vẻ — cái vui vẻ bất thường — lục ở ngăn kéo và lấy một tờ giấy lớn có nhiều dấu đưa cho tôi xem.

Tôi cố can đảm nói:

- Nếu cha vui lòng, cha cho Mã Tư xem.
- Tốt lắm.

Mã Tư dịch câu được chẳng cho tôi nghe: tôi sinh ngày mồng 2 tháng Tám, là con trai ông Điệp Công Tích và bà Mạc Gia Lan, vợ ông.

Còn hỏi thêm gì nữa? Tuy nhiên, Mã Tư vẫn không chịu. Tối đến, khi chúng tôi vào xe ngủ, anh lại ghé vào tai tôi nói nhỏ như còn có điều gì bí mật nữa.

Anh nói:

– Tất cả những điều ta đã nghe đó, hay thực, nhưng chưa đủ giải thích cho ta tin rằng ông Điệp Công Tích và bà Mạc Gia Lan, vợ ông, giàu có thế nào mà may mắn cho con nào mũ đăng ten, nào áo cánh đăng ten áo dài thêu gấu, những người lái buôn rong không phú quý như thế được!

– Chính vì cha mẹ tôi là lái buôn rong nên những quần áo đó mới dễ kiếm và rẻ tiền.

Mã Tư thở dài và lắc đầu. Xong anh lại nói nhỏ vào tai tôi:

– Tôi còn một ý tưởng nữa nó cứ ám ảnh trong đầu tôi: anh không phải là con của quý ông Điệp Công, mà chính đứa con mà quý ông Điệp Công đã bắt trộm.

Tôi định cãi lại thì Mã Tư đã leo lên giường mất rồi. Nếu ở địa vị Mã Tư, có lẽ tôi cũng có nhiều tưởng tượng như anh, nhưng ở địa vị tôi, tôi không được phép tưởng tượng bừa bãi thế. Người đó là cha tôi. Còn đối với Mã Tư thì người đó là « quý ông Điệp Công » như anh vẫn thường nói. Mỗi khi ý tưởng tôi nghiêng về Mã Tư thì tôi lại cố nắm lại, nắm lại bằng một bàn tay cứng rắn.

Về quý ông Điệp Công, Mã Tư có thể tha hồ xét nghĩ.

Đối với Mã Tư quý ông Điệp Công chỉ là một người, anh không bắt buộc có bốn phận gì. Trái lại, tôi, đối với cha tôi, tôi phải kính trọng.

Trong trường hợp hiện thời của tôi, chắc hẳn cũng có sự gì uẩn khúc, nhưng tôi không được phép tự do nhận xét theo quan điểm của Mã Tư, Mã Tư có thể được hoài nghi. Còn tôi cấm chỉ mới phải. Vì thế mỗi khi Mã Tư ngỏ ý nghi ngờ cùng tôi, tôi có bốn phận bắt anh phải im.

Đó là việc tôi cố gắng. Nhưng Mã Tư có đầu óc của Mã Tư. Tôi không tài nào khuất phục nổi anh được.

Anh tức giận bảo tôi:

– Nếu không bằng lòng, anh cứ việc cộp vào đầu tôi đi. Nhưng anh hãy nghe tôi.

Vì thế tôi bắt buộc phải nghe những câu hỏi của anh.

– Tại sao Á Lang, Á Niên, Á Ninh và bé Cát, tóc đỏ cả mà tóc tôi lại không đỏ?

– Tại sao mọi người trong gia đình, trừ em Cát thơ đại ra, lại bạc đãi tôi như đối với một con chó ghẻ?

– Những người không giàu có gì lại may mặc cho con những quần áo có đăng ten, thế là thế nào?

Để trả lời những « tại sao? » và « thế nào? » của anh, tôi có những câu đáp rất hay, đồng thời cũng là những câu hỏi:

– Tại sao gia đình Điệp Công lại tìm tôi nếu tôi không phải là con họ?

– Tại sao vô có gia đình đó lại bỏ tiền ra cho Bảo Liên và phòng Cố Vấn Pháp Luật Greth and Galley?

Về hai điểm này, Mã Tư « trả lời » rằng anh chịu không « trả lời » được.

Tuy nhiên anh vẫn không chịu thua, anh nói:

– Tôi không trả lời được những câu hỏi của anh, không phải là tôi nằm trong những câu tôi đã hỏi mà chính anh cũng không trả lời được. Một người khác vào chỗ tôi, người đó có thể biết rõ tại sao quý ông Điệp Công cần tìm anh và đã bỏ tiền ra với mục đích gì. Còn tôi, tôi không, tìm ra được vì tôi không tinh khôn và vì tôi không biết gì là gì.

– Anh đừng nói thế. Trái lại, anh là một người rất tinh khôn.

– Nếu tôi tinh khôn, tôi đã cắt nghĩa ngay được những điều tôi cảm thấy mà không cắt

nghĩa được: Không, anh không phải là con ông Diệp công, anh không thể là con gia đình đó. Một ngày kia, thế nào chuyện đó cũng vỡ tung ra. Tôi tin chắc thế. Có điều bây giờ anh cứ khăng khăng không chịu mở mắt, thành ra anh làm chậm cái ngày giải thoát đó thôi. Tôi biết cái anh gọi là tinh thần gia tộc nó ràng buộc anh, nhưng anh đừng để nó làm mê muội anh.

– Nhưng anh bảo tôi làm gì bây giờ?

– Tôi bảo chúng ta trở về Pháp.

– Không được.

– Không được vì bốn phận bắt anh phải ở với gia đình. Nhưng nếu gia đình đó không phải là gia đình anh thì nó cũng cứ giữ được anh à?

Những câu bàn cãi về loại này không đi đến đâu cả, mà còn làm tăng mối buồn của tôi. Còn có cái gì ghê gớm hơn là cái ngờ, vì tôi đã sinh ngờ. Người cha đó phải chăng là cha tôi? Người mẹ đó phải chăng là mẹ tôi? Gia đình đó phải chăng là gia đình tôi?

Nỗi lòng nói ra càng đau. Tôi muốn ngồi yên một xó cho đỡ khổ não.

Khi tôi không có gia đình, tôi buồn tôi khóc, khi tôi đã có một gia đình rồi, ai biết rằng tôi buồn, tôi khóc hơn? Tìm đâu thấy tia sáng? Ai đem ánh sáng đến cho tôi? Bao giờ tôi mới biết sự thật? Trước những câu hỏi đó, tôi vô cùng thất vọng. Tôi tự nghĩ giá trong lúc đêm tối này, tôi có đập đầu vào tường chẳng nữa không sao mở được lối ra. Thế mà ngày nào tôi cũng phải nén lòng sầu thảm để đàn, để hát, để nhả mặt làm trò cười cho thiên hạ xem.

Những ngày chủ nhật là những ngày tốt cho tôi vì người ta không hát rong ở Luân Đôn trong những ngày nghỉ. Những hôm đó, tôi được tự do trầm lự, tự do đi chơi với Mã Tư và Lãnh Nhi. Thân hình tôi tiêu tụy trông không giống tôi về mấy tháng trước.

Một chủ nhật kia, khi tôi đang sửa soạn đi chơi với Mã Tư, cha tôi bảo có việc cần đến tôi, giữ tôi ở nhà và cho Mã Tư đi chơi một mình. Ông tôi ở nhà trên. Mẹ tôi đưa hai con gái đi chơi.

Các em trai tôi cũng ra phố cả. Ở nhà chỉ còn cha tôi và tôi.

Một giờ sau, có tiếng gõ cửa. Cha tôi chạy ra mở. Lúc trở vào, có một người đàn ông theo sau. Ông khách này không giống những bạn hàng ngày của cha tôi. Ông ta vào hạng người mà ở nước Anh thường gọi là thân sĩ, nghĩa là một nhân vật ăn mặc sang trọng, và dáng điệu cao quý. Ông khách độ năm mươi tuổi, nét mặt hơi mệt nhọc. Cái mà tôi nhận thấy trước nhất ở ông ta là cái cười nhếch đôi môi để lộ hai hàm răng trắng nhọn như răng gấu con. Cái đặc điểm đó làm cho người ta khi trông thấy phải tự hỏi: không biết có phải ông ta nhếch mép để cười không, hay là chực cắn?

Trong khi nói chuyện với cha tôi, thỉnh thoảng ông lại quay nhìn vào tôi. Nhưng khi gặp mặt tôi thì ông lại trông ra chỗ khác.

Nói chuyện bằng tiếng Anh một lúc, ông quay ra nói tiếng Pháp.

Ông nói rất thạo và nhanh. Ông trở vào tôi và hỏi cha tôi:

– Đây là đứa trẻ mà ông đã nói chuyện với tôi? Nó coi bộ khỏe mạnh đấy.

Cha tôi bảo tôi:

– Con trả lời đi.

Ông khách lại hỏi tôi:

– Em khỏe mạnh chứ?

– Em không bao giờ ốm chứ ?

– Thưa ông vâng. Một lần con bị phế viêm.

– A! A! Tại sao thế?

– Vì ngủ đêm trong mưa tuyết và gió lạnh. Thấy con chết rét, còn con bị sưng phổi.

– Đã lâu chưa?

– Ba năm nay.

– Từ đó, em có mắc lại chứng đó không?

– Không.

– Không mệt, không lử, không có mồ hôi đêm chứ?

– Không bao giờ có, con chỉ một khi nào đi nhiều, nhưng không vì thế mà ốm.

– Em chịu được một nhọc?

– Phải chịu.

Ông liền đứng dậy lại chỗ tôi, ông nắm cánh tay tôi, đặt tay trên tim tôi, rồi áp đầu vào lưng, vào ngực tôi, bảo tôi thở mạnh như người chạy nhiều. Ông cũng bảo tôi ho cho ông xem nữa. Khám xong, ông nhìn thẳng vào mặt tôi hồi lâu, ông mỉm cười, cái cười ghê sợ, tôi tưởng ông sắp cắn tôi.

Không hỏi tôi nữa, ông về chỗ, tiếp tục nói chuyện với cha tôi bằng tiếng Anh. Vài phút sau, hai người đưa nhau ra, không đi cửa trước mà bằng lối cửa sau nhà để xe.

Ngồi một mình, tôi nghĩ mãi không hiểu ông khách hỏi tôi thế để làm gì. Ông muốn dùng tôi làm người hầu chăng? Như vậy tôi sẽ phải xa Mã Tư và Lãnh Nhi. Không đời nào tôi chịu đi làm đầy tớ ai, không phải tôi sợ ông thân sĩ kia có vẻ

độc ác, nhưng nếu có người tử tế khác cần đến, tôi cũng không làm.

Một lúc sau, cha tôi trở về, bảo có việc bận phải đi và tôi có thích thì cứ đi chơi. Tôi không thích, nhưng ở nhà làm gì bây giờ. Đi chơi còn hơn là ở nhà ngồi buồn.

Nhân trời mưa, tôi vào xe tìm chiếc áo da cừu. Tôi giật mình thấy Mã Tư ở trong xe! Tôi định hỏi, anh lấy tay bịt mồm tôi lại và nói sẽ:

– Anh mở cửa sau, đi trước đi. Tôi sẽ yên lặng theo sau. Đừng để người ta biết tôi vẫn nằm trong xe.

Chúng tôi ra phố, đi một quãng xa rồi Mã Tư mới dám nói chuyện.

Anh nói:

– Anh có biết ban nãy ai đến nói chuyện với cha anh không? Ông Mỹ Giang, chú của An Tuyên bạn anh đấy.

Tôi sững người ra giữa phố. Anh cầm tay tôi dắt đi và nói tiếp.

– Vì tôi đi chơi một mình thấy phố buồn và ngày chủ nhật buồn quá, tôi lộn về và lên giường ngủ. Nhưng tôi không ngủ được. Chợt thấy cha anh và ông khách tự nhiên vào nhà để xe. Tôi không chú ý và nghe thoáng thấy ông thân sĩ nói rằng:

– Nó rắn chắc như đá. Sưng phổi, mười đứa khác phải chết, thế mà nó sống.

Biết là nói chuyện anh tôi liền chú ý, nhưng câu chuyện lại sang vấn đề khác. Cha anh bảo ông khách:

– Bệnh tình cháu ông thế nào?

– Khá, lần này có cơ thoát. Đã ba tháng nay, thầy thuốc đều chê cả. Mẹ nó đã hết lòng săn sóc và cứu được nó. Bà Mỹ Lưu thực là một người mẹ hy sinh vì con.

Anh coi: Nghe đến tên bà Mỹ Lưu, tôi giật mình và cố lảng tai.

Cha anh hỏi tiếp:

– Nếu cháu ông không việc gì thì mọi đề phòng của ông thành ra vô ích cả à?

Ông khách đáp:

– Trong lúc này thì thế, nhưng tôi không tin rằng An Tuyên sống. Nếu nó sống thì chẳng là một « phép màu » làm sao! Trong đời này không có « phép màu » nữa. Sau này nó chết, phải tránh mọi trở ngại để người độc nhất thừa kế phải là Mỹ Giang mới được.

Cha anh nói:

– Xin ông yên tâm. Việc đó tôi xin cam đoan giúp đỡ ông.

Thân sĩ nói:

– Tôi rất trông cậy vào ông.

Rồi ông ta nói thêm nhiều tiếng mà tôi không hiểu rõ, đại khái là:

– Hiện thời, ta phải xử trí khoản đó.

Thế rồi ông ta về.

Nghe xong câu chuyện, tôi chực chạy luôn về hỏi cha tôi cái địa chỉ của ông Mỹ Giang để viết thư hỏi thăm bà Mỹ Lưu và cậu An Tuyên. Nhưng tôi nghĩ ngay ra đó là một việc rất khờ dại. Tìm đến người đang mong cho cháu mình chết mà hỏi tin tức đứa cháu đó, có phải ngu không? Vả lại làm thế có phải là tự tố giác mình là người đã đi nghe trộm. không?

An Tuyên còn sống và đã bình phục! Hiện thời chỉ một tin đó cũng đủ làm cho tôi mừng lắm rồi.

CHƯƠNG XXXVIII

ĐÊM GIÁNG SINH

Ngày nào chúng tôi cũng chỉ nói đến chuyện cậu An Tuyên và bà Mỹ Lưu, đến chuyện ông Mỹ Giang. Cậu An Tuyên và bà mẹ cậu bây giờ đâu? Chúng tôi làm thế nào mà tìm thấy bà?

Cuộc đến thăm của ông Mỹ Giang đã gọi ra cho chúng tôi một ý nghĩ và gây thành một chương trình hành động mà kết quả có thể tin được là mỹ mãn: ông Mỹ Giang một lần đã để chân đến xóm Hồng Su, rất có thể ông lại đến lần thứ hai, thứ ba nữa: ông chả có việc giao dịch với cha tôi là gì? Thế rồi, khi ông trở ra, Mã Tư — ông không biết mặt — sẽ theo hút ông và biết được địa chỉ. Rồi chúng tôi dò hỏi người nhà và đây tớ tất nhiên sẽ biết được chỗ ở cậu An Tuyên.

Sao lại không biết được? Tôi tin chắc là phải thành công.

Cái chương trình tốt đẹp đó không những có lợi cho tôi là sẽ được gặp cậu An Tuyên, lại còn cái lợi hiện thời là làm cho tôi bớt phiền muộn.

Sau việc Lãnh Nhi xảy ra, sau ngày bà Bảo Liên trả lời, Mã Tư không thôi nhắc tôi: « Chúng ta phải trở về Pháp ». Đó là một điệp khúc mà tôi phải nghe luôn. Tôi cũng trả lại anh bằng một điệp khúc khác: « Tôi không thể bỏ gia đình tôi », chúng tôi không sao đồng ý nhau được, vì ai cũng cố giữ vững lập trường của mình:

– Anh phải đi!

– Tôi phải ở!

Nhưng từ khi câu đáp « tôi phải ở » có thêm túc từ « để tìm An Tuyên » thì Mã Tư không còn lý gì để cãi lại nữa. Anh không chống lại An Tuyên, vì nên hay đừng cho bà Mỹ Lưu biết âm mưu của em chống bà?

Muốn đợi Mỹ Giang mà chúng tôi cứ phải sáng đi tối về như lệ thường từ ngày đến Luân Đôn tới nay, thì bao giờ gặp được. May sao đã gần đến vụ nghỉ đàn hát ban ngày để đi trình diễn về đêm, nghĩa là đến vụ hòa nhạc về dịp lễ Giáng Sinh. Lúc đó, được ở nhà suốt ngày, chúng tôi sẽ thay phiên nhau tuần phòng thì thế nào cũng bắt gặp được chú cậu An Tuyên.

Một hôm Mã Tư bảo tôi:

– Anh có biết tôi mong mỏi được gặp bà Mỹ Lưu không?

– Tại sao?

Anh ngập ngừng hồi lâu rồi nói:

– Vì bà đã thương yêu anh lắm.

Rồi anh nói thêm:

– Và may ra bà có thể « làm cho anh tìm thấy cha mẹ thật » của anh.

– Mã Tư!

– Tôi không muốn nói ra nhưng không phải lỗi tại tôi vì không một phút nào là tôi không nghĩ rằng anh không phải là con gia đình Điệp Công. Anh hãy nhìn tất cả những người trong nhà đó rồi anh nhìn lại anh xem. Tôi không nói đến màu tóc nữa. Anh có cái « cử động của bàn tay » và « cái cười giả tạo » của ông anh không? Nếu tôi không phải là con cha tôi thì sao tôi lại không học mà biết thổi kèn, đánh vĩ cầm và biết dùng các thứ nhạc khí khác? Cha tôi là nhạc công; tôi cũng thành nhạc công. Đó là lẽ tất nhiên. Còn anh, tôi trông có dáng điệu thiên nhiên của một trang thân sĩ, anh tất « thành một thân sĩ khi anh được gặp bà Mỹ Lưu ».

– Tại sao thế?

– Tôi nghĩ thế.

– Anh cho tôi biết ý nghĩ của anh.

– Ô! Không thể được.

– Bởi vì?...

– Bởi vì ý nghĩ của tôi xuẩn quá.

– Thì sao?

– Nếu ý nghĩ đó không đúng, nó lại thành ra ngu. Không nên tạo những cái vui để mừng hụt. Cái kinh nghiệm về màu xanh của tên phổ Bethnal (Thanh Viên) đã cho ta một bài học. Chừng ta có tìm thấy những cánh đồng cỏ ở đây không hay chỉ toàn những ao bùn?

Tôi không ép anh nói, vì tội, tôi cũng có một ý kiến. Ý kiến của tôi nghĩ kỹ ra cũng mơ hồ lộn xộn, rụt rè và có lẽ xấu hơn ý kiến Mã Tư, nên vì thế mà tôi không dám nài anh ngỏ ý kiến của anh cho tôi nghe. Tôi sẽ trả lời anh sau, nếu ý kiến anh cũng giống cái ý kiến đang bồng bênh vô định trong đầu tôi như ở một giấc mơ? Tôi không dám phát biểu ra vì tôi không có can đảm bàn cãi với anh điều đó.

Chỉ còn có cách đó thôi. Chúng tôi đợi.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi tiếp tục hát rong trong thành phố Luân Đôn. Chúng tôi không phải là những nhạc sĩ anh chị có hẳn một khu phố riêng để ngự trị. Chúng tôi là những trẻ con

và mới đến, không nắm được một phố nào, phải nhường chỗ cho các bậc đàn anh đòi quyền sở hữu của mình bằng những luận điệu mà chúng tôi không sao đấu được.

Đã bao nhiêu lần, chúng tôi vừa hát xong đang lãnh tiền thì phải bỏ chạy cho nhanh vì gặp bọn hát Tô Cách Lan. Đàn ông thì để đùi trần, đàn bà thì vận váy xếp nếp. Họ mặc áo tơ vải, đội mũ vải cắm những chiếc lông chim dài. Chỉ nghe thấy tiếng kèn của họ là chúng tôi phải chạy rồi.

Lại còn những bọn nhạc công da đen đi xông xáo khắp các phố mà chúng tôi rất sợ. Những tên Mọi giả này ăn mặc thô lỗ bằng những chiếc áo đuôi cá thu, rộng cổ, trông hình thù họ chẳng khác chỉ một bó hoa quăn trong tờ giấy. Họ ghé góm hơn là bọn Tô Cách Lan. Hơi trông thấy bóng họ hay nghe thấy tiếng đàn banjo của họ là chúng tôi phải kính trọng im ngay và lảng đến một phố xa, không có bọn nào của họ nữa, hoặc có thì chúng tôi chỉ đứng nhìn chờ cho họ trở tài xong mới dám hành nghề.

Một hôm, chúng tôi đang là khán giả của họ,

tôi thấy trong bọn họ có một người ngộ nghĩnh nhất vậy Mã Tư. Tôi tưởng anh ta trêu ghẹo chúng tôi, dùng chúng tôi làm cái bung xung để diễn thêm một trò vui cho công chúng tôi ngạc nhiên thấy Mã Tư giờ tay trả lời một cách thân mật.

Tôi hỏi anh:

– Anh quen hẳn à?

– BỐp đấy.

– BỐp là ai?

– BỐp là bạn cũ của tôi ở gánh xiếc Gát Sô. Anh là một trong hai vai hề khá nhất mà tôi thường nói với anh. Chính BỐp đã dạy tôi nói tiếng Anh.

– Sao anh không nhận hẳn trước?

– Ngày xưa, mặt anh bôi phấn, bây giờ anh bôi đen đi, ai biết được.

Khi cuộc diễn của phường da đen đã mãn. BỐp lại chỗ chúng tôi. Coi vẻ vô vập cuống quýt

của Bối trước Mã Tư, tôi phục Mã Tư là một người có tài làm cho ai cũng thích, cũng yêu. Một người anh ruột tưởng cũng không nông nản trong khoé mắt và trong giọng nói bằng người bạn cũ này. Anh hề nói: « Thời buổi khó khăn, anh bắt buộc phải làm Mọi da đen ».

Nhưng chuyện trò chẳng được lâu. Anh phải theo bọn của anh. Chúng tôi phải tìm lối mà anh không đi đến. Hai bạn hẹn nhau đến chủ nhật tới sẽ gặp nhau để kể chuyện hàn ôn trong những ngày xa cách.

Vì yêu Mã Tư nên anh rất có cảm tình với tôi, Thành ra chúng tôi có thêm một người bạn. Cái kinh nghiệm và lời khuyên của anh đã làm cho đời sống của chúng tôi ở Luân Đôn dễ dàng và sáng sủa hơn từ trước đến giờ. Anh cũng thích Lãnh Nhi. Anh thèm muốn và phân bì nếu anh có được một con chó như thế, anh sẽ làm giàu không mấy lúc. Nhiều lần anh đề nghị cả ba người — nghĩa là cả bốn vì có Lãnh Nhi nữa — nên hợp tác với nhau. Nhưng, cũng như không muốn bỏ gia đình tôi để về Pháp thăm Lệ Hoa

và các bạn hữu tôi, tôi không đồng ý theo Bốp đi quanh Anh Quốc.

Theo nếp sống cũ, chúng tôi đã gần đến kỳ lễ Giáng Sinh. Đáng lẽ, sáng phải rời bãi Hồng sù, bảy giờ đến tám, chín giờ tối chúng tôi mới phải ra đi và tìm đến các nơi mà chúng tôi đã lựa chọn.

Trước hết chúng tôi đến các công viên và những phố ngót xe cộ, vì cần phải tĩnh mịch thì tiếng nhạc của chúng tôi mới lọt được vào các cửa đã đóng để đánh thức những trẻ em đã nằm trên giường và báo cho chúng biết sắp đến ngày lễ Giáng Sinh, một ngày lễ yêu dấu đã ăn sâu vào lòng của mọi người Anh. Rồi chúng tôi đến dần những phố lớn. Những chuyến xe cuối cùng đưa những khách xem hát về nhà, những chuyến xe đó đi qua rồi, thì bầu không khí trở nên yên tĩnh.

Chúng tôi dạo những khúc êm ái, nhẹ nhàng, những khúc u sầu có tính chất tôn giáo. Vỹ cầm của Mã Tư khóc than, cây thụ cầm của tôi rên rỉ. Những lúc chúng tôi nghỉ tay, ngọn gió lại đem đến bên tai chúng tôi những tiếng đàn vắng vắng

462 | Dịch giả: Hà Mai Anh

của một bọn khác đang trình diễn đầu đây. Cuộc hòa nhạc kết thúc.

– Thưa quý ông và quý bà, chúc quý vị một đêm Giáng Sinh an lạc!

Chúng tôi lại sang phố khác tái diễn cuộc hợp tấu của chúng tôi.

Đêm khuya, nằm trong giường trên chăn, dưới đệm mà nghe đàn, nghe hát kể cũng thích thú. Người ta có biết đâu, chúng tôi những kẻ đàn hát đây, lang thang khắp nẻo, không nệm, không chăn, những ngón tay sưng và cóng vẫn phải vận động không ngừng.

Những đêm Giáng Sinh này, thời tiết ác quá: Thế mà suốt trong ba tuần lễ, không đêm nào là chúng tôi không có mặt ở các phố cho mãi đến khuya.

Đã bao nhiêu lần khi những cửa hàng chưa đóng hẳn, chúng tôi đứng dừng trước hàng gà, hàng quả, hàng kẹo, hàng mít. Chao ôi! Những con ngỗng béo đẹp! Những con gà tây to! Những con gà giò trắng mập! Lại những đồng cam, lê,

táo xếp cao như núi. Những quả thơm đó làm chúng tôi thèm!

Qua những hàng này những đứa trẻ được nuông chiều, có lẽ đã ôm lấy cha mẹ đòi mua.

Qua các phố, nhà nghèo cũng như nhà giàu đều có một quang cảnh đầm ấm, từng bừng, chúng tôi cảm thấy chúng tôi lẻ loi, cô quạnh. Lễ Giáng Sinh chỉ vui cho những ai được sống trong yêu thương!

Sau những ngày lễ Giáng Sinh, chúng tôi phải đi làm ban ngày. Cơ hội để gặp ông Mỹ Giang thành khó ra. Chúng tôi chỉ hy vọng vào ngày chủ nhật. Vì thế, ngày chủ nhật là ngày tự do, ngày giải trí cho chúng tôi, chúng tôi phải hy sinh để ở nhà.

Chúng tôi đợi.

Một hôm gặp Bốp, Mã Tư không nói nguyên do những điều chúng tôi đang bức rút, anh hỏi luôn Bốp: có cách gì để tìm địa chỉ một bà tên là Mỹ Lưu có người con trai liệt chân và một ông tên Mỹ Giang không. Bốp trả lời: bà Mỹ Lưu là

người thế nào và ông Mỹ Giang làm nghề nghiệp gì, hoặc có rõ địa vị xã hội của ông ta thì may mới biết vì có nhiều người trùng tên, và họ Mỹ ở Luân Đôn cũng nhiều mà ở trong nước Anh lại càng lắm hơn nữa.

Chúng tôi không nghĩ đến điều đó. Đối với chúng tôi thì chỉ có một bà Mỹ Lưu là mẹ cậu An Tuyên và chỉ có một ông Mỹ Giang là chú cậu thôi. Lúc đó, Mã Tư lại giục tôi trở về Pháp. Tôi bảo anh:

– Vậy anh không muốn tìm bà Mỹ Lưu nữa hay sao? Không phải thế. Nhưng không có cái gì chứng tỏ là bà hiện ở nước Anh.

– Càng không có chứng cứ gì là bà ở Pháp.

– Điều này có lẽ đúng: vì An Tuyên còn ốm, tất bà phải đưa con đến một xứ có khí hậu thích hợp cho sức khỏe của con.

– Không phải chỉ nước Pháp mới có khí hậu tốt.

– Lần trước, cậu sang Pháp mà khỏi bệnh, lần này tất bà lại đưa cậu sang đó. Vả lại tôi muốn anh rời khỏi nơi này.

– Tôi không dám hỏi anh tại sao phải bỏ đi, tôi sợ anh trả lời đúng như điều mà tai tôi không muốn nghe.

Anh nói tiếp:

– Tôi sợ lắm. Chúng ta đi đi thôi! Ở đây thế nào, rồi cũng xảy ra tai họa cho chúng ta. Đi đi thôi!

Cách cư xử của gia đình tôi đối với tôi vẫn không thay đổi. Ông tôi vẫn giận dữ nhổ bọt về phía tôi. Cha tôi thỉnh thoảng chỉ có việc sai khuyển tôi. Mẹ tôi không bao giờ nhìn đến tôi. Các em trai tôi lúc nào cũng tìm cách hại ngầm tôi. Em gái lớn tôi, hễ nhìn thấy mặt tôi là sinh sự. Còn em Cát chỉ yêu gói kẹo của tôi đem về thôi. Nhưng dù sao tôi cũng không thể theo lời khuyến của Mã Tư cũng như không thể tin anh bảo tôi không phải là con của quý ông Điệp Công. «Ngờ» tôi có thể «ngờ» lắm, nhưng «tin chắc»

là phải hay không là con ông Điệp Công thì tôi «không tin» được.

Thì giờ đi thông thả, thông thả lắm nhưng cứ đi đều. Hết những ngày này lại đến những ngày khác. Hết những tuần lễ này lại đến những tuần lễ khác. Đã đến lúc gia đình tôi phải rời Luân Đôn để đi các vùng quê trong nước.

Hai chiếc xe ngựa mới sơn lại. Người ta xếp chặt ních hàng hóa để đem bán trong những mùa nắng ráo. Biết bao nhiêu là thứ hàng và khéo xếp làm sao! Đủ thứ: vải, áo đan, mũ vải, khăn vuông, mùi xoa, bút tất, quần đùi, gi-lê, cúc, chỉ, bông, len, kim, kéo, dao cạo, hoa tai, nhẫn, xà phòng, sáp, xi đánh giày, đá mài, thuốc trừ rận chấy, thuốc tẩy quần áo, thuốc mọc tóc, thuốc nhuộm tóc, vân vân... Khi chúng tôi ở đó, chúng tôi trông thấy đem ở hầm lên những bao hàng lớn, những bao hàng này đã không được trực tiếp và đảng hoàng đem đến, từ hiệu chính tới xóm Hồng Sư.

Sau cùng, hai xe ngựa đầy hàng ăm ắp, những con ngựa không biết mua ở đâu và từ lúc nào

cũng thấy dắt đến. Mọi việc đều chuẩn bị để lên đường.

Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ phải làm gì? Ở lại với ông tôi ở Luân Đôn để giữ nhà hay sao? Đi bán hàng như Á Lang, Á Niên hay sao? Hay chúng tôi phải theo xe hàng để tiếp tục làm nghề diễn trò ở các làng, các tỉnh mà chúng tôi sẽ đi qua? Cha tôi nhận thấy chúng tôi kiếm ăn khá với những cây đàn, nên cho chúng tôi đi theo để diễn trò. Mỗi trước hôm đi một ngày, cha tôi mới cho biết ý định đó.

Mã Tư bảo tôi:

– Về Pháp đi. Đợi lúc nào có cơ hội là chúng ta đi liền.

– Sao lại không đi các miền nước Anh?

– Vì tôi đã bảo cho anh biết là chúng ta ở đây thì nguy đến nơi rồi.

– Nhưng ở đây may ra chúng ta tìm được bà Mỹ Lưu.

– Tôi tưởng tìm bà ở Pháp có phần chắc hơn. Vậy ta cứ thử tìm ở Anh trước đã. Các việc khác sẽ tính sau.

– Anh có biết anh đáng gì không?

– Không.

– Đáng tôi bỏ anh để về Pháp một mình.

– Anh nói rất phải. Tôi muốn anh trở về Pháp. Tôi biết tôi không có quyền giữ anh. Tôi cũng biết anh rất tốt đã ở lại với tôi. Thôi, anh về đi. Anh sẽ thăm Lệ Hoa, anh nói cho...

– Tôi sẽ nói cho Lệ Hoa biết anh là một người ngu xuẩn và độc ác vì anh đã nghĩ rằng tôi sẽ lìa anh trong lúc anh đau khổ. Anh thực đáng thương! Tôi đã làm gì anh để đến nỗi anh có ý kiến đó? Nói đi cho tôi biết, tôi đã làm gì anh? Không. Phải thế không? Vậy thì cứ theo xe hàng.

Lại một lần nữa, chúng tôi lại phiêu lưu trên đường cái. Nhưng lần này, tôi không được tự do muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì mặc ý. Vì chúng tôi phải theo gia đình Điệp Công. Tuy nhiên, ra

khỏi Luân Đôn, tôi cảm thấy như người được cởi mở: tôi không phải trông thấy bãi Hồng Sư nữa, tôi cũng không phải nhìn nữa cái hầm bí mật lúc nào cũng hiện ra trước mặt mặc dầu tôi cố quên đi. Đã bao nhiêu lần, đang đêm tôi giật mình tỉnh dậy vì trong cơn ác mộng, một ánh sáng đỏ đã lọt vào cửa sổ làm tôi hãi hùng. Đó là một ảo tưởng. Cái ánh sáng đỏ kia, tôi đã trông thấy một lần cứ ám ảnh mắt tôi như một ngọn lửa cháy. Chúng tôi bước sau xe hàng. Thay vào những mùi hôi hám của Thanh Lâm, chúng tôi được thở hít cái không khí trong lành của những miền quê ngoạn mục mà chúng tôi đi qua, những miền chắc chắn không có chữ « Thanh » trong tên gọi, những đượm một màu « xanh » dưới mắt và riu rít những tiếng chim kêu bên tai chúng tôi.

Ngay hôm đầu cuộc khởi hành, tôi đã được mục kích cha tôi bán hàng. Đi đến một làng đông vui kia, hai chiếc xe dừng lại xếp hàng ở cạnh bãi đất công, các cửa ở một bên thành xe được hạ xuống, người ta trông thấy ở trên các ngăn có đủ các thứ hàng. Những khách mua và những người tò mò đông hơn, kéo nhau lại xem.

Cha tôi rao:

– Xin xem giá hàng! Xin các ngài xem giá hàng! Không có nơi nào bán rẻ hơn ở đây. Hàng tôi không phải mua nên tôi bán rất rẻ. Có thể nói là tôi không bán, tôi đem biếu các ngài đây. Mời các ngài đến xem giá!

Mấy người lại coi giá rồi lảng ra và nói nhỏ với nhau:

– Phải là hàng ăn cấp thì mới rẻ thế.

– Chính lão ta đã nói thế!

Nếu họ đưa mắt nhìn tôi lúc đó, họ sẽ thấy sắc đỏ của mặt tôi đã tiết lộ là lời dự đoán của họ là đúng. Tuy họ không nhìn thấy sắc mặt tôi, nhưng Mã Tư đã nhận thấy. Tôi đến, anh mới ngỏ cùng tôi cái điều mà xưa nay anh dè dặt không dám đả động đến. Anh bảo tôi:

– Anh có thể chịu mãi được cái nhục đó không?

– Nếu anh không muốn cái nhục đó tăng thêm thì anh đừng nhắc đến nữa.

– Không phải tôi muốn thế. Tôi muốn anh trở về Pháp. Tôi vẫn bảo ở đây chúng ta sẽ bị tai họa. Bây giờ tôi lại nói thế! Và tôi cảm thấy tai họa đó sắp đến nơi rồi. Anh phải biết chỉ trong mai một lính cảnh sát sẽ đến xem sao quý ông Điệp Công lại bán hàng hạ giá thế? Lúc đó sẽ xảy ra sao?

– Anh Mã Tư ơi! Tôi xin anh.

– Vì anh không muốn trông xa, tôi phải trông thay anh. Có ngày người ta giam cả lũ, cả anh, cả tôi nữa. Mà chúng ta có tội tình gì? Lúc đó, chúng ta làm thế nào mà tỏ được nỗi oan? Làm thế nào để bào chữa được? Chúng ta chả ăn phần bánh đã mua bằng tiền bán các hàng đó là gì?

Ý tưởng đó giáng mạnh xuống đầu tôi như một nhát búa, vì từ trước đến giờ tôi không nghĩ tới. Tôi cố chống lại, không phải là chống với Mã Tư mà chống với ý tưởng đó. Tôi nói:

– Phần bánh của chúng ta là do tay chúng ta kiếm lấy.

Mã Tư trả lời:

– Cái đó đúng lắm. Và cũng đúng lắm là chúng ta đã hợp tác với những người không làm để kiếm bánh mà ăn...

Chính điều này mà người ta sẽ trông thấy và người ta chỉ trông thấy điều ấy thôi. Chúng ta sẽ bị bắt giam như những kẻ đó. Nếu chúng ta bị giam về tội ăn trộm thì anh sẽ bị đau đớn hơn tôi. Vì tôi chỉ là một thằng khốn nạn, còn anh, khi anh tìm thấy gia đình anh, gia đình thực của anh thì buồn cho gia đình anh biết bao, nhục cho anh biết bao nếu anh bị tù tội! Vả lại, không phải chúng ta vào nhà lao mà chúng ta có thể tìm thấy gia đình anh. Không phải chúng ta có thể vào nhà lao mà chúng ta có thể báo cho bà Mỹ Lưu biết Mỹ Giang đang âm mưu hại cậu An Tuyên. Bây giờ còn thì giờ, chúng ta nên xa lánh.

– Anh cứ việc đi!

– Sao anh lại xuẩn thế. Chúng ta cùng đi cả hoặc chúng ta cùng bị bắt cả. Khi chúng ta bị bắt, chỉ nay mai thôi, anh sẽ chịu trách nhiệm về việc rủ tôi đi với anh. Rồi anh sẽ xem trách nhiệm đó có nhẹ không? Nếu anh có ích cho những người

mà anh không muốn bỏ, thì cái buồng của anh cũng đẹp đấy, nhưng đằng này anh không cần thiết cho người ta lắm, Không có anh người ta vẫn sống được kia mà! Anh nên nghĩ kỹ. Đi ngay thì hơn.

– Vậy, anh cho tôi nghĩ một ngày đã. Chúng ta sẽ định liệu sau.

– Mau lên! Con quỷ đã ngửi thấy mùi thịt tươi rồi. Nguy hiểm đã đến chân rồi.

Chưa bao giờ những câu nói, những lý luận, và những lời kêu nài của Mã Tư làm cho lòng tôi nao núng như lần này. Nghĩ lại những câu anh nói, tôi lại cho sự bất quyết của tôi là hèn và tôi phải nghĩ bề nào cho dứt khoát. Nhưng tình trạng đã làm tôi không dám hành động.

Chúng tôi rời Luân Đôn đã được gần hai tháng rồi. Chúng tôi đến một thành phố đang mở hội đua ngựa ở ngoại thành. Ở nước Anh, những cuộc đua ngựa không giống như ở Pháp, đua ngựa chỉ là một cuộc giải trí cho những người giàu đến để chứng diện, để xem mấy con ngựa

chạy thì hoặc bỏ ra mấy đồng tiền vàng đánh cá để mua vui. Ở Anh, đua ngựa là một hội hè lớn cho cả một vùng. Không phải chỉ có những con ngựa dự vào cuộc vui. Trên những bãi hoang, trên những đụn cát dùng làm Trường Đua, nhiều đám diễn trò rong, những tài tử lưu đày, những hàng quán đã đến hội tụ trước mấy ngày, ồn ào rộn rịp như một đám chợ phiên. Chúng tôi kíp đến để giữ chỗ: Mã Tư và tôi là phường nhạc, gia đình Điệp Công là hàng buôn.

Nhưng đáng lẽ đi ngay đến Trường Đua, cha tôi lại đỗ ở trong tỉnh, có lẽ đã nhìn thấy cơ hội gì tốt chẳng. Đến nơi còn sớm quá, chúng tôi chưa phải giúp việc bày hàng, nên Mã Tư và tôi rủ nhau ra Trường Đua ở một bãi hoang gần đó. Những lều vải lô nhô như nấm mọc. Từ xa, chúng tôi trông thấy những đám khói bay lên như chỉ cho chúng tôi biết địa điểm và giới hạn của hí trường. Không mấy lúc chúng tôi đến một con đường trũng trong bãi. Chúng tôi trông thấy nhan nhản những tiệm ăn, quán trọ, những lều, những rạp bằng gỗ, những xe bày hàng hay những cái bàn

lộ thiên chung quanh chen chúc những người áo quần rách rưới.

Chúng tôi đi qua một bếp lửa, có nồi treo trên, thì nhìn thấy anh Bốp. Gặp chúng tôi, anh mừng quá. Anh và hai người bạn nữa đến đây để làm xiếc, nhưng mấy nhạc công hện mà không đến thành ra lỗ việc, vì ngày mai, phải có rồi. Nếu chúng tôi có thể vào thay các người đó, thực là giúp anh một việc rất lớn.

Số tiền thu được sẽ chia làm năm phần. Và cũng dành một ít cho con Lãnh Nhi.

Mã Tư đưa mắt hỏi tôi. Muốn làm anh vui lòng, tôi nhận lời ngay, chúng tôi được tự do đi đánh đàn miễn là hết ngày có món tiền tốt đem về. Chúng tôi thỏa thuận sáng hôm sau sẽ đến hợp tác với anh Bốp và các bạn anh.

Nhưng khi về đến xe hàng, một sự khó khăn hiện ra. Khi tôi báo tin đó cho cha tôi biết, cha tôi bảo rằng:

– Ngày mai ta cần đến Lãnh Nhi, con không thể đem đi được.

Nghe câu đó, tôi hoảng hốt: người ta lại định dùng Lãnh Nhi để làm việc bất lương chăng? Nhưng cha tôi đã phá tan mọi nghi ngờ đó.

Cha tôi nói:

– Lãnh Nhi thính tai lắm. Nó nghe được những tiếng động rất sõi, giữ việc canh xe rất tốt. Ở chốn đông người và lộn xộn này, người ta dễ « ăn cắp » của ta. Vậy mai các con cứ đi làm với Bốp, nếu đêm về muộn, điều này rất có thể xảy ra, các con cứ việc đến tìm ta ở quán « Cây Sồi » vì ta sẽ trọ ở đó. Tối nay ta sẽ cho xe về đó.

Quán trọ « Cây Sồi » ở về vùng quê, cách đây độ hai ba cây số, một nơi vắng vẻ và buồn. Hai vợ chồng chủ quán trông người rất giáo quyết. Chúng tôi đã ngủ ở đây đêm trước. Đêm về nhà trọ đó cũng không khó, đường thẳng dễ đi, ngại cái là sau một ngày mệt nhọc phải đi bộ hơi xa thôi.

Sáng hôm sau, tôi dắt Lãnh Nhi chơi loanh quanh cho nó ăn và uống tử tế: không sợ thiếu thốn gì nữa, tôi buộc nó vào bên xe để nó coi

giữ. Rồi Mã Tư, và tôi cùng nhau đến Trường Đua. Đến nơi, chúng tôi phải cử nhạc ngay, và cứ như thế, không một phút nghỉ ngơi làm cho đến tối. Những đầu ngón tay tôi đau nhức như muôn nghìn cái kim châm. Mã Tư thổi kèn nhiều quá, nhọc hết cả hơi. Tuy nhiên vẫn phải tiếp tục làm việc. Bốp và các bạn anh vẫn nhảy lộn và làm trò, chúng tôi không thể im phát âm nhạc. Tối đến, chúng tôi tưởng được nghỉ, nhưng anh em lại bỏ lều mình sang quán rượu bên cạnh diễn trò hằng hái hơn trước.

Tôi gảy đàn như cái máy, được chẳng hay chớ, chẳng biết mình gảy cái gì nữa. Mã Tư miệng thổi kèn, mắt đờ ra, cũng chẳng biết mình làm gì hơn tôi. Đã hai mươi lần Bốp tuyên bố xuất này là xuất chót, đã hai mươi lần chúng tôi lại phải bắt đầu một xuất mới. Rồi cứ thế, kéo mãi cho đến nửa đêm.

Chúng tôi mệt lử. Các bạn chúng tôi dùng sức nhiều hơn chúng tôi cũng kiệt lực: vì thế trong một trò họ đỡ hụt, cái gậy lớn rơi ngay vào đầu bàn chân Mã Tư. Đau quá, Mã Tư rú lên.

Bốp và tôi vội vàng lại săn sóc anh. Tôi tưởng anh đến nát bàn chân, nhưng may sao vết thương chỉ rách thịt chảy máu và sưng lên, chứ xương chân không việc gì. Tuy nhiên, Mã Tư không đi được nữa. Làm thế nào bây giờ?

Đành phải để anh ngủ lại xe anh Bốp, còn tôi, một mình, trở về quán trọ Cây Sồi. Tôi cũng cần phải về để biết xem gia đình Điệp Công định đi đâu?

Mã Tư giữ tôi hai ba lần, anh bảo tôi:

– Anh đừng về nữa. Sáng mai chúng ta cùng về với nhau.

– Ngộ mai, không tìm thấy ai ở đấy thì sao?

– Như thế càng hay. Chúng ta sẽ được tự do.

– Nếu tôi muốn bỏ gia đình Điệp Công, thì tôi không làm lỗi ấy! Vả anh tưởng họ không đuổi kịp ta chẳng? Anh thoát đâu được với cái bàn chân đau ấy?

– Vậy mai chúng ta cùng về cả. Anh đừng đi đêm nay, tôi sợ lắm.

– Sợ gì?

– Tôi không biết, tôi sợ cho anh.

– Anh để tôi đi. Tôi hứa ngày mai sẽ trở lại.
Nếu người ta giữ anh thì sao?

– Sợ họ giữ thì tôi để cây đàn ở đây. Mai tôi phải lộn đến lấy.

Thế rồi mặc dầu anh Mã Tư sợ lo cho tôi, tôi cứ ra về, trong lòng không thấy sợ hãi gì. Sợ ai? Sợ cái gì? Ai làm gì một đứa bé khốn nạn như tôi?

Tôi không sợ sệt chút gì, nhưng lòng tôi thấy cảm động. Từ ngày tới Luân Đôn là lần thứ nhất mà tôi đi một mình không Mã Tư, không Lãnh Nhi bên cạnh. Nỗi lẻ loi đó cùng với những tiếng huyền bí của đêm khuya làm tôi nao lòng. Vầng trăng trên đầu tôi tỏa một ánh sáng nhợt nhạt, làm tôi buồn thêm. Tuy nhọc thực, nhưng tôi bước nhanh và không mấy lúc đã đến nhà trọ Cây Sồi. Tôi nhìn mãi không thấy hai chiếc xe nhà tôi đâu. Chỉ có hai, ba chiếc xe bờ mui vải, một cái quán lớn bằng gỗ ván và hai chiếc xe chở

đồ bưng kín, khi tôi lại gần có tiếng hươu nai ở trong đưa ra. Những chiếc xe ngựa sơn màu rực rỡ của gia đình Điệp Công ở đâu không thấy. Đi đi lại lại trước quán Cây Sồi, nhìn qua cửa sổ con, thấy bên trong có ánh đèn, tôi đoán trong nhà còn thức, liền chạy đến gõ cửa. Người chủ quán mặt giáo quyết, mà tôi đã trông thấy hôm qua, ra mở cửa và giơ đèn soi vào mặt tôi. Ông ta nhận ra tôi nhưng đáng lẽ tránh cho tôi vào, ông ta đặt cái đèn ở phía sau lưng, bước ra nhìn chung quanh và nghe ngóng độ vài giây rồi lên tiếng bảo tôi:

– Xe nhà anh đi rồi, cha anh dặn tôi bảo anh, đêm nay phải đến Lewes ngay không được chậm trễ. Chúc anh lên đường may mắn!

Rồi ông ta đóng sập cửa lại, không nói hơn gì nữa.

Từ ngày tôi sang ở nước Anh, tôi đã tập nói tiếng Anh và hiểu rõ câu chủ quán vừa bảo. Nhưng có một tiếng, tiếng quan hệ nhất, tôi không hiểu là gì? « Louise » ông ta nói thế, là nơi nào? Xứ nào? Tôi không đoán được, vì tôi không

biết tiếng « Louisse », người Anh đọc, là chữ Lewes, tên một thành phố mà tôi vẫn nhìn thấy ở trên bản đồ.

Vả lại, nếu tôi có biết thành phố đó ở đâu, tôi cũng không thể bỏ Mã Tư đi ngay lập tức được. Dù kiệt sức rồi, tôi cũng phải trở lại Trường Đua. Tôi trở ra. Một giờ rưỡi sau, tôi đã nằm khoan khoái trên chiếc ổ rơm bên cạnh Mã Tư trong xe của Bốp. Bằng mấy câu vắn tắt, tôi kể chuyện lại cho Mã Tư rồi lăn ra ngủ như chết.

Được ngủ vài giờ, tôi đã lại sức. Sáng dậy, tôi muốn đi ngay tỉnh Lewes nhưng lúc đó Mã Tư còn ngủ. Tôi liền ra xe, chạy lại chỗ anh Bốp. Anh đã dậy trước tôi và đang nhóm lửa. Anh nằm bò ra và hết sức thối ở dưới đáy nồi. Chợt trông ra ngoài, tôi thấy hình như có người cảnh binh đang dắt con Lãnh Nhi tới chỗ chúng tôi.

Sợ quá, tôi đứng im, không hiểu sao lại như thế. Con Lãnh Nhi thấy tôi, giật tuột dây trong tay người cảnh binh ra, nhảy vài cái đến chỗ tôi và chồm lên cánh tay tôi. Người cảnh binh đến gần, hỏi tôi:

– Con chó này của anh phải không?

– Vâng.

– Thế thì tôi bắt anh.

Nói xong, người cảnh binh nắm chặt tay tôi lôi đi.

Thấy vậy Bốp liền chạy lại hỏi:

– Sao ông lại bắt đứa trẻ này?

– Nó là em anh?

– Không là bạn tôi.

– Đêm qua, một người đàn ông và một đứa bé dùng thang trèo qua cửa sổ vào Nhà Thờ Thánh Gioóc để ăn trộm. Chúng đem con chó này vào để báo động khi có người biết. Nó báo động thật, kẻ trộm hốt hoảng leo ra trốn mất, không kịp mang chó đi. Bắt được con chó này tất nhiên tìm ra thủ phạm. Quả nhiên tóm được một tên. Thế bây giờ người cha ở đâu?

Tôi không biết người cảnh binh hỏi Bốp hay

hỏi tôi. Tôi không trả lời. Tôi đứng trơ ra.

Tôi hiểu cả những việc đã xảy ra. Con Lãnh Nhi có tai thính không phải dùng để coi xe mà để canh cho người ta vào Nhà Thờ ăn trộm. Xe hàng rút lui vào chập tối không phải có việc về ngủ quán trọ Cây Sồi. Xe đó không tới quán trọ được cũng là vì vụ gian bại lộ phải trốn cho nhanh,

Tôi không cần nghĩ đến những kẻ đã chạy thoát rồi. Tôi nghĩ đến tôi. Dù sao, tôi cũng phải chống cãi. Tôi không tố giác ai cả nhưng tôi minh oan; tôi sẽ khai đúng cái thời giờ của tôi đã dùng trong đêm qua.

Khi tôi đang lý luận trong óc như vậy, Mã Tư thấy tiếng lao xao liền ra xe, bước khập khiễng lại cạnh tôi.

Tôi nhờ Bốp nói hộ:

– Anh làm ơn cắt nghĩa cho ông ta biết rằng tôi vô tội vì tôi ở đây với anh cho tới một giờ sáng. Rồi tôi đến quán trọ Cây Sồi nói chuyện với chủ quán xong lại trở về đây ngay.

Bốp thông ngôn cho người cảnh binh nghe. Nhưng ông ta có vẻ không tin. Trái lại, có ý ngờ tôi. Ông ta nói:

– Đúng lúc một giờ 15 phút kẻ trộm vào Nhà Thờ. Anh bé này ở đây ra đi khoảng một giờ hay trước một giờ, rất có thể anh ta cùng đồng đảng đã trèo vào Nhà Thờ lúc một giờ mười lăm.

Bốp nói:

– Từ đây vào thành phố phải hơn mười lăm phút đồng hồ.

Người cảnh binh nói:

– Nếu chạy thì làm gì đến 15 phút. Vả có cái gì chứng tỏ lúc đi là một giờ.

Bốp kêu lên:

– Tôi xin thề! Đúng là như thế.

Người cảnh binh nói:

– Anh nhận làm chứng à? Cái đó còn phải xét xem lời chứng của anh có giá trị không.

Bốp nóng mặt, nói nghiêm trang:

– Ông phải biết tôi là công dân nước Anh.

Người cảnh binh nhún vai lên không nói gì.

Bốp nói:

– Ông lắng mạ tôi phải không? Tôi sẽ viết cho báo « Thời sự ».

– Trong khi chờ đợi, tôi hãy đưa anh bé này về. Anh ấy sẽ giải thích trước mặt quan Tòa.

Mã Tư chạy lại ôm lấy tôi. Tôi tưởng anh hôn tôi, nhưng thấy anh trao cho tôi cái thực tế trước rồi đến cảm tình sau.

Anh ghé vào tai tôi, nói:

– Can đảm lên, anh ạ! Chúng tôi không bỏ anh đâu!

Rồi anh mới hôn tôi.

Tôi nói với Mã Tư bằng tiếng Pháp:

– Anh giữ Lãnh Nhi lại.

Nhưng người cảnh binh hiểu tôi nói gì và bảo:

– Không, không được. Nhờ nó tôi bắt được tên này. Nhờ nó tôi sẽ tóm được những tên khác nữa.

Là lần thứ hai trong đời, người ta bắt tôi. Tôi thấy nhục nhã hơn.

Không phải là việc bắt nhầm như vụ đuôi bò ngày nọ. Lần này nếu tôi có được tha chẳng nữa, tôi thoát sao không khỏi đau đớn trông thấy những người mà người ta cho tôi là đồng đảng, bị trừng phạt đích đáng?

Bị cảnh binh áp giải, tôi phải qua một hàng rào gồm những kẻ tò mò chạy đến đón lối tôi đi. Nhưng họ không la ó, không dọa nạt như ở bên Pháp, vì những người đến xem ở đây không phải là dân quê, họ toàn là những người, phần đông bất mãn với cảnh binh, như chủ quán rượu, chủ hàng rong, tài tử diễn trò, võ sĩ xiếc, nghệ sĩ giang hồ, mà người Anh gọi chung là bọn Tramps, nghĩa là bọn « ma cà bông »

Cái nhà mà người ta giam tôi không phải là cái nhà giam trò chơi đùa để phơi hành như lần trước tôi bị nhốt ở đấy. Nhà giam này là một nhà giam thực sự, có cửa sổ chắc, bằng những chấn song sắt to tướng, chỉ thoáng nhìn là tiêu tan ngay mọi mầm vượt ngục. Tất cả đồ đạc gồm có cái ghế dài để ngồi và cái võng để nằm.

Tôi ngồi phịch trên cái ghế đó, rầu rĩ âm thầm, nghĩ đến cảnh huống của tôi. Những ý tưởng cứ lộn xộn, rời rạc trong óc tôi. Cái hiện tại đáng hãi hùng biết bao! Cái tương lai lại càng đáng ghê sợ biết bao! Mã Tư đã khuyên tôi:

– Can đảm lên! Chúng tôi không bỏ anh.

Nhưng đứa trẻ như Mã Tử thì làm gì được? Cả đến một người lớn như BỐ hồ dễ làm gì được để giúp Mã Tư? Khi người ta bị giam cầm, người ta chỉ có một ý nghĩ là muốn ra thôi.

Không muốn bỏ tôi, hy sinh giúp tôi thì Mã Tư và BỐ làm thế nào cứu tôi thoát khỏi chốn ngục tù này?

Tôi đến cửa sổ mở ra, lấy tay sờ vào những chấn song, cái nọ bắt tréo cái kia như mắt cáo vít ở phía ngoài và gắn chặt vào đá. Tôi nhìn bốn bức tường, bức nào cũng dày gần một mét. Nền thì lát bằng những tấm đá rộng. Cánh cửa thì bằng sắt và bọc tôn.

Tôi lại trở ra chỗ cửa sổ. Cửa sổ này trông ra một cái sân dài và hẹp. Ba mặt tường cao đến bốn mét. Cho có bạn bè đốc lòng giúp đỡ mấy đi nữa, nhất định người ta không ra thoát cái nhà lao này. Đối với sức mạnh của sự vật, cái tận tâm của bè bạn làm gì nổi? Cái tận tâm không chọc thủng được tường!

Từ nay đến hôm được gọi ra trước mặt quan Tòa, là người ta sẽ định đoạt số phận của tôi, tôi nghĩ không biết còn phải ngồi ở đây đợi bao nhiêu ngày nữa? Mặc dầu con Lãnh Nhi có mặt ở Nhà Thờ, liệu tôi có thể bày tỏ nỗi oan của tôi không? Không đổ tội cho những người mà tôi không muốn tố cáo, không thể tố cáo, liệu tôi có thể biện giải cho tôi được không?

Tôi chỉ nghĩ đến chỗ này. Mà chính ở chỗ này, Mã Tư và Bốp có thể giúp đỡ tôi được. Các bạn tôi sẽ cung khai sự thực để chứng minh rằng hồi một giờ rưỡi tôi không thể nào ở trong Nhà Thờ Thánh Gióoc được. Nếu họ khai đúng thế, tôi sẽ thoát nạn mặc dầu cái « bằng chứng câm » của Lãnh Nhi có thể buộc tội tôi.

A! Nếu Mã Tư không đau chân, anh đã xoay xử lo liệu cho tôi. Nhưng bây giờ bệnh hoạn thế không biết anh có ra được khỏi xe không? Nếu anh không đi được, Bốp có muốn thay thế anh không?

Tôi lo phiền quá, không sao ngủ được mặc dầu thân thể đau như giã. Tôi cũng chẳng buồn động đến đồ ăn người ta mang đến cho tôi. Chán thức ăn nhưng tôi thèm nước. Chốc chốc tôi lại chạy đến vò nước uống một hơi dài, mà vẫn cứ thấy đắng miệng và khát.

Khi trông thấy người cai ngục vào phòng giam của tôi, tôi lại mừng rỡ và hy vọng, vì từ khi bị nhốt, tôi cứ rối ruột về một câu hỏi mà tôi không tìm được câu trả lời: « Bao giờ quan

Tòa mới hỏi? Bao giờ tôi được cung khai để bào chữa? »

Tôi thường nghe người ta kể chuyện có người tù bị giam hàng tháng không được hỏi đến, có lẽ tôi cũng sẽ cùng số phận đó chẳng? Tôi không biết ở nước Anh, cuộc thẩm vấn tội nhân không được để quá hai ngày từ lúc bị bắt đến lúc lấy cung.

Cái vấn đề không giải quyết được đó, tôi liền đem hỏi người cai ngục. Ông ta trông có vẻ không dữ tợn và sẵn lòng cho tôi biết là chắc chắn ngày mai tôi sẽ được ra hầu Tòa.

Vì tôi hỏi ông ta, nên ông ta lại hỏi lại tôi:

– Vậy anh đã vào Nhà Thờ như thế nào?

Đáp câu hỏi đó, tôi hết sức trình bày những lý do, những bằng cứ tỏ ra tôi bị bắt oan. Nhưng nghe tôi nói, ông ta cứ so vai lên. Tôi nhắc đi, nhắc lại mãi rằng tôi không hề vào Nhà Thờ, ông ta bước ra còn quay lại nhìn tôi và lẩm bẩm:

– Những trẻ ranh ở Luân Đôn hỏng cả!

Ông ta ra rồi, tôi buồn nản quá. Mặc dầu ông ta không phải là quan Tòa, tôi muốn ông ta thấu nỗi oan cho tôi. Nghe giọng nói, trông nét mặt của tôi, đáng lẽ ông ta phải nhận là tôi vô tội mới phải. Tôi đã không làm cho người cai ngục tin tôi thì tôi làm cho quan Tòa tin tôi như thế nào được? Nhưng không sợ, tôi đã có chứng tá nói thay tôi. Nếu quan Tòa không nghe tôi, tất quan Tòa phải tin những bằng chứng vạch rõ cái oan cho tôi.

Nhưng các nhân chứng của tôi sẽ khai thế nào? Tôi đã biết chưa?

Trong những chuyện nhà tù mà tôi được biết, có một chuyện nói về cách thông tin cho tội nhân: người ta giấu thư vào trong những thức ăn đem đến cho thân nhân.

Có lẽ Mã Tư và Bốp đã dùng đến mưu này. Nghĩ thế, tôi bẻ nát miếng bánh người ta đã đưa vào cho cho tôi, nhưng chẳng thấy gì. Những miếng khoai kèm bánh cũng được nghiền ra như cám mà cũng chẳng thấy có mẩu giấy nào.

Chắc Mã Tư và BỐp không có tin gì để báo hay đúng hơn, họ không thể báo tin được.

Tôi đành đợi đến hôm sau, không cần nghĩ nữa. Nhưng tôi cứ nghĩ. Tôi nghĩ đến cái đêm ghê gớm vừa qua, sao tôi lại ngu dại đến thế? Ngu dại không tin cái tâm linh báo nguy của Mã Tư và không nghe lời anh!

Sáng sớm hôm sau, người cai ngục đem vào cho tôi một vò nước và một cái chậu, bảo tôi rửa mặt để sắp ra trình Tòa. Ông lại nói thêm rằng:

– Thái độ đoan trang, đứng đắn đôi khi cũng là những lời biện giải hùng hồn cho người bị cáo. Rửa mặt và sửa sang quần áo xong, tôi ngồi xuống ghế. Nhưng không sao ngồi yên được, tôi đứng lên đi đi lại lại trong buồng giam như con chim quay lộn trong lồng.

Tôi muốn dự bị cách bào chữa và những câu trả lời, nhưng lòng tôi sôi lên như người phát điên. Đáng lẽ nghĩ đến những việc bây giờ, tôi lại nghĩ đến những việc đâu đâu, lơ mơ qua trong óc tôi như một bóng đèn ma.

Người cai ngục trở lại và bảo tôi theo ra. Tôi đi bên cạnh ông ta. Sau khi qua nhiều hành lang hẹp và tối, chúng tôi đến trước một cái cửa nhỏ. Cánh mở ra, người cai ngục bảo tôi.

– Vào đi!

Một hơi nóng đưa vào mặt tôi. Tôi nghe thấy những tiếng rì rầm bên trong. Tôi bước vào và tôi thấy tôi đứng ở trong một cái ngăn bằng gỗ. Tôi đã ra công đường.

Mặc dầu lúc đó tôi ngây ngất như mê và những mạch máu dồn dập ở trên đầu tôi như muốn đứt ra, tôi đưa mắt nhìn chung quanh và nhận rõ phòng hội đồng và đám công chúng ngồi chật ở bên dưới.

Phòng đó cao rộng, có những cửa sổ lớn; chia làm hai phần một phần dành cho tòa; một phần để cho công chúng.

Ông Chánh Án ngồi trên một cái bục cao nhất. Phía trước mặt ông Chánh Án và ở một cái bục thấp hơn, có ba ông nữa ngồi. Mãi sau này tôi mới biết đó là: ông Lục Sự, ông Thủ Quỹ

thu các khoản tiền phạt và một ông quan Tòa mà người Pháp thường gọi là Biện Lý. Trước mặt tôi, có một ông mặc áo chùng đen, đội tóc giả ngồi ở bàn, đó là Luật Sư của tôi. Sao tự nhiên tôi có một luật sư? Ông ta ở đâu đến? Ai đã mời đến cho tôi? Mã Tư hay BỐp? Không phải là lúc tìm tòi để biết điều đó. Tôi có luật sư bênh vực. Thế là đủ.

Trong một khu ghế, tôi nhìn thấy BỐp và hai bạn anh, người chủ quán Cây Sồi và nhiều người khác tôi không quen. Ở một khu khác, tôi trông thấy người cảnh binh đã bắt tôi và mấy người nữa đi với người cảnh binh ấy.

Đó là những chỗ riêng cho các nhân chứng. Những hàng ghế dành cho công chúng đều chật ních. Đứng ở bao lơn, tôi nhìn thấy Mã Tư, mắt chúng tôi giao nhau, hôn nhau. Lập tức tôi thấy phấn khởi hẳn lên. Tôi sẽ được bênh vực. Tôi cảm thấy không bị nặng nề, bị đè ép nữa, bởi những con mắt tò mò chĩa cả vào tôi.

Ông Biện Lý lên tiếng đầu tiên. Ông có vẻ vội vàng, trình bày tóm tắt như sau:

– Một vụ trộm đã xảy ra tại Nhà Thờ Thánh Gioóc. Quân gian là một người đàn ông và một đứa bé đã dùng thang, bẻ cửa sổ leo vào. Chúng mang cả một con chó vào để canh cho chúng vơ vét. Hồi một giờ sáng, một người trong phố về khuya thấy trong Nhà Thờ có ánh sáng, đứng lại lắng tai, nghe tiếng lách cách bên trong. Người đó liền chạy đánh thức Cha Xứ. Người ta kéo lên Nhà Thờ rất đông. Con chó sủa mấy tiếng. Khi người ta mở cửa vào thì những kẻ trộm sợ hãi đã tẩu thoát bằng lối cửa sổ bỏ lại con chó, nó không leo thang được. Con chó liền được viên cảnh binh Gia Ry — một nhân viên thông minh và mẫn cán đáng khen — đưa ra ngay Trường Đua và tìm thấy chủ nó, chính là bị cáo đang đứng trước tòa kia. Còn tên trộm thứ hai, hiện thời đang bị truy nã.

Sau khi nói thêm một vài nhận xét nữa để buộc tội tôi, ông Biện Lý ngồi xuống.

Một tiếng quát lớn:

– Im!

Lúc đó, ông Chánh Án, không quay về phía tôi. Trông thẳng và như là nói cho mình nghe, hỏi tên tôi, tuổi tôi và nghề nghiệp của tôi.

Tôi trả lời bằng tiếng Anh: Tên tôi là Điệp Công Phan, 13 tuổi ở với cha mẹ tôi ở Xóm Hồng Sư khu Thanh Lâm Luân Đôn. Xong tôi xin phép tòa nói bằng tiếng Pháp, vì tôi ở Pháp từ thuở lên một và mới về Anh được mấy tháng nay.

Ông Chánh Án nghiêm nghị bảo tôi:

– Anh đừng tưởng lừa tôi được. Tôi biết tiếng Pháp.

Tôi kể lại chuyện tôi bằng tiếng Pháp. Tôi hết sức biện bạch rằng không thể nào tôi lại ở Nhà Thờ vào lúc một giờ được, vì trong giờ đó tôi ở Trường Đua và hồi hai giờ thì tôi ở quán trọ Cây Sồi.

Ông Chánh Án hỏi tôi:

– Anh ở đâu hồi một giờ 15 phút?

– Lúc đó tôi đang đi ở đường.

– Có gì làm bằng chứng không? Anh bảo anh ở trên đường đi quán trọ Cây Sồi mà cáo trạng cho rằng lúc đó anh ở Nhà Thờ. Đi từ Trường Đua hồi một giờ kém vài phút, anh có thể gặp đồng đảng đã đem thang đợi sẵn anh ở chân tường Nhà Thờ. Sau khi ăn trộm hụt, anh mới chạy đến quán trọ Cây Sồi.

Tôi cố sức cãi nhưng ông Chánh Án không chịu. Ông hỏi tôi:

– Thế anh cắt nghĩa cho Tòa biết tại sao con chó của anh lại ở trong Nhà Thờ?

– Tôi không cắt nghĩa vì chính tôi không hiểu gì cả. Con chó đó không đi với tôi. Tôi buộc nó vào cái xe ở nhà từ buổi sáng.

Tôi không nói thêm gì nữa vì tôi không muốn đưa gậy cho người ta đập cha tôi. Tôi nhìn Mã Tư anh ra hiệu cho tôi cứ nói nữa đi, nhưng tôi không nói nữa. Tòa gọi một nhân chứng. Tòa bắt người đó phải lấy Phúc âm thề rằng nói thực, không hận thù mà cũng không tình cảm.

Đó là một ông người to mà lùn, trong bệ vệ oai nghiêm mặc dầu mặt đỏ và mũi xanh. Trước khi giơ tay thề, ông ta sẽ quỵ chân xuống trước Tòa rồi đứng lên, ưỡn ngực ra: đó là Cha Xứ Nhà Thờ Thánh Gioóc.

Ông kể lể dài dòng. Ông nói:

– Tôi rất bức mình, đang ngủ có người đánh thức dậy báo tin có trộm vào Nhà Thờ. Tôi tưởng có kẻ định giễu cợt tôi. Nhưng chả có lẽ người ta lại giễu cợt một người tư cách như tôi. Tôi biết là có việc quan trọng. Tôi liền mặc áo, vì tôi vội vàng quá đánh mất hai chiếc cúc áo gi-lê. Rồi tôi chạy lên Nhà Thờ. Tôi vừa mở cửa ra thì trông thấy... ai? Cái gì?... Một con chó.

Về điểm này tôi không trả lời được, nhưng luật sư của tôi, từ nãy đến giờ ngồi im, bây giờ nắn lại vòng cổ giả, sửa lại hai vai áo, xong đứng dậy lên tiếng:

– Ai đóng cửa Nhà Thờ chiều hôm qua?

Cha Xứ trả lời:

– Tôi đúng, vì là bốn phần của tôi.

– Có chắc thế không?

– Khi tôi làm một việc gì, tôi biết chắc là tôi đã làm việc đó.

– Còn những khi ông không làm?

– Khi không làm thì tôi biết chắc là tôi không làm.

– Tốt lắm. Thế ông có thể thề rằng ông đã không vít con chó đó trong Nhà Thờ không?

– Nếu con chó đó ở trong Nhà Thờ thì tôi đã trông thấy.

– Mắt ông có tinh không.

– Như mắt mọi người.

– Cách đây sáu tháng, ông có đưa đầu vào bụng con bê đã mổ treo ở cửa một hàng thịt không?

Cha Xử tím mặt lại kêu lên:

– Quan trọng gì việc đó mà phải hỏi đến một người tư cách như tôi?

– Quan trọng lắm, xin ông làm ơn trả lời cho.

– Có, tôi đục đầu vào một con vật treo vô ý ở cửa một hàng thịt.

– Ông đã không trông thấy con vật đó chứ?

– Lúc đó tôi mãi nghĩ.

– Ông vừa ăn xong thì ông đóng cửa Nhà Thờ, phải không?

– Đúng thế.

– Thế khi ông đục đầu vào con bê, lúc đó có phải ông vừa ăn xong không?

– Nhưng...

– Ông bảo ông không ăn?

– Có ăn.

– Thế ông dùng thứ rượu bia nhẹ hay nặng?

– Không dùng thứ nhẹ.

– Mấy ly?

– Hai.

– Không bao giờ uống hơn? Đôi khi ba.

– Không bao giờ bốn? Không bao giờ sáu?

– Cái đó ít khi.

– Ăn xong, ông hay uống « Grog » (nước pha rượu và chanh) không?

– Một đôi khi có.

– Ông thích uống « Grog » nhiều hay ít?

– Không ít quá.

– Độ bao nhiêu ly?

– Cái đó tùy lúc.

– Ông có sẵn lòng thề rằng ông không bao giờ dùng đến ba hay bốn ly không?

Cha Xứ đỏ mặt tía tai không trả lời nữa. Trước khi ngồi xuống, luật sư kết luận rằng:

– Cuộc đối thoại này có thể chứng minh rằng con chó vít trong Giáo đường bởi một nhân chứng, nhân chứng đó sau bữa ăn đã không nhìn thấy những con bê vì y mãi nghĩ. Đó là tất cả những thắc mắc mà tôi muốn nêu ra và muốn biết rõ.

Nếu tôi dám, tôi đã nhảy đến ôm lấy luật sư hôn. Tại sao con Lãnh Nhi lại không có thể bị vít trước ở trong Nhà Thờ được? Có lý lắm chứ? Nếu nó bị nhốt đúng như lời luật sư thì không phải là tôi đã đưa nó vào. Tôi sẽ vô tội. Vì chỉ có con chó là tang vật buộc tội tôi thôi.

Sau Cha Xứ, đến lượt các người đã theo Cha lên Nhà Thờ đêm đó. Họ đều khai không thấy ai cả, chỉ thấy cửa sổ mà kẻ trộm đã mở toang để tháo thân.

Rồi Tòa nghe nhân chứng của tôi: Bốp và các bạn của anh cũng như người chủ quán Cây Sồi đều khai những thì giờ hiện diện của tôi. Tuy nhiên có một điểm không được rõ rệt. Đó là giờ tôi bắt đầu từ Trường Đua đi. Điểm quan trọng này không được chứng minh đích xác.

Cuộc tham vấn xong, ông Chánh Án hỏi tôi:

– Có muốn nói thêm gì nữa không?

Tôi đáp:

– Tôi vô tội và xin Tòa minh xét cho.

Ông Chánh Án đọc lại biên bản đã ghi tất cả những lời cung khai mà tôi vừa nghe. Xong ông tuyên bố: « bị cáo sẽ phải gửi sang nhà lao Khu, đợi Hội đồng Hội thẩm xét xem có phải đưa vụ này lên tòa Đại hình không ».

Lên tòa Đại Hình! Tôi ngã gục xuống ghế. Than ôi! Sao tôi chẳng nghe lời Mã Tư!

CHƯƠNG XXXIX

BỐP

Tôi lại được đưa về nhà giam cũ. Tôi nghĩ mãi và cho rằng sở dĩ tôi chưa được tha là vì người ta còn đợi bắt được những người đã vào Nhà Thờ xem có phải tôi là đồng đảng không. Người ta đang lùng bắt phạm nhân, ông Biện lý đã bảo thế. Mai đây tôi sẽ đau đớn và nhục nhã phải ngồi trên ghế tòa Đại hình với những phạm nhân đó. Bao giờ đến ngày đó? Bao giờ tôi sẽ bị chuyển đi nhà lao Khu? Nhà lao ấy là nhà lao gì? Ở đâu? Có khổ hơn ở đây không?

Những chuyện đó cứ lẩn quẩn trong đầu tôi khiến thời giờ đi nhanh chóng hơn hôm trước. Tôi không nóng ruột nữa. Tôi biết rằng phải đợi. Tôi đứng lên, ngồi xuống, tôi đi đi lại lại. Tôi cố đợi.

Tối hôm ấy, khoảng 10 giờ, tôi nghe thấy tiếng kèn, giọng thổi đó là của Mã Tư, người bạn tốt đó muốn tỏ cho tôi biết là anh nhớ tôi và sẵn sàng đến tôi. Tiếng kèn đó ở ngoài đường trước cửa sổ tôi. Mã Tư đang ở ngoài tường, trên hè phố cách phòng giam của tôi độ vài mét. Hại thay! mắt tôi không nhìn được thấu qua tường, Nhưng nếu mắt không xuyên được đá thì âm thanh đã qua được tường. Ngoài tiếng kèn ra, tôi còn nghe thấy tiếng người đi lại và tiếng cười nói lao xao, biết rằng Mã Tư và BỐP có lẽ đang diễn trò ở đó — Tại sao họ lại chọn chỗ này để diễn. Có phải chỗ này tốt và dễ thu tiền không? Hay là họ định dùng chỗ này để báo tin tức gì cho tôi? Tôi chợt nghe thấy tiếng nói rõ ràng, tiếng anh Mã Tư kêu to lên bằng tiếng Pháp « Sáng sớm mai nhé! ». Rồi tiếp luôn tiếng kèn inh ỏi hơn trước.

Không cần phải suy nghĩ, tôi cũng hiểu ngay câu tiếng Pháp đó không phải là Mã Tư nói với những khán giả người Anh mà để nói cho tôi nghe. Nhưng tôi không hiểu câu đó có ý gì? Tôi tự đặt hàng chục câu hỏi mà không sao tìm được câu trả lời đích đáng.

Duy có một điều rất rõ rệt mà tôi biết đích xác là sáng mai tôi phải dậy thật sớm và chú ý. Từ bây giờ cho đến lúc đó tôi phải kiên tâm đợi.

Tôi nằm võng cổ ngủ. Tôi nghe tiếng chuông đồng hồ đánh hết giờ ấy đến giờ khác, rồi bất giác đôi cánh của giấc ngủ nhẹ nhàng đưa bổng tôi đi. Khi tôi chợt tỉnh, đêm vẫn dài, những ngôi sao lấp lánh trên nền trời đen. Không một tiếng động. Có lẽ còn lâu mới sáng. Tôi sẽ ngồi xuống ghế, không dám đi lại sợ động, lính đi tuần sẽ chú ý. Tôi ngồi đợi. Chợt đồng hồ đánh bốn giờ. Còn sớm quá. Tuy nhiên tôi không dám ngủ lại. Giá tôi có muốn ngủ lại cũng không sao chợp mắt được vì lúc đó lòng tôi thấy lo lắng nôn nao.

Công việc duy nhất của tôi lúc đó là nằm đếm tiếng chuông đồng hồ. Nhưng lâu làm sao cái khoảng thời gian 15 phút đi từ giờ đến khắc, từ khắc đến nửa giờ, lắm khi lâu quá tưởng chừng như tôi lãng quên không đếm hay máy đồng hồ bị sai.

Tựa vào tường tôi nhìn qua cửa sổ: sao đã mờ, trời hơi trắng ra.

Bình minh sắp tới. Tiếng gà gáy xa xa. Tôi đứng dậy, đi bằng đầu ngón chân ra mở cửa sổ. Đó là một công việc thận trọng, tôi làm rất thông thả và nhẹ nhàng, Không để kêu cọt kẹt. Mở được cửa sổ những tôi nghĩ cũng chẳng ích gì vì những mắt chấn song vẫn xít, những bức tường vẫn dày. Có là điên mới nghĩ việc thoát thân. Thế mà tôi vẫn hy vọng.

Trên trời sao nhật dần. Khi lạnh ban mai làm tôi sớn người. Tuy nhiên tôi vẫn không rời cửa sổ. Tôi cứ đứng đó nghe, nhìn và không biết mình định nghe, nhìn cái gì. Một bức màn trắng đã tỏa trên trời và ở dưới đất mọi vật bắt đầu nổi rõ ảnh hình. Đó là buổi « sớm mai » mà Mã Tư đã hẹn. Tôi nín hơi nghe ngóng, tôi chỉ nghe thấy những tiếng đập của trái tim tôi thôi.

Sau cùng tôi nghe hình như có tiếng cạo cạo vào tường. nhưng tôi không thấy tiếng chân bước, tôi nghe nhầm chẳng. Nhưng tôi vẫn lắng tai, tiếng cạo vẫn tiếp tục, rồi thành linh tôi trông thấy một cái đầu đen đen nhô lên trên nóc tường. Mặc dầu lúc đó trời hãy còn tối, tôi biết ngay

không phải là đầu Mã Tư, đó là đầu anh Bốp. Trông thấy tôi đứng sát vào chấn song, anh kêu rất sễ:

– Suyt!

Đồng thời, anh lấy tay vẩy tôi đứng xa cửa sổ ra. Tôi không hiểu gì, và nghe anh tôi đứng dịch ra. Lúc đó, tay kia anh cầm vật gì lóng lánh và dài trông như cái ống bằng thủy tinh. Anh ngậm ống đó vào mồm. Tôi biết ngay đó là cái ống xì. Tôi nghe « phụt một cái, đồng thời có một viên đạn trắng xuyên qua không khí và rơi vào chỗ chân tôi. Thoáng một cái, đầu anh Bốp biến mất sau bức tường và tôi không nghe thấy gì nữa,

Tôi vội nhặt viên đạn. Nó bằng giấy bao chung quanh một hòn chì. Hình như có những hàng chữ nhỏ vạch trên mảnh giấy đó. Nhưng lúc đó trời chưa rạng để đọc. Tôi đành đợi đến sáng rõ. Tôi cẩn thận đóng cửa sổ lại đến vông nằm và giữ chặt viên đạn giấy trong tay.

Đợi mãi, vùng đông từ từ rạng và rọi ánh hồng trên tường. Tôi giở giấy ra đọc:

– « *Chiều mai, người ta sẽ chuyển anh đến nhà lao Khu. Anh sẽ đi xe hỏa hạng nhì với một cảnh binh. Anh ngồi gần cửa anh lên. Sau khi chạy được 45 phút (phải đếm kỹ) đến chỗ ráp mối của hai đường sắt, xe đi từ từ, anh ra cửa và nhảy phắt xuống: duỗi thẳng hai tay, lao mình ra và có ý cho chân xuống trước. Tới đất rồi, đeo qua bờ bên trái, xe chúng tôi đợi ở đó.*

Đừng sợ gì cả. Hai hôm sau chúng ta sẽ ở Pháp rồi. Can đảm và hy vọng đi! Nhớ nhảy lao mình và xuống bằng chân ».

Trốn thoát! Tôi không phải ra tòa Đại Hình, tôi không phải nhìn cái cảnh đau lòng sẽ diễn ra.

A! Anh Mã Tư can đảm! Anh Bốp tử tế! Anh Bốp đã giúp Mã Tư cứu tôi: « xe chúng tôi đợi ở đó », một mình Mã Tư không sao bày được mưu này. Tôi đọc lại giấy: « Sau khi chạy được 45 phút, bờ bên trái, chân xuống trước ». Nhất định thế, tôi quyết nhảy ra, dù phải tự tử. Chết còn hơn là bị coi là kẻ trộm.

A! Tất cả những việc đó xếp đặt thực hay quá! « Hai hôm sau, chúng ta ở Pháp! » Tuy nhiên, trong cái mừng của tôi có vẫn một ý tưởng buồn rầu: con Lãnh Nhi? Nhưng ý tưởng đó bị đánh tan ngay. Mã Tư không thể bỏ Lãnh Nhi được. Anh đã tìm cách cho tôi vượt ngục, tất nhiên anh cũng có kế cứu Lãnh Nhi. Tôi đọc đi đọc lại mẩu giấy hai ba lần nữa, rồi tôi bỏ vào miệng nhai nát và nuốt đi. Bây giờ tôi chỉ còn việc ngủ cho yên. Tôi thực hành khéo quá, đến nỗi người cai ngục phải đánh thức tôi dậy để ăn bữa sáng.

Thời giờ đi quá nhanh. Vào khoảng quá trưa hôm sau, một người cảnh binh tôi không quen mặt vào phòng giam và bảo tôi theo đi. Tôi vững dạ thấy người cảnh binh này trạc năm mươi tuổi và trông không khe khát lắm.

Mọi việc tôi đều theo lời dặn của Mã Tư cả. Khi xe bắt đầu chạy, tôi ngồi lùi dần về cạnh cửa tôi vừa lên. Người cảnh binh ngồi trước mặt tôi. Trong toa này chỉ có hai chúng tôi thôi. Người cảnh binh hỏi tôi:

– Em nói tiếng Anh được chứ?

– Ít thôi.

– Em hiểu khi người ta nói chứ?

– Hơi hiểu, khi người ta nói chậm.

– Em ơi! Ta muốn cho em một lời khuyên: Đừng quý quyết với Tòa án? Cứ nói thực đi. Có thành thực thì mới thu phục được lòng yêu của mọi người. Không gì khó chịu bằng có việc với những kẻ có lỗi hiển nhiên mà còn cãi. Còn những kẻ thú lỗi bao giờ cũng được người ta thương đến mà khoan dung cho, vì thế em nói thực cho ta biết vụ đó xảy ra như thế nào, ta sẽ thưởng cho em mấy đồng. Em phải biết tiền bạc làm êm dịu phần nào cảnh khổ ở nhà lao.

Tôi định trả lời phắt rằng tôi không có tội gì phải thú cả. Nhưng muốn « thu phục lòng yêu » của người cảnh binh – theo từ ngữ của ông ta – tôi nín lặng, không nói gì. Ông ta nói tiếp:

– Em cứ nghĩ kỹ đi. Khi nào ở nhà lao, em nhận thấy lời khuyên của ta tốt, em sẽ nhờ người gọi ta, vì không nên thú tội với bất cứ ai, phải

chọn mặt người nào thương mình, như ta chẳng hạn, em đã rõ ta sẵn lòng giúp đỡ em.

Tôi sẽ gặt đầu.

– Cứ hỏi ông Đô Phiên là tên tôi, em nhớ lấy.

– Thưa ông, vâng.

Tôi đứng ở cạnh cửa lên xuống. Tôi xin phép ông ta nhìn qua cửa kính ra ngoài để xem phong cảnh những làng mạc xe đi qua. Vì ông muốn « thu phục lòng yêu của tôi », ông trả lời cho tôi tha hồ xem. Ông chả sợ gì. Con tàu đang chạy hết tốc độ.

Một lúc lâu, gió đánh vào mặt lạnh quá, ông bỏ chỗ cửa vào ngồi ghế giữa trong toa. Còn tôi, không biết lạnh là gì. Tôi sẽ đưa tay trái vịn sẵn quả nắm ra, tay phải giữ thành cửa.

Lát sau, xe hỏa kéo còi và đi chậm lại. Đã đến lúc: tôi tung cửa, nhảy mạnh xuống hết sức xa. Tôi lăn xuống hố. May hai tay tôi đã được vào bờ cỏ, nhưng vì rơi xuống mạnh quá, tôi nằm ngất đi.

Khi tôi hồi tỉnh, tôi tưởng tôi vẫn còn ở trên xe hỏa vì tôi thấy chỗ tôi nằm đang bị kéo nhanh và có tiếng bánh xe lăn. Lạ quá, tôi nằm trên một cái ổ cỏ, mặt tôi bị ướt và có vật gì âm ẩm vuốt ve trên má, trên trán tôi.

Tôi mở bừng mắt ra. Một con chó, con chó vàng đang cúi xuống liếm vào tôi. Mắt tôi gặp mắt anh Mã Tư đang quỳ bên cạnh tôi.

Anh rẽ con chó ra, vừa hôn tôi vừa nói:

- Anh thoát nạn rồi!
- Ta ở đâu thế này?
- Trong xe ngựa. Anh BỐp đang đánh xe.

BỐp quay lại hỏi:

- Thế nào, đã khá chưa?
- Tôi không biết, có lẽ khá.

BỐp kêu:

- Cử động tay, cử động chân xem.

Theo lời anh Bốp, tôi đuổi chân đuổi tay trên ổ cỏ.

Mã Tư xem xong, nói:

– Tốt lắm. Không bị gãy gì cả.

– Việc xảy ra thế nào?

– Anh nhảy ở xe ra đúng như lời tôi dặn. Anh lăn vào cái hố. Vì ngã mạnh quá nên anh ngất đi. Đợi mãi không thấy anh bò lên. Tôi liền giữ ngựa cho anh Bốp trèo qua bờ cỏ sang ẵm anh về xe. Chúng tôi đã buồn và lo, tưởng anh chết, may sao anh hồi lại. Thực là sung sướng!

– Còn người Cảnh binh.

– Ông ta cứ đi vì xe hoa không dừng.

Đã biết qua những điều cốt yếu rồi; tôi nhìn chung quanh và thấy con chó vàng cứ nhìn tôi bằng đôi mắt hiền dịu như mắt Lãnh Nhi. Nhưng không phải Lãnh Nhi, vì Lãnh Nhi lông trắng. Còn Lãnh Nhi đâu? Mã Tư chưa kịp trả lời thì con chó vàng nhảy vào liếm tay tôi và khóc.

Mã Tư nói:

– Lãnh Nhi đấy! Chúng tôi phải nhuộm lông nó đi.

Tôi vuốt ve con chó và hôn vào đầu nó.

Tôi hỏi:

– Tại sao anh lại nhuộm đi thế?

– Đó là cả một câu chuyện. Tôi kể cho anh nghe...

Nhưng Bốp không để cho Mã Tư kể. Bốp bảo Mã Tư:

– Anh ra cầm cương ngựa cho tôi. Cầm cho chắc để tôi xếp đặt xe lại cho người ta khỏi nhận rõ xe ta khi qua các trạm gác.

Chiếc xe này có những cái gọng uốn cong để đỡ mui vải. Anh tháo những gọng đó xếp trong xe, gấp tư mui vải đắp cho tôi. Rồi anh bảo Mã Tư cùng chui xuống mảnh vải đó. Chiếc xe có mui chở người bây giờ hóa thành chiếc xe không mui và chỉ có một người đánh xe. Nếu người ta

516 | Dịch giả: Hà Mai Anh

có đuổi theo chúng tôi, trông thấy xe đó cũng không ngờ vực gì.

Tôi hỏi Mã Tư nằm dài bên cạnh tôi:

– Chúng ta đi đâu bây giờ?

– Đi Lít Hăm Tông, là một cái bến nhỏ ở bờ biển. Ở đó Bốp có người anh là chủ một chiếc thuyền buồm vẫn chạy sang Pháp mua trứng và bơ ở tỉnh Ích Nhi miền Noóc Măng Đi về bán. Nếu chúng ta trốn thoát, sẽ trốn thoát được, là ở anh Bốp cả. Anh ấy làm hết. Chú tôi một đứa trẻ khốn nạn, thì làm gì được cho anh. Chính Bốp đã bày mưu nhả xe hỏa, bắn thư cho anh. Chính Bốp đã mượn bạn anh ngựa tốt cho ta. Và chính Bốp sẽ kiếm tàu đưa chúng ta về Pháp, vì anh phải biết rằng nếu anh bước xuống một chiếc tàu biển là anh bị bắt ngay. Anh coi, có bạn thì sung sướng biết bao.

– Còn Lãnh Nhi, ai có ý kiến đem đi?

– Tôi, nhưng chính Bốp có ý kiến nhuộm vàng lông nó đi để người ta khỏi nhận ra. Chúng tôi bắt nó ở trong tay cảnh binh Gia Ry. Viên cảnh

binh thông minh mà quan Tòa đã khen lần này hết thông minh vì đã để người ta lấy mất Lãnh Nhi mà không biết. Con Lãnh Nhi đã nhận thấy tôi nên tôi đã sai khiến nó một cách dễ dàng. Và lại Bốp biết mọi mảnh khoe của những tên ăn trộm chó.

– Thế còn chân anh thế nào?

– Khởi hay gần khởi, tôi không có thì giờ nghĩ đến.

Những đường giao thông ở Anh không giống ở Pháp. Từ chỗ nọ đến chỗ kia lại có những trạm gác mà người ta phải trả tiền mới đi qua được. Khi chúng tôi tới gần một trạm đó, Bốp bảo chúng tôi im tiếng và không được cựa cạy. Những người đứng canh chỉ trông thấy xe ngựa do một người đánh đi, Bốp bông lơn với họ vài câu rồi cứ thẳng tiến.

Anh có tài làm trò hề nên hóa trang rất khéo. Anh đang đóng một vai chủ trại. Giá có người rõ quen anh đứng nói chuyện với anh bây giờ cũng không nhận ra anh. Xe chúng tôi đi rất nhanh, vì

518 | Dịch giả: Hà Mai Anh

ngựa tốt mà Bốc lại là một tay đánh xe tuyệt giỏi. Tuy nhiên, chúng tôi phải dừng lại một lúc để cho ngựa thở và ăn. Chúng tôi không vào hàng quán nào. Chúng tôi nghỉ ở giữa rừng, tháo cương ra và đeo vào cổ nó một giỏ đầy thóc lấy ở trong xe.

Đêm xuống tối đen. Chúng tôi không sợ bị bắt nữa. Lúc đó tôi liền ngỏ cùng anh Bốc những lời cảm ơn chân thành của tôi, nhưng anh không để tôi nói hết những điều cảm xúc ở trong lòng tôi,

Anh bắt tay tôi và đáp:

– Anh đã giúp tôi. Hôm nay tôi giúp lại anh. Mỗi người một lần chứ. Vả lại anh là anh của Mã Tư, đối với một người bạn tốt như Mã Tư, không ai là người tiếc công cả.

Tôi hỏi anh sắp đến Lít Hăm Tông chưa, anh trả lời còn hơn hai dặm nữa mà phải đi nhanh mới được, bởi vì thuyền của người anh anh thứ bảy nào cũng đi Ích Nhi. Mà nước triều kỳ này có lẽ lên sớm. Hôm nay là thứ sáu rồi. Chúng tôi lại lên xe, Mã Tư và tôi lại nằm chỗ cũ dưới tấm vải

dày. Con ngựa được ăn và nghỉ ngơi, chạy như bay.

Mã Tư hỏi tôi:

– Anh có sợ không?

– Có và không. Tôi rất lo bị bắt lại. Nhưng chắc chắn người ta không bắt được tôi. Trốn đi, có phải là nhận mình có lỗi không? Đó là điều mà tôi bứt rứt nhất. Biện bạch chỗ đó làm sao được?

– Chúng tôi đã nghĩ đến điều đó, nhưng BỐP bảo không nên để anh bị giải ra tòa Đại Hình. Đến chỗ đó thì buồn lắm mặc dầu người ta được tha bổng. Tôi không dám nói gì, vì ý tôi chỉ muốn đưa anh về Pháp, tôi sợ nói làm ngãng việc ra.

– Anh đã làm một việc hay. Dù xảy ra đến thế nào, tôi cũng nhớ ơn hai anh.

– Không xảy ra gì cả. Anh đừng sợ. Khi xe hỏa tới nơi, người cảnh binh kia sẽ làm tờ trình. Lúc đó người ta mới mở cuộc truy nã. Trong khoảng đó, ta có bao nhiêu thì giờ để đi xa mà chúng ta

lại chạy như phi. Hơn nữa họ biết đâu là ta đi Lít Hăm Tông để xuống thuyền.

Có thể tin được rằng người ta không biết hành tung của tôi, may ra tôi có thể xuống thuyền đi thoát được. Nhưng tôi không đồng ý với Mã Tư là người cảnh binh phải mất nhiều thì giờ để theo tôi. Đó là một mối lo, là một điều chí nguy. Tuy nhiên, Bốp khéo điều khiển con ngựa hay nên chiếc xe cứ vùn vụt như bay trên con đường quang vắng. Thỉnh thoảng chúng tôi có gặp chiếc xe nào thì gặp, chứ không một xe nào đã vượt xe chúng tôi.

Những làng mạc chúng tôi đi qua đều yên lặng, thỉnh thoảng mới nhìn thấy một cái cửa sổ có ánh đèn khuya. Một vài con chó để ý đến « cuốc » xe nhanh của chúng tôi, ghéch mõm sủa theo. Chỗ nào phải leo qua dốc, khi vượt xong, Bốp lại cho ngựa nghỉ, chúng tôi xuống xe và áp tai xuống mặt đường để nghe. Nhưng Mã Tư là người thính tai nhất cũng không nghe thấy tiếng động gì khả nghi. Chúng tôi lữ hành trong bóng tối và trong khoảng im lặng của ban đêm.

Bây giờ không phải là để nấp mà chúng tôi phải nằm trong mui vải, chính là để cho khỏi rét, vì đã lâu gió bắc thổi vào giá lạnh. Chúng tôi liếm môi thấy mặn. Chúng tôi gần tới biển rồi.

Không bao lâu, chúng tôi nhìn thấy một ánh sáng lúc lờ, lúc tắt cách khoảng rất đều: đó là hải đăng.

Chúng tôi đến nơi. Bốp cho xe đi chậm lại, rẽ vào một con đường tắt. Xong anh dừng lại, xuống xe, bảo chúng tôi ở lại giữ ngựa. Anh chạy xem thuyền đã rời bến chưa và chúng tôi đi nhờ thuyền này có trở ngại hoặc nguy hiểm gì không.

Tôi xin thú thực rằng thời gian anh Bốp đi, tôi thấy lâu, lâu quá. Chúng tôi không nói chuyện. Tiếng sóng vỗ vào đá rào rạt đều đều bên tai làm tăng nỗi buồn của chúng tôi. Mã Tư run người, tôi cũng run run như anh

Anh bảo tôi:

– Lạnh quá!

Có đúng thế không? Sự thực là mỗi khi một con bò hay một con cừu trong bãi đi ra, nghe tiếng sột soạt là chúng tôi lại run lên không rõ vì rét hay vì sợ.

Sau cùng, chúng tôi nghe thấy tiếng chân người bước trên lối anh BỐp vừa đi. Có lẽ anh đã trở ra. Số phận tôi sắp được định đoạt.

BỐp không ra một mình. Khi anh lại gần, chúng tôi thấy có người theo sau. Người đó to lớn, vận một cái va-rơ bằng vải sơn và đội một cái mũ len.

BỐp nói:

– Đây là anh tôi. Anh tôi bằng lòng nhận các anh xuống thuyền và đưa các anh đi. Bây giờ tôi từ biệt các anh. Để cho người ta biết tôi có mặt ở đây, không có lợi gì.

Tôi cảm ơn anh nhưng anh gạt đi, bắt tay tôi và nói:

– Anh đừng nói thế. Phải giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi người một lần chứ! Một ngày kia ta sẽ gặp nhau. Tôi rất sung sướng đã giúp Mã Tư, bạn tôi.

Chúng tôi liền theo anh BỐp, đi qua mấy phố yên lặng trong tỉnh. Sau hai ba chỗ ngoẹo, chúng tôi đến bến. Gió biển thổi như hắt vào mặt chúng tôi. Không nói gì, anh BỐp lấy tay trở cho chúng tôi một chiếc thuyền. Chúng tôi hiểu là thuyền của ông. Vài phút sau, chúng tôi đã xuống thuyền. Người ta cho chúng tôi vào một cái buồng con.

Ông nói:

– Hai giờ nữa thì nhổ neo. Các anh ở yên đây, đừng làm huyền não,

Nói xong, ông khóa cửa buồng lại. Yên lặng Mã Tư nhảy vào trong cánh tay tôi và hôn tôi. Anh không run nữa.

CHƯƠNG XL

THUYỀN THIÊN NGA

Sau khi ông anh Bốp lên bờ, dưới thuyền rất im lặng. Chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng gió thổi qua những cột thuyền và tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền mỗi lúc một tăng thêm.

Hồi lâu, có tiếng chân người đi trên boong, tiếng dây ném xuống thuyền, tiếng máy thả dây cuộn dây, tiếng buồm kéo lên, tiếng bánh lái kèn kẹt. Tự nhiên con thuyền nghiêng hẳn về phía bên trái và tròn tránh. Người ta khởi hành. Tôi thoát nạn.

Thoạt tiên, thuyền hơi lắc lư, nhưng rồi mỗi lúc một mạnh hơn. Con thuyền nhào xuống rồi lại nhô lên, sóng đập vào mũi thuyền, vào mạn thuyền bên phải dữ dội.

Tôi cầm tay Mã Tư nói:

– Thương hại anh quá!

Anh nói:

– Không sao, anh ạ! Tôi đã biết trước. Lúc ngồi trên xe thấy gió thổi rạp những ngọn cây, tôi biết là sóng to và chúng ta sẽ được khiêu vũ. Bây giờ, quả thực.

Lúc đó, cửa buồng mở ra. Ông anh BỐp quay vào bảo chúng tôi:

– Các anh có lên boong thì lên. Bây giờ không sợ nguy hiểm nữa.

Mã Tư hỏi:

– Ở chỗ nào khỏi mệt?

– Nằm xuống thì khỏi.

– Cảm ơn ông, tôi nằm vậy.

Mã Tư liền nằm dài.

Thuyền Trưởng nói tiếp:

– Thủy thủ sẽ đem đến các thứ cần dùng cho anh.

Mã Tư nói:

– Nếu được ngay thì tốt lắm.

– Anh đã mệt lắm à?

– Tôi thấy khó chịu đã lâu...

Tôi lại ngồi cạnh anh, nhưng anh giục tôi lên boong.

– Tôi không việc gì anh ạ. Bây giờ anh thoát nạn rồi, tôi không cần gì cả. Tôi rất sung sướng được say sóng!

Ở trên boong, tôi phải nắm chặt vào dây mới đứng vững được. Tôi nhìn ra biển, trong bóng đêm sâu thẳm, tôi chỉ thấy một lớp bọt trắng gợn lên. Con thuyền nghiêng hẳn về một bên như sắp đổ, nhưng nó không đổ, nhờ sức gió tây, nó vùn vụt rẽ sóng tiến lên.

Tôi quay lại nhìn vào bến. Những ánh đèn chỉ còn là những điểm li ti lấp lánh sau màn sương

tối, yếu dần đi rồi lần lượt biến hết. Lòng tôi cởi mở, tôi để lời vĩnh biệt nước Anh.

Thuyền trưởng bảo tôi:

– Nếu gió thổi đều, chiều nay ta có thể đến Ích Nhi sớm được. Chiếc thuyền «Nguyệt Thực» này chạy khá lắm.

Phải mất một ngày, hơn một ngày đi trên biển, khổ thay cho Mã Tư! Nhưng những lớp sóng đã làm anh « say » thì cũng làm cho anh sung sướng! Suốt ngày hôm đó tôi hết lên boong, lại xuống buồng hết xuống buồng lại lên boong. Buổi chiều, gặp tôi trên boong, Thuyền trưởng trở tay về phía tây nam, chỗ có một cột khói trắng nổi cao trên nền trời xanh. Ông bảo:

– Đó là tỉnh Bạc-Lơ (Barfleur).

Tôi vội trèo xuống báo tin mừng cho Mã Tư hay: Chúng tôi đã trông thấy đất Pháp. Nhưng khoảng từ Bạc-Lơ đến Ích Nhi còn xa, vì phải lượn quanh bán đảo Cốt Tăng Tanh (Cotentin) mới đến Ích Nhi.

Khi thuyền Nguyệt Thực cập bến Ích Nhi, thì tối đã lâu. Thuyền trưởng vui lòng cho chúng tôi ngủ lại ở đây. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi ân cần cảm ơn Thuyền trưởng và từ biệt ông. Ông bắt mạnh tay chúng tôi và dặn:

– Khi nào các anh muốn trở về nước Anh thì cứ trở lại đây. Thuyền Nguyệt Thực rời bến Ích Nhi vào những ngày thứ ba.

Chúng tôi cảm ơn lòng quý hóa của ông một lần nữa rồi đi vì tôi cũng như Mã Tư không ai muốn trở lại một nơi mà mình đã sợ và lánh cho nhanh. Bước chân lên đất Pháp, chúng tôi chỉ còn những quần áo đang mặc trong người và những nhạc khí của chúng tôi thôi. Mã Tư đã cẩn thận giữ cho tôi cây thụ cầm mà tôi đã gửi lại ở lều anh Bốp để đi quán trọ Cây Sồi. Còn hai túi đồ đạc của chúng tôi thì vẫn còn để ở trong xe của gia đình Điệp Công. Chúng tôi rất băn khoăn về việc này, chúng tôi không thể tiếp tục nghề cũ vì không có sơ mi, không có bút tất dài và nhất là không có giấy cần cước.

May sao, Mã Tư còn để dành được 12 phật lạng, thêm vào đó phần tiền mà anh Bốp đã chia cho chúng tôi sau buổi diễn ở Trường Đua là 22 đồng Shillings hay 27 phật lạng rưỡi, thành ra chúng tôi có gần 40 phật lạng, một món tiền khá lớn cho chúng tôi. Mã Tư đã đem số tiền này biếu cho anh Bốp để đỡ anh những khoản chi tiêu về việc vượt ngục của tôi, nhưng anh Bốp không nhận, anh nói:

– Ai lại lấy tiền công khi giúp bạn.

Ở thuyền Nguyệt Thực lên, công việc thứ nhất của chúng tôi là phải tìm mua một cái túi cũ của nhà binh, hai áo sơ-mi, hai đôi bít tất dài, một miếng xà phòng, một cái lược, kim, chỉ, cúc và một thứ nữa rất cần thiết là bản đồ nước Pháp.

Thực vậy, bây giờ ở đất Pháp rồi. Chúng tôi biết đi đâu? Đi đường nào? Đi thế nào?

Đó là một vấn đề làm rối óc chúng tôi từ khi ở Ích Nhi ra đường Bay Ơ (Bayeux).

Mã Tư nói:

– Theo ý tôi, không có đường nào hơn, kém cả, đi sang bên phải hay rẽ sang bên trái cũng được. Tôi chỉ cần có một điều.

– Điều gì?

– Là theo dòng sông lớn, sông con hay sông đào, vì tôi có một ý định.

Tôi chưa kịp hỏi đến ý định của anh, anh nói tiếp:

– Tôi nghĩ cần phải cắt nghĩa ý định của tôi cho anh nghe. Khi mà An Tuyên còn ốm, mẹ cậu còn phải đưa cậu đi chơi như ngày nào anh đã gặp trên thuyền « Thiên-Nga »

– An Tuyên không ốm nữa.

Nghĩa là bệnh tình cậu ấy đã khá, cậu ấy không ốm nặng nữa. Nhưng cần phải nhờ vào sự săn sóc tận tâm của mẹ cậu thì cậu mới khỏi hẳn được. Vì thế tôi nghĩ, muốn cho bệnh khỏi hẳn. Tất mẹ cậu phải đưa cậu đi chơi bằng thuyền trên sông lớn, sông con, các sông đào nào mà Thiên

Nga có thể đi qua được. Nay cứ theo các dòng sông đó, may ta có thể tìm được bà Mỹ Lưu.

– Ai bảo anh biết thuyền Thiên Nga còn ở Pháp?

– Không ai bảo cả. Nhưng thuyền Thiên Nga không thể đi biển được, tất nhiên còn ở Pháp. Chúng ta có nhiều cái may tìm thấy. Giá chúng ta chỉ có một cái may, thì anh có đồng ý với tôi đánh liều cái may ấy không? Ý kiến của tôi là nên tìm bà Mỹ Lưu và không nên quản ngại gì cả.

Thế còn Lệ Hoa, An Sinh, Bằng Mai, Yến Chi?

Trong khi đi tìm bà Mỹ Lưu, ta sẽ ghé thăm các bạn đó. Vậy thì phải theo một con sông. Anh xem bản đồ xem con sông nào gần chỗ chúng ta nhất. Bản đồ được giở ra bên đường cái. Chúng tôi tìm một con sông gần nhất, thì thấy là sông Xen, Mã Tư nói:

– Vậy chúng ta theo sông Xen. Sông Xen qua Ba Lê.

– Thì « làm sao »?

– « Làm sao » làm chứ! Ngày xưa ông Võ Tiên thường bảo tôi muốn tìm ai cứ về Ba Lê mà tìm thì thấy. Nếu Cảnh binh nước Anh truy nã tôi, đang đợi ở đó nay tôi lại đâm đầu vào, thế chẳng hóa cuộc chạy trốn của ta vô ích lắm sao? Thế ra cảnh sát cuộc nước Anh có thể cho người sang Pháp để đuổi theo anh!

– Tôi không biết, nhưng việc đó có thể xảy ra được thì không nên về Ba Lê.

– Sao ta lại không có thể theo sông Xen đến gần Ba Lê, vòng lối khác để rồi lại theo sông Xen được? Tôi cũng sợ gặp Phú Lợi.

– Tất nhiên.

Cứ đi như thế, ta hỏi thăm những chủ thuyền, những người kéo ghe vì thuyền Thiên Nga có cái hiên lạ kiểu, ai cũng phải nhìn nếu nó đi qua. Nếu không tìm thấy Thiên Nga ở sông Xen, ta tìm nó ở sông Loa, sông Ga Ron và tất cả các sông khác ở Pháp, thì thế nào cũng phải thấy!

Tôi không còn lý gì nữa để cãi lại Mã Tư. Chúng tôi nhất định ngược theo bờ sông Xen.

Nghĩ cho chúng tôi xong rồi, bây giờ chúng tôi phải nghĩ đến Lãnh Nhi, Lãnh Nhi lông vàng thì không phải là Lãnh Nhi của tôi. Chúng tôi mua xà phòng đen, gấp chỗ có nước đầu tiên, chúng tôi liền tắm và chải cho nó đến mỗi tay thì thôi. Thuốc nhuộm của Bốp tốt quá, thành ra tổn bao nhiêu xà phòng bao nhiêu công chải xát và mất bao nhiêu tuần lễ, bao nhiêu tháng trời. mới lấy lại được bộ lông trắng đẹp như xưa. May sao xứ Noóc-Măng-Đi là miền lắm nước, ngày nào chúng tôi cũng tắm cho Lãnh Nhi được.

Từ Bay-Ơ chúng tôi phải đi qua mấy tỉnh nhỏ mới tới tỉnh Bù (la Bouille) ở trên sông Xen. Một buổi chiều, đi hết con đường cây cối rậm rạp, chúng tôi đến chỗ ngoẹo. Leo lên đỉnh đồi, Mã Tư chợt nhìn thấy sông Xen ở trước mặt và reo lên. Chúng tôi nhìn ra: con sông vòng qua chỗ chúng tôi đứng, nước to nhưng sóng lặng, nước xuôi những con thuyền buồm trắng và những chiếc tàu lớn nhỏ từng cuộn khói xanh. Hai bên

bờ nào đồng cỏ, nào ruộng màu, nào rừng cây làm cho phong cảnh thêm mát mẻ, xinh tươi.

Mã Tư nói:

– Chắc hẳn bà Mỹ Lưu đưa con dạo chơi trên sông này. Chúng ta dò hỏi những người làng ở ven sông sẽ rõ.

Tôi không biết việc hỏi thăm người dân xứ Noóc Măng Đi rất khó. Họ trả lời vớ vẩn và lại hỏi lại mình nữa:

– Anh hỏi tàu ở Havre hay tàu ở Rouen?

– Nó là cái tàu? Phải không?

– Nó là cái thuyền nan? Cái ca nô? Cái sà lan?

Sau khi trả lời tất cả câu hỏi của họ, chúng tôi biết rằng thuyền Thiên Nga không qua tỉnh Bùi hoặc có qua nhưng về ban đêm chẳng, nên không ai nhìn thấy.

Từ tỉnh Bùi đến tỉnh Ru Ăng (Rouen) chúng tôi thăm tìm nhưng vô ích. Đến tỉnh En-Bốp (Elbeuf) chúng tôi hỏi, chả ai trông thấy Thiên

Nga. Đến Pô Dơ (Poses), nơi này ngang sông có đập, thuyền bè xuôi ngược đều phải đi qua. Chúng tôi hỏi, người coi đập trả lời không hề gặp con thuyền lạ đó bao giờ.

Chúng tôi không nản chí, cử ngược theo bờ sông đi, tới Ba Lê và quá Ba Lê.

Chúng tôi đi không những để mỗi ngày tiến thêm một quãng đường mà còn phải dừng lại đây đó đàn hát, diễn trò để mưu sinh. Sau năm tuần lễ chúng tôi đi tới Sa-Răng-Tanh (Charentin).

Đến đây một câu hỏi được nêu ra: chúng tôi phải theo sông Xen hay theo, sông Mạc (Marne) là sông nhánh đổ vào sông Xen. Ngồi trước tấm bản đồ, tôi do dự không biết chọn đường nào.

May sao, trong khi chúng tôi đang bối rối và ra bến dò hỏi, một người chủ thuyền cho chúng tôi biết là lần thứ nhất ông ta được trông thấy một con thuyền du lịch có hiên, giống như Thiên Nga. Mã Tư vui sướng quá nhảy nhót trên bến. Anh lấy vĩ cầm đánh một khúc khải hoàn hùng tráng.

Trong khi đó, tôi tiếp tục hỏi, người chủ thuyền vui lòng trả lời cặn kẽ những câu hỏi của tôi. Tôi không còn ngờ gì nữa. Con thuyền lạ người ta đã gặp chính là Thiên Nga. Thuyền đó qua bến này cách đây hai tháng và ngược dòng sông Xen.

Hai tháng! Một thời gian quá xa rồi! Nhưng có hề chi. Chúng tôi cứ việc đi rồi chúng tôi phải đuổi kịp, mặc dầu chúng tôi đi bằng chân mà con thuyền thì do ngựa kéo.

Vấn đề thời gian không quan hệ, quan hệ nhất là hiện diện của thuyền Thiên Nga. Nay Thiên Nga vẫn còn ở Pháp, thế là chúng tôi vững lòng.

Mã Tư kêu lên:

– Ai có lý, hờ anh?

Tôi chỉ cười và không đáp.

Thiên Nga ở phía trước mặt, chúng tôi chỉ có việc theo dọc sông Xen thôi, không cần dừng lại để hỏi ai nữa.

Nhưng đến tỉnh Mô-Rê (Moret), có một sông nhánh chảy vào sông Xen chúng tôi lại phải hỏi xem. Thiên Nga theo ngã sông nào. Rồi đến Mông-Rô (Montereau), chúng tôi lại phải hỏi lần nữa.

Lần này, Thiên Nga đã bỏ sông Xen để sang sông Ôn (Yonne). Người ta bảo thuyền đó đã rời Mông Rô cách đây hơn hai tháng, trên thuyền có một bà người Anh và một đứa con trai nằm dài trên giường.

Theo sông Ôn, chúng tôi càng đi càng gần nơi Lệ Hoa ở. Lòng tôi hồi hộp. Tôi mở bản đồ xem: đến Goa Nhi (Joigny) không biết bà Mỹ Lưu chọn sông đào Buốc Gô (Bourgogne) hay kênh Niên (Nivenais).

Chúng tôi đi tới ngã ba sông Ôn và sông Ấc Măng (Armençon), biết Thiên Nga vẫn ở sông Ôn: chúng tôi sẽ được qua Đơ Di và thăm Lệ Hoa. May ra cô đã thấy bà Mỹ Lưu và An Tuyên, cô sẽ kể cho chúng tôi biết.

Từ khi chúng tôi chạy theo Thiên Nga đến đâu chúng tôi cũng chỉ diễn cho mau cho chóng để đi. Lãnh Nhi, một kịch sĩ kiên nhẫn, không hiểu sao chúng tôi lại vội vã thế, không để cho Lãnh Nhi có thì giờ ngâm bát gổ ngồi lý trước quý khán giả cố tình không mở túi? Phải biết đợi chứ!

Nhưng chúng tôi không đợi, vì thế số thu thập càng ngày càng kém. Gia dĩ, số 40 phật lăng của chúng tôi còn lại cũng mòn dần. Không những không kiếm ra, chúng tôi còn ăn vào vốn. Nhưng Mã Tư cứ giục. Chúng ta đi mau lên để đuổi kịp Thiên Nga.

Tôi cũng họa theo:

– Chúng ta đi mau lên!

Tối đến, không bao giờ chúng tôi kêu mệt, mặc dầu đã đi những độ quá dài. Không những thế, chúng tôi còn bảo nhau sáng hôm sau đi thật sớm.

Mã Tư là người thích ngủ, nên vẫn nhắc tôi:

– Sáng mai gọi tôi nhé!

Mỗi khi tôi gọi, không bao giờ anh dậy chậm, sốt sắng sửa soạn đi luôn.

Muốn để dành tiền, chúng tôi phải hạn chế các khoản chi tiêu. Trời nắng, Mã Tư tuyên bố không muốn ăn thịt vì «mùa hè ăn thịt thì độc». Chúng tôi chỉ dùng bánh mì và trứng mặn hay chút bơ thôi. Chúng tôi đi qua miền sản xuất rượu vang, mà chúng tôi chỉ uống nước lạnh.

Chúng tôi không hề phàn nàn. Tuy vậy Mã Tư thỉnh thoảng cũng có ý thèm thuồng. Anh nói:

– Tôi mong bà Mỹ Lưu vẫn còn người đầu bếp cũ, khéo làm những bánh mít, bánh nhân hạt mơ. Chưa bao giờ anh ăn các thứ đó à?

– Tôi đã ăn những bánh khoai. Tôi chưa từng ăn các bánh mít. Nhưng tôi đã trông thấy. Có phải những thứ bánh vàng vàng có điểm những hạt trắng trắng?

– Hạt hạnh nhân.

– Ô!

Và Mã Tư há hốc lên như muốn nuốt cả tấm bánh vào miệng.

Từ Gioa-Nhi đến Ôt-Xe (Auxerre); sông Ôn lượn quanh co. Chúng tôi đi đường tắt nên lợi thì giờ. Nhưng đến Ôt-Xe thì Thiên-Nga đã sang sông Niên và đi nhanh hơn vì nước sông yên lặng. Trên sông này thuyền bè ít đi lại, đến mỗi cửa đập, chúng tôi lại hỏi, ai ai cũng nhìn thấy chiếc thuyền lạ kiểu ấy.

Không những người ta tả rõ thuyền Thiên Nga, người ta còn kể trong thuyền có một bà người Anh và một cậu con trai nằm ở cái giường trên boong, dưới cái hiên có hoa lá và thỉnh thoảng cậu ta ngồi dậy trông ra ngoài. Chúng tôi biết cậu An Tuyên đã đỡ rồi.

Chúng tôi tới gần Mộc Văn (Đơ-Di). Còn hai ngày nữa. Còn một ngày. Còn vài giờ nữa thôi. Sau cùng, chúng tôi nhìn thấy cánh rừng mà chúng tôi đã dạo chơi với Lệ Hoa trong mùa thu trước. Rồi chúng tôi nhìn thấy bờ đập cùng nhà bà Cát Tường.

Không ai bảo ai, Mã Tư và tôi rảo bước: chúng tôi không đi nữa mà chúng tôi chạy. Lãnh Nhi chạy trước chúng tôi. Nó báo tin cho Lệ Hoa biết để ra đón chúng tôi. Nhưng không có Lệ Hoa nào ra đón và Lãnh Nhi thì cúp đuôi chạy trở lại như bị người đuổi đánh.

Chúng tôi liền đứng lại và tự hỏi thế là nghĩa lý gì? Có việc gì xảy ra? Nhưng chẳng ai nói ra và lại tiến bước.

Lãnh Nhi tiu nghỉu đã về tới chân chúng tôi. Một người đàn ông đang kéo cánh cửa “đập”, chúng tôi nhìn kỹ, không phải là ông chú của Lệ Hoa. Chúng tôi vào tận nhà. Một người đàn bà mà chúng tôi không quen, đang đi lại trong bếp.

Chúng tôi vào hỏi:

– Bà Suy-Ô (tức Cát Tường) có nhà không?

Bà ta quay ra nhìn chúng tôi một lúc, hình như chưa hiểu chúng tôi hỏi gì. Sau cùng bà đáp:

– Bà ấy không ở đây nữa.

542 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Thế bây giờ ở đâu?

– Ở Ai Cập.

Mã Tư và tôi ngàn người, nhìn nhau. Ở Ai Cập! Chúng tôi không hiểu Ai Cập là nước nào và ở đâu? Nhưng chúng tôi đoán là xa, xa lắm, ở góc biển bên trời.

– Còn cô Lệ Hoa? Bà có biết Lệ Hoa không?

– Lệ Hoa à? Cô ta đi thuyền với một bà người Anh.

Lệ Hoa hiện ở thuyền Thiên Nga! Chúng tôi đã lạc trong giấc mơ chẳng?

Nhưng bà ta đã trả lời là chúng tôi đang ở trong cảnh thực bằng câu:

– Anh là Lê Minh à?

– Phải.

– Vậy thì, khi ông Suy-Ô chết đuối...

– Chết đuối?

– Chết đuối trong « đập ». Ông ta trượt chân ngã xuống đập, bị nước cuốn và móc vào một cái đinh ở găm sà lan. Đó là cái tai nạn về nghề nghiệp thường xảy ra. Vì thế ông ta chết đuối. Sau đó chồng tôi đến thay. Bà Cát Tường đảm đang thực nhưng không tránh nổi cảnh khốn quẫn. Khi tiền hết, người ta không thể « đúc » ngay ra được. Có người chủ cũ định thuê bà sang Ai Cập để trông nom mấy đứa trẻ. Nhưng bà lúng túng không quyết vì còn đứa cháu gái, Lệ Hoa. May sao, một chiều kia, có một bà người Anh giong thuyền cho đứa con trai ốm đi chơi, dừng lại ở cửa đập. Người ta nói chuyện. Bà khách kia đang cần một đứa trẻ để làm bạn với con mình cho vui, liền xin Lệ Hoa để nuôi nấng, dạy dỗ và chữa bệnh cho. Thấy bà khách kia hiền hậu, bà Cát Tường sang Ai cập. Trước khi từ biệt, Lệ Hoa không biết nói, ra hiệu cho cô là bà Cát Tường nhờ tôi một việc: khi nào anh đến thăm cô thì kể lại sự tình cho anh nghe. Vì thế tôi mới biết tên anh là Lê Minh.

Tôi cảm động quá không nói được câu gì. Mã Tư sáng suốt hơn tôi, hỏi luôn bà đó:

– Thế bà người Anh ấy đi đâu?

– Đi miền Nam nước Pháp hay sang Thụy sĩ. Đáng lẽ Lệ Hoa phải nhờ người viết thư gửi về đây cho anh biết địa chỉ. Nhưng từ đó tôi không nhận được tin tức gì.

CHƯƠNG XI

NHỮNG CÁI TÃ ĐẸP NÓI THỰC

Tôi đang sững sờ, không biết tính thế nào, thì Mã Tư nhanh nhẩu nói:

– Thưa bà, chúng tôi cảm ơn bà.

Rồi anh sẽ cầm tay tôi đưa ra khỏi bếp. Anh nói:

– Chúng ta lên đường đi! Lần này không phải chỉ tìm bà Mỹ Lưu và cậu An Tuyên, chúng ta còn tìm Lệ Hoa nữa. Có phải hay không? Đáng lẽ chúng ta phải dừng lại ở đây, bây giờ ta được đi ngay. Thế gọi là cái may đây, anh ạ! Chúng ta đã chịu nhiều cái rủi rồi, bây giờ đến lượt hưởng những cái may. Ngọn gió đã đổi chiều! Biết đâu hạnh phúc đang chờ ta! Tiến lên!

Chúng tôi tiếp tục cuộc rượt theo Thiên Nga. Không để mất thì giờ, chúng tôi chỉ dừng tại để ngủ và để kiếm tiền. Ở Đơ-Di là chỗ sông Niên chảy vào sông Loa, chúng tôi phải hỏi thăm, biết Thiên Nga đã theo sông đào đi Đi-Goăng (Digoin), rồi lại từ Đi-Goăng sang sông Trung để tới Sa-Lông (Chalon).

Xem bản đồ, nếu chúng tôi đi thẳng từ Sa-Ron (Charolles) đến Ma-Công (Macon), không theo dòng sông, thì đỡ được mấy ngày đường, nhưng chúng tôi không dám đi lối ấy sợ Thiên Nga dừng lại ở quãng nào thì chúng tôi sẽ phải lộn lại, có phải nhanh nhẩu đoảng không?

Vì thế chúng tôi quyết theo sông Sa-Ôn (Saône), từ Sa-Lông cho tới Ly-Ông.

Đến Ly-Ông, chúng tôi lại khó nghĩ, Thiên Nga đã đi ngược hay xuôi dòng sông Rôn? Nói cách khác là bà Mỹ Lưu đã sang Thụy sĩ hay xuống miền Nam nước Pháp?

Lần trong đám tàu chạy như mắt cửi trên ngã ba sông Rôn và Sa-Ôn này, thuyền Thiên Nga có

thể bị lu mờ, không ai chú ý: Chúng tôi dò hỏi những người lái thuyền, những người chân sào, những người ở bến, biết chắc chắn thuyền Thiên Nga đã sang Thụy Sĩ: chúng tôi lại ngược theo sông Rôn. Mã Tư nói: Ở Thụy sĩ sang Ý được, đó lại là một cái may nữa. Cứ theo mãi bà Mỹ Lưu, có ngày chúng ta về đến Lục Ca. Em Tuyết Nga sẽ sung sướng biết nhường nào.

Thương cho Mã Tư thân mến và khốn nạn của tôi! Anh đã giúp tôi đi tìm những người thân yêu của tôi, tôi chưa làm gì để anh được gần em gái anh! Đến Ly-Ông, chúng tôi đi nhanh hơn thuyền vì nước sông chảy xiết, thuyền bè khó ngược hơn là ở sông Xen. Tới Quy Lô (Culoz), tính ra thời gian Thiên Nga đi trước chúng tôi chỉ còn có sáu tuần lễ.

Giở bản đồ ra xem, chúng tôi tin rằng có thể đuổi kịp Thiên Nga trước khi tới hồ Giơ-Neo (Genève), Thiên Nga phải đưa bà Mỹ Lưu đến tận Thụy Sĩ. Yên trí thế, vì chúng tôi không có bản đồ nước này. Chúng tôi đến tỉnh Sét-Sen, một thành phố ở hai bên bờ sông và nối liền bằng một cầu

treo. Chúng tôi ra bến xem thì ủa! Lạ quá! Có phải kia là thuyền Thiên Nga không? Chúng tôi chạy đến gần. Chính hình dáng nó, chính nó. Nhưng có vẻ là một chiếc thuyền bỏ không, buộc vào cạnh một cái sàn có mái che. Cửa phòng khóa kín, hiên thuyền không có hoa leo nữa. Sao lại thế? Có việc gì xảy ra cho An Tuyên chăng?

Chúng tôi đứng lại, trái tim dồn dập đến nghẹn thở. Nhưng đứng lại thì hèn quá. Phải tiến lên. Phải hỏi han xem sao? Gặp một người đàn ông, chúng tôi hỏi tin. Người đó, chính là người giữ việc coi thuyền, cho chúng tôi biết:

« Bà khách người Anh đi thuyền với hai con, một cậu con trai liệt và một cô con gái câm, hiện đang ở Thụy Sĩ. Bà ta phải để thuyền lại đây vì không thể ngược sông Rôn được nữa. Bà ta cùng hai con phải đi xe ngựa trước với một người đàn bà giúp việc. Còn các đầy tớ chở đồ đạc theo sau. Đến mùa thu, bà ta mới về đây lấy thuyền rồi theo sông Rôn xuống miền Nam nước Pháp và ở đó cho hết mùa đông .

Bây giờ, chúng tôi mới thở được.

Mã Tư hỏi:

– Bây giờ bà khách ấy ở đâu?

– Bà ta hiện thuê một cái nhà miễn quê gần bờ hồ Giơ-Neo, ở đầu Vơ-Vay (Vevey) thì phải, tôi không biết đúng chỗ ở, nhưng bà ta nghỉ hè ở đó.

Lên đường đi Vơ-Vay! Đến Giơ-Neo, chúng tôi sẽ mua một bản đồ nước Thụy-Sĩ, chúng tôi sẽ tìm thấy tỉnh ấy hay làng ấy, không khó. Bây giờ Thiên Nga không chạy trước mặt chúng tôi nữa, bà Mỹ Lưu đã ở một chỗ nhất định, chúng tôi chỉ có việc tìm, chúng tôi sẽ thấy.

Đi rông rã bốn ngày, chúng tôi mới đến địa phận Vơ-Vay. Những sườn núi xanh um thoải xuống bên hồ nước biếc. Những biệt thự, những hoa trang lẫn trong đám cây như những tổ chim rải rác trên sườn non. Trong đám trang thự đó hẳn có nhà bà Mỹ Lưu ở cùng An Tuyên và Lệ Hoa.

Đến Vơ-Vay, chúng tôi chỉ còn ba xu trong túi. Giày người nào cũng mất cả đế.

Vơ Vay không phải là một làng nhỏ như chúng tôi tưởng. Đó là một thành phố, to hơn một thành phố, vì thị trấn này nối liền với thành phố Vin-Ng (Villeneuve) làm một, qua một giải bảy làng trù phú liên tiếp. Trong chỗ đô hội này, nếu chúng tôi chỉ hỏi tin một bà người Anh có một trai ốm và một gái câm thì hỏi đến hàng năm cũng không ai biết. Ở Vơ-Vay và chung quanh hồ đều có người Anh nhất là đàn bà Anh đến nghỉ mát đông đúc chẳng khác chi một nơi giải trí phong lưu ở chung quanh thành Luân Đôn vậy.

Tốt hơn hết là chúng tôi tự đi tìm lấy bằng cách đến tất cả mọi nhà người ngoại quốc có mặt ở đây. Đối với chúng tôi, vấn đề này không khó lắm vì chúng tôi chỉ có việc đi diễn trò trong tất cả các phố.

Trong có một ngày, chúng tôi đi hết thành phố Vơ-Vay và thu được một số tiền lớn. Ngày trước, khi chúng tôi định mua bò, mua búp bê, kiếm được như thế đã lấy làm sung sướng. Nhưng bây giờ mục đích không phải là tìm tiền nên chúng tôi cũng không lấy gì làm thích. Đi khắp mọi phố,

chúng tôi không tìm thấy dấu hiệu gì tỏ ra là bà Mỹ Lưu ở đây.

Hôm sau, chúng tôi kiếm tìm ở miền phụ cận thành phố. Chúng tôi đi thẳng trước mặt chúng tôi và đi cầu may. Qua những ngôi nhà bóng dáng xinh xinh, dù cửa sổ mở hay đóng, chúng tôi cũng hạ đàn xuống trình diễn chơi. Cứ như thế, chúng tôi đi từ hồ lên núi, lại từ núi xuống hồ, nhìn xét chung quanh, hỏi thăm những người thật tử tế. Nhưng chiều đến chúng tôi trở về thất vọng cũng như hôm trước.

Ngày hôm đó, chúng tôi bị hai cái mừng hụt. Có một người không biết tên bà Mỹ Lưu nhưng chắc là bà, trở cho chúng tôi lên đỉnh núi tìm ngôi nhà sơn xanh. Người thứ hai quả quyết rằng người đàn bà Anh có hai đứa con ở ngay bờ hồ. Chúng tôi lật đặt lên đỉnh núi rồi lại lật đặt xuống bờ hồ, có tìm thấy những « ba người Anh » thực, nhưng không phải bà Mỹ Lưu!

Sau khi tìm kiếm rất kỹ càng ở miền phụ cận tỉnh Vơ-Vay, chúng tôi bảo nhau đi rộng ra chút nữa về phía Ca-Răng (Claren) và Mông-Tơ

(Montreux), trong lòng hậm hực nhưng không chán nản vì ở đời cái gì không thành công hôm nay thì ngày mai phải thắng lợi, miễn là ta không thoái chí.

Khi chúng tôi đi trên những con đường rộng hai bên có tường cao, khi chúng tôi vào những con đường mòn quanh co trong những vườn nho hay nương trái, khi chúng tôi ra những con đường râm mát, hai bên có những cây dẻ rườm rà, chặn hết ánh sáng để cho những đám rêu mọc mơn mớn như nhung.

Trên những đường lớn, đường nhỏ đó, mỗi bước đi, chúng tôi lại nhìn thấy hai bên có những hàng giậu sắt hoặc gỗ rất hoa mỹ. Bên trong là những lối đi rải cát, những luống hoa và những bồn cỏ. Những tòa nhà xinh xắn ẩn hiện sau đám lá xanh.

Những thửa vườn đó thực là những chương ngại vật lớn cho chúng tôi. Nó ngăn trở không cho những người trong nhà nghe rõ tiếng nhạc của chúng tôi.

Vì thế, chúng tôi phải gân cổ, gân tay ra đàn, hát, hoạt động mãi như thế thì còn gì là hơi sức.

Một buổi chiều, khi chúng tôi mở một cuộc họp tấu ở giữa nơi đường vắng; chúng tôi quay vào hàng giậu sắt, không để ý đến bức tường đằng sau. Tôi hát bài Tình ca, hát to như gào lên. Hát xong đoạn thứ nhất, tôi toan ca đoạn thứ hai, bỗng nghe ở phía sau tôi có một tiếng kêu rồi có người hát tiếp theo đoạn thứ hai bài hát của tôi, tiếng nhỏ và lạ tai.

Quái! Tiếng ai thế nhỉ?

Mã Tư hỏi tôi:

– Cậu An Tuyên hát chẳng?

Nhưng không phải An Tuyên, tiếng cậu tôi đã quen. Đây là tiếng người nào ấy. Đồng thời, con Lãnh Nhi kêu kít kít mừng rỡ chạy ra nhảy chồm vào bờ tường.

Tôi liền hỏi to:

– Ai hát đấy?

Có tiếng trả lời đưa ra:

– Lê Minh!

« Tên tôi » để « trả lời » tôi!

Mã Tư và tôi ngậy người, nhìn nhau.

Chúng tôi đang ngỡ ngác, chợt tôi nhìn phía sau Mã Tư, qua bức giậu thấp trên ngọn tường có chiếc mùi-xoa trắng đưa đi đưa lại phất phơ trước gió. Chúng tôi chạy về phía đó.

Đến chân giậu, chúng tôi mới rõ người có cái cánh tay phất mùi xoa ấy chính là... Lê Hoa.

Trời ơi! Chúng tôi đã tìm thấy cô, thấy bà Mỹ. Lưu và cậu An Tuyên rồi!

Nhưng ai đã hát? Ngay lúc đó Mã Tư và tôi hỏi cô thì được nghe tiếng: « Tôi » do cô nói ra.

A? Lê Hoa đã hát được, đã nói được!

Nhiều lần tôi đã được nghe nói, hể bao giờ Lê Hoa cảm xúc mạnh là nói lên được, nhưng tôi không tin.

Bây giờ mới biết người ta nói đúng, Lệ Hoa đã nói được. Phép màu đã hiển hiện!

Chợt nghe tiếng và trông thấy tôi, người mà cô tưởng không bao giờ gặp nữa, cô đã cảm xúc đến cực độ! Nghĩ thế, lòng tôi rung động, đứng không vững, tôi phải níu chặt lấy cành rào. Nhưng tôi vẫn nhớ ra, tôi hỏi:

– Bà Mỹ Lưu đâu? Cậu An Tuyên đâu?

Lệ Hoa mấp môi để trả lời, nhưng miệng cô chỉ phát ra những tiếng ngọng nghịu. Nóng ruột, cô lại dùng tay để nói chuyện cho nhanh chóng hơn. Óc cô và lưỡi cô còn vụng chưa khiến được tiếng nói cho rõ ràng.

Tôi nghe lời nói bằng tay của cô – Mà Mã Tư chẳng hiểu gì Tôi nhìn xa xa trong vườn thấy ở đâu một lối đi rậm rạp có chiếc xe dài do một người đẩy tứ đang đẩy đi. An Tuyên đang nằm duỗi trong xe, đi sau là mẹ cậu và... tôi cúi mình về đằng trước để nhìn cho rõ... và ông Mỹ Giang. Tự nhiên tôi thụt đầu xuống và bảo Mã Tư nấp nhanh đi, không nhớ rằng ông Mỹ Giang không hề biết mặt Mã Tư.

Sợ Lệ Hoa sẽ ngạc nhiên, thấy dùng một lúc mất dạng chúng tôi, tôi sẽ nhô đầu lên và nói nhỏ.

– Đừng cho ông Mỹ Giang biết tôi ở đây, nếu không ông ta sẽ đuổi tôi về nước Anh.

Cô giơ hai cánh tay lên, kinh sợ.

Tôi nói tiếp:

– Đừng hành động gì. Đừng nói chúng tôi ở đây. Ngày mai, chín giờ, chúng tôi sẽ đến đúng chỗ này. Nhớ ra đây một mình. Bây giờ cô về đi.

Cô ngần ngại.

– Về đi, tôi xin cô, nếu không, cô mất tôi!

Nói xong, nhờ bức tường che khuất, chúng tôi chạy vào nấp trong vườn nho gần đấy, chúng tôi khoan khoái chuyện trò.

Mã Tư bảo tôi:

– Tôi không đồng ý đợi đến mai mới gặp bà Mỹ Lưu. Trong thời gian đó, Mỹ Giang có thể làm hại tính mệnh An Tuyên được. Tôi muốn

gặp bà Mỹ Lưu ngay bây giờ để báo cho bà... tất cả những điều chúng ta biết. Vì Mỹ Giang không quen mặt tôi, hẳn sẽ không nghĩ đến anh và gia đình Điệp Công. Sau đó, bà Mỹ Lưu sẽ định đoạt các việc cho chúng ta.

Anh nói rất phải, tôi để anh đi và dặn anh khi trở lại sẽ tìm tôi ở dưới khóm cây dẻ gần đây vì chỗ này kín đáo hơn.

Nằm trên đám rêu biếc, tôi đợi mãi không thấy Mã Tư về. Lòng tôi bâng khuâng nghĩ ngợi, không biết chúng tôi có khỏi nhầm không. Chợt thấy Mã Tư về, lại có cả bà Mỹ Lưu đi sau. Tôi chạy ra đón bà, bà giơ tay, tôi cầm lấy tay bà hôn. Nhưng bà ôm tôi vào lòng, cúi xuống âu yếm hôn vào trán tôi.

Là lần thứ hai được bà hôn tôi, nhưng tôi cảm thấy là lần thứ nhất mà bà hôn tôi một cách nồng nàn tha thiết trong cánh tay bà.

Bà nói:

– Khốn nạn cho con!

Rồi những ngón tay trắng trẻo, mềm mại của bà vén mớ tóc ở trán tôi lên, bà chăm chăm nhìn vào mặt tôi và lẩm bẩm:

– Phải... phải...

Tiếng đó biểu lộ tâm tư của bà trong lúc đó. Tôi cảm động quá không sao hiểu ý bà. Tôi chỉ thấy một nguồn yêu thương trong mắt bà tỏa ra bao trùm lấy tôi. Tôi ngây ngất vì sung sướng.

Không rời mắt nhìn tôi, bà nói:

– Con ơi! Bạn con đã cho ta biết những điều rất quan trọng. Về phần con, con hãy kể lại chuyện con tới nhà Điệp Công và chuyện ông Mỹ Giang đến thăm thế nào cho ta nghe.

Tôi đem hết sự thực kể lại. Thỉnh thoảng, bà bảo tôi ngừng lại để hỏi một vài điểm quan trọng. Chưa từng có người nào lại hết sức chăm chú nghe tôi nói đến thế bao giờ. Hai mắt bà cứ dăm dăm nhìn vào mặt tôi.

Khi tôi nói hết, bà nghĩ một lúc rồi bảo tôi:

– Tất cả các việc đó rất nghiêm trọng cho con, cho cả mọi người chúng ta. Chúng ta phải thận trọng cho đến khi nào ta hỏi những người khả dĩ chỉ dẫn cho ta. Nhưng ngay từ bây giờ, con coi con cũng như một người quen biết, một người bạn thân lưỡng lự một chút – một người anh em của An Tuyên, và cũng ngay bây giờ con và bạn con, các con phải từ bỏ cái đời sống khốn nạn của các con đi. Trong hai giờ nữa, các con sẽ lại khách sạn An Sơn, ta sẽ cho một người thân tín đến lấy buồng trước cho các con. Ta sẽ lại thăm các con ở đó. Bây giờ ta phải từ biệt các con.

Nói xong, bà hôn tôi một lần nữa, bắt tay Mã Tư và vội vàng trở về.

Tôi hỏi Mã Tư:

– Anh đã kể những gì cho bà Mỹ Lưu nghe?

– Tất cả những điều mà bà vừa nói với anh và nhiều điều khác nữa.. Bà thực là một người đàn bà kiêu diễm, đoan trang.

– Còn An Tuyên, anh có trông thấy không?

– Có được trông xa, nhưng cũng biết cậu là một người con trai tử tế.

Tôi lại hỏi Mã Tư về bà Mỹ Lưu, nhưng anh không muốn trả lời hoặc anh nói lảng ra chuyện khác.

Theo lời bà Mỹ Lưu dặn, chúng tôi tìm đến khách sạn An Sơn. Mặc dầu chúng tôi đeo bộ quần áo của phường hát rong đến nơi, chúng tôi rất được trình trọng đón tiếp, một người đẩy tờ mặc bộ đồ đen, cà vạt trắng đưa chúng tôi nhận buồng, Phòng chúng tôi lịch sự quá! Có hai cái giường trắng. Cửa sổ trông ra hồ. Chúng tôi nhìn xuống một phong cảnh tuyệt đẹp. Khi chúng tôi nhận phòng rồi, người đẩy tờ cứ đứng im, lễ phép đợi lệnh chúng tôi. Thấy chúng tôi không bảo gì, người đẩy tờ hỏi:

– Các cậu muốn ăn gì để chúng tôi dọn ra hiên ngồi cho mát.

Mã Tư hỏi:

– Ở đây có bánh nhân mít không?

– Có nhiều thứ: bánh nhân đậu, bánh hạt sen, bánh hạnh nhân.

– Thế anh cho các thứ ấy.

– Cả ba thứ?

– Hẳn thế.

– Món ăn đầu, các cậu dùng thịt quay hay dùng rau?

Mỗi câu người đẩy tứ hỏi, Mã Tư lại mở to mắt ra, nhưng không tỏ vẻ bối rối.

Anh đáp:

– Tùy anh, thứ gì cũng được.

Người đẩy tứ đi ra.

Mã Tư bảo tôi.

– Ăn ở đây có lẽ thú hơn ở nhà Điệp Công nhỉ?

Sáng hôm sau, bà Mỹ Lưu đến thăm chúng tôi, đưa thợ may đến đo người chúng tôi để may

quần áo và sơ-mi. Bà cho chúng tôi biết Lệ Hoa đang tập nói và thầy thuốc bảo cô đã khỏi bệnh rồi. Bà ở lại chơi với chúng tôi một giờ. Bà đứng dậy về. Bà âu yếm hôn tôi và bắt tay anh Mã Tư.

Bà đến thăm chúng tôi như thế liên tiếp bốn ngày, mỗi ngày lòng âu yếm của bà càng thấy nồng nàn hơn, tuy nhiên bà vẫn có ý giữ gìn. Ngày thứ năm, người thị nữ mà tôi đã trông thấy trong thuyền Thiên Nga ngày xưa đến thay bà. Chị ta báo rằng bà Mỹ Lưu ở nhà đợi chúng tôi và có xe đến đón chúng tôi ở cửa khách sạn. Đó là một chiếc xe ngựa không mui. Mã Tư không lạ lòng lên xe ngồi đằng hoàng như từ thuở bé đã quen đi những thứ xe này. Lãnh Nhi cũng leo lên đệm ngồi chễm chệ.

Quãng đường không xa lắm. Nhưng tôi cho là ngắn quá vì tôi đi trong giấc mơ. Đầu tôi lúc đó đầy những ý tưởng rối lộn, có thể gọi là mê cuồng được.

Người ta đưa chúng tôi vào phòng khách. Bà Mỹ Lưu, cậu An Tuyên và Lệ Hoa đều ở đó. An Tuyên nằm trên chiếc đi-văng. Cậu giơ tay, tôi

chạy lại hôn cậu và cô Lệ Hoa nữa. Tôi lại chỗ bà Mỹ Lưu, bà hôn tôi và nói:

– Bây giờ là lúc mà con có thể nhận chỗ ở trong gia đình này.

Tôi ngơ ngác nhìn bà, không hiểu sao thì một cánh cửa mở ra, bà Bảo Liên ở đâu ôm một mớ quần áo trẻ sơ sinh: áo cát-sơ-mia trắng, mũ đăng-ten, giày đan bước ra.

Bà vừa kịp đặt các vật đó xuống bàn thì tôi ôm lấy bà hôn. Trong khi ấy bà Mỹ Lưu ra lệnh cho một người đẩy tớ và tôi nghe thấy tiếng « Mỹ Giang », tôi giật mình, xám mặt lại.

Bà Mỹ Lưu bảo tôi:

– Con không việc gì phải sợ cả. Con lại gần đây để bàn tay con vào bàn tay ta.

Lúc đó, cửa phòng khách mở ra, ông Mỹ Giang bước vào tươi cười, chìa hàm răng trắng nhọn. Ông chợt thấy tôi, lập tức nụ cười đó biến thành nét nhăn nhó ghê sợ.

Bà Mỹ Lưu không để ông ta hỏi, bà chậm rãi nói, giọng run run:

– Tôi mời ông đến đây giới thiệu con trai lớn của tôi mà tôi mới có cái hạnh phúc tìm được — bà bắt tay tôi — thưa ông, đứa con trai ấy đây. Nhưng ông ta đã biết rõ nó rồi, vì ông đã đến thăm sức khỏe của nó tại nhà người đã bắt trộm nó. Ông Mỹ Giang mặt nhợt nhạt, hỏi:

– Thế là nghĩa lý gì?

– Nghĩa là kẻ bắt cóc con tôi đó hiện đang ngồi tù về tội ăn trộm. Nó đã thú nhận tất cả. Đây là một lá thư chứng minh việc đó – Nó khai đã bắt đứa bé như thế nào, nó đã bỏ đứa bé ở phố Bảo Tương Ba Lê và vì sao nó đã cắt hết những dấu hiệu đi. Đây là những quần áo và tã lót con tôi mà người đàn bà quý hóa này nuôi con tôi còn giữ được. Ông có muốn xem lá thư này không? Ông có muốn nhìn lại mớ tã lót này không?

Ông Mỹ Giang tái mét đứng im, có lẽ lòng ông ta đang nghĩ muốn bóp chết cả chúng tôi.

Bỗng ông ta quay ra cửa, nhưng còn ngoảnh lại nói:

– Đợi xem Tòa án xét vụ « nhận vợ » con này!

Rất bình tĩnh, bà Mỹ Lưu — bây giờ tôi có thể gọi bà là mẹ tôi — trả lời:

– Ông muốn đưa chúng tôi ra Tòa án thì đưa. Chú tôi, không bao giờ đưa ra Tòa án người em trai tôi của chồng tôi.

Khi chúng tôi đã nguôi cảm xúc, Mã Tư lại gần tôi, nói:

– Anh hỏi lại mẹ xem có phải tôi đã giữ kín những lời bà dặn không?

Tôi chưa kịp hỏi, mẹ tôi trả lời ngay.

– Khi Mã Tư kể cho mẹ nghe hết chuyện, mẹ bảo Mã Tư phải giữ kín, vì tuy mẹ tin Lê Minh con mẹ rồi nhưng cũng phải có gì làm bằng chứng tỏ ra là không nhầm. Con ơi! đau đớn cho con biết bao, nếu sau khi đã công nhiên nhận con là con đẻ, rồi lại gọi con mà bảo rằng ta nhầm! Những

bằng chúng nay đã có rồi, con ta từ nay sum họp suốt đời. Và suốt đời, con sống ở bên mẹ con, em con — mẹ tôi trở Lệ Hoa và Mã Tư — và những người đã yêu thương con trong những ngày gian khổ.

CHƯƠNG XIII

TRONG GIA ĐÌNH

Mười năm qua, đã nhiều nhưng hình như vẫn ngắn vì trong những năm đó toàn là những ngày đẹp và vui.

Hiện giờ tôi ở nước Anh, tại Mỹ Phủ, là đệ trạch của ông cha tôi.

Đứa trẻ vô gia đình không nơi nương tựa, bỏ rơi, chơ vơ trên cõi đời, nổi chìm theo vận may rủi, lênh đênh giã gạo trong biển khơi, không một ngọn hải đăng chỉ lối, không một bến để ghé chân, bây giờ có mẹ, có em, để yêu dấu và được thương yêu, lại còn có danh vọng vẻ vang và sản nghiệp lớn lao do tiền nhân để lại.

Đứa trẻ khốn nạn đã ngủ đêm trong những vựa cỏ, chuồng bò hay ở góc rừng chân núi,

nằm dưới ánh sao, bây giờ nghiêm nhiên là chủ một tòa lâu đài lịch sử mà những khách hiếu cổ thường lui tới viếng thăm.

Tòa lâu đài cổ kính đó cách chừng 20 dặm và về phía tây bến Lít Hăm Tông nơi chúng tôi vượt sang Pháp để tránh nạn truy tố ngày nào – ở lưng chừng đồi trong một thung lũng cây cối xanh tốt như rừng mặc dầu ở ngay bờ biển.

Dựng trên một nền đất thiên nhiên, tòa nhà hình vuông đứng, bốn góc đâm lên bốn cái tháp tròn cao nhọn. Mặt trước về phía tây và phía nam có những dây đằng hoa và tường vi leo kín. Mặt sau về phía đông, những cây trường xuân cành lá chằng chịt bao quanh, gốc to bằng thân người lớn, tỏ ra trồng đã lâu đời. Những người làm vườn phải luôn xén cắt cho cái màu xanh ấy khỏi lan tràn che kín cả những nét chạm trổ trên khung cửa sổ bằng đá trắng và những bức chấn song hoa mỹ. Một thửa vườn rộng bao quanh có những cây cổ thụ mà những lưỡi dao, lưỡi búa chưa từng đụng đến và những bồn cỏ tươi tốt như những tấm thảm xanh. Trong lùm cây dẻ

gai rậm rạp, những con quạ khoang chiều chiều về đậu, tiếng kêu báo hiệu khi hoàng hôn xuống cũng như lúc triều dương lên.

Chính ở Mỹ Phủ ấy, tôi sống trong gia đình với mẹ tôi, em tôi và vợ tôi. Sáu tháng sau khi về ở đó, nhiều ngày tôi ngồi hàng giờ trong thư viện lưu trữ các gia phả, chứng thư kỷ lục, văn khế và thư từ cũ của ông cha tôi. Tôi cúi mình trên chiếc bàn gỗ đã đen vì năm tháng để đọc, để viết. Không phải tôi ở đó xem kỹ các văn thư, kỷ lục nói trên mà để tìm và soạn lại những tập ký sự về đời phiêu lưu của tôi.

Chúng tôi sắp làm lễ « rửa tội » cho đứa con đầu lòng, con trai chúng tôi, đặt tên là Tiểu Mã Tư. Về dịp « Tẩy lễ » này tôi định hội họp tất cả những thân bằng cố hữu của tôi trong những ngày gian khổ và thân tặng mỗi người một cuốn ghi chép đời lưu lạc của tôi mà những người đó đã xen vào để tỏ lòng biết ơn về sự cứu giúp cũng như tình thương yêu các vị đó đối với đứa trẻ vô gia đình.

Cuộc đoàn viên lớn đó, tôi giữ kín, trừ mẹ và em tôi, để làm ngạc nhiên cho khách mời cũng như cho vợ tôi, nàng sẽ không ngờ được gặp cha, các anh chị và bà cô.

Việc trừ hoạch của tôi không có điều gì ngăn trở. Chỉ chiều hôm nay là mọi tân khách đều tề tựu dưới mái nhà tôi và tôi rất sung sướng được trông thấy những người thân yêu hội họp chung quanh bàn tiệc.

Trong dịp vui này, thiếu một người! Dù có đem tất cả châu báu trên đời này, người ta cũng không sao chuộc được những người đã mất. Hỡi thầy kính mến của con ơi! Nếu thầy còn đến bây giờ con xiết bao sung sướng được phụng dưỡng thầy. Thầy sẽ vút bỏ được mảnh da cừu và chiếc áo nhung, thầy không phải gào thét « Tiến lên! Các con ơi! » nữa. Trong lúc tuổi già nhàn nhã, thầy có thể ngẩng cao cái đầu bạc phơ và phục hồi tên tuổi Ông già diễn trò rong Vỹ Tiên kia sẽ trở lại thành Ca sĩ đại tài Cát Bằng Giang như trước. Nhưng cái chết vô tình và tàn nhẫn không cho con đền ơn thầy bằng cách ấy, thì con tìm

cách khác để truy niệm thầy. Ở Ba Lê, trong nghĩa trang Mông-Pác-Nát (Montparnasse) cái tên chói lọi Cát Bằng Giang của thầy đã được ghi khắc trên tấm bia mộ của thầy — mẹ con rất tán thành — và bức tượng đồng bán thân của thầy tạc theo chân dung của thầy thời danh tiếng cũng đã dựng ở đó để nhắc lại cái vinh quang của thầy cho những khách đã trọng tài thầy tưởng niệm.

Còn bức tượng bán thân thứ hai của thầy nữa vẫn đặt ở kia, trước mặt con. Khi con viết chuyện này, những bước gian nan buổi đầu lần lượt diễn ra trước mắt con, con lại trông vào mặt thầy, tưởng tượng như thầy vẫn ở bên con. Con không quên thầy, không bao giờ con quên thầy được. Xin thầy tin cho như thế. Trong cuộc sống gian nan của đứa con bỏ rơi, nếu con không sẩy chân, con không vấp ngã, cũng là nhờ thầy, nhờ những bài học của thầy, những tấm gương sáng của thầy. Hỡi thầy tôn kính của con! Trong tất cả các ngày kỷ niệm của gia đình con, bao giờ cũng có một chỗ dành sẵn, chỗ ấy là chỗ của thầy!

Nhưng kìa mẹ tôi đang vào hành lang. Tuổi cao không làm tàn nhan sắc của mẹ tôi. Tôi trông mẹ tôi vẫn như ngày tôi được gặp lần thứ nhất trên thuyền Thiên Nga, cũng phong độ cao quý ấy, cũng gương mặt nhân từ dịu hiền ấy, khác chẳng là cái nét buồn âm thầm ngày xưa đã biến mất.

Mẹ tôi tỳ trên cánh tay An Tuyên, vì bây giờ mẹ không phải đỡ đứa con yếu đuối, ẻo lả như trước. Đứa con ấy bây giờ thành một trang thanh niên khỏe đẹp, ham chuộng thể thao, cưỡi ngựa, bơi thuyền và đi săn rất giỏi. An Tuyên cẩn trọng khoác tay đưa mẹ tôi vào: coi đó, trái hẳn với lời dự đoán của ông Mỹ Giang, phép màu đã hiển hiện: An Tuyên thoát chết, An Tuyên đã sống và sống mãi.

Phía sau mẹ tôi, tôi trông thấy một bà già ăn mặc như một người đàn bà quê ở Pháp, hai tay ôm một đứa con thơ bọc trong tã trắng, người đàn bà đó là bà Bảo Liên, đứa con thơ đó là con tôi, con trai tôi, Tiểu Mã Tư.

Ngay sau khi tôi tìm thấy mẹ tôi, tôi giữ bà Bảo Liên lại, nhưng bà từ chối và nói:

– Không, Lê Minh ạ! Lúc này không phải là chỗ ta ở đây. Bây giờ con còn phải học để trở nên người có học vấn và có giáo dục để nối dõi ông cha. Ở bên cạnh con, bây giờ ta giúp việc gì được? Con để cho ta về Văn Ông. Cuộc tạm biệt đó cũng không lâu đâu. Con sẽ lớn lên. Con lấy vợ, rồi con có con. Lúc đó, nếu con muốn và nếu ta còn sống, ta sẽ trở lại gần con để trông nom các cháu cho con. Ta không thể làm vú nuôi cho chúng như ta đã nuôi con ngày xưa, vì ta sẽ già lắm. Nhưng người già vẫn có thể săn sóc các trẻ em được. Người ta có kinh nghiệm. Người ta không ngủ nhiều. Rồi ta sẽ yêu đứa con của con và con hãy tin rằng ta không phải là người để cho họ bắt trộm con con, cũng như họ đã bắt trộm con.

Vì ý bà muốn thế, chúng tôi cũng để bà về. Khi con trai tôi ra đời được ít lâu, chúng tôi cho người đi mời bà, bà bỏ cả quê hương, bỏ cả nhà cửa, bỏ cả bạn bè, bỏ cả con bò mà chúng tôi đã

mua cho bà, để sang Anh Quốc ở với chúng tôi. Vợ tôi nuôi con lấy, còn bà giữ việc trông nom, chăn dắt và chơi với Tiểu Mã Tư thôi. Bà khen đó là một đứa bé đẹp nhất mà bà chưa từng trông thấy bao giờ.

An Tuyên tay cầm tờ báo Thời sự, để xuống bàn viết của tôi và hỏi tôi đã đọc chưa. Tôi nói chưa đọc. An Tuyên liền lấy ngón tay chỉ vào một tin ở Thành Vienne mà tôi dịch như sau:

« Thành phố Luân Đôn sắp được hân hạnh đón tiếp Ca nhạc sĩ kỳ tài Mã Tư. Mặc dầu những kết quả rất mỹ mãn đã đạt được ở đây. Nhạc sĩ phải tạm biệt chúng ta để sang Anh Quốc do những hợp đồng mà nhạc sĩ không thể sai hẹn được. Bản báo đã nói nhiều về những cuộc hòa nhạc trình diễn ở đây của Mã Tư. Những cuộc hòa nhạc đó, với tính chất độc sáng và tài năng xuất chúng của một điệu thủ âm nhạc, đã gây một mối khích động lớn trong công chúng. Tóm lại, Mã Tư là vua vĩ cầm ».

Không cần đọc bài báo đó, tôi cũng biết đứa trẻ hát rong các phố, bạn tôi và học trò tôi, đã

thành một tài tử trữ danh. Tôi cùng sống với anh, đã trông thấy anh lớn lên và thiên tài anh nảy nở. Khi ba chúng tôi, Mã Tư, An Tuyên và tôi học tập do một vị giáo sư riêng đào luyện, Mã Tư chậm tiến về tiếng La Tinh và Hy Lạp, nhưng anh rất giỏi về nhạc. Nhạc sư do mẹ tôi thuê dạy anh, phải kinh ngạc về năng khiếu lỗi lạc của anh. Lời tiên tri của ông nhạc sĩ thợ cạo Phi Nam ở thành Măng-Đê thực ứng nghiệm vậy.

Tuy nhiên, tin tức ở thành Vienne vừa rồi đã làm tôi sung sướng và tự hào hình như chính tôi đã được hoan nghênh và được vỗ tay tán thưởng mà tờ báo đó đã mang dư âm đi khắp mọi nơi. Sao tôi lại không được dự phần? Mã Tư không phải là bạn tôi, em tôi, là chính mình tôi hay sao? Cho nên cái vinh quang của anh là vinh quang của tôi, mà cái hạnh phúc của tôi là hạnh phúc của anh vậy.

Lúc đó, một người đẩy tớ vào đưa cho tôi một bức điện văn mà sở Bưu chính vừa cho mang đến.

« Cuộc hải trình ngắn nhất, nhưng mệt nhất. Tôi khó ở quá nên mãi đến Red-Hill mới có sức

576 | Dịch giả: Hà Mai Anh

báo tin cho anh. Khi qua Ba Lê, tôi rủ cả Tuyết Nga đi. Chúng tôi sẽ đến Chegford hồi 4 giờ 10 phút. Anh cho xe ra đón ».

MÃ TƯ.

Khi tôi đọc đến đoạn cuối bức điện văn, An Tuyên tỏ vẻ mừng rỡ bảo tôi:

– Em muốn thân ra đón ở ga Chegford. Em cho lấy xe ngựa lớn nhá?

– Em có ý kiến hay đấy. Em sẽ cùng về với Tuyết Nga.

Không trả lời. An Tuyên vội vàng bước ra. Tôi liền quay lại bảo mẹ tôi:

– Đấy mẹ xem, em Tuyên không giấu lòng sốt sắng của em. Cử chỉ đó rất có nghĩa.

– Phải, có nghĩa.

Mẹ tôi nói ba tiếng đó với giọng hơi không bằng lòng. Tôi liền lại bên mẹ tôi, cầm hai tay mẹ hôn và nói bằng tiếng Pháp, thứ tiếng mà tôi vẫn làm mẹ tôi nao lòng. Tôi nói như là ngày còn bé:

– Mẹ quý của con! Mẹ đừng buồn vì An Tuyên yêu Tuyết Nga, xin mẹ đừng cho thế là một cuộc hôn nhân không tương đối, một cuộc hôn nhân đẹp thì dòng dõi phải kèm theo với bạc tiền. Nhưng cái gương của con chẳng đã chứng minh rằng người ta có thể sung sướng, sung sướng lắm, sung sướng tuyệt vời với người vợ không dòng sang và không có của mà người ta yêu? Mẹ lẽ nào lại không muốn em con được sung sướng như con hay sao? Mẹ đã xiêu lòng vì con, không nỡ từ chối nguyện vọng của một đứa con đã phải khóc trong 13 năm trời, sao mẹ lại không xiêu lòng vì một đứa con khác. Chẳng lẽ mẹ thương con nọ ghét con kia hay sao?

Mẹ tôi vuốt tóc tôi, hôn tôi và nói:

– Ô! Một đứa con quý! Một người anh tốt! Lòng con chan chứa bao tình thương!

– Con để dành chỗ đó đã lâu, không phải để cho con mà chính là để cho em Tuyên. Mẹ ơi! Em con tìm đâu được một người vợ kiều diễm hơn Tuyết Nga? Tuyết Nga há chẳng phải là một hoa khôi nước Ý hay sao? Cái giáo dục mà Tuyết Nga

578 | Dịch giả: Hà Mai Anh

đã hấp thụ được từ ngày mẹ con ta sang Lục Ca đưa nàng về Ba Lê, há chẳng xứng đáng giữ một chỗ ngồi, một chỗ ngồi cao nhẽ trong cái xã hội khuôn phép nhất hay sao?

– Con quý Tuyết Nga vì Tuyết Nga là em Mã Tư.

– Chính thế. Không dám nói quanh, con xin thú thực với mẹ rằng con hết sức cầu mong vì mỗi lương duyên đó sẽ đưa Mã Tư vào trong gia đình ta.

– An Tuyên có ngỏ ý ấy cùng con không?

Tôi mỉm cười và đáp:

– Mẹ ơi! Có, Vì nghĩ đến gia trưởng, em có hỏi ý kiến con.

– Thế gia trưởng?

– Hứa sẽ nói với mẹ giúp cho và...

Nhưng mẹ tôi ngắt lời tôi:

– Kìa vợ con đã đến. Việc An Tuyên sẽ định sau.

Vợ tôi, chắc quý độc giả đã đoán ra rồi, tôi không cần phải nói nữa, phải không? Vợ tôi là một thiếu nữ có đôi mắt dịu dàng, nét mặt tươi cười và mau mắn mà quý độc giả đã biết. Đó là Lệ Hoa. Nàng không cầm nữa. Nàng vẫn giữ được những nét tế nhị và nhẹ nhàng khiến cho sắc đẹp của nàng thêm phần duyên dáng. Lệ Hoa không rời mẹ tôi. Mẹ tôi đã nuôi nấng và chăm nom sự học của nàng. Nàng thành một thiếu nữ xinh đẹp nhất trong các cô gái xinh đẹp. Dưới mắt tôi, nàng có tất cả những nét hay, tất cả tính tốt và tất cả những tài năng vì tôi yêu nàng. Tôi ngỏ ý với mẹ tôi xin nàng làm vợ. Thoạt tiên mẹ tôi ngần ngại, không ưng thuận, căn cứ vào địa vị của hai bên trái nhau. Cuối cùng, mẹ tôi không nỡ từ chối. Điều này làm cho vài người trong gia tộc tôi rất công phẫn.

Trong bốn người bất bình, đường ăn nết ở của Lệ Hoa đã được lòng ba người. Còn người thứ tư nữa, chỉ đợi chúng tôi đến thăm là vui vẻ cả. Cuộc đi thăm đó đã định vào ngày mai.

Lệ Hoa vừa vào vừa nói:

– Có việc gì thế? Anh giấu em và chỉ trình với mẹ? Em thấy An Tuyên vội vã ra ga Cheggford. Rồi lại thấy đánh xe ra ga Phe Ry (Ferry) nữa. Việc gì thế? Bí mật phải không?

Tôi và mẹ tôi chỉ cười và không trả lời. Lệ Hoa liền ôm cổ mẹ tôi âu yếm hôn và nói:

– Mẹ yêu quý của con, vì mẹ cũng ở trong việc này nên con không e ngại gì. Con biết trước rằng việc gì mẹ làm cũng là để xây đắp thêm cho hạnh phúc của chúng con. Nhưng con xấu quá, hay có tính tò mò!

Thì giờ đã đi. Chiếc xe ngựa tôi cho ra ga Phe Ry đón gia đình của Lệ Hoa chỉ về chốc lát. Muốn trừ tính tò mò của vợ tôi, tôi lấy ống viễn kính vẫn dùng ngắm các tàu biển qua lại, những đáng lẽ tôi giờ ra ngoài biển, tôi lại quay ống kính về phía đường cái mà xe ngựa đón gia đình Lệ Hoa sắp về.

Tôi bảo Lệ Hoa:

– Em nhìn vào kính này, tính tò mò của em sẽ được thỏa mãn.

Lệ Hoa cầm lấy ống kính nhìn, chỉ thấy một dải đường trắng không thấy một chiếc xe nào. Đến lượt tôi nhìn, theo giọng phỉnh khách của ông Vỹ Tiên ngày xưa, tôi nói:

– Sao? Em không nhìn thấy gì trong kính à? Cái kính này rất thần diệu. Anh nhìn qua biển sang đến Pháp. Kìa, trong một ngôi nhà ở kế cận thành Sô (Sceaux), anh trông thấy một người tóc bạc đang giục hai người đàn bà đứng bên cạnh:

« Nhanh lên chứ kéo lỗ xe hỏa thì tôi không đến được nước Anh dự lễ Rửa tội cho cháu ngoại tôi. Bà Cát Tường, xin bà mau lên, đã 10 năm nay bà về ở với tôi, bao giờ cũng thấy bà chậm. Sao nữa? Cô Yến Chi. Muốn nói cái gì? Cô vẫn cứ làm « cảnh sát mãi! Ta trách đùa bà Cát Tường đấy thôi. Ta biết bà là một người em gái giỏi nhất, cũng như con, Yến Chi, con là một người con gái giỏi nhất. Tìm đâu cho được một người con gái giỏi nhất. Tìm đâu cho được một người con gái tốt như con, không chịu lấy chồng để ở nhà phụng dưỡng cha già và cứ đóng mãi vai thần hộ mệnh từ tám bé, hết lòng săn sóc cho các em

traí và rồi trước khi lên đường, ông già còn dặn những đầy tớ phải trông nom vườn hoa trong khi ông đi vắng – Ông nói: Các anh nên nhớ rằng chính ta là một thợ trồng hoa, ta hiểu nghề lắm. Các anh đừng có dối ta!

Tôi lại quay kính ra chỗ khác như muốn đổi hướng. Tôi nói:

« Bây giờ anh lại trông thấy chiếc tàu biển, một chiếc tàu lớn ở An-Ti (Antille) về và cập bến Hao. Cảng (Havre). Trên tàu có một chàng thanh niên vừa đi du lịch và khảo cứu các giống thực vật ở miền A Ma Dôn (Amazon) về: chàng có đem về một lô hoa thảo kỳ dị mà người Âu châu chưa từng trông bao giờ. Các báo đều đăng tin đó, chàng tên là Bằng Mai, nổi tiếng là một nhà vạn vật học. Không chàng có kịp sang tàu đi Lít-Hàng-Tông để gặp gia đình chàng ở Mỹ Phủ không? Cái kính thần diệu đã theo dõi và biết được chàng đã kịp xuống tàu đi Lít-Hãng-Tông và sắp đến nơi».

Tôi lại chia kính về một hướng khác và nói:

“Không những tôi trông thấy và còn nghe thấy hai người khách đang ngồi trong toa: một chàng thanh niên và một cụ già. Cụ già nói: Cuộc đi chơi này rất bổ ích. Chàng thanh niên đáp: Thưa Giáo sư bổ ích lắm An Sinh ơi, chuyến này không những anh được hôn mọi người trong gia đình anh, không những chúng ta được bắt tay Lê Minh, một người bạn nhỏ không quên chúng ta, chúng ta còn được dịp thăm các mỏ ở nước Anh. Anh sẽ quan sát được nhiều và khi trở về có thể cải thiện cho Mỏ Thụy Khê. Tài năng của anh tôi xem có thể đem lại cho anh một địa vị xứng đáng ở Sở Mỏ. Còn tôi, tôi sẽ tìm tòi các vật hóa thạch đem về làm giàu cho kho tài liệu của tôi, tức kho bảo tàng của tỉnh Văn Xá. Tiếc rằng ông An Thiện nhà ta mắc bận không tới được ».

Tôi định nói nữa, thì Lệ Hoa lấy hai cánh tay ôm lấy đầu tôi, che mắt tôi và không cho tôi nói nữa. Bằng giọng run run và cảm động, nàng kêu lên:

– Ô! Một cuộc ngạc nhiên êm ái làm sao! Em sung sướng quá.

– Không phải anh mà em phải cảm ơn. Chính là mẹ, mẹ đã muốn tụ hội tất cả những người xưa kia đã tử tế với đứa con bỏ rơi của bà để tỏ lòng nhớ ơn. Nếu em không bịt miệng anh, thì em sẽ biết thêm rằng chúng ta còn đợi anh Bốp, bây giờ thành tiếng tăm ở Anh và anh ruột anh nữa, vẫn chỉ huy chiếc thuyền Nguyệt Thực.

Lúc đó, có tiếng một chiếc xe ngựa đỗ, rồi đến một cái thứ hai. Chúng tôi chạy ra cửa sổ nhìn: trong xe thứ nhất, Lê Hoa nhìn thấy cha, thấy bà Cát Tường, thấy chị Yến Chi, anh An Sinh và anh Bằng Mai, đủ mặt nhà nàng. Cạnh An Sinh lại có một ông già, lưng còng, tóc bạc, đó là Giáo sư. Trong xe thứ hai không mui, Mã Tư và Tuyết Nga giơ tay ra hiệu cho chúng tôi. Sau cùng là một cái xe ngựa nhỏ chính tay Bốp cầm cương. Trông anh trang trọng như một thân sĩ. Anh anh ngồi sau, trông vẫn như xưa, một người thủy thủ can đảm và sốt sắng ở bến Ích Nhi.

Vợ chồng tôi vội vàng xuống thêm đón khách. Một bữa tiệc linh đình hội họp chúng tôi chung quanh bàn. Tất nhiên, ai cũng nhắc đến chuyện cũ.

Mã Tư nói:

– Mới rồi tôi có gặp ở tỉnh Ba-Đê, trong một phòng giải trí, một thân sĩ răng trắng và nhọn: miệng cười luôn mặc dầu vận rủi. Ông ta không biết tôi, có hạ cố xin tôi một đồng bạc để đánh một tiếng bạc ăn chắc vì họ thông lưng với nhau nhưng đã rủi lại rủi thêm, ông Mỹ Giang bị thua hẳn.

Mẹ tôi nói:

– Anh Mã Tư ơi! Sao anh lại nói thế? Thằng Lê Minh nó dám gửi tiền chu cấp chú nó đấy.

– Đúng thế, mẹ ạ.

– Thế ra không có sự ứng báo à?

– Có, ứng báo chứ! Vì ông chú nham hiểm kia sẽ phải chịu ơn những người mà ông ấy theo lòng tham đã làm cho điều đúng và muốn cho chết đi.

Anh Bốp nói:

– Tôi có tin tức về bọn đồng đảng của ông ta.

Mã Tư kêu:

– Về tên Điệp Công độc ác, phải không?

– Không phải Điệp Công, vì hắn vẫn bị dày bết xú. Tôi muốn nói gia đình hắn. Bà vợ say rượu không gục vào bàn, lại nằm lăn vào đống lửa bị chết cháy. Á Lang và Á Niên vừa bị tội đồ, sẽ đi theo cha.

– Thế còn bé Cát?

– Con bé được việc săn sóc ông nó hãy còn sống và vẫn ở bãi Hồng Sư. Ông già có tiền, không sợ chết đói.

Mã Tư cười to và nói:

– Thương hại con bé, có lẽ nó bị rét lắm. «Ông già không muốn cho ai đến gần lò sưởi của ông ta »

Ăn cơm mới nói chuyện cũ. Mỗi người nhắc một chuyện. Chúng tôi ai nấy đều có những kỷ niệm chung và ai nấy đều thích thú gọi ra. Đó là những cái dây vô hình khăng khít ràng buộc chúng tôi.

Tiệc mãn, Mã Tư lại cạnh tôi, bấm tôi ra cửa sổ nói:

– Tôi có một ý kiến. Từ lâu đến giờ chúng ta hòa nhạc mãi cho người ngoài nghe, bây giờ có nên trình diễn cho những người thân yêu của chúng ta xem không?

– Với anh, thì muốn vui phải có âm nhạc? Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, phải âm nhạc, phải âm nhạc! Anh còn nhớ cuộc chạy thi của chúng ta với con bò sữa không?

– Bây giờ anh đàn hát bài « Tình Ca Ý » đi.

– Vui lòng! Chính bài đó đã làm cho Lệ Hoa khỏi cảm.

Chúng tôi liền đem nhạc khí ra. Mã Tư với trên tường một cây vĩ cầm đựng trong cái hộp bóng loáng, trong lót nhung xanh. Cây vĩ cầm đó đem bán hai phật lạng không đắt. Tôi kéo ở trong túi vải ra một cây thụ cầm bằng gỗ mà mưa nắng đã làm bạc màu.

Mọi người hoan hỉ vây quanh chúng tôi. Lúc đó, một con chó chạy vào: Lãnh Nhi.

Con chó có nghĩa đó đã già lắm, tai đã điếc rồi nhưng mắt còn trông rõ. Nằm trên cái đệm, chỗ nó ở, trông thấy cây đàn quen thuộc, nó chạy đến để « diễn trò ». Nó ngậm một cái bát trong miệng. Nó muốn đứng hai chân sau để đi trình diện các « quý khán giả », nhưng sức đã suy yếu, nó ngồi bệt xuống lấy một chân để vào ngực trịnh trọng chào các vị « khán quan ».

Khi chúng tôi hát xong, Lãnh Nhi đứng dậy bập bênh đi vòng quanh để lĩnh tiền. Mỗi người đều bỏ tặng phẩm vào cái bát. Lãnh Nhi sung sướng được một bát đầy đem đến cho tôi. Đó là một kết quả rất rực rỡ chưa từng thấy bao giờ. Những đồng tiền vàng, tiền bạc lộn xộn như vậy hến trong bát: 170 phật lạng!

Tôi cúi xuống hôn Lãnh Nhi như ngày nó đến cạnh an ủi tôi. Cảnh đó làm tôi nhớ lại thời thơ ấu gian nan của tôi, một ý nghĩ vụt nảy ra trong óc. Tôi liền phát biểu: « Món tiền này sẽ là viên gạch thứ nhất để lập một viện Cứu Tế cho

những trẻ đánh đàn rong trong các phố có chỗ nường nấu. Còn bao nhiêu, mẹ tôi và tôi xin đảm nhận.

Mã Tư tiến lại, hôn tay mẹ tôi và nói:

– Thưa bà, tôi xin bà cho phép tôi góp một phần nhỏ mọn vào công cuộc từ thiện mà bà sắp làm. Số tiền sẽ thu được trong buổi tấu nhạc đầu tiên của tôi tại thành Luân Đôn bao nhiêu, tôi sẽ xin cúng thêm vào số bạc Lãnh Nhi vừa quyên được.

Bản thảo của tôi đưa in thiếu mất một trang. Đó là trang chép lại lời hát « *Tình ca* » mà tôi vẫn hát. Tiện đây, có anh Mã Tư, một nhạc sĩ khác hơn tôi, tôi đã nhờ anh chép lại bài đó, như sau:

TÌNH CA (1)

Quyết khép cửa sao em độc ác!

Khiến bao phen ta nát cõi lòng.

Lửa tâm càng dập càng nồng,

Nghe tên lại nhớ bóng hồng thướt tha

590 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Ta muốn học như là áng tuyết,

Tuyết lạnh lòng mà nét kiên trinh.

Trách em sao khéo vô tình,

Thấy ta vất vưởng em đành làm thính.

Ta những ước hóa thành trẻ nhỏ,

Xách ấm sành đây đó lang thang

Giã từ chốn ấy lâu trang:

Nước đây tôi bán, các nàng có mua?

Trên gác nọ một cô trông thấy;

Hỏi: Người nào ngoài ấy đang rao?

Trông lên ta đáp nghẹn ngào:

Lệ tình đây chứ, phải nào nước đâu?

(1) Chúng tôi đề lời trân trọng cảm ơn Tòa Đại Sứ Ý tại Saigon (Légazione d'Italie a Saigon) trong thư số 945/F16 ngày. 18-5-1958 đã có nhã ý dịch giúp bài Tình Ca bằng thổ âm Ý ra Pháp văn, do đó mới có bài ca trên đây.

Dịch giả

Giấy phép số 3193 TBTTC/BC3/XB
ngày 17-10-1967.

Giá: 200đ

Loại Sách Hương Xa

Đã xuất bản

VỖ ĐẤT HOANG I	Võ Lang (dịch)
VỖ ĐẤT HOANG II	Võ Lang (dịch)
HUYỀN SỬ DƯƠNG QUÍ PHI	Ngọc Linh (dịch)
Vòng Quanh Thế Giới 80 Ngày	Hà Mai Anh (dịch)
VÔ GIA ĐÌNH	Hà Mai Anh (dịch)
TRONG GIA ĐÌNH	Hà Mai Anh (dịch)
TỪ HI THÁI HẬU	Mộng Bình Sơn (dịch)
20.000 DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN	Nguyễn Quân (dịch)

